

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

---

## TẬP HUẤN

CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN DẠY HỌC MÔN HỌC  
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH NĂM 2020

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÁNG 11 NĂM 2020

## MỤC LỤC

STT	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
1	Tình hình an ninh chính trị thế giới, khu vực gần đây và những vấn đề đặt ra với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình hiện nay	3
2	Xây dựng Kế hoạch dạy học và giáo dục môn học GDQPAN theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực	8
3	Giới thiệu Chương trình môn học GDQPAN trong trường THPT sắp được ban hành	20
4	An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	23
5	Một số nội dung cơ bản của luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông; phòng chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông	47
6	Một số nội dung cơ bản về pháp luật bảo vệ môi trường; biện pháp tuyên truyền và phối hợp ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường	50
7	Phòng, chống ma túy học đường	71
8	Thống nhất phương pháp giảng bài điều lệnh đội ngũ từng người không có sung; đội ngũ tiểu đội	87
9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh	103
10	Phương pháp xây dựng minh chứng đánh giá giáo viên GDQP&AN trường THPT theo chuẩn nghề nghiệp	166

**Chuyên đề**  
**TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI, KHU VỰC GẦN ĐÂY**  
**VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT**  
**NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY**

*Đại tá Đoàn Tư Hoan*  
*Trưởng phòng báo cáo viên, Cục Tuyên huấn, TCCT*

**I. TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI, KHU VỰC GẦN ĐÂY**  
**A. VỀ CỤC DIỆN THẾ GIỚI**

Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: “Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thử thách lớn. Các nước đang phát triển, nhất là các nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp.

Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thức chiến tranh kiểu mới.

**1. Xu hướng chung của thế giới là hòa bình, hợp tác và phát triển nhưng thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống tiếp tục gia tăng trên phạm vi toàn thế giới**

- An ninh truyền thống: chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên,

- An ninh phi truyền thống (ANPTT) :

Việt Nam, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII xác định: an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, bệnh dịch, an ninh mạng; xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố..

**2. Cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm rõ nét hơn; ganh đua quyền lực và cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt, quyết liệt.**

Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế ..., đe dọa toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích các quốc gia dân tộc, nhất là các nước nhỏ, nghèo.

Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng. Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn ra rất phức tạp.

**3. Kinh tế thế giới :** Thực tế hiện nay và dự báo trong một số năm tới, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, địa vị của các nền kinh tế lớn trên thế giới đang bị xáo trộn. Đặc biệt là đại dịch Covid 19 đã tác động sâu sắc đến tất cả các quốc gia và nền kinh tế thế giới.

**4. Cách mạng khoa học - công nghệ,** đặc biệt là CMCN 4.0 phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Tác động sâu sắc đến bảo vệ độc lập chủ quyền và lợi ích của các quốc gia và thể chế chính trị của mỗi quốc gia.

## **B. NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

### **1. Tác động thuận**

*Thứ nhất,* quá trình toàn cầu hóa cùng với xu hướng phát triển của các liên kết tiểu khu vực, khu vực, liên khu vực tạo ra những cơ hội để có thể tranh thủ mở rộng thị trường, thu hút đầu tư vốn và công nghệ để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*Thứ hai,* từ những yếu tố ràng buộc, tác động tùy thuộc lẫn nhau tạo ra môi trường hòa bình để có thể tập trung cho phát triển; cả các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản đều tránh đối đầu trực tiếp, thỏa hiệp giải quyết những mâu thuẫn về lợi ích, bất đồng.

*Thứ ba,* với vị trí địa chính trị, địa kinh tế và vị trí là một nước lớn ở Đông Nam Á, một thành viên có vai trò ngày càng quan trọng trong ASEAN, Việt Nam có cơ hội tranh thủ tất cả các nước bên trong và ngoài khu vực phục vụ cho mục tiêu bảo đảm an ninh và thúc đẩy phát triển.

*Thứ tư,* Việt Nam có cơ hội phát huy vai trò tích cực trong quá trình hình thành kiến trúc khu vực, có điều kiện để nâng cao vị thế và sử dụng vị thế của mình để phục vụ hiệu quả hơn cho mục tiêu phát triển phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kể cả mục tiêu cụ thể trong quan hệ với các đối tác chủ chốt, nhất là các nước lớn.

### **2. Tác động không thuận**

Thứ nhất, cạnh tranh ngày càng gay gắt, quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và cuộc đua về kinh tế trong quá trình hội nhập có thể đẩy Việt Nam vào thế bất lợi (chuyển giao công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường; khai thác kiệt quệ tài nguyên...), gia tăng nguy cơ tụt hậu xa hơn với các nước trong khu vực và rơi vào bẫy thu nhập trung bình thấp.

Thứ hai, nguy cơ rơi vào thế “kẹt” giữa Mỹ và Trung Quốc trong một số vấn đề, hoặc là bị cả hai bên lôi kéo, hoặc là phải ở thế “lưỡng đầu thọ địch”; vấn đề Biển Đông sẽ diễn biến phức tạp hơn.

Thứ ba, vị thế của đất nước ở khu vực và quốc tế có thể bị suy giảm do khó khăn về kinh tế, do tính phức tạp trong quan hệ với các nước lớn, do hấp dẫn và vai trò của ASEAN có nguy cơ bị giảm đi.

Thứ tư, thách thức về an ninh truyền thống và phi truyền thống có thể nghiêm trọng hơn. An ninh kinh tế, nhất là an ninh tài chính, diễn biến phức tạp. Các diễn biến tiêu cực về kinh tế - xã hội trong nước cùng với sự lợi dụng phá hoại của các thế lực thù địch bên ngoài có thể tác động tới an ninh chính trị, ổn định xã hội của đất nước.

## **II. NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY**

### **A. THÀNH TỰU**

1. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước

2. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng ngày càng vững chắc; có bước phát triển mới cả chiều rộng và chiều sâu, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

3. Chất lượng tổng hợp, sức mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang, nhất là Quân đội nhân dân tiếp tục nâng cao

4. Hội nhập quốc tế và đối ngoại về QP-QS tiếp tục được đẩy mạnh, có bước phát triển đột phá cả về nhận thức và hành động; góp phần nâng cao vị thế của đất nước và quân đội; xác lập ngày càng rõ ràng tin chiến lược với các nước trong khu vực và trên thế giới

5. Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất, tập trung của Nhà nước và sự tham gia của toàn dân đối với lĩnh vực quốc phòng.

#### ***Tuy nhiên, còn một số hạn chế đó là:***

(i) Nhận thức về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và BVTQ; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại... tuy có chuyển biến tích cực, nhưng chưa thật đầy đủ, sâu sắc, có nơi hiệu quả thấp;

(ii) Đấu tranh trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, ngăn ngừa “tự diễn biến”; “tự chuyển hóa”, chống âm mưu “phi chính trị hóa” quân đội chưa thật đầy đủ....

(iii) Công tác nắm, dự báo, đánh giá tình hình có mặt chưa chắc....

(iv) Việc quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ BVTQ, các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QP - AN còn thiếu những giải pháp mang tính chiến lược, tổng thể;

(v) Việc kết hợp giữa phát triển KT - XH gắn với QP - AN một số địa phương chưa làm tốt từ khâu quy hoạch đến tổ chức thực hiện làm ảnh hưởng sức mạnh tổng hợp của KVPT...

### **B. ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

**1. Tình hình biên giới trên bộ, trên biển, chủ quyền của VN với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và vùng biển tây Nam của Tổ quốc.**

**2. Đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền trên không, trên biển và đất liền của các lực lượng ....**

### **C. BẢO VỆ ĐẢNG, BẢO VỆ CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

**1. Bảo vệ nền tảng tư tưởng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin**

**2. Bảo vệ Đảng**

**3. Bảo vệ chế độ Nhà nước của dân do dân vì dân**

**3. Một số thủ đoạn chống phá trước, trong kỳ đại hội Đảng các cấp của các thế lực thù địch, phần tử cơ hội trong Đảng.**

### **D. YÊU CẦU MỚI VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

**1. Một là, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là tư duy mới về bảo vệ Tổ Quốc**

- Xây dựng nền QPTD, thế trận QP- AN

- Tư tưởng 4 không trong đối ngoại quốc phòng:

- Đối tượng, đối tác:

- Về nhiệm vụ BVTQ:

- Về phương thức chiến lược bảo vệ Tổ quốc:

- Chiến lược Quốc phòng Việt Nam:

- Chiến lược Quân sự Việt Nam:

- Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia:.

- Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng:

- Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019:

- Nắm vững các nguyên tắc trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược Bảo vệ Tổ quốc

**2. Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới**

2.1. Về xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy từng bước hiện đại và một số lực lượng thành phần tiến thẳng lên hiện đại

2.2. Xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh, linh hoạt, có cơ cấu tổ chức hợp lý, chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu ngày càng cao đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới theo Kết luận 16-KL/TW ngày 7/7/2017 của Bộ Chính trị

2.3. Thường xuyên giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội.

2.4. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2.5. Tiếp tục điều chỉnh tổ chức, biên chế Quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh, linh hoạt”, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu ngày càng cao.

2.6. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường đối ngoại quốc phòng, góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước và Quân đội

2.7. Xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức

**3. Đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn Diễn biến hòa bình, “phi chính trị hóa quân đội” và chống phá trước thềm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.**

3.1. Đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn chống phá nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên, đảo hiện nay.

3.2. Đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn DBHB của các thế lực thù địch, phản động.

3.3. Đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn “ phi chính trị hóa quân đội” của các thế lực thù địch, phản động.

3.4. Đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn chống phá trước thềm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

**4. Trách nhiệm của các cấp, các ngành, của lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên**

- Nhận thức rõ, đúng: vị trí, vai trò, chức năng của Quân đội Nhân dân Việt Nam
- Bộ đội Cụ Hồ - giá trị cơ bản cốt lõi trong xây dựng quân đội về chính trị
- Luôn cảnh giác, không bị bất ngờ: chiến lược, chiến dịch, chiến thuật.

**CỤC TUYÊN HUẤN**

*Chuyên đề***XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC MÔN HỌC  
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH THEO ĐỊNH HƯỚNG  
PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC***Cao Minh Quý**Phó Trưởng Phòng Giáo dục Trung học***I. Tổng quan**

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) là môn học chính khóa đối với cấp trung học phổ thông (THPT) và được lồng ghép giáo dục thông qua nội dung các môn học trong chương trình giáo dục tiểu học, trung học cơ sở. Điều đó, cho thấy tầm quan trọng của hoạt động Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trường phổ thông.

**1. Đặc điểm môn học**

Môn học GDQPAN giữ vai trò chủ chốt trong việc giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, góp phần giáo dục cho học sinh lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, bồi dưỡng niềm tự hào tự tôn dân tộc và sự trân trọng truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có tinh thần kỉ luật cao; tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh; hình thành kiến thức cơ bản, cần thiết và kĩ năng quân sự, kiến thức an ninh sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, GDQPAN được thực hiện lồng ghép thông qua nội dung các môn học trong chương trình, kết hợp với hoạt động ngoại khóa phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm cho học sinh hình thành những cơ sở hiểu biết ban đầu về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và ý thức kỉ luật, tinh thần đoàn kết, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào.

Ở cấp trung học phổ thông là môn học bắt buộc, cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành ở học sinh các phẩm chất, năng lực chung được quy định trong chương trình tổng thể, hình thành năng lực nhận thức các vấn đề về quốc phòng, an ninh và vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống.

**2. Quan điểm xây dựng chương trình**

Chương trình môn GDQPAN được xây dựng trên cơ sở các quan điểm như sau:

*a) Tính kế thừa và hiện đại*

Chương trình môn GDQPAN được xây dựng trên cơ sở các quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Được xây dựng dựa trên nền tảng lí luận và thực tiễn truyền thống kinh nghiệm đánh giặc giữ nước của cha ông, nghệ thuật quân sự Việt Nam và cập nhật thành tựu của khoa học quân sự, sự phạm quân sự hiện đại.



*b) Phát triển phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù*

Chương trình xác định rõ các phẩm chất, năng lực có thể hình thành và phát triển ở học sinh thông qua môn học: một mặt chương trình căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực làm cơ sở và xuất phát điểm để lựa chọn nội dung giáo dục; mặt khác chương trình hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi cho học sinh thông qua việc hướng dẫn học sinh tiếp thu, vận dụng nội dung môn học vào thực tiễn.

*c) Tính thực hành, thực tiễn*

Chương trình xác định thực hành, luyện tập, vận dụng là nội dung quan trọng, đồng thời là phương thức thiết thực, hiệu quả để phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Nội dung này chú trọng việc vận dụng kiến thức quốc phòng và an ninh vào thực tiễn nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù môn học GDQPAN.

*d) Tính dân tộc và nhân văn*

Giúp học sinh nhận thức đúng về chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, nhân văn, sự đoàn kết toàn dân của dân tộc Việt Nam trong công cuộc dựng nước, giữ nước của dân tộc; tinh thần đoàn kết quốc tế; giúp học sinh phát triển các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng hướng tới các giá trị khoan dung, nhân ái, tôn trọng, hòa bình, hòa hợp, hợp tác và vì sự tiến bộ và phát triển xã hội.

*đ) Tính mở, liên thông*

Trên cơ sở đảm bảo định hướng, yêu cầu cần đạt thống nhất trong cả nước, chương trình dành thời lượng nhất định để các nhà trường hướng dẫn học sinh tìm hiểu các vấn đề về quốc phòng, an ninh, truyền thống đánh giặc giữ nước của địa phương, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện địa phương; đồng thời tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa chủ động, sáng tạo thực hiện chương trình trong điều kiện kinh tế, an ninh, an toàn xã hội luôn biến đổi và đặt ra nhiều yêu cầu đổi mới giáo dục.

### **3. Mục tiêu của chương trình**

Chương trình GDQPAN giúp học sinh phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm; giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tinh thần nhân ái, nhân văn, ý thức trách nhiệm của công dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Góp phần phát triển ở học sinh các năng lực chung: năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo thông qua các năng lực chuyên biệt như: năng lực nhận thức về các vấn đề an ninh quốc phòng; năng lực vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống.

### **4. Yêu cầu cần đạt**

*a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu*

Môn GDQPAN góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm được quy định trong chương trình tổng thể.

### *b) Yêu cầu cần đạt về năng lực*

Môn GDQPAN góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các năng lực chung được quy định trong chương trình tổng thể và các năng lực đặc thù của môn học là: năng lực nhận thức các vấn đề an ninh quốc phòng; năng lực vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống.

## **5. Nội dung giáo dục**

Mạch nội dung môn học được cấu trúc theo 05 chủ đề đó là: một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; điều lệnh đội ngũ; kỹ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh; một số hiểu biết về phòng thủ dân sự và kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân được phân bổ ở các lớp 10, 11 và 12.

## **6. Phương pháp dạy học**

### *a) Định hướng chung*

- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông; chú trọng rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức quốc phòng và an ninh để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- Vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể. Giáo viên có thể phối hợp nhiều phương pháp dạy học trong một chủ đề. Các phương pháp dạy học theo truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh.

- Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến trên cơ sở khai thác những thành tựu về khoa học và công nghệ trong giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh, đặc biệt là áp dụng triệt để cuộc cách mạng công nghệ số đang diễn ra trên các mạng xã hội, thông tin và truyền thông nhằm đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh (thảo luận, đóng vai, thực hành...). Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân và học nhóm, học ở lớp và học ở ngoài lớp học.

- Giáo viên giảng dạy kiến thức về quốc phòng và an ninh và học sinh học tập theo chương trình GDQPAN cần có kỹ năng khai thác và tham khảo những kiến thức về quốc phòng và an ninh trong nước và trên thế giới thông qua hệ thống các trang web chính thức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép phát hành trên mạng, nhằm củng cố, bổ sung và cập nhật kịp thời những kiến thức mới, phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu.

### *b) Vận dụng các phương pháp giáo dục cụ thể*

- Khi dạy các bài học lý thuyết, giáo viên cần sử dụng phương pháp nêu vấn đề, tạo tình huống có vấn đề, giúp học sinh chủ động trong vận dụng những hiểu biết về kiến thức phổ thông trong các môn học, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới, phát huy tinh thần ham học, độc lập sáng tạo trong học tập, nghiên cứu.

- Khi dạy các bài thực hành, giáo viên cần vận dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với làm động tác mẫu trên vũ khí, trang bị và các giáo cụ trực quan, công nghệ và phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy, đặc biệt là công nghệ mô phỏng, phim, ảnh, v.v...; tổ chức luyện tập một cách khoa học để tạo điều kiện cho học sinh quan sát và thực hành chính xác, hiệu quả; đặc biệt phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người học và người dạy.

- Tận dụng các phương tiện dạy học hiện đại, đặc biệt là công nghệ số 3D, công nghệ IoT ứng dụng trong giảng dạy và hướng dẫn thực hành.

- coi trọng tổ chức hội thi, hội thao GDQPAN, hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với yêu cầu giáo dục và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương, đây là một phương pháp giáo dục đặc thù của môn học.

## **7. Đánh giá kết quả giáo dục**

Việc đánh giá kết quả môn GDQPAN là đánh giá mức độ đạt được của học sinh về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp học, cấp học, chủ yếu nhằm xác định trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi học sinh tại thời điểm nhất định trong quá trình học tập và rèn luyện phát triển bản thân. Việc đánh giá kết quả môn học cần thực hiện theo các quy định sau:

### *a) Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ*

- *Đánh giá thường xuyên*: Bao gồm đánh giá chính thức (thông qua các hoạt động nắm kiến thức trên lớp, thực hành tập luyện, trình diễn, hội thao...) và đánh giá không chính thức (bao gồm quan sát trên lớp, kiểm tra bài cũ, đối thoại, học sinh tự đánh giá...) nhằm thu thập những thông tin về quá trình hình thành phát triển phẩm chất và năng lực của từng học sinh.

- *Đánh giá định kỳ*: Kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Kiểm tra, đánh giá định kỳ, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

b) Việc đánh giá kết quả môn GDQPAN bằng cho điểm đánh giá như các môn học khác, được thực hiện theo Quy chế đánh giá xếp loại học sinh trung học cơ sở và THPT của Bộ GDĐT.

## **II. Dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học**

Theo dấu hiệu các yếu tố cấu thành của năng lực, “năng lực như một hệ thống các kiến thức, kĩ năng nhận thức, kĩ năng thực hành và thái độ, cảm xúc, giá trị, đạo đức, động lực của một người để thực hiện thành công các hoạt động trong một bối cảnh cụ thể”. Theo dấu hiệu này, các yếu tố cấu thành năng lực bao gồm: kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình huống (hoạt động giáo dục cụ thể).

Thường thì trong quá trình dạy học, giáo viên thường quan tâm đến việc dạy cho học sinh nội dung kiến thức khoa học mà ít quan tâm đến dạy cách làm ra kiến thức khoa học.

Như vậy, dù dạy học theo định hướng nội dung hay dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực theo định hướng phát triển năng lực thì giáo viên cần phải thực hiện cả bốn yếu tố: kiến thức, kỹ năng, thái độ gắn liền với tình huống thực tiễn. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa các yếu tố trên trong dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực có sự khác biệt về chất so với dạy học theo tiếp cận nội dung. Cụ thể:

- Đối với tiếp cận dạy học định hướng nội dung, mục tiêu hướng tới của hoạt động dạy học là học sinh phải đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, trong đó trọng tâm là chuẩn kiến thức trong một khung thời gian theo quy định. Do đó, trong quá trình dạy học trên lớp của giáo viên chủ yếu tập trung vào các hoạt động ghi nhớ kiến thức mà chưa chú trọng việc hình thành các kỹ năng và phẩm chất cá nhân của người học, nhất là vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

- Dạy học theo định hướng tiếp cận năng lực, yêu cầu cần đạt của chủ đề/ bài học hướng tới chính là hình thành phẩm chất, năng lực cho người học nghĩa là quá trình tổ chức cho học sinh khám phá bằng các kỹ năng tích hợp, kết nối các đơn vị kiến thức để giải quyết vấn đề và vận dụng vào thực tiễn. Hoạt động học tập theo logic đó chỉ có thể diễn ra khi học sinh đứng trước một tình huống/ một nhiệm vụ học tập để giải quyết vấn đề. Kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ đó góp phần rèn luyện, phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Theo cách dạy này, cả bốn yếu tố kiến thức, kỹ năng, thái độ và tình huống đều có vai trò quan trọng và không thể thiếu trong suốt quá trình dạy học. Nói cách khác, mối quan hệ giữa bốn yếu tố “kiến thức, kỹ năng, thái độ và tính huống” là cần và đủ cho quá trình dạy học phát triển phẩm chất và năng lực, thiếu một trong bốn yếu tố đó không hình thành năng lực.

Với đặc trưng trên, việc trong chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Việc lựa chọn nội dung kiến thức phải được thực hiện trên cơ sở phân tích yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chủ đề/ bài học để từ đó xác định được nội dung hoạt động dạy học.

- Các nội dung dạy học được thiết kế thành các chuỗi hoạt động học. Mỗi đơn vị kiến thức sẽ tương ứng với một nhiệm vụ học tập học tập yêu cầu người học thực hiện theo logic phát hiện vấn đề; giải quyết vấn đề và báo cáo kết quả nghiên cứu vấn đề.

## **IV. Xây dựng kế hoạch giáo dục**

### **1. Kế hoạch giáo dục nhà trường**

*Kế hoạch giáo dục nhà trường* là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục xây dựng theo mục tiêu giáo dục, tổ chức thực hiện, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục, có đủ các thành phần cơ bản sau:

a) Mục tiêu giáo dục phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục;

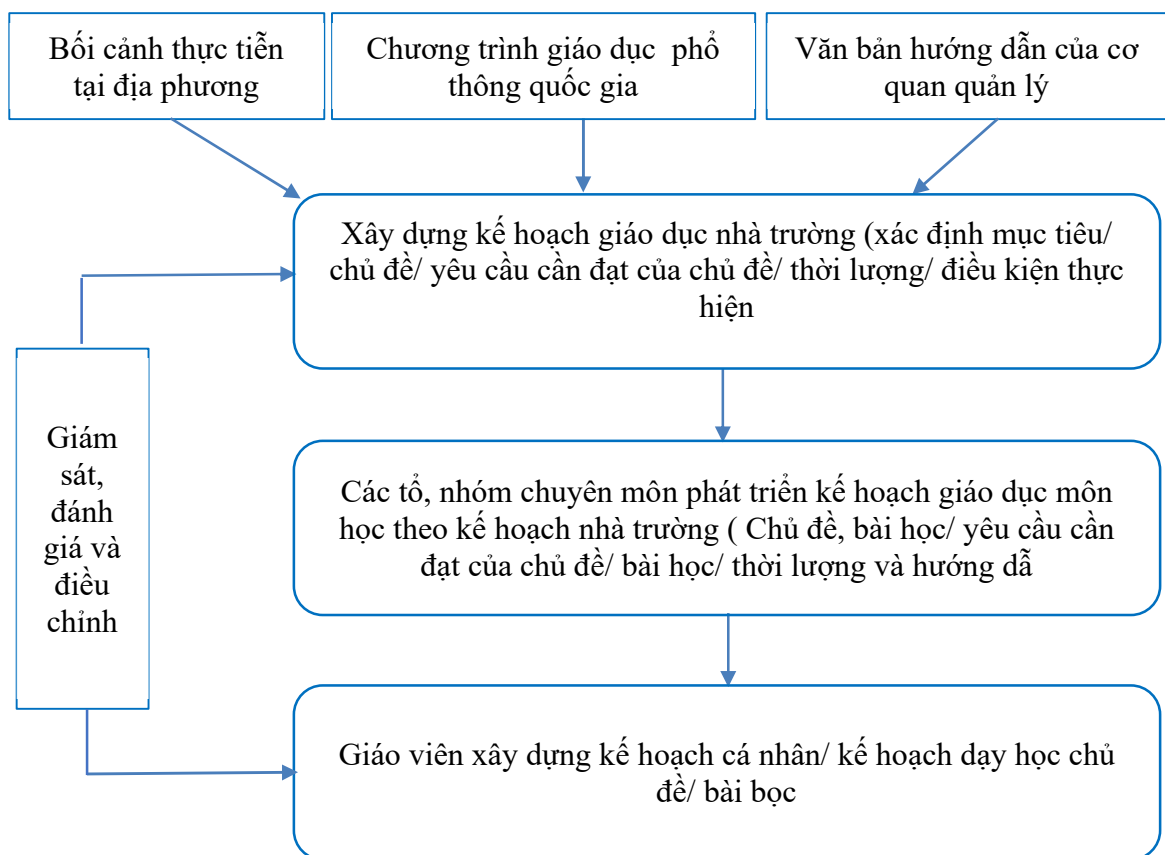
b) Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục (bao gồm các hoạt động giáo dục tích hợp, liên môn và nội dung giáo dục địa phương) đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục thống nhất cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục;

c) Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục chung trong cơ sở giáo dục và tổ chức cho giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh tham gia hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng;

d) Kế hoạch huy động, bố trí và sử dụng các nguồn lực để tổ chức thực hiện, bảo đảm khả thi, chất lượng và hiệu quả;

đ) Các hoạt động giáo dục đặc thù đối với các cơ sở giáo dục chuyên biệt.

#### \* Quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường



#### \* Căn cứ xây dựng kế hoạch giáo dục

Để xác định được các chỉ báo gắn với yêu cầu cần đạt được quy định trong CT môn học cần căn cứ vào các yếu tố sau:

- Căn cứ vào Chương trình giáo dục phổ thông quốc gia (chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình môn học). Chương trình giáo dục phổ thông quốc gia quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của từng mạch nội dung trong mối quan hệ biện chứng với mục tiêu của chương trình, mục tiêu của khối lớp.

- Căn cứ vào bối cảnh địa phương. Đây là một trong những cơ sở quan trọng để xác định, mô tả yêu cầu cần đạt của chủ đề để đảm bảo tính thực tiễn, phù hợp và khả

thi. Bối cảnh địa phương bao gồm các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương; là các điều kiện về cơ sở vật chất, các điều kiện về nguồn nhân lực; là các mục tiêu giáo dục, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, của nhà trường.

- Căn cứ vào khả năng, kinh nghiệm thực tiễn của giáo viên và nhu cầu, năng lực của HS. Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện của cơ quan quản lý giáo dục.

## **2. Xây dựng kế hoạch dạy học môn học**

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch giáo dục môn học đã được triển khai theo các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tại các văn bản:

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới PPDH và KTĐG, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trường TH/TTGDTrH qua mạng;

- Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện CTGDPT hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh từ năm 2017-2018;

- Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học trung học cơ sở, trung học phổ thông;

- Công văn số 3232/GDĐT-TrH ngày 01/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục và kiểm tra đánh giá học sinh năm học 2020 – 2021;

- Công văn số 3333/GDĐT-TrH ngày 09/10/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020 – 2021;

- Công văn số 3504/GDĐT-TrH ngày 30/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về nội dung dạy học môn GDQPAN năm học 2019-2020;

- Và một số các văn bản liên quan khác như kế hoạch thời gian năm học, tài liệu tập huấn chuyên môn.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục theo hướng cấu trúc, sắp xếp lại các bài học/ chủ đề, xây dựng một số bài học theo chủ đề liên môn tích hợp theo

hướng tạo thuận lợi cho việc thiết kế tiến trình dạy học thành các nhiệm vụ học tập của học sinh theo phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

Gợi ý các bước thực hiện:

### **2.1. Rà soát, tinh giản nội dung dạy học:**

Rà soát các chủ đề trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đối chiếu nội dung các bài học trong sách giáo khoa với các yêu cầu cần đạt của chủ đề trong Chương trình cấu trúc, sắp xếp lại các nội dung dạy học, nhất là những nội dung có kiến thức trùng nhau, gần nhau trong nội môn và liên môn; xác định những thông tin lạc hậu để bổ sung, cập nhật thông tin thay thế; loại bỏ những nội dung dạy học vượt quá yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

*Sản phẩm của bước này là bảng những nội dung điều chỉnh và hướng dẫn thực hiện như sau:*

STT	Bài	Nội dung điều chỉnh	Lý do điều chỉnh	Hướng dẫn thực hiện <i>(không dạy/không yêu cầu/khuyến khích học sinh tự học/hướng dẫn học sinh tự học/ tích hợp với nội dung ...)</i>
-----	-----	---------------------	------------------	---

### **2.2. Tích hợp nội dung kiến thức các bài liên quan thành bài học/chủ đề**

Căn cứ vào kết quả rà soát, tổ nhóm chuyên môn trong nhà trường trao đổi, thảo luận để xác định các nội dung kiến thức liên quan từ các bài trong môn học đến liên môn học để cấu trúc, sắp xếp lại thành các chủ đề.

Trên cơ sở các yêu cầu cần đạt của chủ đề đó trong chương trình (có tham khảo yêu cầu cần đạt của chủ đề tương tự trong chương trình giáo dục phổ thông 2018), bổ sung, hoàn thiện yêu cầu cần đạt của bài học/chủ đề này để bảo đảm yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Xác định thời lượng bài học/chủ đề, vị trí thực hiện bài học/chủ đề trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục đảm bảo logic của nội dung chương trình học.

Xác định các hình thức tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với từng nội dung: nội dung nào giao cho học sinh tìm hiểu, nghiên cứu ở nhà (làm việc cá nhân hay làm việc nhóm), nội dung nào thực hiện học tập tại lớp, nội dung nào thực hành, thí nghiệm, nội dung nào học tại thực địa...

Sản phẩm của bước này là chủ đề/bài học được trình bày cụ thể: Tên bài học/chủ đề và nội dung kiến thức; yêu cầu cần đạt; thời lượng thực hiện; hình thức tổ chức dạy học.

### **2.3. Xây dựng khung kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục**

Khung kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục được xây dựng theo từng khối lớp; được trình bày thành bảng các bài học/chủ đề đã được xây dựng sau khi tinh giản nội dung và sắp xếp theo thời gian thực hiện theo gợi ý sau:

STT	Bài học/Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Hướng dẫn thực hiện
-----	----------------	-----------------	---------------------

Trong môn GDQPAN, nội dung bao gồm các kiến thức về chính trị, kinh tế - xã hội, về pháp luật, lịch sử, địa lý liên quan đến quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội; các kiến thức, kỹ năng cơ bản về điều lệnh đội ngũ; kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật bộ binh; cách sử dụng súng tiểu liên AK; các công cụ hỗ trợ và cách sử dụng, trường hợp cần sử dụng công cụ hỗ trợ; các nội dung phòng không nhân dân, phòng chống bom, mìn, vũ khí hóa học, sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ...;

Căn cứ vào các hướng dẫn tại Quyết định số 79/2008/QĐ-BGDĐT, Thông tư 02/2017/TT BGDĐT ngày 17/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công văn số 3504/GDĐT-TrH ngày 30/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch giáo dục môn học phù hợp, đảm bảo thuận lợi cho người dạy và người học.

### ***3. Xây dựng kế hoạch dạy học bài học/chủ đề***

Kế hoạch dạy học bài học/chủ đề là bản mô tả mục đích, yêu cầu và tiến trình tổ chức thực hiện chủ đề trong môi liên hệ hữu cơ, thống nhất giữa yêu cầu cần đạt, nội dung và phương thức tổ chức dạy học cũng như việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chủ đề.

#### **\* Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học bài học/ chủ đề.**

##### ***Bước 1: Xác định chủ đề, yêu cầu cần đạt của chủ đề***

- Xác định chủ đề, yêu cầu cần đạt của chủ đề là một yêu cầu quan trọng trong việc chuẩn bị kế hoạch dạy học chủ đề. Căn cứ vào vai trò, vị trí, yêu cầu cần đạt của chủ đề, giáo viên sẽ xác định nội dung và các nhiệm vụ dạy học nhằm cụ thể hóa yêu cầu cần đạt của chủ đề, giúp học sinh đạt được các yêu cầu tối thiểu được quy định trong chương trình sau khi học tập chủ đề.

- Bảo đảm cho việc tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Việc xác định rõ yêu cầu cần đạt sẽ giúp giáo viên lựa chọn nội dung kiến thức, thiết kế các hoạt động dạy học hướng vào mục tiêu giúp người học đạt được chuẩn đầu ra theo yêu cầu của chủ đề. Do vậy, xác định và mô tả chính xác, rõ ràng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực sẽ tránh được việc lựa chọn nội dung dạy học quá rộng hoặc quá hẹp không gắn với mục đích yêu cầu của chủ đề.

- Là căn cứ để lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đảm bảo sự phù hợp giữa yêu cầu cần đạt, nội dung và phương pháp dạy học.

- Là cơ sở cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp để xác định các tiêu chí đánh giá, thiết kế công cụ đánh giá học sinh theo chủ đề để kiểm chứng kết quả dạy học chủ đề/ bài học.

##### ***Bước 2: Xác định nội dung của chủ đề***

Xác định nội dung của chủ đề là nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng chủ đề. Việc lựa chọn thành phần nội dung cấu thành một chủ đề bài học để thiết kế thành các nhiệm vụ học tập rõ ràng về câu lệnh, về nội dung, về sản phẩm và về phương thức thực hiện nhiệm vụ theo hướng:

- Bám sát phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập theo định hướng



hình thành phẩm chất và năng lực học sinh,

- Mỗi chủ đề nội dung được chia thành các vấn đề, ứng với mỗi vấn đề tìm hiểu nội dung là một hoặc một chuỗi các hoạt động của học sinh.

**Bước 3: Thiết kế tiến trình tổ chức dạy học của chủ đề**

Thiết kế chủ đề theo chuỗi hoạt động học theo chuỗi hoạt động (theo hướng dẫn tại công văn số 5555/ BGDDĐT-GDTrH)

<b>Nội dung</b>	<b>Tiêu chí</b>
<b>1. Kế hoạch và tài liệu dạy học</b>	Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng.
	Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kỹ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i> .
	Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học và học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh.
	Mức độ hợp lý của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh.
<b>2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh</b>	Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyển <i>giao nhiệm vụ học tập</i> .
	Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của học sinh.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh.
<b>3. Hoạt động của học sinh</b>	Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.
	Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.
	Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

**\* Hoạt động xây dựng tình huống xuất phát**

Thông thường, việc xây dựng và sử dụng tình huống xuất phát cho chủ đề, bài học phụ thuộc vào khả năng, sở thích của mỗi giáo viên. Tuy nhiên, dù lựa chọn và tổ chức hình huống xuất phát như thế nào thì theo chúng tôi, giáo viên cần phải làm rõ những điểm sau khi xây dựng tình huống xuất phát. Cụ thể:

- Xác định rõ mục tiêu hướng tới của hoạt động. Cụ thể là xem học sinh đã biết gì về các sự kiện, hiện tượng lịch sử sẽ học trong chủ đề; học sinh chưa rõ, hoặc là gặp khó khăn gì khi nghiên cứu tìm hiểu sự kiện, hiện tượng lịch sử và học sinh mong

muốn được tìm hiểu để giải thích cho những khó khăn, vướng mắc mà học sinh mắc phải. Tóm lại, mục tiêu của hoạt động khởi động là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

- Xây dựng nội dung của hoạt động theo mục tiêu đã xác định. Hình thức giáo viên có thể lựa chọn để tổ chức dạy học là quan sát hình ảnh, video, sự kiện, hiện tượng lịch sử hoặc là trò chơi, câu đố vui ... để trả lời câu hỏi hoặc thực hiện theo yêu cầu mà giáo viên đặt ra.

Trong thực tế của hoạt động khảo sát các nội dung hoạt động này được xây dựng dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh có liên quan đến chủ đề học tập. Các nội dung được thiết kế phải đảm bảo yêu cầu:

- Giúp học sinh làm bộc lộ "cái" đã biết, bổ khuyết những gì học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết.

- Giúp học sinh suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

Ý nghĩa của hoạt động này là giúp giáo viên đánh giá được những hiểu biết ban đầu của học sinh về các vấn đề liên quan đến kiến thức trong chủ đề được học. Từ đó sẽ xác định, lựa chọn các nhiệm vụ học tập tiếp theo.

### ***\*Hoạt động hình thành kiến thức***

- Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng của bản thân. Giáo viên sẽ giúp học sinh xây dựng kiến thức mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/ khái niệm/ công thức mới...

- Nội dung của hoạt động được xác định trên cơ sở yêu cầu cần đạt của chủ đề. Thông thường, mỗi đơn vị kiến thức sẽ được thiết kế thành một hoạt động học tập với các bối cảnh và nhiệm vụ cụ thể.

### ***\* Hoạt động luyện tập***

- Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu học sinh làm các "bài tập" cụ thể giống như "bài tập" trong bước hình thành kiến thức để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình và áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

Mỗi chủ đề bài học xác định và mô tả yêu cầu, có thể theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Ứng với 4 mức độ là các câu hỏi, bài tập để tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

Như vậy, bản chất của hoạt động luyện tập là củng cố kiến thức, kỹ năng đã được học bao gồm những nhiệm vụ như trình bày, viết văn, bài thực hành tạo ra tư duy chặt chẽ; yêu cầu học sinh phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập cụ thể; giúp cho học sinh thực hiện tất cả những hiểu biết ở trên lớp. Ví dụ như phải

đôi chiếu, so sánh giữa kinh nghiệm (hoạt động 1) và kiến thức khoa học (hoạt động 2); làm các bài báo cáo (powerpoint hay poster) về các kiến thức khoa học trong bài...

### **\* Hoạt động vận dụng, mở rộng**

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được nội dung bài học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần giúp học sinh gắn gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một tình huống/vấn đề, học sinh có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

Theo đó, nội dung của hoạt động vận dụng khác với hoạt động luyện tập. Hoạt động luyện tập là làm bài tập cụ thể do giáo viên hoặc sách hướng dẫn đặt ra còn hoạt động vận dụng là học sinh tự đặt ra bài tập cho mình. Đây là hoạt động triển khai ở nhà, cộng đồng; động viên, khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo; giúp các em gắn gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương. Học sinh có thể tự đặt ra bài tập cho mình, trao đổi, thảo luận với gia đình và cộng đồng để cùng giải quyết. Tài liệu cần nêu các vấn đề cần phải giải quyết và yêu cầu học sinh phải tìm ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau; yêu cầu học sinh phải thể hiện năng lực thông qua trao đổi, thảo luận với các bạn trong lớp, với giáo viên, gia đình và cộng đồng. Có một yếu tố quan trọng để giúp cho học sinh sáng tạo là các vấn đề đưa ra không chỉ gắn chặt với những gì đã học trên lớp mà còn là vấn đề của cộng đồng, xã hội.

Yêu cầu khi xây dựng kế hoạch dạy học là phải đảm bảo các tiêu chí về sự phù hợp của chuỗi *hoạt động học* với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng; Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kỹ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi *nhiệm vụ học tập*; Mức độ phù hợp của *thiết bị dạy học* và *học liệu* được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh; Mức độ hợp lý của phương án *kiểm tra, đánh giá* trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh./.

### **Tài liệu tham khảo**

[1] PGS. TS Nguyễn Xuân Thành - Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học (2020). *Chuyên đề Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực môn giáo dục quốc phòng và an ninh.*

[2] Ths. Vũ Văn Giang - CVC, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (2020). *Chuyên đề Thực trạng và một số giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh theo chuẩn nghề nghiệp đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.*

[3] *Các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (đã đề cập trong chuyên đề).*

*Chuyên đề*  
**GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GDQPAN  
 TRONG TRƯỜNG THPT SẮP BAN HÀNH**

*Đại tá, Ths Nguyễn Quốc Vương*  
*Chuyên viên cao cấp Vụ GDQPAN*

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới CT (CT), SGK (SGK) GDPT (GDPT) và Quyết định số 404/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới CT, SGK GDPT, Bộ GDĐT tổ chức xây dựng CT GDPT mới trong đó có môn Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Triển khai thực hiện Quyết số 4928/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó có xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

Quá trình xây dựng dự thảo chương trình từ năm 2019 đến nay, Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh đã tổ chức được 01 lần Hội thảo khoa học; 01 lần điều tra xã hội học với 328 cán bộ quản lý thuộc 63 sở GDĐT và giáo viên GDQPAN trong cả nước; đã tổ chức Hội nghị thẩm định nội dung Chương trình GDQPAN trong Chương trình giáo dục phổ thông của Hội đồng thẩm định quốc gia. Đồng thời Vụ đã gửi dự thảo chương trình xin ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan như: Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ quốc phòng, Bộ Công an, Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Pháp chế. Hiện tại được sự nhất trí của Lãnh đạo Bộ, dự thảo Thông tư chương trình GDQPAN trong trường THPT đã được đăng trên mạng của Bộ GDĐT xin ý kiến rộng rãi nhân dân. Tháng 10/2020 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Thông tư mới.

## **NỘI DUNG**

### **I. Cơ sở pháp lý phải sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình môn GDQPAN trong trường THPT.**

Quán triệt, triển khai Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội, *Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, ngày 13/01/2017 Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã ký và ban hành Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.* Quá trình triển khai thực hiện Thông tư 02, được sự phối hợp giúp đỡ của

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các địa phương trong triển khai Thông tư đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, Thông tư đã có hiệu lực được hơn 2 năm, song vì lý do khách quan Bộ vẫn chưa ban hành được bộ sách giáo khoa GDQPAN theo Thông tư 02, tạm thời vẫn sử dụng sách giáo khoa cũ theo Quyết định số 79/2008. Một số nội dung sau khi triển khai phát sinh thực tế cơ sở vật chất ở một số trường THPT không thể triển khai được do diện tích nhà trường hẹp, không đủ mặt bằng, bê tông hóa; biên chế tổ chức Công an, Quân đội có sự thay đổi. Vì vậy, tên một số chủ đề, tổ chức và phương pháp giảng dạy một số chủ đề cũng cần phải điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và kỹ thuật chung của Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Qua kiểm tra thực tế các cơ sở giáo dục và đào tạo, Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương đã phát hiện ra một số điểm còn hạn chế, bất cập của nội dung chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông theo Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT. Vì vậy, Bộ trưởng đã nhất trí cho Vụ GDQPAN xây dựng thông tư thay thế Thông tư số 02/2017.

## **II. Các nội dung sửa đổi, bổ sung**

### **1. Sửa đổi, bổ sung mục đích, yêu cầu.**

**2. Sửa đổi tên bài, điều chỉnh thời gian, bổ sung bài mới thay đổi nội dung một số bài trong chương trình cả 3 lớp: Lớp 10, Lớp 11, Lớp 12.**

### **3. Bổ sung phần yêu cầu cần đạt (chuẩn kiến thức từng chuyên đề).**

#### **Cụ thể:**

#### **Lớp 10:**

- Chương trình cũ (TT02) gồm 10 bài, 35 tiết trong đó 17 tiết lý thuyết, 18 tiết thực hành.

- Chương trình mới gồm 11 bài, 35 tiết trong đó 18 tiết lý thuyết, 17 tiết thực hành (giảm lý thuyết và tăng thực hành, trong nội dung một số bài lý thuyết vẫn có nội dung thực hành, trong nội dung bài thực hành vẫn có phần giới thiệu lý thuyết. Vì vậy, mấu chốt cốt lõi là giảm tính hàn lâm trong giảng dạy lý thuyết).

+ Bổ bài “Giáo dục quốc phòng và an ninh Việt Nam”, nội dung GDQPAN sẽ được viết tích hợp trong bài “Nội dung cơ bản một số luật về quốc phòng, an ninh Việt Nam”;

+ Bổ bài “Kỹ thuật mắc tăng võng, bếp Hoàng Cầm” – Lý do qua thực tế rất khó triển khai, vì thiếu cơ sở vật chất, sân bãi;

+ Sửa tên một số bài: “Giữ gìn an ninh chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội” thành “Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội”; bài “Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, thiên tai và cháy nổ” thành “Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ”;

+ Bổ sung thêm 02 bài: “Ma túy, tác hại của ma túy” và bài “Phòng chống vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông”;

+ Điều chỉnh thời gian của một số bài, bổ sung thêm tiết kiểm tra;

+ Bổ sung thêm phần yêu cầu cần đạt của mỗi nội dung – làm cơ sở cho tác giả viết SGK viết đúng, đủ nội dung. Giáo viên căn cứ soạn bài giảng và truyền tải đúng đủ nội dung theo thang phẩm chất và năng lực cho học sinh.

**Lớp 11**

- Chương trình cũ (TT02) gồm 8 bài, 35 tiết trong đó 16 tiết lý thuyết, 19 tiết thực hành.

- Chương trình mới gồm 9 bài, 35 tiết trong đó 19 tiết lý thuyết, 16 tiết thực hành.

+ Sửa tên bài “Phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế” thành “Phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế”;

+ Chuyển bài “Các tư thế, động tác cơ bản vận động trong chiến đấu” sang chương trình lớp 10;

+ Bổ sung thêm 02 bài: bài “Một số vấn đề về vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường” và bài “Nhìn nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo”;

+ Điều chỉnh thời gian của một số bài, bổ sung thêm tiết kiểm tra;

+ Bổ sung thêm phần yêu cầu cần đạt của mỗi nội dung – làm cơ sở cho tác giả viết SGK viết đúng, đủ nội dung. Giáo viên căn cứ soạn bài giảng và truyền tải đúng đủ nội dung theo thang phẩm chất và năng lực cho học sinh.

**Lớp 12**

- Chương trình cũ (TT 02) gồm 8 bài, 35 tiết trong đó 10 tiết lý thuyết, 25 tiết thực hành.

- Chương trình mới gồm 11 bài, 35 tiết trong đó 19 tiết lý thuyết, 16 tiết thực hành.

+ Bỏ 02 bài: bài “Đội hình chiến đấu cơ bản của tổ bộ binh” và nội dung “Thực hành tổng hợp” – lý do: vượt quá trình độ nhận thức của học sinh, khó tổ chức thực hiện ở cấp trường do thiếu cơ sở vật chất, mặt bằng;

+ Bổ sung thêm 05 bài: Bài “Luật nghĩa vụ quân sự”; bài “Một số hiểu biết về an ninh mạng”; bài “Truyền thống đánh giặc giữ nước của địa phương (chương trình địa phương)”; bài “Vận dụng các tư thế, động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu”; bài “Chạy vũ trang 800 m”.

+ Điều chỉnh thời gian của một số bài, bổ sung thêm tiết kiểm tra;

+ Bổ sung thêm phần yêu cầu cần đạt của mỗi nội dung – làm cơ sở cho tác giả viết SGK viết đúng, đủ nội dung. Giáo viên căn cứ soạn bài giảng và truyền tải đúng đủ nội dung theo thang phẩm chất và năng lực cho học sinh.

**1. Bổ sung phần phương pháp giáo dục**

Những nội dung mới được bổ sung...

**2. Bổ sung phần đánh giá kết quả giáo dục**

Những nội dung mới được bổ sung...

**3. Bổ sung phần giải thích và hướng dẫn thực hiện chương trình**

Những nội dung mới được bổ sung...

**III. Lộ trình áp dụng chương trình, sách giáo khoa mới.**

Chương trình, sách giáo khoa mới sẽ được áp dụng từ năm học 2021-2022.

*Chuyên đề***AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT  
TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

*Trung tá PGS. TS Hoàng Việt Long  
Trưởng khoa CNTT, Trường ĐHKHT-HC CAND*

**I. THỰC TRẠNG AN TOÀN THÔNG TIN HIỆN NAY****1. Khái niệm an toàn thông tin**

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách và các biện pháp đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), gắn liền với công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đã chỉ rõ “phải gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng, phát triển CNTT phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia”, đặc biệt cần “phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách bảo vệ an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông” để có các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật, sẵn sàng đối phó với các cuộc chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Theo Nghị định 64-2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước: “*An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành; duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng*”.

Luật An toàn thông tin mạng được ban hành năm 2015 đã thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng. Theo đó: “*An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin*”.

Ngày 12/6/2018, Luật An ninh mạng được Quốc hội khóa XIV thông qua với tỷ lệ 86.86%, gồm 7 chương, 43 điều, quy định những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Sự ra đời của Luật An ninh mạng là bước đột phá trong lịch sử lập pháp của Việt Nam, đảm bảo quyền và nghĩa vụ công

dân trên không gian mạng. Theo đó: “*An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân*”. Khác với Luật An toàn thông tin mạng 2015 với mục đích để bảo vệ sự an toàn thông tin trên 03 phương diện: Tính nguyên vẹn của thông tin, tính bảo mật thông tin và tính khả dụng của thông tin; Luật An ninh mạng 2018 quy định tập trung vào chống lại các thông tin độc hại, xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, cơ quan trên môi trường mạng.

Xét về khái niệm “*Tội phạm sử dụng công nghệ cao*”, hiện nay luật pháp của nhiều nước trên thế giới như Australia, Mỹ, Anh đã có định nghĩa liên quan đến tội phạm này như: Tội phạm công nghệ cao (high-tech crime), Tội phạm máy tính (computer crime), Tội phạm liên quan đến máy tính (computer-related crime); tội phạm mạng (cybercrime)... Trong Luật Hình sự của Australia, tội phạm công nghệ cao (high-tech crime) được định nghĩa là “*sự xâm nhập máy tính một cách trái phép; sự sửa đổi trái phép dữ liệu bao gồm việc phá hủy dữ liệu; tấn công từ chối dịch vụ (DoS); tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDoS); tạo ra và phân phối phần mềm độc hại*”. Theo Từ điển luật học Black’s Law, tội phạm máy tính (computer crime) được định nghĩa là: “*tội phạm đòi hỏi về kiến thức công nghệ máy tính chẳng hạn như phá hoại hoặc ăn cắp dữ liệu máy tính hay sử dụng máy tính để thực hiện một số tội phạm khác*”.

Tại Việt Nam, theo Khoản 1 điều 3 Nghị định số 25/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07 tháng 4 năm 2014 quy định: “*Tội phạm có sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự có sử dụng công nghệ cao*”. Theo khoản 1 điều 3 của Luật Công nghệ cao năm 2008 quy định: “*Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có*”.

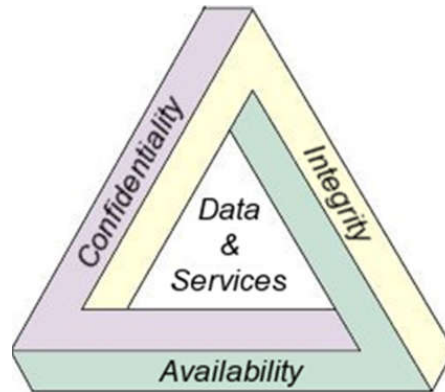
Theo Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân Việt Nam (2019), tội phạm sử dụng công nghệ cao là loại tội phạm sử dụng những thành tựu mới của khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý hoặc vô ý, gây nguy hiểm cho xã hội. Chủ thể của loại tội phạm này thường là những người có trình độ học vấn, chuyên môn cao, có thủ đoạn rất tinh vi, khó phát hiện [4].

Giáo trình “*Những vấn đề cơ bản về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao*” của Học viện Cảnh sát nhân dân (2015) có đề cập đến khái niệm về tội phạm sử dụng công nghệ cao. Theo đó, tội phạm sử dụng công nghệ cao là: “*Tội phạm được thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lý,*



truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân” [5].

Nghiên cứu các định nghĩa và khái niệm trên có thể thấy điểm chung trong nội hàm của các khái niệm này đều chỉ các hành vi liên quan đến việc sử dụng máy tính, thiết bị số, khai thác mạng máy tính, mạng viễn thông để gây tổn hại cho lợi ích của các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Tội phạm sử dụng công nghệ cao là tội phạm sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin, dữ liệu, tín hiệu được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống mạng máy tính, mạng viễn thông, thiết bị số, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân. Trong những hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao có những hành vi tác động trực tiếp đến ba đặc điểm quan trọng nhất của an toàn thông tin (ATTT). ATTT yêu cầu đảm bảo ba đặc điểm là: Tính bí mật (*Confidentiality*), tính toàn vẹn (*Integrity*) và tính sẵn sàng (*Availability*) - được mô hình hóa gọi là tam giác bảo mật CIA.



**Hình 1. Tam giác bảo mật CIA**

Một giải pháp an toàn bảo mật xây dựng cần nhằm đạt được cả ba mục tiêu cơ bản trên. Cần phân biệt sự khác biệt giữa tính bí mật và tính toàn vẹn. Có những tấn công phá vỡ tính toàn vẹn nhưng không phá vỡ tính bí mật và ngược lại. Nếu ta gửi thông tin trên đường truyền mạng công cộng mà có kẻ bên ngoài xem được thông tin, đó là tính bí mật đã bị vi phạm. Nếu kẻ gian can thiệp sửa đổi, dù chỉ một bit trên những gói tin này và người nhận tin không phát hiện ra sự thay đổi đó, thì tính toàn vẹn đã bị xâm phạm. Mặc dù ta không thể ngăn chặn việc sửa đổi khi các gói tin đi qua các điểm trung gian không thuộc quyền kiểm soát, nếu ta phát hiện được sự thay đổi trái phép, thì ta có thể yêu cầu phát lại. Như vậy tính toàn vẹn vẫn được coi là đảm bảo. Các kỹ thuật mật mã là các công cụ cơ bản nhằm xây dựng dịch vụ đảm bảo tính bí mật và tính toàn vẹn.

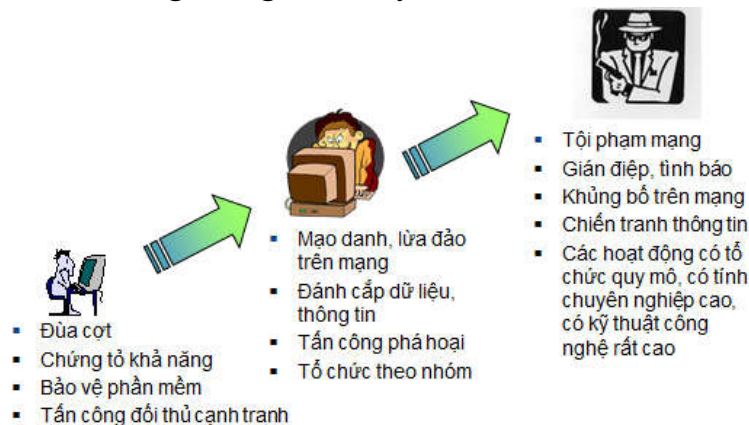
## **2. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới**

Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thông tin là một dạng tài nguyên. Chính vì thế, đảm bảo an ninh, ATTT là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Tuy nhiên hiện nay, các mối đe dọa từ không gian mạng không ngừng tăng lên và thay đổi nhanh chóng. An ninh mạng đang trở thành vấn đề nóng, đặt ra nhiều thách thức đối với tất

cả các quốc gia trên toàn thế giới. Tình hình ATTT mạng diễn biến phức tạp, liên tục xảy ra các vụ tấn công, xâm nhập, đánh cắp dữ liệu trên hệ thống mạng của các cơ quan chính phủ, các cơ sở an ninh quốc phòng, tập đoàn kinh tế, cơ quan truyền thông của nhiều quốc gia, như các vụ tấn công vào hệ thống thư điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ, hệ thống máy tính của Nhà trắng, Hạ viện Đức, Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại và Cảnh sát liên bang Australia,...

Các mục tiêu tấn công đã thay đổi, kỹ thuật trở nên phức tạp hơn, hướng tấn công đa dạng hơn và công cụ tấn công được thiết kế chuẩn xác hơn. Những kẻ tấn công đã nghiên cứu kỹ các nạn nhân để có những chiến lược tấn công phù hợp, nhằm tạo ra những ảnh hưởng lớn nhất có thể.

Tài chính là mục tiêu lớn nhất thúc đẩy tin tặc hành động, với 73% số lượng các cuộc tấn công mạng; chính trị, tình báo là mục tiêu lớn thứ hai, với 21% các cuộc tấn công. Các nhóm tội phạm mạng có tổ chức xuất hiện nhiều hơn. Chiến tranh mạng và đội quân tác chiến mạng cũng được chú trọng hơn. Trong cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng toàn cầu, các quốc gia đang xây dựng các trung tâm chỉ huy không gian mạng, nhằm củng cố hệ thống phòng thủ chống lại các cuộc tấn công mạng vào các cơ quan và cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, sự phát triển và phổ biến của mạng xã hội đã làm nảy sinh một nguy cơ ATTT nữa đó là việc lan truyền tin tức giả mạo thông qua mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức, thậm chí là tình hình an ninh, chính trị của cả một đất nước. Tiền ảo và các hành vi tội phạm liên quan đến tiền ảo cũng đang tiếp tục phát triển, bao gồm lây nhiễm phần mềm độc hại đào tiền ảo tới máy tính, máy chủ; lây nhiễm mã độc đào tiền ảo tới một trang web, sử dụng tài nguyên thiết bị của người tải trang web; đánh cắp tiền từ giao dịch tiền ảo. Hình dưới đây mô tả xu thế chung của tấn công mạng hiện nay.



**Hình 2. Xu thế tấn công mạng hiện nay**

### 3. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam

Tại Việt Nam, tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, tồn tại nhiều cơ sở gây nguy cơ bị tấn công, phá hoại hạ tầng mạng thông tin, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Báo cáo của hãng bảo mật Kaspersky và Symantec cho thấy, Việt Nam đứng thứ 3 (3,96%) sau Nga (4%) và Ấn Độ (8%) về số người dùng di động bị

mã độc tấn công nhiều nhất trên thế giới; thứ 6 trên thế giới về số lượng địa chỉ IP trong nước được dùng trong các mạng máy tính mà tấn công nước khác; thứ 7 trên thế giới về phát tán tin nhắn rác và đứng thứ 12 trên thế giới về các hoạt động tấn công mạng. Đáng chú ý là hoạt động tấn công mạng nhằm vào Việt Nam gia tăng về số lượng, gây nguy cơ bị kiểm soát, khống chế hệ thống thông tin. Tin tặc nước ngoài thường xuyên lợi dụng các điểm yếu về an ninh mạng của hệ thống thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Việt Nam để tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, chỉnh sửa nội dung.

Năm 2011 có trên 1.500 cổng thông tin Việt Nam bị tin tặc sử dụng mã độc gián điệp dưới hình thức tập tin hình ảnh xâm nhập, kiểm soát, cài mã độc thay đổi giao diện trang chủ. Trong năm 2012 - 2013, Bộ Công an đã phát hiện gần 6.000 lượt cổng thông tin, trang tin điện tử của Việt Nam (trong đó có hơn 300 trang của cơ quan nhà nước) bị tấn công, chỉnh sửa nội dung và cài mã độc. Năm 2014, Bộ Công an phát hiện gần 6.000 trang bị tấn công, chiếm quyền quản trị, chỉnh sửa nội dung (có 246 trang tên miền gov.vn). Đặc biệt, sau sự kiện giàn khoan HD 981 hạ đặt trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam, tin tặc nước ngoài đã tấn công hơn 700 trang mạng Việt Nam và hơn 400 trang trong dịp Quốc khánh (2/9) để chèn các nội dung xuyên tạc chủ quyền của Việt Nam với quần đảo Hoàng Sa. Vào cuối năm 2014, tin tặc cũng đã mở đợt tấn công vào trung tâm dữ liệu của VCCorp khiến nhiều tờ báo mà công ty này đang vận hành kỹ thuật như Dân trí, Người lao động, Soha, VNEconomy, Kenh14... bị tê liệt. Năm 2015 có trên 2.460 website của các cơ quan, doanh nghiệp bị xâm nhập. Nguy cơ từ mã độc và Internet of Things (IoT) bùng nổ tạo “thị trường” lớn cho hacker là hai trong số những nguy cơ an ninh mạng mà người dùng phải đối mặt. Cuối năm 2016, thông tin hơn 73.000 camera IP, trong đó có gần 1.000 camera tại Việt Nam có thể bị theo dõi được công bố rộng rãi. Nguyên nhân là do người dùng chưa có thói quen quan tâm đến an ninh của những thiết bị này, không thay đổi mật khẩu mặc định của hệ thống trước khi kết nối Internet. Bảo mật các thiết bị IoT là rất quan trọng, đặc biệt khi người dùng chưa có thói quen quan tâm đến an ninh cho các thiết bị này.



**Hình 3. Màn hình thông tin thông báo chuyến bay bị thay đổi giao diện**

Trong năm 2016, nổi bật là cuộc tấn công mạng vào một số màn hình hiển thị thông tin chuyến bay tại khu vực làm thủ tục chuyến bay của các sân bay quốc tế Tân

Sơn Nhất, Sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay Phú Quốc. Các màn hình của sân bay đã bị chèn những hình ảnh và nội dung xuyên tạc về biển Đông. Hệ thống phát thanh của sân bay cũng phát đi những thông điệp tương tự. Đồng thời website của Vietnam Airlines cũng bị tấn công với 411.000 dữ liệu của hành khách đi máy bay đã bị hacker thu thập và phát tán.

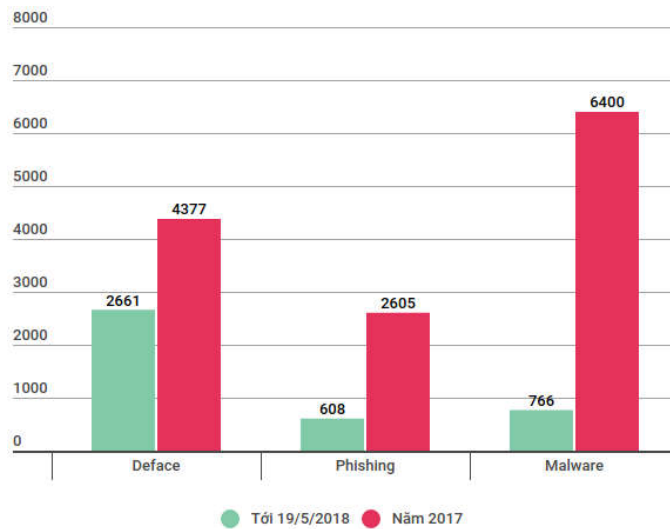
Năm 2017 mã độc tống tiền (ransomware) có tên là Wanna Cry trở thành mối nguy hiểm của ngành công nghệ thông tin và nó lây nhiễm với tốc độ chóng mặt ở gần 100 quốc gia, hơn 100 nghìn máy tính. Tại Việt Nam, ghi nhận hơn 100 máy tính bị nhiễm độc. Wanna Cry là một loại mã nhiễm độc tấn công vào máy nạn nhận qua tệp tin đính kèm email hoặc đường link độc hại, như các dòng ransomware khác. Mối nguy hiểm nhất ở mã độc này là nó có khả năng lây nhiễm trên các máy tính ngang hàng. Cụ thể, Wanna Cry sẽ quét toàn bộ các máy tính trong cùng mạng để tìm kiếm thiết bị chứa lỗ hổng của dịch vụ đọc và ghi file từ máy trạm yêu cầu đến máy chủ trong hệ thống Windows. Từ đó, mã độc có thể lây lan vào các máy có lỗ hổng mà không cần người dùng phải thao tác trực tiếp với file đính kèm hay link độc hại.



**Hình 4. Màn hình thông tin đòi tiền chuộc khi nhiễm mã độc WannaCry**

Năm 2018, thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam đã lên mức kỷ lục 14.900 tỷ đồng, tương đương 642 triệu USD, nhiều hơn 21% so với mức thiệt hại của năm 2017. Đây là kết quả được đưa ra từ chương trình đánh giá an ninh mạng do Tập đoàn công nghệ Bkav thực hiện tháng 12/2018. Trên phạm vi toàn cầu, tội phạm mạng gây thiệt hại lên tới khoảng 600 tỷ USD mỗi năm, tương đương 0,8% GDP toàn cầu. Trong đó, khu vực Đông Á thiệt hại ước tính từ 120 – 200 tỷ USD, tương đương 0,53 – 0,89% GDP khu vực. Mức thiệt hại 642 triệu USD tương đương 0,26% GDP của Việt Nam tuy chưa phải cao so với khu vực và thế giới, nhưng cũng là kỷ lục đáng báo động. 60% hệ thống mạng cơ quan, doanh nghiệp bị nhiễm mã độc đào tiền ảo. Theo Bkav, có tới hơn 60% cơ quan, doanh nghiệp tại Việt Nam bị nhiễm mã độc đào tiền ảo. Trung bình cứ 10 cơ quan, doanh nghiệp, thì có 6 nơi bị mã độc chiếm quyền điều khiển máy tính đào tiền ảo, gây mất an ninh thông tin.





**Hình 5. Tình hình an toàn thông tin tại Việt Nam năm 2017 – 2018**

Trong năm 2019, số cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin Việt Nam có chiều hướng giảm. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Bộ TT&TT ghi nhận 3.159 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 2.684 cuộc, tương đương 45,9% so với cùng kỳ năm 2018. Theo Cục ATTT (Bộ TT&TT) trong 4 tháng đầu năm 2020 tổng cộng 1.056 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam dẫn đến sự cố (553 cuộc Phishing, 280 cuộc Deface, 223 cuộc Malware), đã giảm 51,4% với 4 tháng đầu năm 2019.

Đạt được những kết quả trên cho thấy việc nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức và người dùng, thông qua các hội nghị, hội thảo cũng như các chương trình tập huấn, diễn tập. Bên cạnh đó, các quy định, chế tài pháp luật đã đầy đủ và có tính răn đe hơn như sự ra đời của Luật An ninh mạng có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Sự phối hợp và tuân thủ của các tổ chức Internet lớn trên thế giới với luật pháp Việt Nam cũng tốt hơn. Đặc biệt, nhận thức về ATTT của tổ chức, cá nhân đã được nâng cao, các biện pháp phòng vệ chủ động đã tốt hơn, công tác đánh giá an toàn thông tin được thực hiện nhiều hơn.

Trong Chỉ thị 01 về định hướng phát triển ngành TT&TT năm 2020, Bộ trưởng Bộ TT&TT đã nhấn mạnh, an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để phát triển Chính phủ điện tử và chuyển đổi số, do đó phải đi trước một bước. Chỉ thị 01 cũng nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt được trong năm 2020 của lĩnh vực an toàn, an ninh mạng như: 100% cơ quan, tổ chức tại Việt Nam triển khai bảo vệ an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp; 100% bộ, ngành, địa phương triển khai các giải pháp điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia của Bộ TT&TT...

## **II. CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

### **1. Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử**

#### **1.1. Spam**

Spam hay còn gọi là tin rác, là viết tắt của Stupid Pointless Annoying Messages, từ này có ý nghĩa là những thông điệp vô nghĩa và gây phiền toái cho người nhận, được gửi đến nhiều người dùng với cùng một nội dung [1].

Thuật ngữ spam lần đầu xuất hiện vào năm 1978, khi một người đàn ông gửi thư có nội dung y hệt nhau đến 393 người cùng lúc để quảng cáo sản phẩm mới của mình. Ngày nay, spam xuất hiện trên nhiều phương tiện như spam chat, spam tin tức, spam tin nhắn, spam trong forum, spam trên những mạng xã hội.

## 1.2. Tin giả

Theo định nghĩa của từ điển Collins, tin giả là “những thông tin sai sự thật, thường là tin giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức”.

Tin giả được tạo ra bằng nhiều hình thức tinh vi. Đặc biệt, hiện nay nhiều đối tượng đã sử dụng CNTT làm giả tiếng, giả hình, giả video để tạo ra tin giả.

- Giả hình: Công nghệ cắt ghép tạo hình ảnh người giả y như thật để tạo ra tin tức giả, nhiều người nổi tiếng đã là nạn nhân. Và nguy hại hơn nếu họ cắt ghép với hình ảnh những chính trị gia, người có uy tín cộng đồng để tạo dư luận giả.

- Giả tiếng: Sử dụng công nghệ TTP (công cụ chuyển văn bản thành tiếng nói - text to speech) để tạo ra các cuộc gọi tự động với giọng robot thu sẵn. Từ nhiều năm trước đã có những người sử dụng công nghệ này để thay họ đọc thông tin, tin tức do họ "xào nấu" ra. Hiện nhiều người đang dùng công nghệ này cho các chương trình trên YouTube.

- Giả video: Thực hiện bằng cách cắt ghép hình ảnh người dẫn chương trình lồng vào dẫn bản tin giả. Clip giả nhưng có người dẫn chương trình sống động như thật. Loại hình ảnh giả này "buộc" người xem nghĩ đó là những thông tin thật vì có hình ảnh quen mặt của người dẫn chương trình truyền hình.

Tin giả có thể được tạo và lan truyền nhằm các mục đích sau:

- Chính trị: Tin giả được lợi dụng vào các âm mưu chính trị và làm rối loạn xã hội.
- Thương mại: Ngày càng nhiều người biết cách tận dụng công cụ hiện đại, những nền tảng mạng xã hội để phát tán thông tin giả. Số lượng tin giả đối với doanh nghiệp, kinh doanh cũng tăng lên tỷ lệ thuận với tin giả trong các lĩnh vực khác nói chung. Các cách thức phát tán tin giả với doanh nghiệp phổ biến như, đối thủ cạnh tranh sử dụng tin giả để tấn công phía bên kia, dùng những cách thức để bôi xấu về những sự cố đã từng xảy ra trong quá khứ và khi một sự cố vừa xảy ra thì họ sẽ tìm mọi cách để họ nhân rộng sự lên. Hay những tin giả hoàn toàn không có thật liên quan đến vấn đề kinh doanh, vấn đề quan hệ cá nhân của những cán bộ cấp cao, vấn đề bằng cấp, đầu tư mờ ám, liên quan đến nguồn tiền bất hợp pháp có rất nhiều cách thức để làm ảnh hưởng đến một doanh nghiệp, đối thủ. Tin giả bịa đặt để gây bức xúc, tâm lý "tăng tương tác, tăng bán hàng" đã khiến một bộ phận bán hàng trực tuyến chủ động tạo và lan truyền tin giả với mục đích kinh tế hết sức rõ ràng.

### **1.3. Xử lý hành vi tạo và lan truyền tin giả:**

Nghị định 15 có hiệu lực từ ngày 15-4-2020 thay thế cho Nghị định 174/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện. Một nội dung đáng chú ý trong Nghị định 15 đó là quy định rõ hơn về hành vi vi phạm và trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội, kèm theo là mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi tung thông tin giả mạo, gây hoang mang dư luận trên mạng xã hội.

- Điều 101, Nghị định 15 quy định phạt tiền từ 10-20 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc.

- Nghị định 15 quy định rất cụ thể các hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội mạng. Mức phạt lên đến 80 triệu đồng đối với hành vi gửi hoặc phát tán thư điện tử rác, tin nhắn rác, phần mềm độc hại (tăng cao so với mức xử phạt được quy định tại Nghị định 174/2013/NĐ-CP chỉ từ 40-50 triệu đồng). Riêng đối với hành vi không ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác thì mức phạt tiền sẽ từ 180-200 triệu đồng.

Đối với các hành vi kể trên, ngoài phạt tiền còn bị áp dụng thêm các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả như: đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ từ 1-3 tháng; tước quyền sử dụng mã số quản lý, tên định danh từ 1-3 tháng; buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông.

Ngoài phạt tiền, người vi phạm còn bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: gỡ bỏ thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm.

Theo thông tin từ đại diện Bộ Công an tại cuộc họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 1-2020, liên quan đến việc xử lý người dân đăng tin sai lệch về tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương vào cuộc đấu tranh, triệu tập các đối tượng, xử lý, yêu cầu cam kết gỡ bỏ, căn cứ theo Khoản 3, Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và quy định trong việc loan tin đồn sai qua mạng, xử phạt vi phạm hành chính khoảng 800 người.

### **2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH**

Theo Điều 8 Luật An ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

1. Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

a) Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;

b) Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

d) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

đ) Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

e) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

2. Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

4. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

5. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

6. Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Theo Khoản 1, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;

b) Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;

c) Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Theo Khoản 2, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm:

a) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;



b) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

### **3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội**

Một số hình thức, thủ đoạn được các đối tượng sử dụng để chiếm đoạt mạng xã hội như sau:

- Hình thức Phishing: Đây là hình thức chiếm đoạt một tài khoản facebook phổ biến nhất hiện nay và cho đến bây giờ nó vẫn là cách được hacker sử dụng nhiều nhất. Không riêng gì facebook mà hầu hết các loại website nào mà có account đăng nhập đều sử dụng được hình thức này. Và sau đây là nguyên lý hoạt động:

+ Kẻ tấn công sẽ phát tán một đường link ở nhiều nơi và nhất là trên Facebook với những tiêu đề gây sốc như: Click vào đây để xem xxx .... gây kích thích và sự tò mò cho người xem.

+ Khi người dùng click vào đường dẫn sẽ được đưa đến một website có giao diện giống 100% facebook và yêu cầu bạn đăng nhập tài khoản của mình. Đây không phải là trang facebook mà chỉ là một website có giao diện giống facebook. Nếu người dùng đăng nhập tài khoản facebook vào thì tất cả tài khoản, mật khẩu sẽ được gửi về email hay sever của kẻ tấn công, như vậy các hacker đã dễ dàng lấy được nick facebook của người dùng.

- Dò mật khẩu: Sau phishing facebook thì đây là một hình thức phổ biến tuy xác suất thành công không cao nhưng không thể không nói đến nó vì có nhiều người dùng sử dụng những mật khẩu quá đơn giản kiểu như: 123456 , matkhu, số điện thoại, họ và tên... Đây là những sai lầm ở phía người dùng khi đặt mật khẩu facebook. Hacker sử dụng những phần mềm chuyên dò pass để đi dò mật khẩu nick facebook của người dùng. Với cách này bản chất nó không phải hack mà là mò pass facebook nhưng một khi bị mất mật khẩu thì đồng nghĩa với việc bạn bị mất tài khoản.

- Sử dụng trojan, Keylog: Kẻ tấn công sẽ chèn một đoạn mã vào một ứng dụng, tập tin nào đó rồi gửi thông qua inbox, comment trên facebook hay bất cứ đâu. Khi người dùng click vào đường dẫn đó thì ứng dụng, tập tin đó sẽ được tự động tải về máy, sau đó keylog sẽ ghi lại tất cả những thao tác trên bàn phím của người dùng rồi gửi về cho kẻ tấn công.

- Sử dụng chương trình khuyến mãi - trúng thưởng hay Mini Game: Hacker sẽ giả chương trình trúng thưởng - khuyến mãi trên danh nghĩa của Facebook (trúng thưởng xe máy, ô tô, tiền mặt... có giá trị cao) và yêu cầu người dùng xác nhận bằng cách truy cập vào đường link lạ. Các Mini game trên facebook như: "Bạn giống cầu thủ bóng đá nào?", "Tương lai bạn sẽ kết hôn với ai?", "Ai là người quan tâm bạn nhất?",... Cũng được những kẻ này sử dụng để chiếm lấy tài khoản facebook bằng cách buộc người chơi đăng nhập mật khẩu trước khi tham gia.

- Lỗ hổng bảo mật facebook: Là hình thức tấn công nick facebook mạng tên “3 Friends”. Đây là hình thức lấy lại mật khẩu của facebook thông qua việc sử dụng 3 người bạn facebook bất kì trong danh sách bạn bè. Ví dụ khi bạn quên mật khẩu thì bạn có thể gửi yêu cầu để facebook gửi 3 mã code về cho 3 người bạn này.

Kẻ tấn công chiếm đoạt tài sản mạng xã hội nhằm các mục đích sau:

- Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.
- Hack nick facebook vì những thù hằn của cá nhân.

#### **4. Chiếm quyền giám sát Camera IP**

Trong những năm gần đây, thị trường Camera IP wifi phát triển nhanh chóng do nhu cầu sử dụng của người dân tăng mạnh. Những thiết bị này chủ yếu có nguồn gốc xuất xứ từ Trung Quốc, Đài Loan với giá thành rất rẻ. Tuy nhiên, đi kèm theo đó là các rủi ro và nguy cơ bảo mật. Đã có nhiều gia đình, cá nhân bị lộ clip riêng tư do camera giám sát bị các đối tượng xấu chiếm quyền giám sát. Một số thủ đoạn:

*Cách thứ nhất:* Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera bằng cách Quét (Scan) IP và Port của Camera rồi sau đó Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép. Cách này rất phổ biến, bởi đa số người dùng camera hiện tại thường sử dụng Password mặc định của nhà cung cấp.

*Cách thứ hai:* Hacker sẽ dùng một phần mềm gián điệp cài trên Camera quan sát để tạo thành một mạng Botnet sử dụng trong một hình thức tấn công nổi tiếng đó là DDOS.

Ví dụ: Ngày 28/12/2019, video được đăng trên một trang web phim người lớn được cho là quay lại cảnh sinh hoạt của ca sĩ Văn Mai Hương. Những video này được ghi lại từ năm 2015 qua camera IP (camera giám sát) trong căn hộ của nữ ca sĩ. Sau vụ ca sĩ Văn Mai Hương bị lộ clip nhạy cảm, ngày 22/7/2020 cộng đồng mạng dậy sóng vì vụ lộ hàng chục clip cá nhân được ghi lại từ camera an ninh trong nhà (tại phòng ngủ) của một người có tên là Vũ Hương Mai tại quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

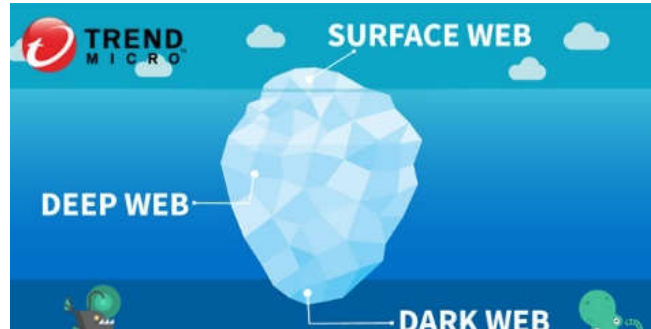
#### **5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Kịch bản lừa đảo thông báo trúng thưởng với giải thưởng cực lớn đang quay trở lại hoành hành trên Facebook. Sau khi chiếm đoạt tài khoản Facebook cá nhân, nhiều đối tượng còn tung ra nhiều chiêu trò để lừa đảo khiến nhiều người dùng mất đi một khoản tiền không hề nhỏ. Ngay sau khi có tài khoản đã được đánh cắp, đối tượng sẽ thực hiện ngay việc chat với bạn bè/người thân hỏi thăm về sức khỏe, công việc và sau đó nhờ nhận hộ một số tiền chuyển từ nước ngoài về. Nạn nhân không biết tài khoản Facebook kia đã bị tấn công nên tin tưởng và sẵn sàng giúp đỡ.

Không chỉ vậy, nạn nhân còn có nguy cơ bị tấn công lấy tài khoản ngân hàng thông qua hình thức tấn công phishing. Sau khi thống nhất số tiền sẽ chuyển, đối tượng lừa đảo dùng một số điện thoại từ nước ngoài sẽ gửi 1 tin nhắn giả mạo thông báo từ Western Union đến số điện thoại của nạn nhân với nội dung đề nghị truy cập đường link trong tin nhắn SMS và xác nhận để có thể nhận được tiền Western Union.

Nạn nhân không biết đây là trang web phishing (một hình thức lừa đảo giả mạo các tổ chức uy tín như ngân hàng) nên đã nhập các thông tin tài khoản, mật khẩu internet banking vào trang web giả mạo rồi gửi đi và đối tượng lừa đảo sẽ nhận được. Từ đó, đối tượng lừa đảo dùng thông tin internet banking vừa chiếm được từ nạn nhân để thực hiện giao dịch qua cổng thanh toán trực tuyến VTC Pay và cổng thanh toán VNPAY.

## 6. Deep web và Dark web



Hình 10. Surface web, Deep web và Dark web

### 6.1. Deep web

Thuật ngữ Internet và World Wide Web thường được sử dụng thay cho nhau, nhưng thực ra chúng không phải là một. Internet đề cập đến một mạng lưới rộng lớn của các mạng, hàng triệu kết nối máy tính trên khắp thế giới, nơi bất kỳ máy tính nào cũng có thể giao tiếp với nhau, miễn là chúng được kết nối Internet. World Wide Web là một mô hình chia sẻ thông tin, được xây dựng trên Internet, sử dụng giao thức HTTP, các trình duyệt như Chrome, Firefox và các trang web để chia sẻ thông tin. Web là một phần to lớn của Internet nhưng không phải là thành phần duy nhất. Ví dụ: email, tin nhắn không phải là một phần của web nhưng là một phần của Internet.

Web trên bề mặt (tiếng Anh: Surface web): Theo tạp chí PC Magazine, web bề mặt là một phần web có sẵn cho công chúng, hoàn chỉnh với những liên kết được công cụ tìm kiếm lập chỉ mục. BrightPlanet, một dịch vụ web thông minh, xác định web bề mặt chỉ chứa những trang web được lập chỉ mục và có thể được tìm kiếm bởi các công cụ tìm kiếm phổ biến như Google, Bing, Yahoo. Đôi khi, chúng còn được gọi là web hữu hình. Web bề mặt thường bao gồm những trang web có tên miền kết thúc bằng .com, .org, .net, .vn hoặc các biến thể tương tự. Nội dung của các trang web này không yêu cầu bất kỳ cấu hình đặc biệt nào để truy cập.

Web chìm (tiếng Anh: Deep web) hay còn gọi là web ẩn (invisible web, undernet, hay hidden web) là từ dùng để chỉ các trang hoặc nội dung trên thế giới mạng World Wide Web không thuộc về Web nổi (surface Web). Chúng gồm những trang không được đánh dấu, chỉ mục (index) và không thể tìm kiếm được khi dùng các công cụ tìm kiếm thông thường.

Web chìm bao gồm nhiều ứng dụng rất phổ biến như web mail và ngân hàng trực tuyến nhưng nó cũng bao gồm các dịch vụ mà người dùng phải trả tiền, và được bảo vệ bởi một paywall, như video theo yêu cầu, một số tạp chí và báo chí trực tuyến, và

nhiều hơn nữa. Nó bao gồm email trong tài khoản Gmail, các bản kê ngân hàng trực tuyến, mạng nội bộ, tin nhắn trực tiếp qua Twitter, hình ảnh được đánh dấu riêng tư khi tải lên Facebook. Chính phủ, các nhà nghiên cứu và các công ty lưu trữ dữ liệu thô không thể tiếp cận được với công chúng. Nội dung này được lưu trữ trên các trang web động (được xây dựng dựa trên thông tin truy vấn) và những trang bị khóa, những trang cá nhân không liên kết ra bên ngoài. Theo Trend Micro, một phần quan trọng của Deep Web là được dành riêng cho những blog cá nhân hoặc chính trị, các trang tin tức, diễn đàn thảo luận, các trang web tôn giáo và thậm chí đài phát thanh.

## 6.2. Dark web

Mỗi thiết bị được kết nối với Internet đều có địa chỉ IP (Internet protocol) duy nhất. Tên và địa chỉ vật lý của một người có thể có được thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet với sự cho phép hợp pháp, còn IP cho phép bất cứ ai xác định vị trí của máy tính được kết nối. Do đó, các bên liên quan sẽ dễ dàng tìm được một người sử dụng Internet cụ thể.

Với mong muốn ẩn danh - đặc biệt là chính phủ khi tìm cách bảo vệ những thông tin, mạng lưới tình báo nhạy cảm - đã dẫn đến sự ra đời và phát triển của The Onion Router (Tor) do đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm nghiên cứu Hải Quân Hoa Kỳ tạo ra. Tên Onion (củ hành) bắt nguồn từ việc bạn phải lột ra nhiều "lớp vỏ" để có thể tìm thấy danh tính thật sự của người dùng.

Tor, được phát hành miễn phí cho người dùng vào năm 2004, cung cấp sự riêng tư bằng cách mã hóa và điều hướng lưu lượng truy cập thông qua một sê-ri "đường hầm ảo (virtual tunnel)", phân phối các giao dịch qua nhiều máy tính ngẫu nhiên trên Internet, do đó, không một máy tính nào liên kết người dùng đến cơ sở hoặc điểm đến của họ. Không giống như những trang web bề mặt (kết thúc bằng .com, .org, .net hoặc các biến thể tương tự), các trang Tor kết thúc bằng .onion và chỉ có thể được mở bằng phần mềm Tor.

Dark web (tạm dịch: web tối) là những nội dung mạng World Wide Web không thể truy cập bằng những cách thông thường mà phải sử dụng các phần mềm chuyên biệt [3]. Dark web là một phần nhỏ của deep web, một thế giới mạng mà các công cụ tìm kiếm như Google hay Bing không hiển thị ra.

Một số hoạt động thường thấy ở Dark Web:

- Chợ đen: Nhiều hoạt động thương mại bất hợp pháp diễn ra trên Dark web, ví dụ như: buôn bán tiền giả, thẻ ngân hàng hay tài khoản mạng bị đánh cắp, súng, ma túy và các chất kích thích, các sản phẩm không rõ nguồn gốc khác.

- Khủng bố: Vì tính ẩn danh cao, nhiều tổ chức tội phạm khủng bố như IS sử dụng không gian Dark web để phát tán các nội dung đến người dùng. Nói đến khủng bố thì không chỉ là IS mà còn có các tổ chức Mafia khác sử dụng mạng lưới này, đã từng có trường hợp chúng nhận hợp đồng thanh toán một người và hợp đồng đó đã ở trạng thái được thực thi.

- Khiêu dâm: Khiêu dâm trẻ em, ngược đãi hoặc làm tình với động vật, phát tán video quay lén là những nội dung hiện hữu trên dark web. Các nội dung này đều bị các tổ chức bảo vệ trẻ em cũng như các nước trên thế giới lên án và cố gắng dẹp bỏ

- Lừa đảo: Không hiếm những trường hợp lừa tiền hoặc thanh toán người khác trên Dark Web được thực thi.

### **III. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

#### **1. Cơ sở pháp lý**

##### **1.1. Bộ luật Hình sự năm 2015**

###### **a. Hoàn cảnh ra đời**

Ngày 27/11/2015, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật Hình sự. Ngày 20/6/2017, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13. BLHS số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta.

###### **b. Hiệu lực thi hành**

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Gọi tắt là Bộ luật Hình sự) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

###### **c. Bố cục của Bộ luật Hình sự**

Bộ luật hình sự gồm 26 Chương và 526 Điều, bao gồm:

- Chương I. Điều khoản cơ bản (Điều 01 – Điều 04).
- Chương II. Hiệu lực của bộ luật hình sự (Điều 05 – Điều 07)
- Chương III. Tội phạm (Điều 8 – Điều 19).
- Chương IV. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (Điều 20 – Điều 26).
- Chương V. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự (Điều 27 – Điều 29).
- Chương VI. Hình phạt (Điều 30 – Điều 45).
- Chương VII. Các biện pháp tư pháp (Điều 46 – Điều 49).
- Chương VIII. Quyết định hình phạt (Điều 50 – Điều 59).
- Chương IX. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt (Điều 60 – Điều 68).
- Chương X. Xóa án tích (Điều 69– Điều 73).
- Chương XI. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 74 – Điều 89).

- Chương XII. Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 90 – Điều 107).

- Chương XIII. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Điều 108 – Điều 122).

- Chương XIV. Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Điều 123 – Điều 156).

- Chương XV. Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân (Điều 157 – Điều 167).

- Chương XVI. Các tội xâm phạm sở hữu (Điều 168 – Điều 180).

- Chương XVII. Các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình (Điều 181 – Điều 187).

- Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Điều 188 – Điều 234).

- Chương XIX. Các tội phạm về môi trường (Điều 235 – Điều 246).

- Chương XX. Các tội phạm về ma túy (Điều 247 – Điều 259).

- Chương XXI. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Điều 260 – Điều 329).

- Chương XXII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Điều 330 – Điều 351).

- Chương XXIII. Các tội phạm về chức vụ (Điều 352 – Điều 366).

- Chương XXIV. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp (Điều 367 – Điều 391).

- Chương XXV. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (Điều 392 – Điều 420).

- Chương XXVI. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Điều 421 – Điều 426).

Trong đó các Điều khoản trong luật thực hiện với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng được quy định tại **Mục 2. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông** Chương XII gồm các Điều 285 đến 294.

+ Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

+ Điều 286. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

+ Điều 287. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

+ Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.

+ Điều 289. Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác.

+ Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

+ Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

- + Điều 292. Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông.
- + Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.
- + Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại.

## **1.2. Luật An toàn thông tin 2015**

### **a. Hoàn cảnh ra đời**

Hiện nay, mạng Internet đã trở thành công cụ trung tâm để phát triển nền kinh tế và xã hội của mọi quốc gia. Đối với Việt Nam, mạng internet cũng được coi là công cụ, phương tiện quan trọng để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh trong một thế giới cạnh tranh và toàn cầu hóa. Vì vậy, Việt Nam cần có các quy định pháp lý về an toàn thông tin để nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm ATTT, tạo môi trường bình đẳng cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

### **b. Hiệu lực thi hành**

Luật An toàn thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

### **c. Bộ cục của Luật An toàn thông tin**

Luật An toàn thông tin mạng gồm 08 Chương và 54 Điều, bao gồm:

- Chương I. Những quy định chung (Điều 01 – Điều 08) Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, chính sách của nhà nước, hợp tác quốc tế, những hành vi bị cấm trong hoạt động an toàn thông tin mạng và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thông tin mạng.

- Chương II. Bảo đảm an toàn thông tin mạng (Điều 09 – Điều 29) Chương này quy định 04 mục: Bảo vệ thông tin mạng; Bảo vệ thông tin cá nhân; Bảo vệ hệ thống thông tin; Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng.

- Chương III. Mật mã dân sự (Điều 30 – Điều 36) Chương này quy định các nội dung liên quan đến sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và các hoạt động có liên quan đến kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

- Chương IV. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng (Điều 37 – Điều 39) Chương này quy định các nội dung về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng; quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng và chứng nhận, công bố hợp quy và đánh giá, kiểm định an toàn thông tin mạng.

Chương V. Kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng (Điều 40 – Điều 48), gồm 02 mục: Giấy phép kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin mạng; Quản lý nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

- Đây là lĩnh vực rất mới, hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng còn chưa đầy đủ, nên Luật an toàn thông tin mạng

hướng tới việc hoàn thiện hành lang pháp lý đảm bảo thông thoáng, công bằng, phù hợp với thông lệ quốc tế, thúc đẩy thị trường phát triển bền vững

- Chương VI. Phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng (Điều 49 – Điều 50). Chương này quy định về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn thông tin mạng, văn bằng, chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin mạng tại Việt Nam, thể hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian vừa qua.

- Chương VII. Quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng (Điều 51 – Điều 52). Hệ thống hoá thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, qua đó giúp các cơ quan này có thể tham chiếu một cách hệ thống, cơ bản về các quyền hạn và trách nhiệm của mình trong quá trình đảm bảo an toàn thông tin bên cạnh việc xác định các nội dung cụ thể xoay quanh nội dung quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, bao gồm các hoạt động xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; hoạt động xây dựng và hoàn thiện thể chế; tổ chức thực thi các văn bản; quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; hoạt động thanh tra kiểm tra; hợp tác quốc tế...

- Chương VIII. Điều khoản thi hành (Điều 53 – Điều 54) quy định về hiệu lực thi hành.

### **1.3. Luật An ninh mạng 2018**

#### **a. Hoàn cảnh ra đời**

Trước yêu cầu cấp bách của tình hình an ninh mạng trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; khắc phục những tồn tại, hạn chế cơ bản trong công tác bảo vệ an ninh mạng; thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về an ninh mạng; bảo đảm sự phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 12/6/2018, Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 5 đã thông qua dự thảo Luật An ninh mạng với 86,86% đại biểu đồng ý.

#### **b. Hiệu lực thi hành**

Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

#### **c. Bộ cục của Luật An ninh mạng**

Luật An ninh mạng gồm 07 Chương, 43 Điều. Bộ cục của Luật cụ thể như sau:

**Chương I. Những quy định chung**, gồm 9 điều, (từ Điều 1 đến Điều 9) quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; chính sách của Nhà nước về an ninh mạng; nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng; biện pháp bảo vệ an ninh mạng; bảo vệ không gian mạng quốc gia; hợp tác quốc tế về an ninh mạng; các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng.

**Chương II. Bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia**, gồm 6 điều (từ Điều 10 đến Điều 15), quy định về hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; thẩm định an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; đánh giá điều kiện an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin



tin quan trọng về an ninh quốc gia; giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

**Chương III. Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng**, gồm 7 điều (từ Điều 16 đến Điều 22), quy định về phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng; phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tấn công mạng; phòng, chống khủng bố mạng; phòng ngừa, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng; đấu tranh bảo vệ an ninh mạng.

**Chương IV. Hoạt động bảo vệ an ninh mạng**, gồm 7 điều (từ Điều 23 đến Điều 29), quy định về triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương; kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức không thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia; củng cố kết nối mạng quốc tế; bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng; nghiên cứu, phát triển an ninh mạng; nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng; bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.

**Chương V. Bảo đảm hoạt động bảo vệ an ninh mạng**, gồm 6 điều (từ Điều 30 đến Điều 35), quy định về lực lượng bảo vệ an ninh mạng; bảo đảm nguồn nhân lực bảo vệ an ninh mạng; tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng; giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ an ninh mạng; phổ biến kiến thức về an ninh mạng; kinh phí bảo vệ an ninh mạng.

**Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**, gồm 7 điều (từ Điều 36 đến Điều 42), quy định về trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ; trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

**Chương VII. Điều khoản thi hành**, gồm 01 điều (Điều 43), quy định về hiệu lực thi hành.

## **2. Các biện pháp**

**2.1. Thứ nhất: Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng.**

Ngày nay, quan niệm về lãnh thổ, chủ quyền, biên giới của một quốc gia không chỉ là đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời, mà cả lãnh thổ không gian mạng, chủ quyền không gian mạng. Theo đó, lãnh thổ không gian mạng là một bộ phận hợp thành lãnh thổ quốc gia, nơi xác định biên giới mạng và thực thi chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

Bảo vệ chủ quyền quốc gia còn là bảo vệ không gian mạng của quốc gia, bao gồm, bảo vệ các hệ thống thông tin; các chủ thể hoạt động trên không gian mạng; hệ thống dữ liệu, tài nguyên mạng; các quy tắc xử lý và truyền số liệu. Đảm bảo quyền bình đẳng trong tham dự quản lý mạng Internet quốc tế; độc lập trong vận hành hạ tầng cơ sở thông tin thuộc lãnh thổ quốc gia; bảo vệ không gian mạng quốc gia không bị xâm phạm và quyền quản trị truyền tải cũng như xử lý số liệu của quốc gia.

Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cần nhận thức rõ các nguy cơ đến từ không gian mạng như: tấn công mạng, gián điệp mạng, khủng bố mạng, tội phạm mạng, đặc biệt là nguy cơ chiến tranh mạng đang là thách thức gay gắt về an ninh, và bảo đảm an ninh mạng đang trở thành trọng tâm ưu tiên của quốc gia. Vì vậy, cần quán triệt các quan điểm của Đảng về phát triển khoa học công nghệ và chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các định hướng hành động của Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng và nhận thức rõ rằng, đe dọa trên không gian mạng là một trong những mối đe dọa thực tế và nguy hiểm nhất đối với an ninh quốc gia hiện nay.

## **2.2. Thứ hai: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.**

Phổ biến các điều khoản của Bộ luật Hình sự 2015 (Mục 2, Điều 285-294) liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15-7-2013 của Chính phủ và Thông tư số 09/2014/BTTTT ngày 19-8-2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội, những hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng mạng xã hội.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật An ninh mạng năm 2018. Luật An ninh mạng được xây dựng nhằm bảo vệ người dùng hợp pháp trên không gian mạng; phòng ngừa, đấu tranh, làm thất bại hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, chống Nhà nước, tuyên truyền phá hoại tư tưởng, phá hoại nội bộ, kích động biểu tình, phá rối an ninh trên mạng của các thế lực phản động. Phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó, khắc phục hậu quả của các đợt tấn công mạng, khủng bố mạng và phòng, chống nguy cơ chiến tranh mạng.

Tuyên truyền sâu rộng về những hành vi bị cấm trong Luật An ninh mạng, nhất là các hành vi sử dụng không gian mạng để tuyên truyền chống Nhà nước; tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại

đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc; thông tin sai sự thật; hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội; phá hoại thuần phong, mỹ tục; xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội; thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

Các hình thức giáo dục cần được vận dụng đa dạng, phong phú và linh hoạt như: phối hợp giữa cơ quan chức năng với các cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục tổ chức nói chuyện chuyên đề, phổ biến pháp luật; tuyên truyền Luật An ninh mạng; các cuộc thi tìm hiểu về an toàn thông tin; góp ý xây dựng chương trình giáo dục an toàn thông tin mạng của các cơ sở giáo dục hoặc tham gia biên soạn các tài liệu liên quan đến an toàn thông tin mạng.

### **2.3. Thứ ba: Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng.**

Hoạt động tấn công không gian mạng rất đa dạng và tinh vi như: làm mất kết nối Internet, đánh sập các website của chính phủ, cơ quan, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp; giả mạo các website nhằm lừa đảo; cài găm vào máy tính cá nhân hoặc lấy tài khoản và mật khẩu; đánh cắp dữ liệu cá nhân (hình ảnh, file, video); tấn công bằng mã độc (theo tệp đính kèm trong email hoặc ẩn trong quảng cáo Skype); tấn công ẩn danh bằng những phần mềm độc hại (phần mềm diệt virus, các trình duyệt); tấn công qua usb, đĩa CD, địa chỉ IP, server...

Ở mức độ cao hơn, các thế lực thù địch có thể thông qua block cá nhân lôi kéo, kích động các phần tử bất mãn, tập hợp lực lượng, thành lập các tổ chức chống đối như Việt Tân, Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời, Thanh Niên Dân Chủ,... núp dưới vỏ bọc các tổ chức “xã hội dân sự”, “diễn đàn dân chủ” để xuyên tạc cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nền tảng tư tưởng của Đảng.

Các thế lực thù địch còn lợi dụng báo điện tử, các website, dịch vụ thư điện tử, mạng xã hội facebook, Zalo, Twitter, diễn đàn,... để phát tán các tài liệu, kêu gọi tuần hành, biểu tình, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống phá chính quyền, chia rẽ mối đoàn kết giữa Đảng và Nhân dân hoặc sử dụng “khoảng trống thông tin” để tấn công vào sự hiếu kỳ của công chúng; làm mới thông tin cũ, bịa đặt thông tin mới để chống phá. Các trang mạng có nhiều nội dung thông tin xấu, độc như Dân Làm Báo, Quan Làm Báo; Boxit, Dân Luận, Chân Dung Quyền Lực...

### **2.4. Thứ tư: Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng.**

Nêu cao ý thức chính trị, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ không gian mạng quốc gia. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh mạng; kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng và các hành vi xâm phạm khác, thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan quản lý

nhà nước có thẩm quyền; giúp đỡ, tạo điều kiện cho người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Mỗi người cần nghiên cứu và sử dụng tốt các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin như bảo vệ tài khoản cá nhân bằng xác thực mật khẩu đa lớp; tạo thói quen quét virus trước khi mở file; thực hiện sao lưu dự phòng trên ổ cứng ngoài, mạng nội bộ hoặc trên các dịch vụ lưu trữ đám mây (Google Drive, OneDrive); kiểm tra lộ lọt thông tin tài khoản cá nhân qua Trung tâm xử lý tấn công mạng Việt Nam.

Người dùng không nên vào những trang web lạ (hoặc trang web đen), những email chưa rõ danh tính và đường dẫn đáng nghi ngờ; cập nhật bản trình duyệt, hệ điều hành và các chương trình sử dụng; dùng những phần mềm diệt virus uy tín và được cập nhật thường xuyên, không tắt chương trình diệt virus trong mọi thời điểm. Khi phát hiện bị tấn công trên không gian mạng, nhanh chóng ngắt kết nối mạng; sử dụng các công cụ giải mã độc; báo cho người có trách nhiệm qua đường dây nóng.

### **2.5. Thứ năm: Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách an ninh mạng, lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường trong giáo dục nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng.**

Các cơ quan chuyên trách an ninh mạng (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an; Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng, Bộ Quốc phòng; lực lượng bảo vệ an ninh mạng tại bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia) cung cấp đầy đủ thông tin về xu hướng phát triển, các nguy cơ từ không gian mạng; các biện pháp phòng, chống tấn công trên không gian mạng.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng tăng cường cảnh báo khả năng mất an ninh mạng do đơn vị mình cung cấp và hướng dẫn biện pháp phòng ngừa; xây dựng các phương án xử lý với sự cố an ninh mạng; phối hợp, tạo điều kiện cho lực lượng chuyên trách trong hoạt động bảo vệ an ninh mạng. Các cơ sở giáo dục sớm đưa nội dung giáo dục bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia vào chương trình dạy học phù hợp với ngành học, cấp học.

Lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường cần nắm vững mọi hoạt động và tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, quần chúng, có nội dung giáo dục, định hướng, điều chỉnh nhận thức đúng đắn, kịp thời; có trách nhiệm trong quản lý thông tin có liên quan tới cán bộ, đảng viên và quần chúng, có kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ trên không gian mạng.

## **IV. ĐƯỜNG DÂY NÓNG CỦA BỘ CÔNG AN TIẾP NHẬN THÔNG TIN TỐ GIÁC TỘI PHẠM**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể trực tiếp phản ánh thông tin đến đường dây điện thoại nóng của Bộ Công an, theo số điện thoại: **069.234.2593**

Thông tin phản ánh đến đường dây điện thoại nóng phải sử dụng bằng ngôn ngữ Tiếng Việt và có nội dung cụ thể về họ tên, địa chỉ, số điện thoại của cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp phản ánh thông tin đến đường dây điện thoại nóng.

Thông tin phản ánh đến đường dây điện thoại nóng có thể bị từ chối tiếp nhận khi cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin không nêu rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ hoặc nội dung thông tin cung cấp không có cơ sở, căn cứ rõ ràng, không đủ điều kiện để tiếp nhận, giải quyết; quá trình trao đổi cung cấp thông tin có lời lẽ, thái độ lăng mạ, xúc phạm, không đúng mực.

Địa chỉ Văn phòng tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về tội phạm:

- Số 47 Phạm Văn Đồng, Mai Dịch, Cầu Giấy, TP. Hà Nội (Điện thoại: 069.2345860)

- Số 497 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, TP. Hà Nội (Điện thoại: 069.2321667)

- Nhà C1, 358 Nguyễn Trãi, Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (Điện thoại: 069.3376809)

Các biểu mẫu có thể tải về từ Cổng thông tin điện tử Bộ Công an theo địa chỉ: <http://bocongan.gov.vn/vanban/Pages/van-ban-moi.aspx?ItemID=460>

## V. CÂU HỎI VIẾT BÀI THU HOẠCH

- Đồng chí hãy trình bày thực trạng an toàn thông tin hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới?

- Đồng chí hãy trình bày các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng được quy định trong Luật An ninh mạng 2018?

- Đồng chí hãy trình bày các biện pháp tuyên truyền giáo dục về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở cơ quan đồng chí đang công tác? Phân tích hiệu quả mang lại?

## VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. “*Spam: A Shadow History of the Internet*”, Finn Brunton, 2014.

[2]. “*Fake News: Understanding Media and Misinformation in the Digital Age*”, Melissa Zimdars, 2020.

[3]. “*Inside the Dark Web*”, Erdal Ozkaya, Rafiqul Islam, 2019.

[4]. “*Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân Việt Nam*”, Hội đồng Lý luận Công an nhân dân, 2019.

[5]. “*Giáo trình Những vấn đề cơ bản về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao*”, Học viện Cảnh sát nhân dân, 2015.

[6]. “*Giáo trình An toàn dịch vụ mạng*”, Trường Đại học Kỹ thuật – Hậu cần CAND, 2020.

[7]. Luật An toàn thông tin mạng, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2015.

[8]. Luật An ninh mạng, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2018.

[9]. Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 25/07/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

[10]. Nghị quyết 22/NQ-CP ngày 18/2/2019 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia.

[11]. Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 4/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

[12]. Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại.

*Chuyên đề***MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG; PHÒNG CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG**

*Trung tá, Ths Nguyễn Ngọc Huỳnh  
Phó Trưởng khoa CSGT, Trường Cao Đẳng CSND I*

**I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông****1. Nhận thức về pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông***a. Khái niệm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*

Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

*b. Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm TTATGT.

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.

*c. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*

- Các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

- Các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan hành chính ở trung ương, địa phương, các cơ quan liên ngành, liên bộ ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

- Các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

**2. Nhận thức về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông***a. Khái niệm vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*

Vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông có 2 dạng vi phạm: Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự (cấu thành các tội xâm phạm an toàn giao thông), cụ thể như sau:

- Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông mà theo quy định của Bộ Luật hình sự phải bị xử lý hình sự.

*b. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*

- Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

+ Tính nguy hiểm cho xã hội.

+ Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

+ Tính có lỗi.

+ Vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hành vi bị xử phạt hành chính.

- Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm an toàn giao thông:

+ Khách thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

+ Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

+ Chủ thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

+ Mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

*c. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*

- Quản lý nhà nước về hoạt động giao thông còn nhiều yếu kém, hạn chế.

- Sự không tương thích giữa các yếu tố cơ bản cấu thành hoạt động giao thông vận tải quốc gia.

- Tác động tiêu cực của các yếu tố thiên nhiên, môi trường đối với người tham gia giao thông.

## **II. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

### ***1. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông***

- Phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều hình thức, biện pháp hướng đến việc triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ra khỏi đời sống xã hội.

- Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật, tiến hành tổng hợp các biện pháp theo quy định để chủ động nắm tình hình, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông



do cá nhân, tổ chức thực hiện, từ đó áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

## ***2. Chủ thể và mối quan hệ phối hợp trong thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông***

- Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.
- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.
- Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án).
- Các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tự quản.
- Các cơ quan quản lý kinh tế, giao thông, văn hóa, giáo dục, dịch vụ, du lịch.
- Các Công dân.

## ***3. Nội dung biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông***

- Tham mưu, đề xuất với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương cụ thể.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho người dân.

- Tổ chức phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, gắn với vận động thực hiện phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”, đảm bảo huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng lực lượng theo quy định của pháp luật.

- Phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp tốt các ngành, các cấp, các lực lượng và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

## ***4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường***

- Trách nhiệm của nhà trường.
- Trách nhiệm của học sinh.

*Chuyên đề***MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG;  
BIỆN PHÁP TUYÊN TRUYỀN VÀ PHỐI HỢP NGĂN CHẶN CÁC HÀNH VI  
VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*Trung tá, Ths Nguyễn Thanh Sơn  
Phó Trưởng khoa CSMT, Trường Cao Đẳng CSND I*

**I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****1. Những nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ môi trường**

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 xây dựng sau khi Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (Hiến pháp năm 2013) được thông qua và có hiệu lực thi hành, trong tổng số 120 điều của Hiến pháp năm 2013, có 04 điều quy định các nội dung liên quan đến lĩnh vực môi trường, điều này khẳng định sự coi trọng vai trò của công tác bảo vệ môi trường bên cạnh sự phát triển kinh tế, xã hội. Đặc biệt, Điều 43 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ quyền và nghĩa vụ của người dân với môi trường: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”. Trên tinh thần của Hiến pháp năm 2013, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 đã kế thừa các nội dung của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, luật hóa chủ trương của Đảng, bổ sung một số nội dung mới về bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong giai đoạn mới, đồng thời sắp xếp lại trật tự các chương, điều, câu chữ đảm bảo tính logic và khoa học, quy định cụ thể quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 được xây dựng trên cơ sở các quan điểm sau:

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Bảo vệ môi trường 2005; bổ sung một số nội dung mới như tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu, an ninh môi trường...; hài hòa các quy định của Luật và các cam kết quốc tế về môi trường thể hiện tại các điều ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam đã ký kết, tham gia;

- Coi phòng ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường là nhiệm vụ chính, phù hợp với đặc điểm của khoa học môi trường như các yếu tố môi trường có mối liên kết hữu cơ với nhau, không chia cắt theo địa giới hành chính; bảo đảm tính hệ thống, toàn diện, khoa học và thực thi của các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Luật bảo vệ môi trường năm 2014 gồm 20 chương và 170 điều – tăng 05 chương và 34 điều so với Luật BVMT 2005 (Luật BVMT năm 2005 gồm 15 chương với 136 điều), cụ thể:

**- Những quy định chung: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ (giải thích 29 từ ngữ); nguyên tắc bảo vệ môi trường (gồm 08 nguyên tắc về bảo vệ môi trường); Chính sách bảo vệ môi trường (gồm 11 nhóm chính sách); những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích (gồm 12 nhóm hoạt động được khuyến khích); Những hành vi bị nghiêm cấm (gồm 16 nhóm hành vi bị nghiêm cấm).**

- Quy định việc quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Trong chương này quy định nội dung bảo vệ môi trường trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; Bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng; Bảo vệ môi trường trong điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm quy định về việc lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý phát thải khí nhà kính; quản lý các chất làm suy giảm tầng ô - zôn; phát triển năng lượng tái tạo; sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thân thiện môi trường; thu hồi năng lượng từ chất thải; quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu; hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quy định về bảo vệ môi trường biển và hải đảo, việc kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo.

- Quy định về bảo vệ môi trường đất, nước và không khí, bao gồm quy định việc bảo vệ môi trường nước sông; bảo vệ môi trường các nguồn nước khác (ao, hồ, kênh mương, rạch; hồ chứa nước phục vụ mục đích thủy lợi, thủy điện; nước dưới đất); bảo vệ môi trường đất (quản lý chất lượng môi trường đất; kiểm soát ô nhiễm môi trường đất); bảo vệ môi trường không khí (quản lý chất lượng môi trường không khí xung quanh; kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí).

- Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cụ thể gồm: Quy định bảo vệ môi trường trong các khu kinh tế, bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; bảo vệ môi trường trong cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, làng nghề,

nuôi trồng thủy sản; bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế; bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng, giao thông vận tải; bảo vệ môi trường trong xuất, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa...

- Quy định về bảo vệ môi trường trong khu đô thị, khu dân cư, cụ thể gồm: Quy định về bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư, nơi công cộng, từng hộ gia đình; bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng.

- Quy định về quản lý chất thải, bao gồm: Quy định về quản lý chất thải nguy hại (lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép xử lý chất thải nguy hại; phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại); quản lý chất thải rắn thông thường; quản lý nước thải; quản lý, kiểm soát và xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ.

- Quy định về xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường: Quy định việc xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; trách nhiệm trong khắc phục ô nhiễm, và phục hồi môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục, xử lý sự cố môi trường.

- Quy định về quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường: Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường; **nguyên tắc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh; yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn môi trường**

- Quy định về quan trắc môi trường, quy định hoạt động quan trắc môi trường; thành phần môi trường và chất thải cần được quan trắc; chương trình quan trắc môi trường; hệ thống quan trắc môi trường; **trách nhiệm quan trắc môi trường; điều kiện hoạt động quan trắc môi trường; quản lý số liệu quan trắc môi trường.**

- Quy định về thông tin môi trường, chỉ thị môi trường, thống kê môi trường và báo cáo môi trường.

- Quy định nội dung quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường.

- Quy định về nguồn lực bảo vệ môi trường bao gồm: Ngân sách cho bảo vệ môi trường; phí bảo vệ môi trường; quỹ bảo vệ môi trường; phát triển dịch vụ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường; phát triển công nghiệp môi trường; truyền thông, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quy định hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm: Ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về môi trường; bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Quy định thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường.

- Quy định về bồi thường thiệt hại về môi trường, bao gồm: Nguyên tắc xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường; xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường; giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.

Trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường, Chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (gồm có 10 Nghị định của Chính phủ; 14 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 80 Quyết định, Thông tư và Thông tư liên tịch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; 03 Nghị quyết liên tịch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp)

## 2. Các tội phạm môi trường trong Bộ luật Hình sự

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về các tội phạm về môi trường tại Chương XIX - Phần các tội phạm cụ thể. Các dấu hiệu pháp lý cơ bản của các tội phạm về môi trường là:

- *Khách thể*: Khách thể của các tội phạm về môi trường là sự xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường, sự xâm phạm đó xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường; xâm hại đến các quan hệ xã hội phát sinh trong các lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường, gây ra những hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng cho môi trường sinh thái và tính mạng, sức khỏe, tài sản của con người. Đối tượng tác động của các tội phạm về môi trường là các yếu tố môi trường bao gồm: Không khí, nước, đất, lòng đất, núi rừng, sông hồ, biển, sinh vật, các hệ sinh thái, khu dân cư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và hình thái vật chất khác.

- *Mặt khách quan*: Mặt khách quan của các tội phạm về môi trường được thể hiện bởi những hành vi nguy hiểm cho xã hội và chủ yếu được thực hiện dưới dạng hành động được định lượng cụ thể. Ngoài ra, một số tội phạm về môi trường ngoài các dấu hiệu mô tả trong cấu thành tội phạm, dấu hiệu đã bị xử lý hành chính.

- *Mặt chủ quan*: Các tội phạm về môi trường được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Có nghĩa là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và sẽ gây ra hậu quả nhất định cho xã hội, nhưng vẫn cứ thực hiện hành vi. Động cơ, mục đích phạm tội đa dạng, nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của các tội phạm về môi trường.

- *Chủ thể*: Chủ thể của các tội phạm về môi trường là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của Luật Hình sự. Bên cạnh đó, một số tội danh cụ thể quy định chủ thể của tội phạm là các pháp nhân thương mại.

- *Về hình phạt*, các tội phạm môi trường được quy định mức hình phạt tương đối nghiêm khắc. Hình phạt tiền được mở rộng phạm vi áp dụng với tư cách là hình phạt chính và nâng mức phạt tiền đối với các tội phạm này đến mức 15 năm tù. Ngoài các hình phạt chính thì tất cả các điều luật phạm tội về môi trường đều quy định hai hình phạt bổ sung, đó là hình phạt tiền và hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Các tội phạm về môi trường bao gồm:

- Tội phạm gây ô nhiễm môi trường (Điều 235).
- Tội phạm vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236).
- Tội phạm vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237).

**- Tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238)**

- Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239).
- **Tội phạm làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (Điều 240).**
- Tội phạm làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 241).
- Tội phạm huỷ hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242).
- Tội huỷ hoại rừng (Điều 243).
- Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244).
- Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245).
- Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246).

### **3. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường**

Trong Luật bảo vệ môi trường có quy định về những hành vi bị cấm và xác định về nguyên tắc trách nhiệm pháp lý của chủ thể đã thực hiện hành vi. Việc xử lý vi phạm hành chính nói chung, trong đó có vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được quy định khung và nguyên tắc trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Căn cứ vào các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Luật Xử lý vi phạm hành chính, Chính phủ ban hành Nghị định tương ứng để xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó quy định cụ thể về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử

phạt vi phạm hành chính; trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Cụ thể, vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường gồm: Các hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường và đề án bảo vệ môi trường; các hành vi gây ô nhiễm môi trường; vi phạm các quy định về quản lý chất thải; vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung; các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản; vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường...

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sẽ bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính như: Cảnh cáo; phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1 tỷ đồng đối với cá nhân và 2 tỷ đồng đối với tổ chức. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức bằng 2 lần mức phạt tiền với cùng hành vi vi phạm hành chính của cá nhân.

#### **4. Pháp luật về bảo vệ tài nguyên liên quan đến môi trường**

##### ***a. Luật Lâm nghiệp***

Luật Lâm nghiệp được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 (thay thế Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004). Luật Lâm nghiệp thiết lập khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ xã hội trong Lâm nghiệp là ngành kinh tế, xã hội bao gồm các hoạt động về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản theo định hướng thị trường và hội nhập quốc tế; có cơ cấu quản lý, sản xuất kinh doanh hợp lý, ổn định theo hướng hiện đại, phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường; góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người làm nghề rừng và công cuộc xây dựng nông thôn mới, ứng phó với biến đổi khí hậu và quốc phòng, an ninh.

Luật Lâm nghiệp năm 2017 có 12 chương, 108 điều, cụ thể:

- Chương I: Những quy định chung, gồm 9 điều (từ Điều 1 đến Điều 9); Chương này gồm các quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc hoạt động lâm nghiệp, chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp, phân loại rừng, sở hữu rừng, chủ rừng, các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp.

Luật quy định 9 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp, được xác định phù hợp với Bộ Luật Hình sự, làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát cũng như

tranh tra, xử lý vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hình sự.

- Chương II: Quy hoạch lâm nghiệp, gồm 4 điều (từ Điều 10 đến Điều 13); quy định về nguyên tắc, căn cứ lập quy hoạch lâm nghiệp; thời kỳ và nội dung quy hoạch lâm nghiệp; lập, lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia; tổ chức tư vấn lập quy hoạch lâm nghiệp.

- Chương III: Quản lý rừng, gồm 23 điều (từ Điều 14 đến Điều 36); quy định về giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng; tổ chức quản lý rừng; quản lý rừng bền vững; đóng, mở cửa rừng tự nhiên; điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến và cơ sở dữ liệu rừng.

- Chương IV: Bảo vệ rừng, gồm 7 điều (từ Điều 37 đến Điều 43); quy định về bảo vệ hệ sinh thái rừng; bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng; kiểm tra nguồn gốc lâm sản; trách nhiệm bảo vệ rừng của toàn dân.

- Chương V: Phát triển rừng, gồm 8 điều (từ Điều 44 đến Điều 51); quy định về phát triển giống cây lâm nghiệp; phát triển rừng đặc dụng; phát triển rừng phòng hộ; phát triển rừng sản xuất; trồng cây thực vật rừng, gây nuôi phát triển động vật rừng; kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

- Chương VI: Sử dụng rừng, gồm 14 điều (từ Điều 52 đến Điều 65); quy định về sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; dịch vụ môi trường rừng.

- Chương VII: Chế biến và thương mại lâm sản, gồm 7 điều (từ Điều 66 đến Điều 72); quy định về chế biến lâm sản (chính sách phát triển chế biến lâm sản; chế biến mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng; quyền và nghĩa vụ của cơ sở chế biến lâm sản; hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam); thương mại lâm sản (chính sách phát triển thị trường lâm sản; quyền và nghĩa vụ của cơ sở thương mại lâm sản; quản lý thương mại lâm sản và kinh doanh mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng).

- Chương VIII: Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng, gồm 17 điều (từ Điều 73 đến Điều 89); quy định về quyền và nghĩa vụ chung của chủ rừng; quyền và nghĩa vụ của các chủ rừng là ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ; tổ chức kinh tế được giao rừng, thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao rừng, cho thuê rừng, giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; đơn vị vũ trang; tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thuê đất để trồng rừng sản xuất.

- Chương IX: Định giá rừng, đầu tư, tài chính trong lâm nghiệp, gồm 6 điều (từ Điều 90 đến Điều 95); quy định về định giá rừng; nguồn tài chính trong lâm nghiệp; chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng; quỹ bảo vệ và phát triển rừng.



- Chương X: Khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế về lâm nghiệp, gồm 4 điều (từ Điều 96 đến Điều 99); quy định về hoạt động khoa học và công nghệ về lâm nghiệp; chính sách khoa học và công nghệ về lâm nghiệp; hoạt động hợp tác quốc tế về lâm nghiệp; chính sách hợp tác quốc tế.

- Chương XI: Quản lý nhà nước về lâm nghiệp và Kiểm lâm, gồm 7 điều (từ Điều 100 đến Điều 106); quy định về quản lý nhà nước về lâm nghiệp (nguyên tắc tổ chức hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp; trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ); Kiểm lâm (chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức Kiểm lâm; trang bị bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Kiểm lâm).

- Chương XII: Điều khoản thi hành, gồm Điều 107, 108, quy định về hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

### ***b. Luật khoáng sản***

Luật Khoáng sản năm 2010 gồm 11 chương với 86 điều, quy định việc điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, thăm dò, khai thác khoáng sản, quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.

Luật Khoáng sản quy định rõ các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động khai khoáng phải thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Khai khoáng là một trong những hoạt động của con người có thể gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Vì vậy, Luật Khoáng sản ra đời nhằm điều chỉnh các quan hệ liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản.

Luật cũng quy định những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động khoáng sản bao gồm: Lợi dụng hoạt động khoáng sản xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng thăm dò để khai thác khoáng sản; thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép; cản trở trái pháp luật hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản; cung cấp trái pháp luật thông tin về khoáng sản thuộc bí mật nhà nước; cố ý hủy hoại mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị hoặc quý hiếm; các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

### ***c. Luật Thủy sản***

Luật Thủy sản năm 2017 bao gồm 9 chương và 105 điều, quy định về hoạt động thủy sản, áp dụng đối với hoạt động thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên đất liền, hải đảo, vùng thủy nội địa, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luật quy định những hành vi bị cấm trong hoạt động thủy sản, bao gồm: Khai thác, huỷ hoại trái phép các rạn đá ngầm, rạn san hô, các bãi thực vật ngầm, rừng ngập mặn và hệ sinh cảnh khác; phá huỷ, cản trở trái phép đường di chuyển tự nhiên của các loài thủy sản ở sông, hồ, đầm, phá, eo, vịnh; khai thác các loài thủy sản thuộc danh mục cấm kể cả cấm có thời hạn, trừ trường hợp vì mục đích nghiên cứu khoa học được Chính phủ cho phép; khai thác thủy sản nhỏ hơn kích cỡ quy định, trừ trường hợp được phép khai thác để nuôi trồng; lấn, chiếm, xâm hại các khu bảo tồn vùng nước nội địa, khu bảo tồn biển đã được quy hoạch và công bố; vi phạm các quy định trong quy chế quản lý khu bảo tồn; vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với môi trường sống của các loài thủy sản; khai thác thủy sản ở khu vực cấm, khu vực đang trong thời gian cấm; khai thác quá sản lượng cho phép; sản xuất, lưu hành, sử dụng ngư cụ bị cấm; sử dụng loại nghề bị cấm để khai thác thủy sản; sử dụng các loại chất nổ, chất độc, xung điện và các phương pháp có tính huỷ diệt khác; sử dụng các ngư cụ làm cản trở hoặc gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác đang khai thác; thả neo, đậu tàu tại nơi có ngư cụ của tổ chức, cá nhân khác đang khai thác hoặc nơi tàu cá khác ra dấu hiệu đang khai thác, trừ trường hợp bất khả kháng; vứt bỏ ngư cụ xuống vùng nước tự nhiên, trừ trường hợp bất khả kháng; vi phạm các quy định về an toàn giao thông, an toàn của các công trình theo quy định của pháp luật về hàng hải, về giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan; vi phạm các quy định về quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản; chuyển mục đích sử dụng đất, mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản đã được giao, cho thuê mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nuôi trồng giống thủy sản mới khi chưa được Bộ Thủy sản cho phép và các loài thủy sản thuộc danh mục cấm nuôi trồng; nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch làm cản trở dòng chảy, cản trở hoạt động khai thác thủy sản, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các ngành, nghề khác; sử dụng thuốc, phụ gia, hoá chất thuộc danh mục cấm sử dụng để nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản; đưa tạp chất vào nguyên liệu, sản phẩm thủy sản; thả thủy sản nuôi trồng bị nhiễm bệnh vào nơi nuôi trồng hoặc vào các vùng nước tự nhiên; xả thải nước, chất thải từ cơ sở sản xuất giống thủy sản, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở bảo quản, chế biến thủy sản mà chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn quy định vào môi trường xung quanh; chế biến, vận chuyển hoặc đưa ra thị trường các loài thủy sản thuộc danh mục cấm khai thác; thủy sản có xuất xứ ở vùng nuôi trồng trong thời gian bị cấm thu hoạch; thủy sản có dư lượng các chất độc hại vượt quá giới hạn cho phép; thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hiểm đến tính mạng con người, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thủy sản thuộc danh mục cấm xuất khẩu, nhập khẩu.

#### ***d. Luật Đa dạng sinh học***

Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (được bổ sung, sửa đổi năm 2018) có 8 chương, 78 điều quy định về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học. Luật có các quy định cụ thể về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp quốc gia và địa phương; bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật và tài nguyên di truyền; hợp tác quốc tế về đa dạng sinh học; cơ chế, nguồn lực và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

Luật Đa dạng sinh học còn quy định các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm: Săn bắt, đánh bắt, khai thác loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ việc vì mục đích nghiên cứu khoa học; lấn chiếm đất đai, phá hoại cảnh quan, hủy hoại hệ sinh thái tự nhiên, nuôi trồng các loài ngoại lai xâm hại trong khu bảo tồn; xây dựng công trình, nhà ở trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; xây dựng công trình, nhà ở trái phép trong phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn; điều tra, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp; cư trú trái phép, gây ô nhiễm môi trường trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái của khu bảo tồn; săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo trái phép loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; nhập khẩu, phóng thích trái phép sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen; nhập khẩu, phát triển loài ngoại lai xâm hại; tiếp cận trái phép nguồn gen thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; chuyển đổi trái phép mục đích sử dụng đất trong khu bảo tồn.

#### ***e. Luật Tài nguyên nước***

Luật Tài nguyên nước năm 2012 có 10 chương với 79 Điều, quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ Việt Nam. Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Luật Tài nguyên nước quy định những vấn đề cơ bản:

Tài nguyên nước thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Đây là quy định cơ bản nhất, là cơ sở cho các quy định khác của Luật. Giống như đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên nước thuộc sở hữu toàn dân theo quy định của Hiến pháp Việt Nam.

Luật Tài nguyên nước quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm: Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước và các hành vi khác gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước; xả khí thải độc hại trực tiếp vào nguồn nước; xả nước thải vào lòng đất thông qua các giếng khoan, giếng đào và các hình thức khác nhằm đưa nước thải vào trong lòng đất; gian lận trong việc xả nước thải; đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch; khai thác trái phép cát, sỏi trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và các hoạt động khác trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; phá hoại công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; cản trở hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân; thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trái phép; không tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch tài nguyên nước.

Các quy định về việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước gây ra. Tài nguyên nước là của dân thì việc khai thác, sử dụng phải đem lại lợi ích cao nhất cho nhân dân theo sự quản lý của Nhà nước và toàn dân có trách nhiệm, nghĩa vụ tham gia quản lý, bảo vệ tài nguyên nước. Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ cho đời sống và sản xuất, đồng thời phải có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước gây ra theo quy định của pháp luật. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Quy định về nghĩa vụ tài chính đối với người khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Người khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải có nghĩa vụ tài chính như nộp thuế, phí, lệ phí để tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước, đem lại lợi ích cho nhân dân.

### ***g. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.***

Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với 12 chương, 48 điều, đã thể chế hóa đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển năng lượng quốc gia, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ môi trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Luật quy định rõ trách nhiệm của các cơ sở sử dụng năng lượng

trong công tác phối hợp, báo cáo hiện trạng sử dụng năng lượng, lập và thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại đơn vị. Khuyến khích hình thành mạng lưới các tổ chức dịch vụ để triển khai các chương trình, dự án tiết kiệm năng lượng tại các địa phương.

#### ***h. Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo***

Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 quy định về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo Việt Nam; hoạt động bảo vệ môi trường, quản lý, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên biển và hải đảo thực hiện theo quy định của các luật có liên quan và bảo đảm phù hợp với các quy định tại Luật này. Đối tượng áp dụng của Luật là cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo Việt Nam.

Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo gồm có 10 chương 81 điều đã quy định cụ thể những nội dung theo các chương khác nhau, quy định các nội dung cơ bản sau: Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, gồm 3 điều (từ Điều 9 đến Điều 11); Điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (từ Điều 12 đến Điều 21); quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ, gồm 3 mục, 17 điều (từ Điều 22 đến Điều 38); quản lý tài nguyên hải đảo, gồm 3 điều (từ Điều 39 đến Điều 41); Kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc và nhận chìm ở biển, gồm 3 mục, 22 điều (từ Điều 42 đến Điều 63); quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, gồm 2 mục 7 điều (từ Điều 64 đến Điều 70); hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường biển và hải đảo, gồm 2 điều (Điều 71 và Điều 72); trách nhiệm quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, gồm 6 điều (từ Điều 73 đến Điều 78).

#### ***i. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực về tài nguyên***

Vi phạm hành chính trong các lĩnh vực về tài nguyên là những hành vi vi phạm các quy định của nhà nước trong hoạt động quản lý, bảo vệ, nghiên cứu, điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và hải đảo do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo Nghị định của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực về tài nguyên thì phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Việc xử phạt vi phạm hành chính nói chung, trong đó có vi phạm hành chính trong các lĩnh vực về tài nguyên được quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính số

15/2012 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2013. Căn cứ vào các quy định của Luật chuyên ngành và Luật xử lý vi phạm hành chính, Chính phủ ban hành Nghị định để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên. Hiện nay, xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực về tài nguyên chủ yếu căn cứ vào 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, quy định xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/04/2019, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

## **II. BIỆN PHÁP TUYÊN TRUYỀN VÀ PHỐI HỢP TRONG PHÁT HIỆN, NGĂN CHẶN CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Tuyên truyền về bảo vệ môi trường**

#### ***a. Nội dung tuyên truyền về bảo vệ môi trường***

- Các vấn đề cơ bản về khoa học môi trường: Vai trò, chức năng của môi trường, các trạng thái của môi trường và những vấn đề môi trường toàn cầu (*ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường, suy giảm tầng ô zôn, biến đổi khí hậu, suy thoái đa dạng sinh học...*)

- Những tác động của con người đến môi trường và thực trạng môi trường hiện nay và hậu quả của ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu.

- Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, trên cơ sở đó các tổ chức, cá nhân thực hiện đồng thời để mọi người nhận diện được các hành vi xâm hại đến môi trường nói chung và nhận diện về hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng.

- Các biện pháp, mô hình bảo vệ môi trường ở các cấp độ để các tổ chức, cá nhân áp dụng trong thực tế nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

- Nâng cao nhận thức nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng có hại đối với môi trường, khuyến khích sử dụng các sản phẩm thay thế, thân thiện môi trường.

- Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ môi trường nói chung và phát hiện, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng.

Tùy theo từng đối tượng, mà xác định các nội dung trọng tâm cần tuyên truyền cho phù hợp.

#### ***b. Biện pháp tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường***

*Việc giáo dục, tuyên truyền về bảo vệ môi trường được thực hiện như sau:*

- Đưa giáo dục ý thức bảo vệ môi trường vào chương trình đào tạo các cấp học, bậc học. Tùy thuộc vào từng đối tượng đào tạo, cấp học, bậc học mà có cách thức xác định nội dung, phương pháp giáo dục môi trường cho phù hợp như: Thông qua bài giảng, tham quan, khảo sát thực tế, tổ chức thuyết trình, tập luyện các kỹ năng giải quyết các vấn đề môi trường. Chương trình giáo dục bảo vệ môi trường có thể được lồng ghép vào các môn học hoặc xây dựng môn học độc lập.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục cộng đồng về bảo vệ môi trường. Việc mở rộng và duy trì các hoạt động giáo dục cộng đồng về tác hại của ô nhiễm, suy thoái môi trường sẽ góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường nói chung và phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng.

- Sử dụng rộng rãi các phương tiện truyền thông để giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng. Các cơ quan truyền thông đại chúng phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chuyên mục, chuyên đề, phóng sự về môi trường; đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền thông môi trường; đưa tin chính xác, thường xuyên và kịp thời; phát hiện và kiên quyết đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Từng bước xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường.

- Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức các hoạt động cụ thể về bảo vệ môi trường (ngày môi trường thế giới, tuần lễ xanh, giờ trái đất...);

- Tổ chức các diễn đàn trao đổi về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng nếp sống, văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường trên cơ sở đổi mới tư duy, cách làm, hành vi ứng xử, ý thức trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường.

- Tiêu chí hóa và phối hợp lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường với các phong trào, các cuộc vận động như cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư nhằm gắn công tác bảo vệ môi trường với phát triển bền vững.

- Phát hiện, nêu gương, tạo được phong trào, nhân rộng các điển hình, khu vực, mô hình, cách làm hay, tốt về môi trường; thúc đẩy các nhân tố tích cực, điểm sáng, khu vực, địa bàn, lĩnh vực điển hình về môi trường nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, giảm dần, thu hẹp các địa bàn, loại hình, đối tượng gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường.

- Thông qua kiểm tra, xử lý các đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường để tuyên truyền, giáo dục cho chính đối tượng được kiểm tra, xử lý, đồng thời thông qua việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường sẽ có tác động đến các cá nhân, tổ chức khác.

## **2. Phối hợp trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

### ***a. Chủ thể và phân công trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường***

#### **- Tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường**

Hoạt động quản lý nhà nước về môi trường có phạm vi rất rộng bao gồm quản lý từng thành phần của môi trường và quản lý môi trường nói chung, liên quan đến nhiều cấp độ quản lý khác nhau (địa phương, quốc gia tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu). Vì vậy, quản lý nhà nước về môi trường đòi hỏi phải có sự phối hợp hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan ban ngành từ Trung ương xuống các địa phương.

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, thì Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước. Để thực hiện chức năng của mình, Chính phủ giao cho các cơ quan trực thuộc, thay mặt mình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó trực tiếp là Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (Điều 141, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014). Ngoài Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường theo chức năng của mình và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi mình quản lý. Tại các cơ quan này, đều phải tổ chức các bộ phận phụ trách và cán bộ phụ trách các vấn đề về môi trường thuộc phạm vi mình quản lý.

Đối với các địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các địa phương mình, tùy theo phạm vi quản lý.

Như vậy, bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về môi trường được tổ chức từ Trung ương đến từng địa phương để đảm bảo việc đúng chức năng quản lý của các cơ quan Nhà nước trong bảo vệ môi trường.

Để đảm bảo thuận lợi cho quá trình quản lý nhà nước, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 còn quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phải có tổ chức hoặc bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Đối với các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải có tổ chức hoặc bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp về quản lý môi trường trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường. Các tổng công ty nhà nước,



tập đoàn kinh tế, ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chất thải nguy hại hoặc tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố môi trường phải có bộ phận chuyên môn hoặc cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường.

#### **- Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường**

Lực lượng Cảnh sát môi trường được xác định là lực lượng chuyên trách thuộc Công an nhân dân có chức năng phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường; chủ động, phối hợp phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của lực lượng Cảnh sát môi trường được thực hiện theo Pháp lệnh Cảnh sát môi trường năm 2014.

Theo Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, lực lượng Cảnh sát môi trường được tổ chức ở ba cấp Công an (cấp bộ có Cục Cảnh sát môi trường, Công an cấp tỉnh có Phòng Cảnh sát môi trường; Công an cấp huyện có lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tội phạm về môi trường được biên chế trong Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, chức vụ).

Trong phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, lực lượng Cảnh sát môi trường có những nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản sau:

+ Tham mưu, chỉ đạo công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường

Cảnh sát môi trường có trách nhiệm thực hiện việc tổ chức thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường để tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành, chỉ đạo và trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, huy động thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường. Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu để phục vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Áp dụng các biện pháp công tác và các biện pháp nghiệp vụ để tổ chức phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường

Cảnh sát môi trường được áp dụng các biện pháp công tác, biện pháp nghiệp vụ sau đây: Biện pháp vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang theo quy định của Luật Công an nhân dân; các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của các văn bản pháp luật khác có liên quan; bố trí người thâm nhập tìm hiểu hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài

nguyên, an toàn thực phẩm; bố trí lực lượng giám sát hoạt động đối với những người có dấu hiệu phạm tội hoặc tuy chưa có dấu hiệu phạm tội nhưng có căn cứ rõ ràng người đó liên quan trực tiếp đến tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm.

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan đến tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường

Cảnh sát môi trường được yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân: Cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan đến tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường để phục vụ xác minh, làm rõ tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường khi có tố giác, tin báo tội phạm, vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực trên liên quan đến cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoặc có vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đó;

Thông tin, tài liệu, đồ vật do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp phải được quản lý, sử dụng, xử lý theo đúng mục đích, yêu cầu kiểm tra; trường hợp để mất, hư hỏng, thất thoát hoặc gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thì phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, Cảnh sát môi trường được tiến hành các hoạt động kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khi có một trong các căn cứ sau: Khi trực tiếp phát hiện có dấu hiệu tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường; khi có tố giác, tin báo về tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường; yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường

Cảnh sát môi trường được tiến hành kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường khi có một trong các căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường.

+ Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường

Cảnh sát môi trường trong khi thực hiện nhiệm vụ trực tiếp phát hiện hành vi vi phạm hoặc tiếp nhận các vụ vi phạm pháp luật về môi trường do lực lượng khác chuyển giao thì tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

+ Thực hiện công tác kiểm định, giám định về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm

Cảnh sát môi trường trực tiếp kiểm định hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm định, giám định phục vụ xác minh, phát hiện, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, cụ thể:

Thu giữ, bảo quản, sử dụng vật chứng, mẫu vật về môi trường, tài nguyên, thực phẩm và các mẫu vật khác có liên quan. Đối với vật chứng, mẫu vật cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu giữ; niêm phong phải có chữ ký của cán bộ thu giữ, của đại diện tổ chức, cá nhân có vật chứng, mẫu vật bị thu giữ. Trường hợp đại diện tổ chức, cá nhân có vật chứng, mẫu vật bị thu giữ vắng mặt thì phải lập biên bản về sự vắng mặt đó. Vật chứng, mẫu vật được niêm phong trong 2 trường hợp này có giá trị pháp lý như nhau. Cơ quan kiểm định, giám định khi tiếp nhận vật chứng, mẫu vật phải lập biên bản xác định tình trạng của niêm phong. Khi mở niêm phong phải có mặt đại diện cơ quan kiểm định, đại diện cơ quan thu mẫu, vật chứng;

Tiến hành đo lường, phân tích, kiểm định, giám định, quan trắc môi trường. Đánh giá kết quả đo lường, phân tích, kiểm định, giám định, quan trắc môi trường và đưa ra kết luận. Kết quả kiểm định, giám định là căn cứ để xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Tiến hành một số hoạt động điều tra.

Khi xác định có dấu hiệu của tội phạm về môi trường, lực lượng Cảnh sát môi trường khởi tố vụ án và tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự và Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự. Các hoạt động điều tra sau khi có quyết định khởi tố vụ án là: Lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án. Lực lượng Cảnh sát môi trường lúc này trở thành đơn vị phối hợp để điều tra tội phạm về môi trường.

### **c. Nguyên tắc, nội dung, hình thức quan hệ phối hợp trong bảo vệ môi trường, phát hiện ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường**

Quan hệ phối hợp trong bảo vệ môi trường là mối quan hệ công tác được thiết lập dựa trên cơ sở quy định của pháp luật nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp giữa các ngành, các cấp, các lực lượng trong công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- *Nguyên tắc phối hợp*

+ Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, lực lượng đã được pháp luật quy định; không gây cản trở đến các hoạt động hợp pháp của các bên tham gia phối hợp, đảm bảo công tác quản lý nhà nước thống nhất theo từng chuyên ngành.

+ Các Bộ, ngành trong quá trình hoạt động, phối hợp với nhau nhằm giải quyết nhanh chóng các vụ việc và hỗ trợ nhau thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn mà pháp luật quy định.

+ Trong quá trình hoạt động nếu phát hiện tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường thì lực lượng Cảnh sát môi trường xử lý theo thẩm quyền.

+ Các lực lượng khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình mà phát hiện tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường nếu không thuộc thẩm quyền của mình thì có trách nhiệm thông báo, chuyển giao cho lực lượng Cảnh sát môi trường. Lực lượng Cảnh sát môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả điều tra, xử lý tội phạm và vi phạm hành chính cho lực lượng chuyển giao biết.

+ Đối với vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều lực lượng chức năng của các Bộ, ngành, địa phương thì đơn vị nào phát hiện trước có trách nhiệm thụ lý hồ sơ và chủ trì việc xử lý hành chính.

*- Nội dung phối hợp*

+ Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác liên quan đến công tác phối hợp.

+ Trao đổi thông tin, tài liệu về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Kiểm tra, phát hiện, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Kiểm định, giám định, phân tích, quan trắc phục vụ xác minh, phát hiện xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Huy động người, phương tiện để ngăn chặn, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Khắc phục các sự cố môi trường, bảo vệ tài nguyên, phòng, chống ô nhiễm môi trường.

+ Sơ kết, tổng kết công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân bảo vệ môi trường; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát môi trường.

+ Hoạt động hợp tác quốc tế.

+ Các hoạt động phối hợp khác có liên quan.

*Chú ý:* Hoạt động phối hợp của lực lượng Cảnh sát môi trường với các lực lượng khác trong phát hiện, đấu tranh ngăn chặn tội phạm về môi trường là quan hệ phối hợp phức tạp, vừa phải trao đổi thông tin, vừa phải bảo đảm bí mật thông tin. Do đó, đòi hỏi có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ nhằm đạt mục đích chung đã được xác định. Phối hợp trong công tác chỉ đạo phải được xác định ngay từ khâu làm kế hoạch phối hợp; tổ chức nắm tình hình, phòng ngừa và điều tra khám phá tội phạm về môi trường đến khâu sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Đồng thời, phải căn cứ vào kế hoạch phối hợp đã được xác định để tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động phối hợp của các lực lượng tham gia.

- *Hình thức phối hợp.*

Việc tổ chức mối quan hệ phối hợp trong bảo vệ môi trường, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện qua việc ký kết các quy chế phối hợp giữa các chủ thể được giao trách nhiệm trong bảo vệ môi trường. Việc tổ chức phối hợp cũng có thể được thực hiện theo hình thức phối hợp vụ việc hoặc phối hợp theo từng chuyên đề. Hình thức phối hợp theo vụ việc chủ yếu được thực hiện trên cơ sở quy định pháp luật, các quy chế phối hợp chung. Trong trường hợp này, khi phát sinh tình huống cần phối hợp, các chủ thể đề xuất phối hợp với các lực lượng chức năng có liên quan để giải quyết các vụ việc theo đúng trình tự, thủ tục pháp lý, đồng thời đảm bảo các yêu cầu nghiệp vụ. Bên cạnh đó, phối hợp theo các chuyên đề được thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời điểm, từng địa bàn, có thể tổ chức các nhóm liên ngành cùng phối hợp hoạt động để giải quyết các vấn đề về môi trường nói chung, phát hiện, điều tra, xử lý các vụ phạm tội, vi phạm pháp luật về môi trường.

*Chuyên đề***PHÒNG, CHỐNG MA TÚY HỌC ĐƯỜNG***Trung tá, Ths Phạm Hữu Tuấn**Trưởng khoa Cảnh sát ma túy, Trường CĐCSND1***I. Nhận thức về ma túy****1. Khái niệm ma túy**

Điểm 1, điều 2 Luật Phòng chống ma túy năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2008 quy định:

- Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần, được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

- Chất gây nghiện là chất kích thích, ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

**Chất kích thích, ức chế thần kinh** là các chất khi đưa vào cơ thể con người sẽ làm **tăng hoạt động của hệ thần kinh trung ương**, làm cho người sử dụng có cảm giác về sức mạnh sáng khoái giả tạo hoặc không điều khiển được hành vi của mình và trở lên **hung hăng, liều lĩnh, nóng giận...**

- Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

Chất gây ảo giác là những chất khi đưa vào cơ thể con người sẽ tác **động mạnh trên hệ thần kinh trung ương, gây ảo giác về âm thanh, ánh sáng và sức mạnh**, người sử dụng cảm thấy **khoan khoái, thay đổi nhận thức và xuất hiện ảo giác**.

Theo quy định tại Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, hiện nay có 540 chất ma túy cần sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước.

Chất ma túy khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ tác động lên hệ thần kinh trung ương gây ra những biến đổi về tâm, sinh lý, thể chất như khiến cho hệ thần kinh hoạt động nhanh hơn, gây nên những thay đổi trong thái độ và nhận thức, làm cho người sử dụng có những ảo giác và hành động không đúng với thực tại. Ngoài ra, khi xâm nhập vào cơ thể con người chất ma túy còn làm thay đổi một số nội tiết tố trong cơ thể, gây nên tình trạng kích thích hoặc ức chế từng phần ở bán cầu đại não. Người nghiện có biểu hiện rối loạn phản xạ thần kinh, đau đầu, chóng mặt, trí nhớ suy giảm, ngại vận động, tiếp xúc với người xung quanh... dùng liều cao có thể ngộ độc cấp, hôn mê và dẫn đến tử vong. Nếu lạm dụng chất ma túy, người sử dụng sẽ bị lệ thuộc vào chất ma túy đã sử dụng và có nhu cầu đưa chất ma túy vào cơ thể ngày càng tăng lên về số lần và liều lượng sử dụng. Đối với những người nghiện ma túy, không đưa chất

ma túy vào cơ thể sẽ xuất hiện một số triệu chứng cai nghiện như: Đau đốn, hoa mắt, đổ mồ hôi, sùi bọt mép, có cảm giác rời bỏ trong xương và luôn có cảm giác thèm muốn đưa chất ma túy vào cơ thể nên sẽ tìm mọi cách để sử dụng chất ma túy. Do vậy, việc lạm dụng, sử dụng trái phép chất ma túy sẽ gây ra những tác hại cho người sử dụng và cộng đồng

## **2. Phân loại chất ma túy**

Hiện nay có rất nhiều phương pháp phân loại chất ma túy, như: Phân loại theo Danh mục kiểm soát, phân loại theo tác dụng của ma túy đối với tâm sinh lý người sử dụng... Tuy nhiên trong phạm vi bài giảng này, chúng tôi đề cập đến cách phân loại dựa vào nguồn gốc của nguyên liệu dùng để sản xuất và sản phẩm tạo thành các chất ma túy. Theo cách phân loại này, chất ma túy gồm các nhóm sau đây:

### **a. Chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên**

Là các chất ma túy được thu hái, chiết xuất từ các cây trồng tự nhiên hoặc là các chế phẩm được tách chiết, tinh chế từ các sản phẩm thu hái từ cây tự nhiên như: Cây thuốc phiện, cây cần sa, cây coca...

### **b. Chất ma túy tổng hợp**

Là các chất ma túy được điều chế bằng phương pháp tổng hợp từng phần hoặc toàn phần từ các chất hóa học trong phòng thí nghiệm để tạo ra các chất ma túy như: Heroine, Cocaine, Crack, Amphetamine, Methamphetamine, Ecstasy...

## **3. Các chất ma túy thường gặp**

### **a. Thuốc phiện**

- Cây thuốc phiện:

+ Nguồn gốc: Cây thuốc phiện (cây anh túc, anh tử túc, cây á phiện...) được trồng nhiều ở vùng Lưỡi liềm vàng thuộc khu vực Tây Nam Á (Pakistan, Afghanistan, Iran), vùng Tam giác vàng thuộc khu vực Đông Nam Á (Myanmar, Thái Lan, Lào) và các nước như: Ấn Độ, Trung Quốc, Mexicô, Colombia... ở Việt Nam các đối tượng thường trồng trái phép ở một số tỉnh như: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Sơn La, Hoà Bình, Nghệ An, Thanh Hoá...

+ Đặc điểm: Cây thuốc phiện được trồng theo mùa, phát triển mạnh ở vùng khí hậu ẩm áp và khô ráo, cây cao từ 0,7- 1,5m có sức sống từ 1- 2 năm. Lá mọc so le, phiến lá hình trứng dài, đầu nhọn, mép lá hình răng cưa, hoa hình phễu, cuống dài có màu trắng, màu hồng, màu tím, quả hình cầu, hình trụ, chưa chín có màu xanh, khi chín có màu xám. Thân cây nhẵn, phủ phấn trắng toàn thân, lá cây, quả tươi đều cho nhựa, lúc đầu có màu trắng đục sau gập không khí nhựa chuyển sang màu nâu đen. Chất gây nghiện tập trung chủ yếu ở nhựa thuốc phiện, được lấy từ quả của cây thuốc phiện.

- Nhựa thuốc phiện:

+ Nguồn gốc: Nhựa thuốc phiện được chiết xuất từ quả của cây thuốc phiện. Để thu nhựa thuốc phiện người ta dùng mũi dao nhọn rạch từng đường xoắn hoặc dọc theo

thân quả để nhựa thuốc phiện chảy ra, lọc rửa làm bay hơi nước hoặc sấy khô thu được thành phẩm là nhựa thuốc phiện sống.

+ Đặc điểm: Nhựa thuốc phiện sống có màu nâu đen, màu cánh gián có mùi ngái đặc trưng (mùi hắc). Nhựa thuốc phiện sống pha loãng lọc bỏ tạp chất, đun sôi, cô đặc lại thu được nhựa thuốc phiện chín có màu đen, nặng và chắc hơn nhựa thuốc phiện sống.

Nhựa thuốc phiện có chứa trên 40 ankaloit khác nhau, trong đó các loại hoạt chất chiếm hàm lượng cao trong thành phần của nhựa thuốc phiện là: Morphine, Codeine, Thebaine, Narcotine, Papaverine...

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Sử dụng nhựa thuốc phiện bằng hình thức hút (tẩu, bàn đèn) hoặc chích. Chất ma túy trong nhựa thuốc phiện xâm nhập vào cơ thể con người đem lại cảm giác êm dịu, đê mê, sáng khoái kéo dài từ 3-6 giờ. Người nghiện thuốc phiện sẽ bị suy sụp về sức khỏe, da xám dần, không muốn ăn, khó ngủ, sợ nước, đi đứng không vững... lúc nào cũng thèm thuốc, nếu không đáp ứng được nhu cầu sử dụng người nghiện sẽ lên cơn nghiện và có thể kiệt sức, chết do suy tim mạch. Trong y học, nhựa thuốc phiện dùng để sản xuất thuốc giảm đau, chữa ho, chữa bệnh tiêu chảy...

#### *b. Morphine*

- Nguồn gốc: Morphine được chiết xuất từ nhựa thuốc phiện.

- Đặc điểm: Morphine có dạng bột màu trắng, không mùi, có vị đắng để lâu trong không khí và lẫn tạp chất sẽ chuyển sang màu hơi vàng hoặc xám. Trên thị trường bất hợp pháp Morphine được đóng thành bánh, một mặt dập nổi 999, mặt kia dập chìm biểu tượng ngựa bay, phía dưới có dòng chữ "FLYING HORSE". Morphine ở dạng viên nén, trên nhãn thuốc có in chữ Morphine Clohydrate, dạng lỏng thường đựng trong ống tiêm bên ngoài có in chữ Morphine sulfate. Ở dạng viên và dạng lỏng Morphine chủ yếu sử dụng trong y học có tác dụng làm thuốc giảm đau, gây ngủ.

- Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Morphine được sử dụng bằng hình thức tiêm chích và uống nuốt. Morphine hấp thu tốt ở đường **tiêu hóa**, tác dụng nhanh sau khi uống từ 30-60 phút, Morphine được chuyển hóa ở gan, đào thải ra ngoài 30% qua thận, một phần nhỏ thải qua dịch vị, dịch mật ra ngoài, một phần qua tuyến **mồ hôi, nước bọt**. Morphine thải nhanh trong 6 giờ đầu, nếu lạm dụng Morphine sẽ làm giảm hoạt động tinh thần, mất khả năng tri giác, rối loạn về tâm, sinh lý hoặc làm giảm khả năng tiết dịch, tiết niệu, gây tích lũy axit trong máu, gây ngộ độc cho người sử dụng và có thể dẫn đến tử vong. Phụ nữ có thai dùng Morphine rất nguy hiểm, gây tác hại lâu dài đến sự trưởng thành của trẻ như đẻ non, suy dinh dưỡng, rối loạn hành vi, nôn mửa, mất ngủ..

#### *c. Heroine*

- Nguồn gốc: Heroine (Bạch phiến, thuốc phiện trắng...) được tạo ra bằng cách cho Morphine tác dụng với Anhydride Axetic.

- Đặc điểm: Heroine tồn tại dưới dạng bột kết tinh hoặc bột tơi màu trắng hơi vàng, độc tính mạnh gấp từ 30 đến 60 lần thuốc phiện.



Heroin thường được chiết xuất, điều chế thành 02 loại: Loại bột trắng hồng, xốp như bông gọi là “Heroin 4” (bạch phiến) dùng để tiêm chích vào tĩnh mạch, loại bột màu nâu hồng gọi là “Heroin 3” dùng để hút, hít.

Heroin được đóng thành bánh nặng từ 350g đến 360g, trên mặt có in hình hai con sư tử châu quả cầu lửa, 999, hình ba ngôi sao, nhãn biểu tượng con voi... mỗi bánh có chứa hàm lượng Heroin từ 50% - 90%.

- Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Sử dụng Heroin bằng hình thức hút, hít và tiêm chích, khi đưa vào cơ thể con người sẽ gây ra những biến đổi về tâm sinh lý, gây cảm giác êm dịu, đê mê giống như Morphine nhưng mức độ của nó mạnh hơn rất nhiều. Độc tính cao gấp 10-20 lần so với Morphine, khả năng xâm nhập vào máu nhanh hơn.

Sử dụng Heroin từ 2 đến 3 lần là có khả năng bị nghiện và suy sụp nhanh về thể chất và tinh thần. Dùng Heroin lần đầu sẽ có cảm giác mơ màng, khoan khoái, quên và thoát ly với thực tại... Khi lên cơn nghiện nếu không có Heroin người nghiện sẽ bị đau cơ thất, có thể thay đổi về tính cách, trở nên cô độc, thù ghét đồng loại, mất khả năng sinh dục; dễ gây ra các hành vi vi phạm pháp luật; dùng liều cao có thể làm cho người sử dụng tăng thân nhiệt, vã mồ hôi và tái sắc, xuất hiện triệu chứng ngộ độc cấp tính như: run rẩy, choáng váng, hôn mê và có thể dẫn đến tử vong.

#### d. Cần sa

- Cây cần sa

+ Nguồn gốc: Cây cần sa là cây thực vật có tên khoa học là: Cannabis - Sativa. Cây cần sa (cây gai dầu, cây lanh mèo, cây bồ đà...) được trồng ở các vùng có nhiệt độ cao như các vùng nhiệt đới gió mùa Nam Mỹ, Châu Phi, Nam Á và Đông Nam Á.

+ Đặc điểm: Cây cần sa cao từ 0,6 - 2 m, thân vuông có rãnh dọc, mọc thẳng đứng, lá cần sa chia từ 5 - 9 thùy, hình bàn tay xòe, mép lá có hình răng cưa. Hoa cần sa là loại hoa đơn tính, màu vàng nhạt, hoa đực mọc rủ xuống, hoa cái mọc thành bông. Hạt cần sa hình cầu, có mùi thơm, trong có nhân dẹt.

Trong thành phần cây cần sa có hơn 30 chất khác nhau. Nhưng có 3 chất chủ yếu đó là: Tetra hydro cannabinol (THC); Cannabinol (CBN); Cannabidiol (CBD). Đây là 3 chất quan trọng nhất trong số hơn 30 chất có trong cần sa, những chất ma túy này có khả năng gây nghiện mạnh, gây ảo giác. Những chất ma túy này sau khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ tạo ra những ảo ảnh khác thường. Sau những ảo ảnh, ảo giác, người sử dụng trở nên mệt mỏi, buồn ngủ, ngủ chập chờn và mộng ảo.

- Các sản phẩm từ cây cần sa gồm: Cần sa thảo mộc, cần sa nhựa và cần sa tinh dầu.

+ Cần sa thảo mộc: Gồm lá, hoa, quả, thân của cây cần sa được thu hoạch đem phơi khô, cắt nhỏ rồi ép thành từng bánh đưa ra bán ở thị trường. Ngoài ép thành bánh, cần sa còn được cắt nhỏ cuộn thành điếu, giống điếu thuốc lá, mỗi điếu nặng từ 2 - 4g mang bán cho người nghiện để hút.

+ Nhựa cần sa: Được chiết xuất từ lá, rễ, thân, hoa, quả của cây cần sa, có màu đen sẫm giống như thuốc phiện, hàm lượng các chất gây nghiện cao gấp 8 - 10 lần so với cần sa thảo mộc. Nhựa cần sa được đưa vào khuôn, đóng thành từng bánh, dập nhãn hiệu, đóng gói rồi đưa ra thị trường tiêu thụ.

+ Tinh dầu cần sa: Có màu hơi tối và mùi hắc, được chiết xuất từ cần sa thảo mộc hoặc nhựa cần sa bằng cách sử dụng các dung môi hữu cơ như: Metanol, etanol, axeton..., hàm lượng các chất gây nghiện trong tinh dầu cần sa rất cao và có độc tính gấp 3 - 4 lần so với nhựa cần sa.

- Hình thức sử dụng và cơ chế tác động.

Sử dụng cần sa bằng cách hút giống như hút thuốc lá. Ngoài ra nhiều người còn dùng cần sa thảo mộc để pha nước uống như pha nước chè hoặc luộc cần sa thảo mộc tươi ăn giống như rau luộc. Tinh dầu cần sa còn được sử dụng bằng cách trộn lẫn vào thức ăn để ăn như: ăn kèm với bánh quy, bánh ngọt, đồ ăn mặn... hoặc nhựa cần sa, tinh dầu cần sa còn được tẩm vào các viên đường, viên kẹo để ngậm. Tuy nhiên, trong các cách thức sử dụng trên thì cách hút cần sa vẫn là cách phổ biến, vì khả năng tác động của chất gây nghiện lên cơ thể của người sử dụng nhanh hơn so với các cách sử dụng khác.

Trong y học cần sa được sử dụng để làm thuốc giảm đau, chống co giật, làm mềm cơ và chữa các bệnh thuộc hệ thống thần kinh trung ương, bệnh động kinh, ho, hen suyễn. Trong y học hiện đại dùng THC có trong cần sa làm thuốc an thần, chống nôn mửa cho những người bị ung thư ác tính.

Hiện nay, cần sa là một chất ma túy được sử dụng phổ biến, nguy hiểm nhất của cần sa là gây ảo giác, làm cho người sử dụng bị sai lệch về tinh thần, tùy thuộc vào thần kinh của từng người nghiện mà cần sa có những tác động gây ảo giác khác nhau.

#### *e. Cocaine*

- Cây Côca:

+ Nguồn gốc: Cây Côca là loại cây được trồng chủ yếu ở vùng núi Andes ở Nam Mỹ đặc biệt ở Bolivia, Colombia và Pêru.

+ Đặc điểm: Cây Côca có thể cao đến 6m, ở các khu vực trồng Côca, người ta chỉ cho cây phát triển chiều cao từ 1-1,5m với mục đích tạo điều kiện dễ dàng cho việc thu hoạch lá hàng năm. Lá cây Côca mọc so le, có cuống ngắn có 2 lá kèm nhỏ, biến đổi thành gai. Phiến lá hình bầu dục, hoa Côca là hoa nhỏ, mọc đơn tập trung 3 - 4 hoa ở kẽ lá. Quả Côca có hình trứng, khi chín có màu đỏ, có mang lá dài còn sót lại, đựng một hạt có nội nhũ. Mỗi cây Côca có thể cho thu hoạch lá được trong vòng 40 năm, mỗi năm có thể hái nhiều lần. Cứ 1 ha thu được 300-400 kg lá Côca khô trong 1 lần thu hoạch.

Trong lá cây Côca có hơn 40 ankaloit khác nhau, nhưng chủ yếu là các ankaloit cơ bản sau đây: Cocaine, Methylecgonine, Cinnamyl cocaine, Ecgonine, Benzoylecgonine...

Trong lá Côca thì cocaine chiếm tỷ lệ 0,3- 1% và là chất có hoạt tính sinh học duy nhất trong lá Côca. Lá Côca được dùng chủ yếu để chiết xuất Cocaine. Ngoài ra, nó được dùng làm nguyên liệu để sản xuất nước giải khát Côcacôla.

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Lá cây Côca được sử dụng bằng hình thức nhai như nhai lá trà. Nhai lá Côca trộn với vôi thì người sử dụng sẽ cảm thấy không đói, không mệt mỏi, dùng một thời gian thì sẽ bị nghiện. Những người sử dụng lá Côca lâu dài thường gây ra rối loạn các chức năng của hệ thống thần kinh, tiêu hóa, tim mạch, hô hấp.

- Cocaine.

+ Nguồn gốc: Cocaine lần đầu tiên được một dược sĩ người Đức chiết xuất từ lá cây Coca vào năm 1860. Đến năm 1883, Cocaine mới được một bác sĩ thử nghiệm với binh lính Đức và cho kết quả là sự hồi phục sức khỏe đáng kinh ngạc. Những tác dụng làm tăng sức khỏe của Cocaine đã khiến trong những năm đầu từ khi Cocaine được chiết xuất, thành phần của Cocaine có mặt trong nhiều loại thuốc bổ, kẹo, bánh và nước giải khát... Nhiều người, trong đó có cả những người thuộc tầng lớp thượng lưu đã ưa thích sử dụng Cocaine và những đồ ăn có Cocaine.

+ Đặc điểm của Cocaine:

Bột nhão Côca: Là sản phẩm trung gian trong quá trình chế biến lá côca thành Cocaine, sản phẩm còn được gọi bằng các tên khác như: Basuco, Susuko; Pacta; Basica; Decocina, được lưu hành thông dụng và nhiều người nghiện ma túy ở Nam Mỹ ưa dùng.

Cocaine clohydrat: Sau khi có bột nhão Côca, muốn thu được Cocaine người ta phải qua giai đoạn tinh chế để loại bỏ tạp chất và các ankaloit khác. Cocaine clohydrat tinh khiết là loại bột kết tinh màu trắng, tơi xốp như tuyết với những tinh thể nhỏ, mượt. Tuy nhiên, trên thị trường có thể gặp ở những dạng màu ngà vàng hoặc xám, tùy thuộc vào mức độ tinh khiết của Cocaine.

Cocaine bazơ: Cocaine bazơ thu được bằng cách hòa tan Cocaine clohydrat vào trong nước, sau đó cho tác dụng với chất kiềm để tách Cocaine bazơ ra khỏi nước, sau đó dùng dung môi hữu cơ để tách chiết. Tiếp tục cho bay hơi dung môi thì ta sẽ có Cocaine bazơ nguyên chất. Cocaine bazơ có tác dụng mạnh hơn Cocaine ở dạng muối clohydrat.

Crack: Là một dạng của Cocaine thu được bằng cách hoà tan Cocaine clohydrat vào dung dịch soda, sau đó đun nóng hỗn hợp trên lò điện siêu âm. Cocaine được tạo thành dưới dạng những tinh thể nhỏ sáng bóng liên kết với nhau thành những khối nhỏ như những viên đá cuội. Thực tế, Crack không phải là Cocaine nguyên chất, bởi vì, khi điều chế bằng phương pháp trên còn một lượng soda lẫn trong sản phẩm tạo thành. Sự có mặt của soda làm cho khi hút Crack có những tiếng kêu tí tách, chính vì thế, mà người ta gọi nó là Crack. Crack là một sản phẩm được ưa dùng nhất trong các loại sản phẩm của Cocaine.

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Cocaine được sử dụng bằng hình thức hút, hít, uống và tiêm chích. Cocaine là chất kích thích hệ thần kinh trung ương rất mạnh, gây hoang mang, thích thích. Những người sử dụng Cocaine lâu dài thường gây ra rối loạn các chức năng của hệ thống thần kinh, tiêu hóa, tim mạch, hô hấp. Nếu hít Cocaine nhiều, liên tục có thể làm niêm mạc mũi bị ăn mòn. Dùng liều cao thì gây ảo giác, chóng mặt và có thể tử vong.

*f. Một số chất ma túy tổng hợp*

- Amphetamine.

+ Nguồn gốc: Amphetamine là chất ma túy được điều chế bằng phương pháp tổng hợp toàn phần từ các hoá chất, được tổng hợp lần đầu tiên vào năm 1887, nhưng đến năm 1932, các nhà dược học Mỹ đã sử dụng Amphetamine làm thuốc giãn phế quản có tác dụng kích thích hệ thần kinh trung ương rất mạnh. Chất ma túy này có tác dụng kích thích nhất thời hệ thống thần kinh trung ương gây hưng phấn và ảo giác hoang tưởng.

+ Đặc điểm và dạng tồn tại: Amphetamine tồn tại dưới dạng bột, dạng viên con nhộng, viên nén hình tròn hoặc hình ôvan, dạng lỏng... có kích thước, màu sắc, kí hiệu khác nhau. Ở dạng bazơ, Amphetamine tồn tại ở thể lỏng, không màu, bay hơi chậm, nhiệt độ sôi 200-203 độ C, ít tan trong nước, tan trong cồn, axit và các dung môi hữu cơ. Trong thực tế thường gặp Amphetamine ở dạng muối sunfat, clohydrat. Dạng muối là những tinh thể hoặc bột kết tinh màu trắng, dễ tan trong nước, khó tan trong cồn, hầu như không tan trong những dung môi hữu cơ.

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Người sử dụng có thể sử dụng Amphetamine bằng nhiều cách thức như: Tiêm chích, hút, hít, uống nuốt. Nhưng cách thức phổ biến nhất hiện nay là uống nuốt Amphetamine ở dạng viên (viên con nhộng, viên nén).

Khi đưa Amphetamine vào cơ thể với liều lượng vừa phải có tác dụng làm tăng khả năng lao động chân tay và lao động trí óc, làm giảm chứng buồn ngủ, tăng sức lực. Vì vậy, Amphetamine có thể sử dụng làm thuốc chữa bệnh ho, hen, trầm cảm... Tuy nhiên, nếu lạm dụng Amphetamine sẽ gây thiếu ngủ, chán ăn, tim đập nhanh, chóng mặt và có các dấu hiệu như: tăng huyết áp, tăng thân nhiệt và rối loạn tâm thần, rối loạn nội tiết, rối loạn tâm, sinh lý. Khi sử dụng Amphetamine với liều cao sẽ gây trạng thái ảo giác và hoang tưởng, suy sụp tinh thần, giảm kỹ năng lao động, loạn nhịp tim và hành động mang tính bạo lực.

- Methamphetamine.

+ Nguồn gốc: Methamphetamine là chất ma túy tổng hợp có khả năng gây nghiện cao, được tổng hợp lần đầu tiên vào năm 1893. Khi sử dụng chất ma túy này sẽ tác động lên hệ thần kinh trung ương làm cho người sử dụng có cảm giác về sức mạnh và sáng khoái giả tạo, khiến cho họ thường làm những việc ngoài khả năng thực tế của họ.

+ Đặc điểm và dạng tồn tại: Methamphetamine tồn tại ở nhiều dạng khác nhau như: Dạng bột trắng hoặc vàng, nâu, đỏ; Dạng muối hydrochlorit bột, có vị đắng, dễ hòa tan trong nước. Methamphetamine dạng tinh thể hay còn gọi là “hàng đá” có độ tinh khiết cao, xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1919. Ở Việt Nam, chất ma túy này đã xuất hiện và được sử dụng khá phổ biến. Ở dạng tinh thể, muối tinh khiết không màu, như viên đường phèn hay như những viên đá cuội. Vì thế Methamphetamine còn được gọi là “glas”, “crystal ice cream”, “ice”, “rock” và “shabu”. Trên thị trường bất hợp pháp, Methamphetamine tồn tại dưới dạng viên nén với nhiều hình dạng, màu sắc khác nhau và dạng tinh thể gọi là “đá”.

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Methamphetamine được sử dụng bằng các cách như: Hút, hít, uống, nuốt hoặc tiêm chích. “Đá” là dạng tinh thể trong suốt có độ tinh khiết cao, có thể dùng để hút bằng tẩu thủy tinh. Khói hút không có mùi, để lại cặn sau khi hút và cặn này có thể sử dụng để hút lại, cảm giác tạo ra khi sử dụng chất ma túy này có thể kéo dài trong vòng 12 giờ hoặc lâu hơn. Một số ít người dùng Methamphetamine theo đường tiêm, chích.

Ngay sau khi hút, hít hoặc tiêm chích, người sử dụng cảm thấy hưng phấn, sung sướng, khỏe khoắn tạo ra cảm giác “phê” sau khi hút từ 3 đến 5 phút, nếu uống thì từ 15 đến 20 phút và tác động kéo dài từ 6 đến 8 tiếng. Nếu sử dụng liều cao, người sử dụng có biểu hiện loạn nhịp tim, huyết áp tăng, giảm đột ngột, đồng tử giãn, thở nhanh, khô miệng, sốt cao và nhiều trường hợp dẫn đến tử vong.

- Ecstasy.

+ Nguồn gốc: Là chất ma túy tổng hợp thuộc dẫn xuất của Amphetamine bao gồm nhiều thành phần, nhưng trong đó có 5 thành phần cơ bản là: MDMA, MDE, MDA, MBDB và DOB. Trên thị trường phổ biến nhất là loại MDMA. Chất MDMA được tổng hợp lần đầu tiên vào năm 1914 đây là một trong những chất ma túy được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới, có nhiều tên gọi khác nhau như: Thuốc lắc, thuốc điên, viên chúa, viên hoàng hậu, viên Max.

+ Đặc điểm và dạng tồn tại: Ecstasy tồn tại ở dạng bazơ là chất lỏng, không màu, không tan trong nước, tan trong dung môi hữu cơ. Dạng muối clohydrat ở thể rắn, dạng tinh thể không màu hoặc màu trắng, dễ tan trong nước, cón.

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Sử dụng Ecstasy bằng cách thức uống nuốt và hít. Sau khi đưa vào cơ thể trong vòng 10 đến 20 phút thì chất ma túy này tác động trực tiếp đến não, gây kích thích thần kinh trung ương, tạo ảo giác ở người sử dụng trong nhiều giờ, làm cho người sử dụng có trạng thái sung mãn, tự tin, nhiệt độ cơ thể tăng tạo cảm giác nóng bỏng, thích thực hiện những hành vi có cảm giác mạnh, đặc biệt khi đi kèm với âm thanh có cường độ lớn, người sử dụng bị kích động cuồng nhiệt và có những hành vi lác lư quay cuồng, la hét, đập phá đồ đạc...

Ecstasy gây ra tác hại đối với tinh thần, sức khỏe và tâm lý của người sử dụng. Về thể chất, do cơ thể bị kích động mạnh, tiêu phí năng lượng và mất nhiều nước, thân

nhiệt tăng, mất ngủ triền miên, biếng ăn... nên dẫn đến suy kiệt cơ thể, trạng thái hưng phấn tạo ra từng cơn ảo giác, gây rối loạn nhịp tim dễ dẫn đến trụ tim mạch và đột tử; khả năng lây nhiễm HIV cao do có những hành vi lệch chuẩn như quan hệ tình dục bừa bãi, không an toàn. Về tâm lý, người sử dụng bị kích thích hệ thần kinh trung ương nên thường xuyên tạo trạng thái kích động và căng thẳng, suy sụp về tinh thần, lo lắng, trầm cảm, hoang tưởng, mất trí nhớ, mất phương hướng, lâu dần sẽ dẫn đến tâm thần.

- LSD (Lysergide).

+ Nguồn gốc: LSD được phát hiện năm 1938, từ những năm 1960, LSD được sử dụng nhiều ở Châu Âu, Bắc Mỹ và sau đó là xuất hiện ở Việt Nam.

+ Đặc điểm và dạng tồn tại: LSD tồn tại trên thị trường bất hợp pháp dưới dạng tấm trên giấy hay thành từng miếng nhỏ, viên nén, viên tròn, dạng lỏng...

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: LSD là chất gây ảo giác mạnh nhất, liều điển hình từ 30- 50 microgam, sử dụng bằng cách thức uống, ngậm hoặc tiêm chích.

Người sử dụng LSD thường có biểu hiện nhẹ như giãn đồng tử, hạ thân nhiệt, buồn nôn, ói mửa, đổ mồ hôi và nhịp tim đập nhanh. LSD thường gây cảm giác bất an và rối loạn về nhận thức, ảo giác có thể kéo dài nhiều ngày, thậm chí nhiều tháng.

- Ketamine.

+ Nguồn gốc: Ketamine được sản xuất năm 1962, có tên gọi khác là bột ke, ký hiệu là "K", hoặc Kitat, là loại thuốc độc bảng A, có tác dụng gây mê, được sử dụng trong y học. Nếu sử dụng Ketamine không đúng chỉ định, người sử dụng có trạng thái mơ màng bị nhiễm độc, mê sảng, bị kích động mạnh, không đi lại được, không cảm thấy đau đớn hoặc mất trí; mất cảm giác, hệ hô hấp sẽ bị suy yếu, gây ra sự co thắt thanh quản, tắc đường thở.

+ Đặc điểm và dạng tồn tại: Ketamine tồn tại ở dạng bột tinh thể màu trắng, dạng lỏng, dạng viên con nhộng hoặc ở dạng muối clohydric; Ketamine có thể hòa tan trong nước và rượu.

+ Hình thức sử dụng và cơ chế tác động: Sử dụng Ketamine bằng cách hít hoặc tiêm chích. Để hít Ketamine người sử dụng đổ Ketamine ra một mặt phẳng, sau đó hít bằng mũi hoặc sử dụng chung với các loại ma túy khác như Cocaine, Heroine... Sử dụng Ketamine bằng cách tiêm vào tĩnh mạch, chỉ sau một phút, người sử dụng nhanh chóng cảm nhận được cảm giác “phê” và rơi vào tình trạng vô thức. Khi sử dụng Ketamine, người sử dụng có thể bị tăng huyết áp, nhịp tim nhanh, suy hô hấp, buồn nôn, tăng ảo giác, kích động. Lạm dụng Ketamine với liều lượng 50mg hay hít một lượng khoảng từ 60 đến 125mg, người sử dụng sẽ bị kích thích cao độ, gây ảo giác mạnh, làm rối loạn thị giác, mất định hướng về không gian, thời gian; sử dụng với liều lượng cao có thể gây nôn mửa, mất cảm giác, chảy máu mũi, suy hô hấp, suy tim và có thể dẫn đến tử vong.

- Một số loại chất ma túy học sinh, sinh viên thường sử dụng trái phép:

+ "Tem giấy", là loại ma túy học đường, được gọi là "bùa lười", có kích thước 1,5×1,5 cm, trong một miếng bìa có khoảng 25 tem giấy, chúng đều được tẩm LSD (Axit Lysergic Diethylamide), được xem là một hợp chất gây ảo giác rất mạnh. Trên bìa in hình các nhân vật nổi tiếng như Einstein hay các ca sĩ thế giới, giống như miếng bìa chơi của trẻ con.

+ "Kẹo dẻo" là tên gọi nôm na ám chỉ các loại thực phẩm tẩm cần sa xuất hiện dưới dạng gum. Nhìn qua vẻ bề ngoài, kẹo dẻo trông hấp dẫn như những loại kẹo cao su khác, được đóng trong bao bì có màu sắc sặc sỡ, đẹp mắt.

+ "Kẹo cục gạch" là một loại ma túy tổng hợp mới có chứa chất matylen dioxymetamphetamine - MDMA, viên nén màu xanh, hình hộp chữ nhật, trọng lượng 12,315 g. Người sử dụng loại thuốc này có thể "bay" thâu đêm không biết mệt.

+ "Quả dâu tây nhanh" (strawberry quick) là loại ma túy tổng hợp có chứa chất methamphetamine, được tẩm thêm mùi vị dâu tây để giới trẻ ưa thích giống như 1 loại kẹo có vị ngọt và tan nhanh trong miệng.

+ "Cỏ Mỹ" (XLR-11) là chất kích thích tâm thần, người sử dụng nhầm tưởng đây là chất không gây nghiện nhưng thực sự **cỏ mỹ** không những gây nghiện mà còn làm cho người sử dụng **rối loạn tâm thần** (hoang tưởng, ảo giác, đa nghi), mất kiểm soát về hành vi.

+ Lá "Khat" là lá của cây Khát mọc ở dạng bụi được trồng nhiều ở khu vực châu Phi có chứa chất kích thích hệ thần kinh trung ương cathinone, do đó, chất ma túy này có khả năng gây nghiện cao, tác động mạnh tới hệ thần kinh, gây kích thích, tạo ảo giác nên rất nguy hiểm cho sức khỏe con người.

#### *g. Một số chất gây nghiện khác*

- "Bóng cười" là khí gây cười, tên hóa học là Đinitơ monoxit hay nitrous oxide, là hợp chất hóa học với công thức N<sub>2</sub>O. Khi bơm vào bóng bay, gọi là bóng cười (funkyball). Loại khí trong bóng cười khi hít vào có khả năng tác động mạnh lên 1 điểm của hệ thần kinh gây cười, tạo cảm giác lâng lâng sáng khoái cho người sử dụng

- Shisha hay còn gọi là thuốc lào Ả rập, với thành phần chủ yếu là mật ong, lá và rễ cây được ướp hương các loại trái cây như nho, cam, táo, dâu... Shisha được hút thông qua chiếc bình lọc giống như điếu bình. Shisha hiện rất thịnh hành với giới trẻ, vì theo họ hút shisha không gây độc hại mà cho cảm giác đê mê, dễ chịu nhưng thực tế bản thân nó vẫn mang nicotine - một chất gây hưng phấn nên vẫn có thể gây nghiện. Nguy hiểm hơn, việc sử dụng shisha có chứa ma túy sẽ dẫn đến tình trạng nghiện từ nhẹ tới nặng, gây ảo giác liên tục, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hệ thần kinh và não bộ, tương tự như tác hại của hiện tượng "phê" ma túy vậy.

- Keo con chó (DogX-66.): Đây là loại keo dùng để dán gỗ, giày dép, ống nhựa... được chế biến bằng cách hòa tan một loại keo làm dính trong dung môi hữu cơ để thành chất lỏng, khi cho chất lỏng keo tiếp xúc với không khí, dung môi sẽ bay hơi thành khí có mùi đặc trưng của dung môi đó. Dung môi thường dùng hòa tan các chất hữu cơ,

trong đó có keo dính, là methylen clorid, ethyl acetat, toluen, cyclohexan, xylen... Khi hít các dung môi này vào đường hô hấp có khi sẽ có vị ngọt, còn mùi thì có nhiều loại tùy dung môi, người thấy thơm nhưng có người cảm thấy rất khó chịu. Giới trẻ hít keo con chó để tìm sự mê mẩn, lâng lâng trong cảm giác mà thực chất là ảo giác. Nhờ ảo giác mà các bạn trẻ cảm thấy hưng phấn, “mê man không còn suy nghĩ hoặc lo lắng gì nữa”. Nguy hại là nếu lạm dụng chất gây ảo giác lâu ngày (dù là gây nghiện nhẹ như hít keo con chó) sẽ rất dễ đi đến sử dụng thuốc gây nghiện thật sự, thậm chí là sử dụng ma túy.

### **3. Tác hại của tệ nạn ma túy**

#### *a. Tác hại của ma túy đối với người nghiện*

Ma túy khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ tác động lên hệ thần kinh trung ương gây ra những biến đổi về tâm, sinh lý, thể chất. Việc lạm dụng chất ma túy gây ra những vấn đề hết sức nghiêm trọng đối với sức khỏe con người, dẫn đến suy nhược cơ thể, nhiều trường hợp tử vong do việc lạm dụng các chất ma túy.

Khi đưa chất ma túy vào cơ thể sẽ tác động trực tiếp lên hệ thần kinh trung ương, gây nên tình trạng kích thích hoặc ức chế từng phần ở bán cầu đại não. Người nghiện nặng có biểu hiện rối loạn phản xạ thần kinh, đau đầu, chóng mặt, trí nhớ suy giảm, run chân tay, ngại vận động... dùng liều cao có thể ngộ độc cấp, hôn mê.

Người nghiện ma túy thường bị loạn nhịp tim, huyết áp tăng giảm đột ngột, mạch máu bị xơ cứng gây ảnh hưởng đến hoạt động của bộ não. Ngoài ra, người nghiện ma túy sử dụng chất ma túy bằng hình thức tiêm chích, do dụng cụ không được vô trùng nên dễ dẫn đến nhiễm trùng máu, viêm tắc tĩnh mạch...

Người nghiện luôn có cảm giác chán ăn, tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm, cảm giác buồn nôn...; hay sợ nước, ngại tắm rửa nên tạo điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn phát triển, dẫn đến các bệnh về da như ghẻ lở, hắc lào, viêm da...

Đối với những người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức hút, hít thường bị viêm mũi, viêm xoang, viêm đường hô hấp.

#### *b. Tác hại của ma túy đối với gia đình người nghiện*

- Tệ nạn ma túy làm suy giảm kinh tế của gia đình người nghiện.

Người nghiện ma túy thường có xu hướng sử dụng ma túy ngày càng tăng lên về số lượng chất ma túy cho một liều dùng và số lần sử dụng ma túy trong một ngày. Do vậy, người nghiện ma túy hàng ngày phải chi phí một khoản tiền nhất định cho việc mua ma túy về để sử dụng trái phép nhằm thoả mãn cơn nghiện.

- Tệ nạn ma túy làm cho hạnh phúc gia đình bị tan vỡ, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của cộng đồng.

Khi đã nghiện nặng và lên cơn nghiện thì người nghiện thường mất hết lý trí, không điều khiển được hành vi của mình, thường tìm mọi cách để có tiền mua ma túy sử dụng nhằm thoả mãn cơn nghiện. Khi không có khả năng đáp ứng những đòi hỏi của cơ thể trước cơn nghiện ma túy, họ đã có những hành vi thô bạo, nghiêm trọng



như: đánh đập, chửi thề, mạt sát, hành hạ người thân, cha mẹ, vợ, chồng, anh em... làm cho hạnh phúc gia đình bị tan vỡ, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của cộng đồng.

- Tệ nạn ma túy làm cho thành viên trong gia đình mất thời gian, công sức để chăm sóc người thân của mình là người nghiện ma túy mắc bệnh.

Trong gia đình có người nghiện ma túy, các thành viên trong gia đình còn phải chi phí tiền bạc, đầu tư thời gian, công sức để chăm sóc người thân của mình do mắc nghiện ma túy và việc sử dụng ma túy bằng hình thức tiêm chích, dẫn đến mắc phải những chứng bệnh nguy hiểm như: Viêm gan B, C, HIV/AIDS..

*c. Tác hại của tệ nạn ma túy đối với cộng đồng xã hội*

- Nhà nước phải chi phí nguồn ngân sách lớn cho công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy

Hàng năm, Nhà nước phải chi phí hàng trăm tỷ đồng cho công tác vận động phá, nhổ cây thuốc phiện, cây cần sa...; công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy; xây dựng và duy trì hoạt động các cơ sở cai nghiện ma túy; hoạt động phòng, chống và kiểm soát ma túy; công tác điều tra, truy tố xét xử các đối tượng hoạt động phạm tội về ma túy của các cơ quan chức năng; hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống kiểm soát ma túy; công tác cải tạo giam giữ số người phạm tội về ma túy bị bắt giữ...

**- Tệ nạn ma túy làm ảnh hưởng đến năng suất lao động và giảm sự thu hút đầu tư nước ngoài.**

Tệ nạn ma túy làm suy giảm sức lao động của gia đình, xã hội cả về số lượng và chất lượng, thu nhập quốc dân giảm trong khi chi phí cho dự phòng và chăm sóc y tế xã hội lại tăng. Số người nghiện ma túy trong độ tuổi lao động từ 18 đến 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao đã ảnh hưởng đến năng suất lao động của xã hội.

Tệ nạn ma túy còn làm giảm sự thu hút đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư nước ngoài, khách du lịch đến Việt Nam. Tệ nạn ma túy kéo theo rất nhiều những tệ nạn xã hội, gây mất ổn định an ninh, chính trị. Chính vì vậy, đầu tư vào những quốc gia có tỷ lệ người nghiện cao sẽ kéo theo nhiều rủi ro về kinh tế, chính trị. Các hoạt động rửa tiền của đối tượng phạm tội ma túy có thể làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị, gây ra lạm phát và sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh, làm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

- Tệ nạn ma túy là nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh một số loại tội phạm.

Tệ nạn ma túy là nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh các loại tội phạm về ma túy như: Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, chiếm đoạt, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy....

Tệ nạn ma túy còn là nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh các loại tội phạm về hình sự như: Giết người, cướp tài sản, hiếp dâm, cố ý gây thương tích, trộm cắp... Do tác động của chất ma túy lên hệ thần kinh, bản thân người nghiện không thể tự điều

chỉnh được hành vi của mình, có thể thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, để có tiền mua ma túy sử dụng người nghiện ma túy sẵn sàng làm bất cứ việc gì để có tiền mua ma túy nhằm thoả mãn cơn nghiện.

Tệ nạn ma túy là nguyên nhân, cầu nối làm nảy sinh các tội phạm về kinh tế như: Tội cố ý làm trái, lạm dụng chức vụ quyền hạn, đưa và nhận hối lộ... Trong quá trình hoạt động phạm tội về ma túy, các đối tượng phạm tội luôn đặc biệt chú ý những người có chức vụ, quyền hạn, làm việc trong cơ quan bảo vệ pháp luật, kiểm soát đường biên giới, cửa khẩu... để mua chuộc, lôi kéo nhằm trốn tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng.

- Tệ nạn ma túy còn làm phát sinh tệ nạn xã hội và những vấn đề xã hội phức tạp khác như: cờ bạc, mại dâm, đua xe trái phép, vi phạm luật giao thông... Nguy hiểm hơn khi ma túy xâm nhập vào học đường và các địa bàn nông thôn làm ảnh hưởng đến đạo đức tầng lớp học sinh, sinh viên và thế hệ thanh thiếu niên của đất nước.

## **II. Thực trạng tệ nạn ma túy trong học đường**

**Theo thống kê của Bộ lao động thương binh và xã hội thì hiện nay, trong hồ sơ quản lý có trên 70% số người nghiện ma túy dưới 30 tuổi, 5% trong tổng số người sử dụng ma túy trong độ tuổi dưới 18 tuổi, đặc biệt 50% trong số này là người nghiện dưới 16 tuổi. Như vậy thực trạng này đã gióng lên hồi chuông cảnh báo về nguy cơ ma túy xâm nhập học đường.**

Thanh thiếu niên là độ tuổi có nhu cầu học và chơi rất lớn, lứa tuổi này luôn ở tâm thế muốn tìm tòi, khám phá để khẳng định mình trước bạn bè, do vậy, những sinh hoạt trong nhóm bạn bè rất dễ tác động đến các em. Tự bản thân các em suy nghĩ còn non nớt, dễ bị lôi kéo, thích ăn chơi đua đòi, dễ bị ảnh hưởng bởi lối sống gấp, lối sống hưởng thụ một cách cực đoan. Nếu không ngăn chặn kịp thời các em dễ buông xuôi phó mặc, lao vào cuộc chơi và dễ bị các đối tượng phạm tội về ma túy và người nghiện ma túy dụ dỗ, lôi kéo, thậm chí khống chế, ép buộc sử dụng trái phép chất ma túy.

Nguy hiểm hơn, một số em có quan niệm sai lầm cho rằng sử dụng ma túy tổng hợp như ma túy đá, ma túy tem giấy... chỉ gây hưng phấn tức thời, nhằm giải trí cho vui, chứ hoàn toàn không gây nghiện. Các em sử dụng ma túy để vui chơi hết mình, chứng tỏ “đẳng cấp” mà không biết rằng nó có sức tàn phá ghê gớm đến sức khỏe, không kiểm soát được hành vi của bản thân, gây ảnh hưởng xấu đến xã hội, như: Chém giết người vô cớ, cuồng dâm, hoang tưởng, nặng hơn sẽ mắc bệnh tâm thần, suy kiệt thể chất; các cơ quan nội tạng sẽ nhanh chóng suy yếu, kiệt quệ, tàn phá hệ thống dây thần kinh, hủy hoại não bộ...

Các đối tượng phạm tội về ma túy thường nhằm vào số học sinh, sinh viên thích ăn chơi, đua đòi, thích tụ tập với các phần tử xấu để rủ rê, lôi kéo. Đối với một số học sinh, sinh viên, khi tiếp xúc với ma túy lần đầu tiên đều xuất phát từ sự tò mò “thử một lần cho biết” để thể hiện bản thân, sau đó dẫn đến nghiện ma túy lúc nào không hay.

Thực tế cho thấy, khi học sinh, sinh viên chưa có những hiểu biết đầy đủ về ma túy sẽ dẫn đến tình trạng chung đó là thiếu ý thức đề phòng, nhất là với những loại ma túy mới xuất hiện gần đây như: cỏ Mỹ, bóng cười... Phần lớn học sinh, sinh viên không có nhiều kỹ năng xử lý những tình huống có nguy cơ dẫn đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên dễ trở thành nạn nhân của ma túy.

### **III. Nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy của học sinh, sinh viên**

#### **1. Nguyên nhân khách quan**

- Do ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường dẫn đến những tác động đối với lối sống của giới trẻ như: Lối sống thực dụng, buông thả... một số học sinh, sinh viên không làm chủ được bản thân đã sa vào tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy.

- Sự tác động của lối sống thực dụng, văn hoá phẩm độc hại dẫn đến một số học sinh, sinh viên có lối sống đua đòi, ham vui, tham gia vào các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy.

- Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong quản lý học sinh ở một số địa phương chưa thực sự có hiệu quả.

- Công tác quản lý địa bàn dân cư ở một số địa phương chưa tốt, nên ở một số khu vực xung quanh các trường học hoặc tại nơi học sinh, sinh viên cư trú, sinh sống còn nhiều tụ điểm cờ bạc, mại dâm, ma túy từng ngày từng giờ tác động đến suy nghĩ và hành động của lứa tuổi trẻ, trong đó có các em học sinh.

- Do một bộ phận các bậc cha mẹ thiếu quan tâm đến việc học tập, sinh hoạt của con, em. Cha, mẹ và những người lớn tuổi do mải làm ăn, lo kiếm tiền hoặc do nuông chiều con cái quá mức hoặc trong gia đình có người lớn tuổi cũng mắc nghiện hoặc có hành vi phạm tội về ma túy.

#### **2. Nguyên nhân chủ quan**

- Do thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy, nên nhiều học sinh, sinh viên bị những đối tượng xấu kích động, lôi kéo sử dụng ma túy, tham gia vận chuyển, mua bán ma túy.

- Do muốn thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ, thích thể hiện mình, nhiều học sinh, sinh viên đã chủ động đến với ma túy.

- Do tâm lý đua đòi, hưởng thụ; nhiều học sinh, sinh viên có lối sống buông thả, dễ bị lôi kéo, sa ngã. với những học sinh, sinh viên này không chỉ sử dụng ma túy mà còn tham gia vận chuyển, mua bán ma túy nhằm mục đích kiếm tiền để thoả mãn thú vui hưởng lạc.

- Một số trường hợp do hoàn cảnh gia đình hoàn cảnh: Bố, mẹ bỏ nhau; gia đình bất hoà, mồ côi cha mẹ hoặc hoàn cảnh gia đình khó khăn... Do buồn chán cô đơn, không làm chủ được bản thân các em đã chủ động tìm đến với ma túy.

### **IV. Dấu hiệu nhận biết học sinh, sinh viên nghiện ma túy**

#### **1. Dấu hiệu về hành vi**

Tổng kết từ thực tiễn cho thấy các chất ma túy thường được học sinh sử dụng là: Heroin, Ma túy tổng hợp, Cần sa, Dôlagan... bằng cách: hít, uống, chích. Nếu sử dụng thường xuyên hoặc đã bị lệ thuộc (mắc nghiện), có thể nhận biết thông qua những dấu hiệu sau:

- Trong cặp sách hoặc túi quần áo thường có dụng cụ dùng sử dụng chất ma túy như: bật lửa, kẹo cao su, giấy bạc.
- Hay xin ra ngoài đi vệ sinh trong thời gian học tập.
- Thường tụ tập ở nơi hẻo lánh.
- Thường hay xin tiền bố mẹ nói là đóng tiền học, quỹ lớp.
- Lực học giảm sút.
- Hay bị toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gà ngủ gật, tính tình cáu gắt, da xanh tái, ớn lạnh nổi da gà, buồn nôn, mất ngủ, trầm cảm...
- Ngại tiếp xúc với người thân, bạn tốt, có ý xa lánh mọi người; cố tránh các hoạt động vui chơi lành mạnh.

Dấu hiệu về hành vi: trốn học, ít đến trường. Nhu cầu về tiền bạc hoặc các vấn đề tài chính không giải thích được. Có thể mượn hoặc ăn cắp tiền. Có các hành vi mập mờ, hay giấu giếm. Đòi hỏi sự riêng tư nhiều hơn, khóa cửa, tránh tiếp xúc bằng mắt. Thay đổi bạn bè, những nơi ưa thích và những sở thích đột ngột. Thường xuyên gây rắc rối (đánh nhau, các hoạt động bất hợp pháp...).

## **2. Dấu hiệu về tâm lý**

Tính cách hoặc thái độ thay đổi không giải thích được. Thay đổi tâm trạng đột ngột, hay cáu gắt, tức giận. Đôi khi hiếu động thái quá, kích động hoặc choáng váng bất thường. Thiếu động lực, lo âu hoặc hoang tưởng không có lý do.

## **3. Dấu hiệu về thể chất**

Mắt đỏ ngầu, đồng tử lớn hơn hoặc nhỏ hơn bình thường. Thường xuyên dùng thuốc nhỏ mắt để cố gắng che giấu các dấu hiệu này. Thay đổi trong ăn uống hoặc ngủ nghỉ. Đột nhiên tăng cân hoặc giảm cân. Ít quan tâm đến việc chải chuốt, chăm sóc ngoại hình. Hơi thở, cơ thể hoặc quần áo có mùi bất thường. Run, nói lắp hoặc phối hợp kém.

## **V. Biện pháp phòng, chống ma túy học đường**

### **1. Tuyên truyền phòng, chống ma túy học đường**

- Mỗi năm học, các trường cần tổ chức các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức và kỹ năng phòng chống ma túy cho học sinh, sinh viên, đảm bảo việc truyền thông mang tính chất xuyên suốt, tạo điều kiện cho các bạn học sinh, sinh viên có thêm nhiều cơ hội để tham gia.

- Các hoạt động truyền thông phòng chống ma túy ở các trường học cần có được một sự định hướng cụ thể từ Chính phủ, Bộ Giáo dục Đào tạo và các ban ngành có liên quan; từ đó tạo được sự đồng nhất trong việc triển khai các kế hoạch, nội dung truyền thông cụ thể đến từng trường học. Tránh để việc truyền thông gây ra những phản ứng

ngược, tạo nên sự tò mò đối với ma túy ở học sinh, sinh viên. Các cơ quan chức năng cũng cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa với gia đình và nhà trường để cùng chung tay hành động nâng cao nhận thức của học sinh sinh viên về ma túy, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn ma túy học đường.

- Những hoạt động này cần có thêm nhiều sự đổi mới cả về mặt nội dung và hình thức; tạo ra sự hứng thú cho người tham gia dưới những hình thức phong phú: trò chơi, câu hỏi tình huống thú vị...chứa đựng những kiến thức cần thiết.

- Ở mỗi trường học cần thành lập những đội, nhóm, câu lạc bộ chuyên về việc tổ chức hoạt động tuyên truyền về ma túy cho học sinh, sinh viên.

- Nhà trường dành nhiều thời gian hơn nữa để tổ chức những hoạt động ngoại khóa để học sinh, sinh viên được trao đổi, thảo luận về các vấn đề liên quan đến ma túy. Tạo thêm nhiều cơ hội hơn nữa để học sinh, sinh viên được tiếp xúc với những người thật, việc thật, những con người đã đi ra từ chính những nỗi đau mang tên ma túy nay đã cai nghiện thành công để giúp học sinh, sinh viên hiểu rõ hơn về những tác hại do ma túy gây ra.

- Ngoài ra, Nhà trường tổ chức nhiều buổi tập huấn, phổ biến kiến thức kỹ năng về phòng chống ma túy cho phụ huynh học sinh, sinh viên; từ đó giúp phụ huynh có được cái nhìn đầy đủ về ma túy, định hướng được tốt hơn trong việc quan tâm, giáo dục con cái mình tránh xa các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy.

## ***2. Nâng cao trách nhiệm của cá nhân, gia đình, nhà trường trong phòng chống ma túy học đường***

### ***a. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên***

- Ngoan ngoãn, vâng lời ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo.
- Thi đua chăm chỉ học hành tiến bộ, đi đến nơi về đến chốn.
- Thời gian rảnh, nên làm một số công việc nhà giúp đỡ gia đình
- Có lối sống lành mạnh, không ăn chơi đua đòi, buông thả.
- Tuyệt đối không tò mò, không thử ma túy dù chỉ 1 lần.
- Cương quyết tránh xa, không chơi với đám bạn xấu có liên quan đến ma túy.
- Không tham gia sử dụng, vận chuyển, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc xúi giục người khác tham gia dưới bất kỳ hình thức nào.

- Khi phát hiện những bạn có biểu hiện sử dụng ma túy hoặc nghi vấn mua bán trái phép chất ma túy phải báo cáo kịp thời cho thầy, cô giáo để có biện pháp ngăn chặn.

- Khi phát hiện người có liên quan đến ma túy cần báo ngay cho cha mẹ, thầy cô giáo và các lực lượng chức năng để có biện pháp kịp thời ngăn chặn

- Đề cao cảnh giác tránh bị đối tượng xấu rủ rê, lôi kéo sử dụng và thực hiện các hành vi vi phạm liên quan đến ma túy.

### ***b. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường trong phòng chống ma túy***

Cụ thể, theo quy định tại Điều 6 Luật phòng chống ma túy 2000, cá nhân, gia đình có trách nhiệm:

- Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy.

- Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh.

- Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác.

- Tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

- Bên cạnh đó, pháp luật cũng quy định về trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục khác trong việc phòng chống ma túy, cụ thể:

+ Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy;

+ Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy;

+ Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

### **3. Trang bị những kỹ năng về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên**

Ngoài việc phổ biến kiến thức liên quan đến ma túy, các cơ quan ban ngành và nhà trường cũng cần quan tâm trang bị cho học sinh, sinh viên những kỹ năng cần thiết để phòng chống ma túy như:

- Kỹ năng tìm kiếm và huy động sự hỗ trợ để phòng, chống ma túy.

- Kỹ năng tố giác tội phạm về ma túy.

- Kỹ năng từ chối lời rủ rê sử dụng ma túy.

- Kỹ năng hóa giải những cảm xúc tiêu cực.

- Kỹ năng đối đầu với những tình huống có nguy cơ dẫn đến hành vi sử dụng ma túy.

Đồng thời hướng dẫn các em học sinh, sinh viên vận dụng các kỹ năng đó vào xử lý một số tình huống có nguy cơ liên quan đến ma túy và lứa tuổi học sinh, sinh viên thường gặp phải: Tình hình khi xuất hiện tâm lý tiêu cực; tình huống khi tham gia các cuộc vui; tình huống khi xuất hiện tâm lý tò mò muốn dùng thử ma túy; tình huống khi bị uy hiếp, cưỡng ép sử dụng trái phép chất ma túy.

*Chuyên đề*  
**THỐNG NHẤT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG BÀI ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ  
TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG, ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI**

*Thiếu tá Hồ Sĩ Quang*  
*Đại úy Nguyễn Xuân Hùng*  
*Giảng viên Khoa QSC, Trường Sĩ quan Lục quân I*

*Phần 1*

**THỐNG NHẤT TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN  
ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG VÀ ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

**I. ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI KHÔNG CÓ SÚNG**

**1. Thủ tục huấn luyện**

- Tập trung lớp học (đội hình 2 hàng ngang hoặc chữ L), nắm quân số, báo cáo cấp trên (nếu có)

- Quy định thao trường, kiểm tra bài cũ
- Nêu tên bài và phổ biến ý định huấn luyện

**2. Thực hành huấn luyện**

- Nêu tên vấn đề huấn luyện (hoặc tên động tác)
- Nêu ý nghĩa
- Hồ khẩu lệnh và phân tích khẩu lệnh
- Thực hiện động tác qua 3 bước:
  - + Bước 1: Làm nhanh
  - + Bước 2: Làm chậm phân tích động tác
  - + Bước 3: Làm tổng hợp (những động tác không phân chia cử động làm nhanh lần 2)
- Nêu những điểm chú ý (có thể chứng minh bằng động tác)
- Kiểm tra nhận thức người học
- Hướng dẫn luyện tập (nội dung, tổ chức, phương pháp, địa điểm và hướng tập, ký tín hiệu chỉ huy điều hành luyện tập)

Phương pháp luyện tập: 4 bước

- + Bước 1: Từng người nghiên cứu
- + Bước 2: Từng người luyện tập (3 phân đoạn: tập chậm, tập nhanh dần, tập tổng hợp)
- + Bước 3: Tổ luyện tập (3 phân đoạn: tập chậm, tập nhanh dần, tập tổng hợp)
- + Bước 4: Tiểu đội luyện tập (tập nhanh dần đến thành thạo động tác)

**3. Kết thúc huấn luyện**

- Hệ thống nội dung bài học, giải đáp thắc mắc (nếu có)

- Định hướng nội dung nghiên cứu và luyện tập
- Nhận xét buổi học, xuống lớp.

## **II. ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

### **1. Thủ tục huấn luyện**

Thực hiện như bài ĐLĐN từng người không có súng

### **2. Thực hành huấn luyện**

- Nêu tên động tác (đội hình)
- Nêu ý nghĩa
- Giới thiệu vị trí của tiểu đội trưởng (chứng minh trên đội mẫu)
- Kết hợp đội mẫu thực hiện qua 3 bước:
  - + Bước 1: đội mẫu làm nhanh
  - + Bước 2: làm chậm phân tích (cán bộ huấn luyện nói đến đâu đội mẫu thực hiện đến đó)

- + Bước 3: đội mẫu làm tổng hợp
- Nêu những điểm chú ý (thuyết trình)
- Kiểm tra nhận thức người học
- Hướng dẫn luyện tập (5 nội dung)

Phương pháp luyện tập: qua 3 bước

- + Bước 1: Xếp quân cờ theo quy định của đội hình
- + Bước 2: Tập phân đoạn
- + Bước 3: Tập tổng hợp

### **3. Kết thúc huấn luyện**

Thực hiện như bài ĐLĐN từng người không có súng.

## *Phần 2*

### **THỰC HÀNH GIẢNG MẪU**

### **BÀI: ĐI ĐỀU ĐỨNG LẠI, ĐỔI CHÂN TRONG KHI ĐI**

#### *Phần I: Ý ĐỊNH HUẤN LUYỆN*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Huấn luyện cho cán bộ và chiến sĩ biết và làm đúng động tác đi đều, đứng lại, đổi chân để vận dụng trong học tập, sinh hoạt hàng ngày

#### **2. Yêu cầu**

- Hiểu rõ ý nghĩa của động tác.
- Thực hiện động tác phải đúng, tư thế hùng mạnh, nghiêm trang.
- Giữ đúng tốc độ và độ dài mỗi bước đi.

### **II. NỘI DUNG**

- Vấn đề huấn luyện 1: Động tác đi đều, đứng lại
- Vấn đề huấn luyện 2: Động tác đổi chân trong khi đi.



Trọng tâm: Vấn đề huấn luyện 1

### III. THỜI GIAN

#### 1. Thời gian chuẩn bị huấn luyện:

- Thời gian thông qua giáo án: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian thực luyện giáo án: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian bồi dưỡng cán bộ: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian chuẩn bị đội mẫu: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị, bãi tập: Ngày ..tháng...năm....

#### 2. Thời gian thực hành huấn luyện:

Thời gian toàn bài: 02 giờ (100 phút)

- Lên lớp: 25 phút
- Luyện tập: 60 phút
- Kiểm tra, kết thúc huấn luyện: 15 phút

### IV. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP

#### 1. Tổ chức:

- Lên lớp: Đội hình trung đội 2 hàng ngang
- Luyện tập: Đội hình tiểu đội.

#### 2. Phương pháp:

##### a) Chuẩn bị huấn luyện

- Nghiên cứu, quán triệt chỉ thị của cấp trên và những vấn đề có liên quan (tài liệu huấn luyện điều lệnh đội ngũ; đối tượng huấn luyện...). Soạn thảo giáo án, thông qua và thực luyện giáo án.

- Bãi tập: Đủ để triển khai huấn luyện trung đội và luyện tập từng tổ, tiểu đội.

- Bồi dưỡng cán bộ: Bồi dưỡng tiểu đội trưởng về tổ chức và phương pháp điều hành tiểu đội luyện tập, phương pháp sửa tập cho chiến sĩ, tổ, tiểu đội.

##### b) Thực hành huấn luyện

- Cán bộ huấn luyện:

+ Lên lớp: Thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác qua 3 bước: Làm nhanh; làm chậm phân tích; làm tổng hợp.

+ Hướng dẫn luyện tập: Làm mẫu động tác về phương pháp luyện tập và sửa tập. Tập trung vào bước 2 và bước 3.

- Phân đội: Nghe, quan sát, nắm chắc nội dung, luyện tập theo 4 bước: Bước 1: Từng người tự nghiên cứu; bước 2: Từng người luyện tập; bước 3: Tổ luyện tập; bước 4: Tiểu đội luyện tập

### V. ĐỊA ĐIỂM

1. Bồi dưỡng cán bộ: Sân huấn luyện điều lệnh của đơn vị.

2. Huấn luyện thực hành: Sân huấn luyện điều lệnh của đơn vị.

### VI. BẢO ĐẢM

## 1. Cán bộ huấn luyện

- Tài liệu: Điều lệnh đội ngũ năm 2011, 2015; Tập bài giảng Huấn luyện điều lệnh đội ngũ năm 2014

- Giáo án đã được phê duyệt.

**2. Phân đội:** Trang phục đúng quy định.

## **Phần II: THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN**

### **I. NỘI DUNG**

#### *Vấn đề huấn luyện 1*

### **ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU, ĐỨNG LẠI**

Ý nghĩa: Thực hiện khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí có trật tự biểu hiện sự thống nhất, hùng mạnh, trang nghiêm.

#### **1. Động tác đi đều**

- Khẩu lệnh: “Đi đều - BUỐC” có dự lệnh và động lệnh, “Đi đều” là dự lệnh, “BUỐC” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “BUỐC” làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên cách chân phải 60cm tính từ gót chân nọ lên gót chân kia (đối với quân nhân là 75cm), đặt gót chân rồi đến cả bàn chân xuống đất, sức nặng toàn thân dồn vào chân trái, đồng thời tay phải đánh ra phía trước khuỷu tay gấp lại và nâng lên, cánh tay trên tạo với thân người một góc 60, cánh tay dưới thành đường thẳng bằng, song song với mặt đất, cách thân người 20cm có độ dừng, nắm tay úp xuống, khớp xương thứ ba ngón tay trở cao ngang mép dưới và thẳng với cúc túi áo ngực bên trái. Tay trái đánh về phía sau cánh tay thẳng, sát thân người, hợp với thân người một góc 45 có độ dừng, lòng bàn tay quay vào trong. Mắt nhìn thẳng.

+ Cử động 2: Chân phải bước lên cách chân trái 60cm, tay trái đánh ra phía trước như tay phải ở cử động 1 (chỉ khác khớp xương thứ 3 ngón tay trở cao ngang mép dưới và thẳng với cúc túi áo ngực bên phải), tay phải đánh ra phía sau như tay trái ở cử động 1. Cứ như vậy chân nọ tay kia tiếp tục bước với tốc độ 106 bước trong 1 phút.

#### **2. Động tác đứng lại**

- Khẩu lệnh: "Đứng lại - ĐỨNG" có dự lệnh và động lệnh; "Đứng lại" là dự lệnh, "ĐỨNG" là động lệnh.

Người chỉ huy hô dự lệnh "Đứng lại" và động lệnh "ĐỨNG" đều rơi vào chân phải.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh "ĐỨNG", làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên 1 bước (bàn chân đặt chéch sang trái 22,5).

+ Cử động 2: Chân phải đưa lên ngang với chân trái (bàn chân đặt chéch sang phải 22,5). Hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

Những điểm cần chú ý:

- Khi đánh tay ra phía trước nâng khuỷu tay và giữ đứng độ cao

- Đánh tay ra phía sau sát thân người (không đánh sang 2 bên)

- Hai tay đánh có độ dừng, khớp cổ tay khóa lại
- Giữ đúng độ dài mỗi bước và tốc độ đi.
- Người ngay ngắn, không nghiêng ngả, gật gù, liếc mắt hoặc quay nhìn xung quanh, không nói chuyện.
- Mắt nhìn thẳng, nét mặt tươi vui phấn khởi.
- Nghe dứt dục lệnh không đứng nghiêm ngay
- Chân phải đưa lên không đưa ngang để đập gót.

### *Vấn đề huấn luyện 2*

## **ĐỘNG TÁC ĐỔI CHÂN TRONG KHI ĐI**

- Trường hợp vận dụng: Khi đang đi đều, tiếng hô của người chỉ huy: “MỘT” rơi vào lúc bàn chân trái vừa chạm đất, “HAI” rơi vào lúc bàn chân phải vừa chạm đất, nếu đi theo nhịp nhạc, phách nặng rơi vào chân trái, khi thấy mình đi sai với nhịp hô của người chỉ huy hoặc sai với nhịp nhạc thì phải đổi chân ngay.

- Động tác: Đổi chân có 3 cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên một bước

+ Cử động 2: Chân phải bước tiếp 1 bước ngắn (bước đệm) đặt sau gót chân trái, dùng mũi bàn chân phải làm trụ, chân trái bước nhanh về phía trước một bước ngắn (lúc này tay phải đánh về trước, tay trái đánh về sau có dừng lại).

+ Cử động 3: Chân phải bước lên phối hợp với đánh tay, đi theo nhịp bước thống nhất.

Những điểm cần chú ý:

- Khi thấy mình đi sai với nhịp đi chung phải đổi chân ngay.
- Khi đổi chân không nhảy cò, không kéo rê chân.
- Tay, chân phối hợp nhịp nhàng.

## **II. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP**

### **1. Nội dung luyện tập**

- Động tác đi đều, đứng lại
- Động tác đổi chân trong khi đi

### **2. Tổ chức luyện tập**

Lấy đơn vị tiểu đội để luyện tập, do tiểu đội trưởng hướng dẫn và sửa tập cho chiến sĩ.

### **3. Phương pháp luyện tập**

- Bước 1: Từng người nghiên cứu.
  - + Tại vị trí tập, từng người tự nghiên cứu lại ý nghĩa, khẩu lệnh, cách hô khẩu lệnh, từng cử động, động tác, nội dung nào chưa rõ hỏi lại tiểu đội trưởng hoặc giáo viên.
  - + Thời gian: 05 phút.
- Bước 2: Từng người luyện tập.
  - + Từng người tự hô, tự luyện tập. Luyện tập theo 3 phân đoạn:

### Phân đoạn 1: Tập chậm

Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân trong khi đi: Hô khẩu lệnh “Đi đều - BUỐC”, dứt động lệnh “BUỐC” hô “Cử động 1” sau đó làm chậm hết cử động 1, hô “Cử động 2” sau đó làm chậm hết cử động 2; khi chân phải bước về trước luyện tập động tác đổi chân trong khi đi, phương pháp luyện tập như động tác đi đều; khi chân phải bước về trước luyện tập động tác đứng lại, phương pháp luyện tập như động tác đi đều. Người tập quan sát góc độ tay, chân và thân người, điều chỉnh cho đúng. Luyện tập đi luyện tập lại nhiều lần để nắm chắc kỹ thuật động tác

### Phân đoạn 2: Tập nhanh dần

Luyện tập tương tự như luyện tập chậm, chỉ khác động tác nhanh, mạnh hơn, hô “Một” thực hiện hết cử động 1, hô “Hai” thực hiện hết cử động 2...

### Phân đoạn 3: Tập tổng hợp toàn bộ động tác

Dứt động lệnh của động tác nào thực hiện hoàn chỉnh động tác đó. Liên kết các động tác theo tuần tự: Đi đều - đổi chân - đứng lại.

+ Thời gian: 25 phút.

- Bước 3: Tổ luyện tập.

+ Tập tuần tự theo các phân đoạn giống như bước 2, chỉ khác: Từng người trong tổ thay nhau hô tập và sửa tập cho tổ. Phân đội rèn tính hiệp đồng thống nhất trong tổ.

+ Thời gian: 20 phút.

- Bước 4: Tiểu đội luyện tập.

+ Tiểu đội trưởng tập trung tiểu đội thành 1 hàng ngang, hô tập đồng thời uốn nắn, sửa tập cho chiến sĩ.

+ Thời gian: 10 phút.

### 4. Phương pháp sửa tập

- Thực hiện sai đâu sửa đó, sai ít sửa trực tiếp, sai nhiều tập trung thống nhất lại.

Sửa tập bằng khẩu lệnh và động tác mẫu.

### 5. Quy định vị trí tập và hướng tập

(Chỉ tại thực địa).

### 6. Ký, tín hiệu chỉ huy, điều hành luyện tập

Sử dụng tín hiệu còi kết hợp với khẩu lệnh trực tiếp.

## **Phần III: KIỂM TRA, KẾT THÚC HUẤN LUYỆN**

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Nhằm đánh giá kết quả nhận thức và thực hành động tác của chiến sĩ. Cùng cố kiến thức, bản lĩnh của bộ đội, vận dụng vào trong học tập, công tác. Rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng huấn luyện các bài tiếp theo.

#### **2. Yêu cầu**

Nghiêm túc, khách quan, trung thực, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

## **II. NỘI DUNG**

- Động tác đi đều, đứng lại
- Động tác đổi chân trong khi đi

## **III. THỜI GIAN**

15 phút

## **IV. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP**

### **1. Tổ chức**

Kiểm tra theo đội hình trung đội, do trung đội trưởng trực tiếp kiểm tra chiến sĩ của các tiểu đội.

### **2. Phương pháp**

- Gọi tên từng chiến sĩ ra thực hiện động tác theo nội dung câu hỏi.
- Sau kiểm tra kịp thời nhận xét, rút kinh nghiệm, thống nhất lại những nội dung còn yếu, đề ra biện pháp luyện tập tiếp theo.

## **V. THÀNH PHẦN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA**

Đối tượng kiểm tra là các chiến sĩ trong trung đội. Tập trung vào các chiến sĩ còn yếu về thực hành động tác.

## **VI. ĐỊA ĐIỂM**

Sân huấn luyện điều lệnh của đơn vị

## **VII. BẢO ĐẢM**

Sân bãi đủ triển khai đội hình kiểm tra.

## **Bài: ĐỘI HÌNH CƠ BẢN TIỂU ĐỘI BỘ BINH**

### *Phần I: Ý ĐỊNH HUẤN LUYỆN*

#### **1. Mục đích**

Huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ biết và làm đúng thứ tự, động tác, vị trí của từng người khi tập hợp tiểu đội, làm cơ sở để tập hợp tiểu đội hoặc khi đứng trong đội ngũ của cấp trên và trong luyện tập đội hình đổi hướng.

#### **2. Yêu cầu**

- Hiểu rõ ý nghĩa của đội ngũ để thể hiện sự tập trung, thống nhất và sức mạnh của tập thể có tổ chức ở tiểu đội.
- Đối với chỉ huy: Khẩu lệnh phải rõ ràng, chính xác, động tác chỉ huy dứt khoát, mạnh.
- Đối với tiểu đội: Nắm được ý nghĩa, vị trí, động tác của từng người trong đội hình, tác phong phải khẩn trương, nghiêm túc. Học mới ôn cũ, vận dụng thường xuyên các động tác từng người trong học tập.

## **II. NỘI DUNG**

- Vấn đề huấn luyện 1: Đội hình tiểu đội hàng ngang
- Vấn đề huấn luyện 2: Đội hình tiểu đội hàng dọc

### III. THỜI GIAN

#### 1. Thời gian chuẩn bị huấn luyện:

- Thời gian thông qua giáo án: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian thực luyện giáo án: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian bồi dưỡng cán bộ: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian chuẩn bị đội mẫu: Ngày ....tháng ....năm....
- Thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị, bãi tập: Ngày ....tháng ....năm....

#### 2. Thời gian thực hành huấn luyện:

Thời gian toàn bài: 02 giờ (100 phút)

- Lên lớp: 30 phút
- Luyện tập: 55 phút
- Kiểm tra, kết thúc huấn luyện: 15 phút

### IV. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP

#### 1. Tổ chức:

- Lên lớp: Đội hình trung đội 2 hàng ngang
- Luyện tập: Đội hình tiểu đội.

#### 2. Phương pháp:

##### a) Chuẩn bị huấn luyện

- Nghiên cứu, quán triệt chỉ thị của cấp trên và những vấn đề có liên quan (tài liệu huấn luyện điều lệnh đội ngũ; đối tượng huấn luyện...). Soạn thảo giáo án, thông qua và thực luyện giáo án.

- Bãi tập: Đủ để triển khai huấn luyện trung đội và luyện tập từng tiểu đội.
- Bồi dưỡng trước 1 tiểu đội để làm mẫu.

##### b) Thực hành huấn luyện

- Cán bộ huấn luyện:

+ Lên lớp: Thuyết trình kết hợp đội mẫu thực hiện qua 3 bước: Làm nhanh; Làm chậm phân tích; Làm tổng hợp.

+ Hướng dẫn luyện tập: Làm mẫu động tác về phương pháp luyện tập và sửa tập.

- Phân đội: Nghe, quan sát, nắm chắc nội dung, luyện tập theo 3 bước: Bước 1: Xếp quân cờ theo quy định của đội hình; bước 2: Tập phân đoạn; bước 3: Tập tổng hợp.

### V. ĐỊA ĐIỂM

**1. Bồi dưỡng đội mẫu:** Sân huấn luyện điều lệnh của đơn vị.

**2. Huấn luyện thực hành:** Sân huấn luyện điều lệnh của đơn vị.

### VI. BẢO ĐẢM

#### 1. Cán bộ huấn luyện

- Tài liệu: Điều lệnh đội ngũ năm 2011, 2015; Tập bài giảng Huấn luyện điều lệnh đội ngũ năm 2014.

- Giáo án đã được phê duyệt.

**2. Phân đội:** Trang phục đúng quy định.

**3. Bồi dưỡng đội mẫu:** Kế hoạch bồi dưỡng đội mẫu.

**4. Sinh hoạt và hoạt động thao trường:** Sách, báo...

## *Phần II:* THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN

### I. NỘI DUNG

#### *Vấn đề huấn luyện 1*

#### **ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG**

*Ý nghĩa:* Đội hình tiểu đội hàng ngang thường dùng trong học tập, hạ đạt mệnh lệnh, khi sinh hoạt, kiểm tra, điểm nghiệm, khám súng, giá súng.

##### **1. Vị trí của tiểu đội trưởng**

- Ở đội hình tiểu đội hàng ngang, tiểu đội trưởng đứng bên phải đội hình tiểu đội.

- Vị trí chỉ huy tại chỗ (như đôn đốc học tập, điểm số, chỉ huy tiểu đội luyện tập, nhận xét...). Tiểu đội trưởng đứng ở chính giữa, phía trước đội hình tiểu đội, cách từ 3 - 5 bước.

- Vị trí chỉ huy tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi bên trái đội hình của tiểu đội cách 2 - 3 bước.

- Khi chỉnh đốn hàng ngũ về bên phải (hoặc bên trái) tiểu đội trưởng cách người làm chuẩn 2 - 3 bước. Khi chỉ định người đứng giữa đội hình làm chuẩn, tiểu đội trưởng có thể đi về bên phải (trái) đội hình để gióng hàng.

##### **2. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang**

Thứ tự thực hiện như sau:

- Tập hợp.
- Điểm số.
- Chỉnh đốn hàng ngũ.
- Giải tán.

###### *a) Tập hợp*

- Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành 1 hàng ngang - TẬP HỢP”, có dự lệnh và động lệnh, “Tiểu đội thành 1 hàng ngang” là dự lệnh, “TẬP HỢP” là động lệnh.

Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập hợp, rồi quay về phía các chiến sỹ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “Tiểu đội ” (nếu có tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình. Ví dụ: “Tiểu đội 1”), nếu không có các tiểu đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô “Tiểu đội”, khi nghe hô "Tiểu đội", toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh.

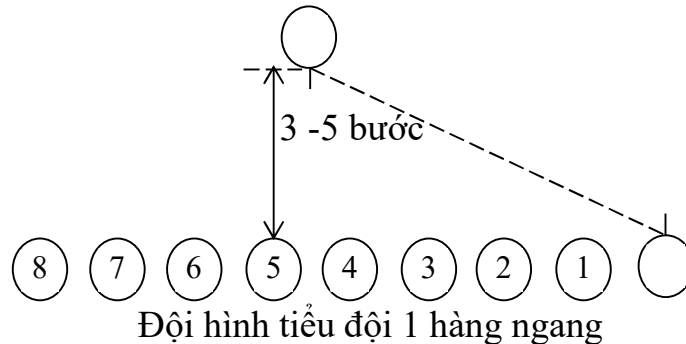
Khi toàn tiểu đội đã sẵn sàng chờ lệnh, tiểu đội trưởng hô tiếp: “Thành 1 hàng ngang - TẬP HỢP”, rồi quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.

- Động tác: Nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, toàn tiểu đội nhanh chóng im lặng chạy vào tập hợp (nếu có súng phải xách súng hoặc mang súng theo quy định đối với từng loại súng) đứng về bên trái của tiểu đội trưởng thành 1 hàng ngang,

gián cách 70 cm (tính từ giữa 2 gót chân của hai người đứng cạnh nhau) hoặc cách nhau 20 cm (tính khoảng cách 2 cánh tay của 2 người đứng cạnh nhau). Theo thứ tự từ phải sang trái: chiến sỹ số 1 (trung liên) số 2 (súng trường nếu có hoặc tiểu liên), số 3, số 4 (tiểu liên) số 5 (M79), số 6 (B40 hoặc B41), số 7, số 8 (tiểu liên).

Khi đã có từ 2-3 chiến sỹ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều lên phía trước chính giữa đội hình cách 3-5 bước quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người khi đã đứng vào vị trí phải nhanh chóng tự động giống hàng đứng gián cách, sau đó đứng nghỉ.



*Chú ý:* Muốn kiểm tra gián cách, từng người tay phải nắm lại chống vào ngang thắt lưng (sườn bên phải) khi khuỷu tay của mình sát với cánh tay phải người đứng bên trái là được.

#### b) Điểm số

- Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐIỂM SỐ” các chiến sỹ theo thứ tự từ phải sang trái lần lượt điểm số từ 1 cho đến hết tiểu đội. Khi điểm số của mình phải kết hợp quay mặt sang trái  $45^0$ , khi điểm số xong quay mặt trở lại. Người đứng cuối cùng không phải quay mặt, sau khi điểm số của mình xong thì hô “HẾT”.

Từng người trước khi điểm số của mình phải đứng nghiêm, nếu đang đứng nghỉ phải về tư thế đứng nghiêm rồi mới điểm số của mình, điểm số xong phải về tư thế đứng nghỉ.

Điểm số phải hô to, rõ, gọn, dứt khoát, liên tục.

#### c) Chinh đốn hàng ngũ

Trước khi chinh đốn hàng ngũ, tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

- Khẩu lệnh: “Nhìn bên phải (trái) - THĂNG”, có dự lệnh và động lệnh, “Nhìn bên phải (trái)” là dự lệnh, “THĂNG” là động lệnh.

- Động tác: Nghe dứt động lệnh “THĂNG” trừ chiến sỹ làm chuẩn (người đứng đầu bên phải hoặc bên trái đội hình) vẫn nhìn thẳng, còn các chiến sỹ khác phải quay mặt hết cỡ sang bên phải (trái), xê dịch lên, xuống để giống hàng và giữ gián cách (nếu có súng ở tư thế giữ súng, khi xê dịch vị trí phải xách súng, sau khi xê dịch xong đặt súng xuống đúng vị trí).

Khi giống hàng ngang từng người phải nhìn được nắp túi áo ngực bên trái (phải)



của người đứng thứ tư về bên phải (trái) của mình (đối với quân nhân nữ nhìn về cổ áo).

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “THÔI”. Nghe dứt động lệnh “THÔI” tất cả tiểu đội đều quay mặt trở lại, đứng nghiêm, không xê dịch vị trí.

Tiểu đội trưởng kiểm tra gián cách giữa các chiến sỹ, sau đó quay nửa bên trái (phải) đi đều về phía người làm chuẩn cách 2 - 3 bước, quay vào đội hình để kiểm tra hàng ngang.

Nếu thấy gót chân và ngực của các chiến sỹ nằm trên một đường thẳng là hàng ngang đã thẳng.

Nếu chiến sỹ nào đứng chưa thẳng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh “Đồng chí X (hoặc số X)...LÊN (XUỐNG)”, chiến sỹ nghe gọi tên hoặc số của mình phải quay mặt nhìn về hướng tiểu đội trưởng và làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi các chiến sỹ đã đứng thẳng hàng tiểu đội trưởng hô “ĐƯỢC” các chiến sỹ quay mặt trở về hướng cũ.

Thứ tự sửa cho người đứng gần người làm chuẩn trước, tiểu đội trưởng có thể qua phải (trái) 1 bước để kiểm tra hàng.

Cũng có thể sửa từ 3 - 4 chiến sỹ cùng một lúc. Ví dụ: “Từ số 3 đến số 7 ... LÊN (XUỐNG)”, các chiến sỹ trong số được gọi làm động tác như khi sửa từng người.

Chỉnh đốn xong tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy.

Nếu lấy chiến sỹ đứng ở giữa hàng làm chuẩn để chỉnh đốn thì: Tiểu đội trưởng phải dùng khẩu lệnh để chỉ định người làm chuẩn: “Đồng chí X (hoặc số X) làm chuẩn”, chiến sỹ X nghe gọi, đứng nghiêm trả lời “CÓ” và giơ tay trái lên. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “Nhìn giữa - THẰNG”, các chiến sỹ đứng hai bên lấy người làm chuẩn để gióng hàng. Chiến sỹ làm chuẩn sau khi nghe dứt động lệnh “THẰNG” khoảng 5 giây thì bỏ tay xuống vẫn đứng nghiêm.

Khi chỉnh đốn hàng, tiểu đội trưởng có thể về bên phải (trái) để chỉnh đốn hàng ngũ.

Động tác của tiểu đội trưởng và các chiến sỹ làm như khi nhìn bên phải (trái) để chỉnh đốn hàng ngang.

#### *d) Giải tán*

- Khẩu lệnh “GIẢI TÁN” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “GIẢI TÁN” mọi người trong tiểu đội nhanh chóng tản ra, nếu đang đứng nghỉ phải trở về tư thế đứng nghiêm rồi tản ra.

### **3. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang**

Các bước thực hiện cơ bản giống như đội hình tiểu đội 1 hàng ngang. Những điểm khác:

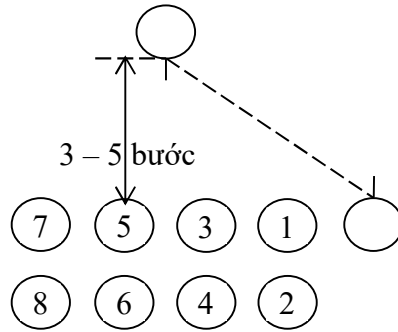
- Khẩu lệnh: “Tiểu đội, thành 2 hàng ngang - TẬP HỢP”.

- Vị trí khi đứng trong đội hình: Các số lẻ đứng hàng trên (số 1, 3, 5, 7) các số chẵn đứng hàng dưới (số 2, 4, 6, 8). Cự ly giữa hàng trên và hàng dưới là 1m.

- Đội hình 2 hàng ngang không điểm số.

- Khi gióng hàng, các chiến sỹ đứng hàng thứ 2 vừa phải gióng hàng ngang và

dùng ánh mắt giống hàng dọc để đứng đúng cự ly và gián cách.



Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang

### *Vấn đề huấn luyện 2*

## **ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC**

*Ý nghĩa:* Đội hình tiểu đội hàng dọc thường dùng trong hành quân, khi di chuyển đội hình, di chuyển vị trí, thể hiện tính thống nhất của quân đội chính quy.

### **1. Vị trí của tiểu đội trưởng**

- Ở đội hình tiểu đội hàng dọc, tiểu đội trưởng đứng trước cách số 1 là 1m.
- Vị trí chỉ huy tại chỗ (đôn đốc tập hợp, điểm số, hạ đạt mệnh lệnh....). Tiểu đội trưởng đứng phía trước chệch về bên trái đội hình cách 3 - 5 bước.
- Vị trí chỉ huy tiểu đội khi hành tiến, tiểu đội trưởng đi ở khoảng 1/3 bên trái đội hình (từ trên xuống) cách từ 2 - 3 bước. Khi cùng tiểu đội hành tiến (đi trong đội hình của tiểu đội) thì đi đầu tiểu đội, cách 1m. Nếu đội hình tiểu đội 2 hàng dọc thì vị trí tiểu đội trưởng đi đầu chính giữa 2 hàng của tiểu đội cách 1m.

- Khi chỉ huy tiểu đội luyện tập tại chỗ, tiểu đội trưởng có thể đứng tại chỗ để chỉ huy, điều khiển chung.

### **2. Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc**

Thực hiện thứ tự như sau:

- Tập hợp
- Điểm số
- Chinh đôn hàng ngũ
- Giải tán.

#### *a) Tập hợp*

- Khẩu lệnh “Tiểu đội thành 1 hàng dọc - TẬP HỢP”. Có dự lệnh và động lệnh “Tiểu đội thành 1 hàng dọc” là dự lệnh, “TẬP HỢP” là động lệnh.

Tiểu đội trưởng xác định vị trí và hướng tập hợp rồi quay về phía các chiến sỹ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh “Tiểu đội” (nếu có tiểu đội khác cùng học tập ở bên cạnh thì phải hô rõ phiên hiệu của tiểu đội mình. Ví dụ: “Tiểu đội 1”), nếu không có các tiểu đội khác ở bên cạnh thì chỉ hô “Tiểu đội”, khi nghe hô "Tiểu đội", toàn tiểu đội quay về phía tiểu đội trưởng đứng nghiêm chờ lệnh.

Khi toàn tiểu đội đã sẵn sàng chờ lệnh, tiểu đội trưởng hô tiếp: “Thành 1 hàng

đọc - TẬP HỢP”, rồi quay về hướng định tập hợp đứng nghiêm làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “TẬP HỢP”, toàn tiểu đội, nhanh chóng, im lặng chạy vào tập hợp (nếu có súng phải xách hoặc mang súng theo quy định từng loại súng), đứng sau tiểu đội trưởng thành 1 hàng dọc, cự ly giữa người đứng trước và người đứng sau là 1m (tính từ gót chân người đứng trước đến gót chân người đứng sau). Theo thứ tự từ trên xuống dưới: Chiến sỹ số 1 (trung liên) số 2 (súng trường nếu có hoặc tiểu liên), số 3, số 4 (tiểu liên) số 5 (M79), số 6 (B40 hoặc B41), số 7, số 8 (tiểu liên).

Khi đã có từ 2 - 3 chiến sỹ đứng vào vị trí tập hợp, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái, đi đều ra phía trước đội hình, chéch về bên trái cách đội hình từ 3 - 5 bước, quay vào đội hình đôn đốc tiểu đội tập hợp.

Từng người khi đã vào vị trí phải nhanh chóng tự động gióng hàng, đứng đúng cự ly, sau đó đứng nghỉ.

#### *b) Điếm số*

- Khẩu lệnh: “ĐIỂM SỐ”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

Các chiến sỹ theo thứ tự từ trên xuống dưới lần lượt điếm số từ 1 cho đến hết tiểu đội.

- Động tác: Động tác của từng người khi điếm số thực hiện như ở đội hình tiểu đội 1 hàng ngang, chỉ khác: Khi quay mặt phải quay hết cỡ sang bên trái.

#### *c) Chinh đốn hàng ngũ*

Trước khi chinh đốn tiểu đội trưởng phải hô cho tiểu đội đứng nghiêm.

- Khẩu lệnh “Nhìn trước - THĂNG”, có dự lệnh và động lệnh. “Nhìn trước” là dự lệnh, “THĂNG” là động lệnh.

- Động tác: Nghe dứt động lệnh “THĂNG”, trừ chiến sỹ số 1 làm chuẩn, còn các chiến sỹ khác gióng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không nhìn thấy gáy người đứng thứ 2 trước mình), tự xô dịch sang phải, trái để thẳng hàng dọc và xô dịch lên, xuống để đúng cự ly (nếu có súng ở tư thế giữ súng, khi xô dịch phải xách súng, sau khi xô dịch xong đặt súng xuống đúng vị trí).

Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô “THÔI” toàn tiểu đội đứng nghiêm, không xô dịch. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái đi đều về trước, chính giữa đội hình cách đội hình từ 2 - 3 bước, nhìn vào đội hình để kiểm tra hàng dọc. Hàng dọc thẳng là đầu (mũi), cạnh vai của các chiến sỹ nằm trên 1 đường thẳng.

Nếu chiến sỹ nào đứng chưa thẳng hàng, tiểu đội trưởng dùng khẩu lệnh gọi tên (hoặc số) để sửa: “QUA PHẢI”, “QUA TRÁI”. Chiến sỹ (số) được gọi tên làm theo lệnh của tiểu đội trưởng. Khi chiến sỹ đã đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “ĐƯỢC”, lần lượt sửa từ trên xuống dưới, cũng có thể sửa cho 2 đến 3 chiến sỹ cùng một lúc. Sửa xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy (ở bên trái phía trước đội hình).

#### *d) Giải tán*

Khẩu lệnh, động tác giống như ở đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

### **3. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc**

Các bước thực hiện cơ bản giống như tiểu đội 1 hàng dọc. Những điểm khác:

- Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành 2 hàng dọc - TẬP HỢP”.
- Các chiến sỹ số lẻ đứng thành 1 hàng dọc ở bên phải, các chiến sỹ số chẵn đứng thành 1 hàng dọc ở bên trái.
- Đội hình 2 hàng dọc không điểm số.
- Khi gióng hàng, các chiến sỹ đứng ở hàng bên trái (hàng số chẵn) vừa gióng hàng dọc, vừa dùng ánh mắt để gióng hàng ngang.

Những điểm cần chú ý:

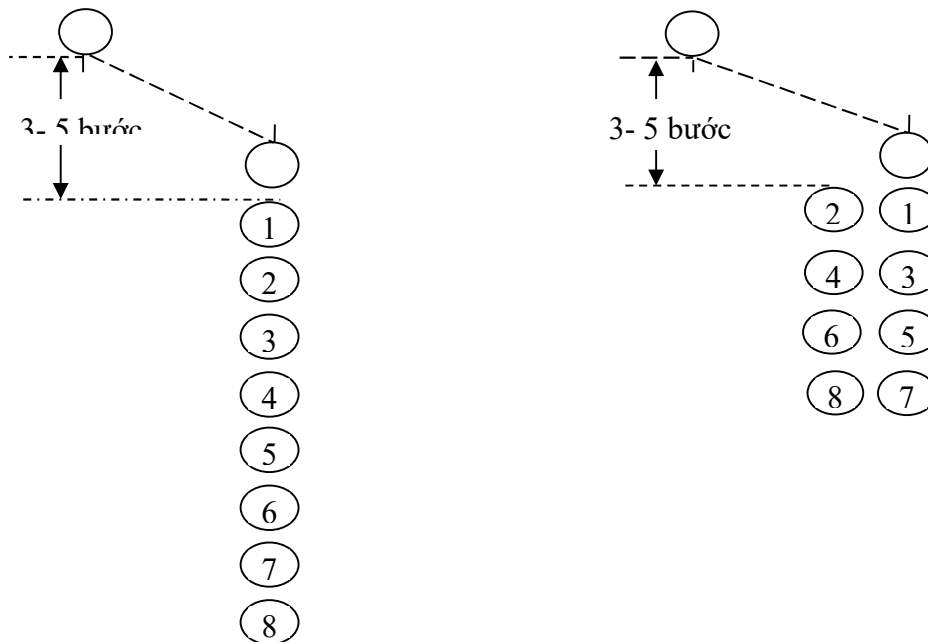
- Trước khi tập hợp, người chỉ huy phải căn cứ vào nhiệm vụ, nội dung công việc, địa hình, thời tiết và phương hướng để xác định đội hình tập hợp và hướng của đội hình. Khi tập hợp nên tránh hướng gió, hướng mặt trời chiếu vào mặt chiến sỹ, (nếu không sẽ ảnh hưởng đến việc xem tập, xem động tác mẫu...).

- Phải xác định được đội hình, vị trí tập hợp, hướng đội hình rồi đứng tại vị trí định tập hợp hô khẩu lệnh tập hợp, sau đó làm chuẩn cho tiểu đội vào tập hợp. Nếu vị trí tập hợp xa nơi tiểu đội trưởng đứng (quá 20m) thì tiểu đội trưởng phải đôn đốc nhắc nhở tiểu đội về vị trí tập hợp. Tiểu đội trưởng không được hô dứt động lệnh “TẬP HỢP” rồi mới chạy đến vị trí tập hợp tiểu đội (dù chỉ 3 – 4m).

- Khẩu lệnh phải rõ ràng, dứt khoát, động tác phải khẩn trương, chuẩn xác, mẫu mực. Khi sửa sai cho chiến sỹ phải dùng khẩu lệnh và động tác mẫu để chỉ huy.

- Mỗi quân nhân khi đã vào tập hợp phải trật tự, tự động tác gióng hàng đúng cự ly, gián cách, tập trung nghe lệnh của tiểu đội trưởng.

Hình bên



Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc

Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

## II. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

### 1. Nội dung luyện tập

- Đội hình tiểu đội hàng ngang.
- Đội hình tiểu đội hàng dọc.

## **2. Tổ chức luyện tập**

Lấy đơn vị tiểu đội để luyện tập, do tiểu đội trưởng tập hợp đội hình tiểu đội, có thể cử các đồng chí tổ trưởng lần lượt làm tiểu đội trưởng tập hợp đội hình tiểu đội. Trung đội trưởng chỉ huy điều hành luyện tập chung.

## **3. Phương pháp luyện tập**

Luyện tập qua 3 bước:

- Bước 1: Xếp quân cờ theo quy định của đội hình.
- + Tiểu đội trưởng trực tiếp xếp vị trí từng số theo đội hình đã huấn luyện. Từng số tự làm động tác của mình trong đội hình.

+ Thời gian: 10 phút.

- Bước 2: Tập phân đoạn.

+ Tập chậm, tập phân đoạn từng nội dung, những nội dung nào chiến sĩ chưa rõ, chưa làm đúng thì tiểu đội trưởng hướng dẫn lại để chiến sĩ làm đúng mới chuyển tập nội dung khác.

+ Thời gian: 25 phút

- Bước 3: Tập tổng hợp.

+ Tiểu đội trưởng chỉ huy tiểu đội tập tổng hợp các nội dung của từng loại đội hình. Tập nhanh dần các nội dung đến hoàn chỉnh động tác.

+ Thời gian: 20 phút

## **4. Phương pháp sửa tập**

- Dùng khẩu lệnh và động tác mẫu để sửa, không dùng tay trực tiếp sửa cho người học. Thực hiện sai đâu sửa đấy, sai ít sửa trực tiếp; sai phổ biến tập trung để thống nhất lại.

- Sửa cho cá nhân: Quan sát kỹ từng cử động, động tác của người tập. Đối chiếu với yêu cầu (chuẩn) của động tác mẫu để sửa.

- Sửa cho tiểu đội: Xác định điểm chuẩn để sửa cho đội hình tiểu đội bảo đảm sự thống nhất.

**5. Quy định vị trí tập và hướng tập** (Chỉ tại thực địa).

## **6. Ký, tín hiệu chỉ huy, điều hành luyện tập**

Sử dụng tín hiệu còi kết hợp với khẩu lệnh trực tiếp.

### ***Phần III: KIỂM TRA KẾT THÚC HUẤN LUYỆN***

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Nhằm đánh giá kết quả nhận thức và thực hành động tác đội ngũ của người học theo nội dung bài học. Giúp cho người học củng cố kiến thức, bản lĩnh và xác định được phương hướng phấn đấu, rèn luyện.

### **2. Yêu cầu**

Thực hiện nghiêm túc, đánh giá khách quan, trung thực, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

## **II. NỘI DUNG**

- Đội hình tiêu đội hàng ngang.
- Đội hình tiêu đội hàng dọc.

## **III. THỜI GIAN**

15 phút

## **IV. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP**

### **1. Tổ chức**

Kiểm tra theo đội hình trung đội, do trung đội trưởng trực tiếp kiểm tra các tiểu đội.

### **2. Phương pháp**

- Tiểu đội trưởng trực tiếp ra chỉ huy tiểu đội thực hiện các nội dung kiểm tra
- Tiểu đội thực hiện các nội dung theo lệnh của tiểu đội trưởng.

## **V. THÀNH PHẦN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA**

Các tiểu đội trong trung đội.

## **VI. ĐỊA ĐIỂM**

Sân huấn luyện điều lệnh của đơn vị.

## **VII. BẢO ĐẢM**

Sân bãi đủ triển khai đội hình kiểm tra.

*Chuyên đề***ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC  
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH***Thiếu tá. TS Nguyễn Huy Liêm**Thiếu tá. Ths Lương Phan Quang**Viện mô phỏng - Học viện KTQS***Chương I****ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN GDQP&AN****1. Vị trí, vai trò của GDQP&AN đối với sự nghiệp giáo dục**

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường, đối với nước ta, các thế lực thù địch vẫn ráo riết chống phá, chủ yếu bằng chiến lược diễn biến hoà bình, nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chuyển hoá cách mạng nước ta đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc nước Việt Nam XHCN chúng ta cần xây dựng một thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong đó học sinh, sinh viên ở các trường THPT, đại học, cao đẳng là một lực lượng hùng hậu, có sức khỏe, có trình độ học vấn, có tiềm năng sáng tạo, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại, chủ nhân tương lai của đất nước.

Nhận thấy được tầm quan trọng và nhu cầu thực tiễn xã hội, trong những năm qua, Đảng, nhà nước, bộ ngành, các tổ chức giáo dục luôn quan tâm sâu sát, chỉ đạo quyết liệt, đồng thời có sự đầu tư thích đáng, tích cực đổi mới tư duy trong quá trình thực hiện các hoạt động về: đào tạo, bồi dưỡng nguồn giảng viên chất lượng cao, đổi mới chương trình, nội dung giáo dục cho phù hợp, tập huấn, đề xuất các phương pháp giảng dạy mới, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc xây dựng ý thức học tập, khơi dậy tính tích cực chủ động của người học, tổ chức, định hướng người học tìm tòi, nghiên cứu ứng dụng lý luận vào thực tiễn đang được thực hiện nghiêm túc, khẩn trương trong bối cảnh nền giáo dục chuyển dần từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ, nhằm đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, đây luôn là định hướng, là mục tiêu trọng tâm, xuyên suốt mà các cơ sở giáo dục đều nhắm đến. Đại hội XII của Đảng xác định đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một trong mười ba định hướng phát triển lớn để hiện thực hoá mục tiêu phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nội dung quan điểm của Đại hội là bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta về giáo dục và đào tạo. Đại hội XII tiếp tục khẳng định: "Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ tổ

quốc, với tiến bộ khoa học công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động".

Đảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục quốc phòng và an ninh “là bộ phận của nền giáo dục quốc dân, một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khoá trong chương trình giáo dục, đào tạo trung học phổ thông đến đại học và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể. Việc học tập, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh là quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức và của toàn dân...”. Trên thực tế bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh là nội dung học tập đặc thù trong các trường học nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tầm quan trọng của giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường phổ thông là ở chỗ đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo cho thế hệ trẻ có điều kiện tu dưỡng phẩm chất, rèn luyện năng lực, góp phần giáo dục thế hệ tương lai của đất nước có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường. Môn học này còn có tác dụng rèn luyện tác phong nghiêm túc, tinh thần đoàn kết, ý thức tổ chức kỷ luật trong học sinh. Thông qua các giờ học lí luận, học sinh, sinh viên đã nhận thức đầy đủ hơn quan điểm, đường lối quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của Đảng, có nhận thức rõ hơn về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, những giờ học thực hành lại trang bị cho các em những hiểu biết và những kỹ năng về đội ngũ đội hình, các chiến thuật cũng như một số loại vũ khí, khí tài, thông qua đó có thể biết cách phân biệt, sử dụng và trang bị cho mình những kỹ thuật cơ bản để sử dụng được một số loại vũ khí thông thường và biết cách phòng tránh khi kẻ thù sử dụng vũ khí tấn công. Cùng với đó môn học giáo dục quốc phòng và an ninh còn rèn luyện cho cho các em học sinh, sinh viên một số kỷ luật trong môi trường quân đội, hướng cho các em làm việc theo nguyên tắc, kỷ cương. Tạo cơ sở cho các em tu dưỡng và hoàn thiện kỹ năng sống của bản thân.

## **2. Chất lượng dạy và học môn GDQP và AN hiện nay**

Giáo dục quốc phòng và an ninh là một môn học rất cần thiết đối với học sinh bậc THPT và Đại học để các em được rèn luyện, có thêm sức khỏe vừa có những kiến thức cơ bản về quốc phòng và an ninh góp phần vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên nội dung và chất lượng dạy, học môn GDQP&AN ở bậc THPT và Đại học hiện nay lại là vấn đề đáng lo ngại.

Thấy được tầm quan trọng của kiến thức, kỹ năng về quốc phòng, an ninh đối với học sinh phổ thông, từ nhiều năm nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa bộ môn Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) vào giảng dạy chính thức ở bậc THPT.





Môn học này có thời lượng 1 tiết/ tuần, điểm số, kết quả học kỳ, cả năm được tính như một bộ môn văn hóa, tham gia vào điểm trung bình các môn học trong từng năm học, với mục đích ràng buộc, nâng cao ý thức, thái độ học tập của người học.

Sau nhiều năm, tổ chức tập huấn, đào tạo ngắn hạn, khoảng 6 tháng tại các trường quân sự địa phương, đến nay các địa phương, trường THPT trên cả nước đã đủ số lượng giáo viên kiêm nhiệm dạy môn GDQP&AN trên đơn vị lớp, phần lớn đều là thầy cô dạy môn giáo dục thể chất.

Tuy nhiên, tính hiệu quả, chất lượng dạy, học bộ môn này kể từ khi đưa vào chương trình, dạy tiết trên lớp vẫn chưa tốt, còn đó những khó khăn và bất cập. Hiện nay học sinh, sinh viên đang tham gia học tập các học phần của môn GDQP và AN cho rằng họ đang gặp phải một số khó khăn khi học môn học này và những khó khăn này có gấn bó, sự tác động đến động lực học tập của họ, cụ thể là:

*Thứ nhất*, về nội dung môn học, nhiều học sinh, sinh viên cho rằng nội dung chưa phù hợp (chưa phù hợp ở đây có thể hiểu là: không phù hợp với nhu cầu, trình độ người học, không phù hợp với bậc học, ngành nghề đang theo học, không phù hợp với những gì thực tế đang diễn ra), chương trình giảng dạy còn nặng về lý thuyết thiếu các nội dung thực hành kỹ năng, còn mang tính lý luận, giáo điều cao, thiếu tính thực tiễn, còn quá trừu tượng. Trong khi đó, học sinh, sinh viên lại cho rằng họ cần nhiều hơn những kiến thức thực tế, cần có các kỹ năng để có thể đánh giá vấn đề xã hội liên quan đến nội dung môn học, kỹ năng vận dụng các lý thuyết cũng như nội dung thực hành quân sự của môn học một cách hiệu quả vào đời sống. Đường như người dạy và người học chưa tìm ra được mục tiêu chung về nội dung.

*Thứ hai*, phương pháp giảng dạy cũng là một khó khăn gây trở ngại rất lớn trong quá trình học tập của học sinh, sinh viên. Phương pháp giảng dạy hiện nay thiếu sự đổi mới và còn rập khuôn, mặc dù công nghệ thông tin đã được ứng dụng tích cực vào

giảng dạy như là: hệ thống bài giảng điện tử đã được xây dựng, có sử dụng các thiết bị công nghệ để truyền đạt nội dung...nhưng vẫn không thể thoát khỏi phương pháp truyền thống, vẫn còn theo lối mòn cũ. Phương pháp truyền thống thì "thầy đọc - trò chép" còn hiện nay là "thầy trình chiếu - trò chép". Giảng viên trình bày nội dung, học sinh, sinh viên nghe và ghi chép đó là tất cả các hoạt động của một buổi học trên lớp hiện nay, thiếu tính giao lưu tri thức, gợi mở, đặt và giải quyết vấn đề, giảng viên chỉ chú tâm vào việc "nói" cho hết nội dung chưa thật sự quan tâm đến đối tượng đang học là ai, họ cần ở mình những gì,...nên buổi học còn khá đơn điệu và thụ động. Chính phương pháp giảng dạy không phù hợp đã làm cho nội dung về bản chất từ trước đến nay đã được cho là "khô khan" thì nay càng trở nên cứng nhắc hơn.

*Thứ ba*, nhận thức của học sinh, sinh viên đối với tầm quan trọng, sự cần thiết và trách nhiệm của học sinh, sinh viên phải học, phải nghiên cứu môn GDQP và AN cũng là một trong những trở ngại rất lớn làm cho việc giảng dạy chưa thật sự được hiệu quả. Nhận thức của học sinh, sinh viên về tầm quan trọng môn học đối với bản thân, đối với xã hội chưa cao được biểu hiện bởi việc sinh viên không quan tâm những nội dung mà môn học truyền đạt, không tích cực nghe giảng, không lấy mục tiêu học tập để nâng cao kiến thức, nâng cao sự hiểu biết làm trọng tâm, có những bình luận, ý kiến không nên để môn học là học phần bắt buộc mà nên đưa vào các học phần tự chọn, xem việc học môn GDQP và AN không có ý nghĩa, không giúp ích gì cho bản thân trong quá trình lập nghiệp sau này. Cho nên, từ nhận thức không thấu đáo dẫn đến hành động không đúng là vấn đề, tất yếu hiển nhiên phù hợp với câu thành ngữ "Tư tưởng không thông, bình tông vác cũng thấy nặng".

*Thứ tư*, nguồn tài liệu tham khảo còn ít, khó tìm kiếm hoặc học sinh, sinh viên chưa xác định được đâu là tài liệu tham khảo phù hợp cũng đang là một trở ngại khiến người học ít nghiên cứu sâu các nội dung môn học. Để môn học có chiều sâu, không những đòi hỏi giảng viên nghiên cứu mà học sinh, sinh viên trong quá trình học tập cũng cần thực hiện các nghiên cứu liên quan để tìm ra cái mới, cái còn vướng mắc mà trong giáo trình chưa làm rõ. Muốn thực hiện nghiên cứu thì tài liệu tham khảo là rất cần thiết, nhưng vì nội dung khá đặc thù, liên quan nhiều lĩnh vực mà nguồn tài liệu ở nhà trường thì có giới hạn nên hiện nay giảng viên và học sinh, sinh viên còn khá rụt rè, chưa mạnh dạn trong thực hiện nghiên cứu đây cũng chính là yếu tố làm cho nội dung môn học ít có sự mới mẻ.

Chính vì những lý do nêu trên đã làm cho môn học trở nên thiếu hấp dẫn, khô khan về nội dung, cứng nhắc về phương pháp và các nguyên nhân khác đang tồn tại như là các yếu tố thuộc về bản thân người học đã dẫn đến tình trạng mức độ tiếp nhận kiến thức của người học còn hạn chế; người học không thiết tha với môn học; thái độ học tập không tích cực như là: đến lớp không đúng giờ, trên lớp thì lơ là, không tập trung, không tham gia đóng góp xây dựng bài, họ đến lớp chỉ để điếm danh theo quy định; mục đích học môn GDQP và AN chỉ dừng lại ở mức đủ điếm để hoàn thành môn

học vì nó là điều kiện để tốt nghiệp và cảm thấy không có động lực học tập môn GDQP và AN.

Với những khó khăn, nhận thức chưa đúng, thái độ và hành vi học tập không tích cực nêu trên đã tác động tiêu cực đến chất lượng giáo dục của môn học, kết quả không đạt được mục tiêu mà môn học đã đặt ra; một minh chứng rõ nét, điển hình là sau khi học xong nội dung nào đó khi ôn lại bài cũ thì tri thức không còn đọng lại trong bản thân của sinh viên. Một khía cạnh cũng đáng quan tâm đó là với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ người học luôn là trung tâm của việc dạy học, người học có tích cực học tập, hứng thú với môn học thì việc giảng dạy mới đạt hiệu quả cao.

### **3. Giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy học môn GDQP&AN**

Hiện nay môn học GDQP&AN đã và đang được triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng môn học. Đổi mới phương pháp GDQP&AN là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tại các nhà trường. Trong đó lực lượng giảng dạy, học tập trực tiếp là đội ngũ các giáo viên và học sinh, sinh viên tại các trường THPT và Đại học giữ vai trò quyết định trong việc đổi mới phương pháp dạy và học.

Để đổi mới phương pháp giảng dạy GDQP&AN cho học sinh, sinh viên đạt hiệu quả cao, bên cạnh việc nghiên cứu, biên soạn giáo án phù hợp với chương trình, đối tượng; sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hiện đại các cơ sở đào tạo cần chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, tăng cường đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy học, bảo đảm thao trường bài tập.

Một yêu cầu nữa đặt ra trong đổi mới giảng dạy GDQP&AN hiện nay là kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phải sát mục tiêu môn học và đối tượng đào tạo. Về lý thuyết, giáo viên phải lựa chọn những nội dung phù hợp với phân phối chương trình và cũng khuyến khích giáo viên sử dụng phương pháp trắc nghiệm trong kiểm tra các nội dung lý thuyết. Về thực hành, quá trình tổ chức kiểm tra cần lưu ý lựa chọn các động tác cơ bản về đội ngũ cũng như chiến thuật.

Một số giải pháp đổi mới hiệu quả giảng dạy, học tập môn GDQP&AN hiện nay như sau:

*Một là, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, trách nhiệm đối với môn học cũng như giúp học sinh, sinh viên thấy những lợi ích mà môn học đem lại.* Việc làm này rất quan trọng, đây là bước đầu tiên cần phải thực hiện nếu muốn chất lượng dạy và học được nâng cao. Nhận thức có thông suốt, đúng đắn thì sẽ hướng hành động đi đúng mục tiêu, nhận thức là một trong những yếu tố có tác động đến hành vi cá nhân. Hay nói một cách cụ thể là chỉ khi nào học sinh, sinh viên có thể nhận ra rằng việc học môn GDQP và AN là trách nhiệm của người học, học là để nâng cao và mở mang tri thức, nội dung môn học với nhiều kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực dù bản thân đang theo học hoặc lập nghiệp ở bất cứ ngành nghề nào các giá trị tri thức trong môn học đều có thể

ứng dụng được vào thực tế thì học sinh, sinh viên mới có cái nhìn thấu đáo, xem việc học môn GDQP và AN như một điều kiện cần để bổ sung tri thức khoa học và xã hội, như thế thì mới tích cực học tập, nghiên cứu.

*Hai là, có sự điều chỉnh, cập nhật, đổi mới về nội dung môn học cho phù hợp với nhu cầu, đối tượng và thực tiễn.* Giảng dạy GDQP và AN cho học sinh, sinh viên là chương trình của quốc gia, nội dung giảng dạy và giáo trình được thống nhất sử dụng chung cho mọi đối tượng; tất cả các nhà trường, các trung tâm GDQP đang giảng dạy, học tập môn GDQP và AN ở Việt Nam và do Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Quốc phòng chủ trì cùng các bộ khác biên soạn nên người dạy không thể tự ý biên soạn lại hoặc thay đổi giáo trình, nội dung giảng dạy.

*Ba là, thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tư duy tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng trong giảng dạy.* Phương pháp và hình thức tổ chức giảng dạy môn GDQP và AN là cách thức phối hợp giữa hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của học sinh, sinh viên, đồng thời là cách thức tổ chức tiến hành các buổi học. Đây là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển tải nội dung môn học đến với sinh viên nhằm thực hiện các mục tiêu dạy học.

Để phát huy được tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực học tập của sinh viên thì người giảng viên phải có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng giảng dạy, phải luôn tiếp thu, nghiên cứu về tri thức và phương pháp giảng dạy mới, phải luôn lấy người học làm trung tâm của việc giảng dạy.

Trên lớp học người giảng viên phải có phương pháp kích thích được tính chủ động, tích cực đóng góp xây dựng bài của học sinh, sinh viên, phải biến giờ học trên lớp không còn là một giờ học đơn thuần, giảng viên nói học sinh, sinh viên nghe, ghi chép mà lớp học phải trở thành một buổi đối thoại, giao lưu tri thức giữa người dạy và người học, lớp học là môi trường thuận lợi để học sinh, sinh viên có điều kiện tham gia ý kiến, trình bày tham luận, thuyết trình những vấn đề nhận thức mà mình được nghiên cứu kết hợp với vấn đề thực tiễn mình đang đối mặt.

Đổi mới không có nghĩa là chúng ta bỏ đi phương pháp truyền thống, phương pháp truyền thống vẫn là nền tảng, chúng ta nên biết vận dụng, kết hợp nhuần nhuyễn giữa cái cũ và cái mới cho phù hợp. Chẳng hạn như là: sử dụng cách thức thuyết trình, đàm thoại của phương pháp truyền thống kèm theo đó là sử dụng dạy học giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống, định hướng nghiên cứu, sử dụng các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo và chú trọng các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn. Đồng thời, để góp phần tạo sự thành công trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy thì một việc không thể thiếu đó là phải xây dựng nội dung bài giảng, giáo án phải thật sinh động, gắn lý luận với thực tiễn có minh họa, minh chứng bằng hình ảnh, phim ảnh.

Từ những việc làm cụ thể đó sẽ giúp gợi lên niềm say mê hứng thú đối với người học, làm cho người học tự nguyện, tự giác đến với lớp học, có thái độ học tập tích cực

hơn, có động lực học tập và quan trọng nhất là người học có thể thấu hiểu, thông suốt được nội dung môn học, nâng cao kiến thức cá nhân như thể chất lượng được đảm bảo và ngày càng được nâng cao. Ngoài ra để thành công đạt mức cao nhất thì cần phải có một sự hỗ trợ, đồng tình ủng hộ của lãnh đạo, cần có sự thay đổi một cách đồng bộ và có hệ thống từ khâu tổ chức lớp học, khâu phân bố thời lượng phải thật hợp lý; đến khâu cung cấp tài liệu nghiên cứu cho sinh viên. Với ý nghĩa đó nhà trường phải tạo điều kiện cho giảng viên được tập huấn phương pháp giảng dạy mới để giảng viên có điều kiện tốt hơn nữa cho việc vận dụng một cách khoa học phương pháp giảng dạy mới vào trong quá trình giảng dạy.

*Bốn là, xây dựng tính tự giác học tập cho học sinh, sinh viên.* Tính tự giác được thể hiện ở chỗ người học ý thức đầy đủ về mục đích, nhiệm vụ học tập, nghiên cứu qua đó nỗ lực nắm vững tri thức trong quá trình lĩnh hội. Tự học không những giúp sinh viên đào sâu, nắm vững kiến thức đã học trên lớp; mở rộng, cập nhật những kiến thức mới; mà còn giúp học sinh, sinh viên hình thành kỹ năng học tập; bồi dưỡng hứng thú học tập; đặc biệt tự học là công cụ giúp học sinh, sinh viên học tập suốt đời. Vấn đề đặt ra là: người dạy phải làm sao, bằng biện pháp nào, phải thực hiện những nội dung gì để kích thích được tính tự giác của sinh viên trong quá trình học tập; làm sao việc được nghe giảng trên lớp phải thực sự trở thành nhu cầu bức thiết của người học, phải giúp người học xác định được mục tiêu của việc học là học để biết, học để làm, học để chung sống với nhau và học để tồn tại.

## **Chương II**

### **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY MÔN GDQP&AN**

#### **I. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong soạn bài giảng**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục đang được triển khai rộng rãi ở mọi loại hình cơ sở đào tạo. Thậm chí, thiết bị CNTT đã trở thành vật "bất ly thân" của rất nhiều thầy cô giáo và học sinh. Hiện nay với môn GDQP&AN được chia thành hai nội dung là lý thuyết và thực hành.

Lý thuyết được giáo viên giảng dạy tại các phòng học hoặc trên hội trường, đây là nội dung có điều kiện và rất phù hợp với việc ứng dụng CNTT trong hỗ trợ giảng dạy môn GDQP&AN. Hiện nay đã có rất nhiều Thầy, Cô đã ứng dụng CNTT để soạn bài giảng thông qua các ứng dụng như Microsoft Word và Microsoft Powerpoint, đây là hai phần mềm cơ bản hiện nay được sử dụng soạn bài giảng nhiều nhất.





Thực hành được giáo viên giảng dạy tại sân trường hoặc trên các thao trường bãi tập, đây là nội dung ứng dụng CNTT khá hạn chế, phần lớn ứng dụng CNTT được tích hợp trong các sản phẩm đã được đóng gói để thực hành huấn luyện như phần mềm trong thiết bị MBT-03.



### 1. Soạn bài giảng trên Microsoft Word

Microsoft Word là một trong những phần mềm soạn thảo văn bản vô cùng cần thiết đối với giáo viên hiện nay, giúp các thầy cô biên soạn giáo án điện tử, đề kiểm tra, đề thi hoặc các kiến thức, bài tập phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy trên lớp.

Một số kỹ năng Word giáo viên nào cũng cần sẽ cung cấp các thủ thuật sử dụng những phím tắt word cơ bản, chỉnh khoảng cách chữ với nhiều lựa chọn khác nhau cho phù hợp từng tài liệu, xóa gạch chân trong word, đánh số trang và in hai mặt một văn bản. Đây là những kỹ năng văn phòng mà các giáo viên sẽ sử dụng thường xuyên nên nếu nắm vững và hiểu rõ sẽ giúp thầy cô tăng tốc độ xử lý giáo án, bài vở với bố cục đẹp và khoa học, thể hiện rõ nội dung bài giảng, học sinh sẽ dễ dàng nắm bắt những kiến thức mà thầy cô muốn truyền tải.

## **Một số kỹ năng cơ bản khi soạn bài giảng trên Microsoft Word:**

### **1.1. Phím tắt trong Microsoft Word**

Việc sử dụng phím tắt Word sẽ giúp thầy cô tăng tốc độ soạn thảo văn bản, như vậy thời gian để soạn thảo một bài giảng đầy đủ kiến thức sẽ được rút ngắn lại mà vẫn đảm bảo hiệu quả cao. Các thao tác di chuyển chuột bạn có thể thay thế bằng một số phím tắt Word trên bàn phím, đặc biệt các phím tắt này cũng rất dễ ghi nhớ. Đơn giản nhất là tạo một văn bản mới, thay vì phải click vào thanh menu và chọn thì bạn có thể nhấn tổ hợp phím:

**Ctrl + N:** Tạo văn bản mới.

**Ctrl + O:** Mở một văn bản mới đã được soạn thảo trước đó.

**Ctrl + S:** Lưu văn bản soạn thảo.

**Ctrl + C:** Sao chép văn bản.

**Ctrl + X:** Cắt một nội dung bất kì trong văn bản.

**Ctrl + V:** Dán văn bản.

**Ctrl + F:** Tìm kiếm từ/cụm từ hoặc đoạn văn bản.

**Ctrl + H:** Chức năng thay thế, thay thế một từ/cụm từ bằng một từ/cụm từ khác.

**Ctrl + P:** In ấn văn bản.

**Ctrl + Z:** Trở lại trạng thái văn bản trước khi thực hiện lần chỉnh sửa cuối cùng.

**Ctrl + Y:** Phục hồi trạng thái văn bản trước khi sử dụng lệnh **Ctrl+Z**.

**Ctrl + F4 , Ctrl + W, Alt + F4:** Đóng lại văn bản.

Ngoài các phím tắt Word trong tạo, chỉnh sửa, lưu văn bản thì còn có rất nhiều phím tắt Word để mở menu lệnh, Toolbars, chọn đoạn văn, xóa, di chuyển, căn lề, sao chép định dạng văn bản, phím tắt giúp tạo số mũ hoặc làm việc trên bảng biểu cũng giúp ích rất nhiều cho giáo viên trong quá trình soạn thảo.

### **1.2. Chỉnh khoảng cách chữ trong Microsoft Word**

**Bước 1:** Bôi đen phần muốn điều chỉnh khoảng cách chữ (nếu muốn điều chỉnh toàn bộ văn bản thì nhấn tổ hợp phím **Ctrl + A**).

**Bước 2:** Vào Tab **Home** > **Font** (click vào mũi tên bên phải).

**Bước 3:** Hộp thoại font được mở ra, chọn tab **Character spacing**. Tiếp theo tại mục **Spacing**. Muốn tăng khoảng cách giữa các chữ chọn **Expanded** hoặc giảm khoảng cách giữa chúng ta chọn **Condensed**. Điều chỉnh thước tăng hoặc giảm vào ô **By**. Sau đó nhấn **OK** để hoàn thành.

### 3. Xóa gạch chân trong Microsoft Word

Trong quá trình soạn bài giảng ở Microsoft Word sẽ gặp phải trường hợp xuất hiện các dấu gạch chân Word màu xanh hoặc đỏ. Thực tế, đây là một trong những tính năng mà Microsoft Word tích hợp cho phần mềm của mình nhằm nhắc nhở người dùng khi phát hiện lỗi sai chính tả hoặc ngữ pháp câu chủ yếu trên ngôn ngữ Tiếng Anh, do đó nếu thấy khó chịu với tính năng này, có thể tắt chúng đi tức là xóa gạch chân Word để tiếp tục soạn thảo một cách nhanh chóng.

### 4. Đánh số trang

Một trong những kỹ năng sử dụng Word giáo viên nào cũng cần đó là đánh số trang cho văn bản, việc đánh số trang sẽ giúp kiểm soát dễ dàng hơn số trang trong bài giảng của mình, đặc biệt là những văn bản dài. Người dùng có thể đánh số trang ở một vị trí bất kỳ của văn bản hoặc từ đầu đến cuối văn bản tùy theo nhu cầu. Việc đánh số trang trong Microsoft Word cũng giúp bạn dễ dàng viết mục lục cho tài liệu của mình, nhất là các bài luận văn, luận án, đề án thì phần này là phần bắt buộc cần phải có.

#### a. Đánh số trang bắt đầu từ trang đầu tiên trong văn bản Word

Các bạn chọn **Insert > Page Number**. Tại đây có các lựa chọn:

- **Top of Page:** Đánh dấu trang ở trên đầu trang.
- **Bottom of Page:** Đánh dấu trang ở cuối trang.
- **Page Margins:** Đánh dấu trang bên lề trang.
- **Current Position:** Đánh dấu trang tại vị trí đặt con trỏ chuột.

**Ví dụ:** Các bạn chọn đánh dấu ở giữa, phía dưới mỗi trang (Bottom of Page) các bạn chọn **Insert > Page Number > Bottom of Page >** chọn kiểu đầu tiên và vị trí ở giữa.

Tương tự như vậy ta có thể chọn cho mình vị trí và kiểu đánh dấu trang theo ý muốn. Kéo thanh cuộn trong **Simple** sẽ có rất nhiều kiểu đánh dấu trang cho ta chọn.

#### b. Đánh số trang từ một trang bất kỳ trong văn bản Word

**Bước 1:** Đặt con trỏ chuột vào đầu trang bất kỳ mà muốn bắt đầu đánh dấu trang.

**Bước 2:** Chọn **Page Layout > Breaks > Next Page** để tách văn bản thành 2 section khác nhau: 1 section từ vị trí con trỏ chuột đến hết văn bản và 1 section từ đầu đến hết các trang không chứa con trỏ chuột.

**Bước 3:** Chọn **Insert > Page numbers > Format page numbers**. Xuất hiện hộp thoại **Page Number Format**, chọn kiểu đánh số trang trong Number format và chọn **Start at** là 1 hoặc giá trị bắt đầu bất kỳ các bạn muốn bắt đầu đánh dấu trang. Sau đó nhấn **OK**.

**Bước 4:** Chọn **Insert > Header/Footer** hoặc chọn **Page number** để đánh dấu trang, sau đó chọn kiểu đánh dấu trang.

**Bước 5:** Như vậy các bạn đã đánh số trang cả 2 section để xóa số trang ở section 1 các bạn cần ngắt liên kết giữa 2 section bằng cách nhấn bỏ màu vàng của **Link to Previous** trong phần **Design** của **Header & Footer Tools**.



**Bước 6:** Sau khi đã ngắt 2 section các bạn nhấn vào Footer Section 1 và xóa số trang và kiểu đánh dấu trang và nhấn **Close Header and Footer**.

## 5. Tạo bảng trong Microsoft Word

**Bước 1:** Chọn thẻ “Insert” trên thanh công cụ ribbon

**Bước 2:** Tìm đến chữ Table như hình dưới đây, sau đó click chuột vào hình tam giác màu đen.

**Bước 3:** Chọn số dòng, số cột

Dùng chuột di chuyển trong vùng phía dưới chữ **Table**. Excel sẽ tự động làm hiện sáng các ô và cột được chọn bởi vị trí con trỏ chuột đang đứng. Trong hình phía trên, con trỏ chuột đang ở vị trí giúp chúng ta chèn một bảng (table) với 3 cột và 3 dòng. Để ý trong hình có chữ: 3×3 Table. Khi di chuyển chuột sang vị trí khác thì số dòng số cột cũng thay đổi theo. Hình của bảng biểu cũng tự động được hiển thị trong văn bản một cách trực quan. Giúp bạn dễ dàng quyết định được bảng đó cần dùng bao nhiêu dòng hay cột.

**Bước 4:** Sau khi con trỏ chuột ở vị trí mà tại đó số dòng số cột được chọn đúng với ý bạn. Thì bạn chỉ cần click chuột trái tại vị trí đó là bảng biểu đã được chèn vào word. Trong thời đại công nghệ hiện nay, việc sử dụng thành thạo 5 kỹ năng Word giáo viên nào cũng cần này sẽ giúp cho các bạn tiết kiệm thời gian mà vẫn có thể đạt được hiệu quả công việc như mong muốn. Hy vọng với các kỹ năng về hướng dẫn sử dụng phím tắt Word, chỉnh khoảng cách chữ, xóa gạch chân, đánh số trang và in hai mặt giấy trong Microsoft Word sẽ giúp ích thật nhiều cho các thầy cô giáo trong quá trình soạn giáo án và tài liệu phục vụ cho công việc giảng dạy trên lớp.

## 2. Soạn bài giảng trên Microsoft Powerpoint

PowerPoint là một phần mềm trình chiếu trong bộ công cụ Microsoft Office, được đông đảo học sinh, giáo viên hay giới văn phòng sử dụng cho những bài thuyết trình của mình. Cùng với Microsoft Word và Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint đã trở thành một thiết bị văn phòng không thể thiếu. Microsoft PowerPoint ra đời với mục đích chính là phục vụ các buổi thuyết trình, thay thế cho bảng và phấn. Cho phép người dùng tạo ra những Slide để thể hiện những thông điệp với các hiệu ứng xuyên suốt.

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, PowerPoint ngày càng trở lên phổ biến và trở thành công cụ không thể thiếu trong việc xây dựng bài giảng và thuyết trình. Thậm chí còn được sử dụng vào những buổi trình diễn ảnh, làm phim hoạt hình hay quảng cáo.

### Công dụng chung của powerpoint

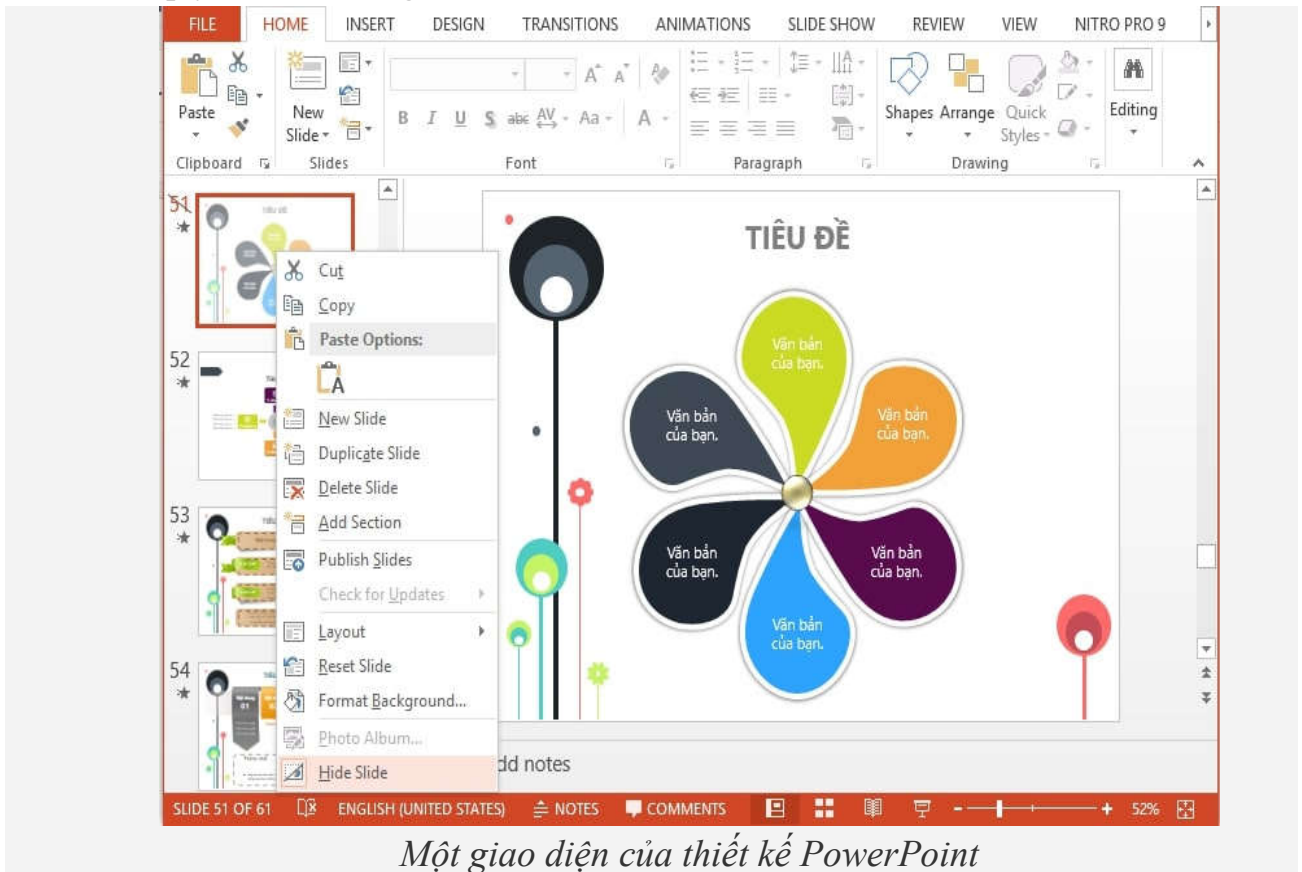
PowerPoint là công cụ vô cùng hữu ích khi được sử dụng rộng rãi và có nhiều công dụng tuyệt vời.

- Giúp các doanh nghiệp tạo các bài thuyết trình cho sản phẩm và dịch vụ của mình.
- Giúp các tổ chức giáo dục tạo bài giảng trực quan cho lớp học.
- Sử dụng với mục đích cá nhân như lập bản đồ tư duy hay trình chiếu ảnh gia đình.
- Tạo tài liệu bán hàng, tiếp thị.

- Tạo bài trình bày trong những sự kiện như đám cưới, lễ kỷ niệm hay cuộc họp mặt gia đình.
- Tạo bài thuyết trình cho các dự án, ngân sách và tài chính.
- Tạo chứng chỉ, lịch, báo cáo, sơ đồ, biểu đồ cho bất kỳ ngành nào.
- Bạn có thể tạo hầu hết mọi loại hình ảnh trong PowerPoint.

### Các thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong PowerPoint

Khi nắm rõ khái niệm của những thuật ngữ trong PowerPoint sẽ giúp bạn thực hiện theo quy trình dễ dàng hơn nhiều.



*Một giao diện của thiết kế PowerPoint*

- **Slideshow và Presentation** (Trình chiếu và Trình bày): Khi nói về PowerPoint, bạn có thể nhận thấy hai thuật ngữ này có khả năng hoán đổi cho nhau. Chúng đại diện cho tài liệu tổng thể mà bạn tạo trong ứng dụng.
- **Slide:** Mỗi slideshow trong PowerPoint chứa nhiều slide. Bạn có thể nghĩ đơn giản các slide này giống như các trang mà bạn có thể thêm vào bản trình bày của mình và sau đó chuyển qua từng trang một.
  - **Animation** (chuyển động): Các animation là hiệu ứng hình ảnh cung cấp cho slide của bạn một diện mạo độc đáo. Chúng cho phép bạn thêm các chuyển động và sự lôi cuốn vào các phần tử trên slide.
  - **Transition** (Hiệu ứng chuyển tiếp): Transition cũng là công cụ trực quan, nhưng chỉ nhìn thấy khi di chuyển sang slide kế tiếp. Bằng cách sử dụng một transition, bạn có thể làm cho bài thuyết trình của mình thêm nổi bật trong mắt người xem hoặc sử dụng nó để tạo các hiệu ứng ấn tượng.



Ưu điểm của Powerpoint so với phương pháp soạn bài giảng truyền thống:

- Cho phép tiết kiệm thời gian soạn bài;
- Tăng tính sinh động và hấp dẫn của bài giảng;
- Cho phép người nghe tiếp cận vấn đề nhanh hơn và sâu hơn.

## II. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong trình chiếu giảng dạy

### 1. Ứng dụng PowerPoint trong trình chiếu giảng dạy

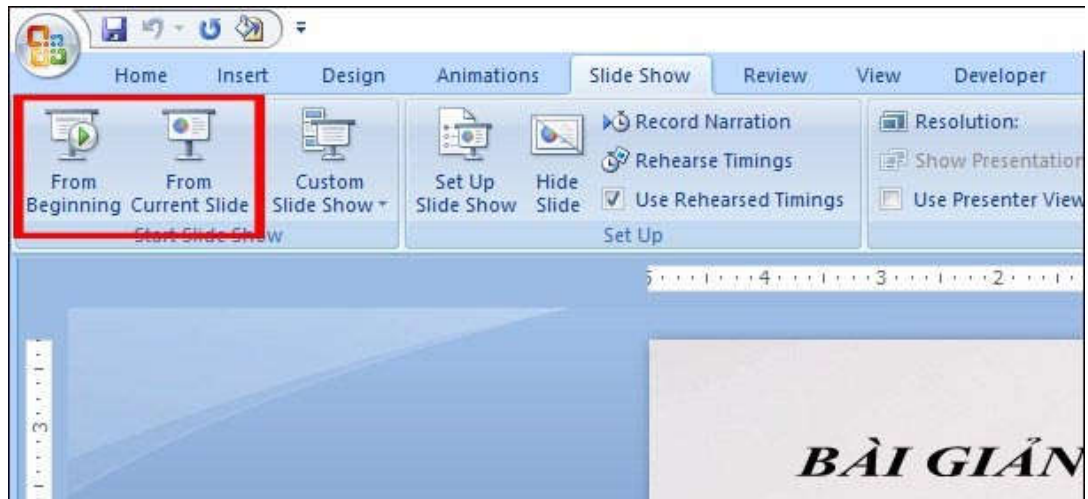
PowerPoint là công cụ để trình chiếu các bài giảng với nhiều nội dung khác nhau, phục vụ các lĩnh vực từ học tập tới giảng dạy, nghiên cứu, báo cáo... Sau khi đã soạn đầy đủ nội dung cho bài giảng trên PowerPoint, giáo viên nên trình chiếu thử slide để kiểm tra kỹ lại nội dung, chỉnh sửa những phần chưa vừa ý trước khi tiến hành trình chiếu giảng bài trước lớp.

Bên cạnh những công cụ phục vụ cho nội dung trình chiếu giảng bài, thuyết trình, PowerPoint cũng có các tính năng hỗ trợ cho việc báo cáo cũng như di chuyển nội dung dễ dàng khi giáo viên trình chiếu giảng bài. Sau đây là nội dung hướng dẫn cách trình chiếu giảng bài, thuyết trình slide PowerPoint 2007.

#### 1.1. Trình chiếu PowerPoint

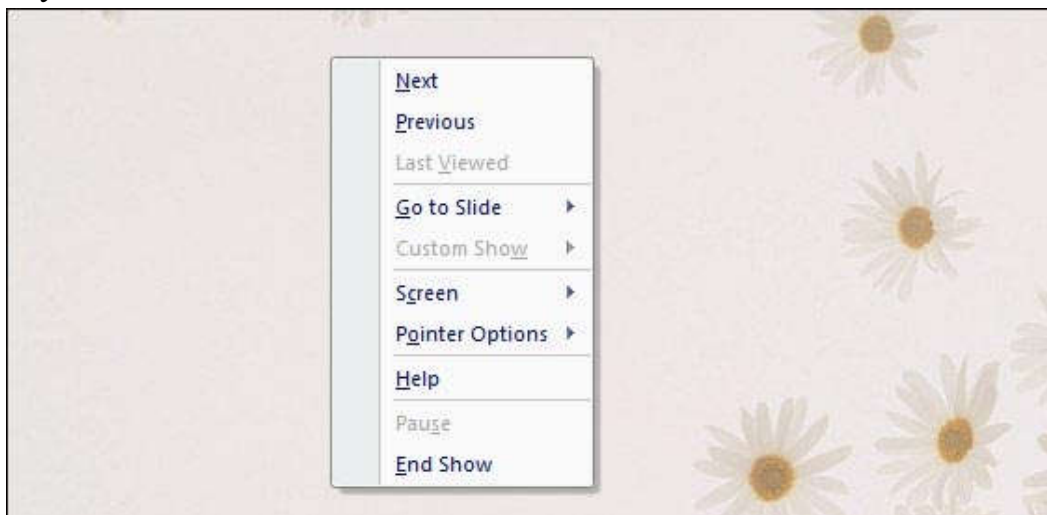
##### Bước 1:

Để kiểm tra thử slide bài giảng, trước hết nhấn chọn vào **tab Slide Show**, rồi nhìn xuống dưới nhóm **Start Slide Show** sẽ thấy có 2 lựa chọn để trình chiếu. From Beginning hoặc nhấn phím tắt F5 nếu trình chiếu từ trang đầu tiên và From Current Slide hoặc tổ hợp phím Shift + F5 nếu muốn trình chiếu từ slide đang mở.



### Bước 2:

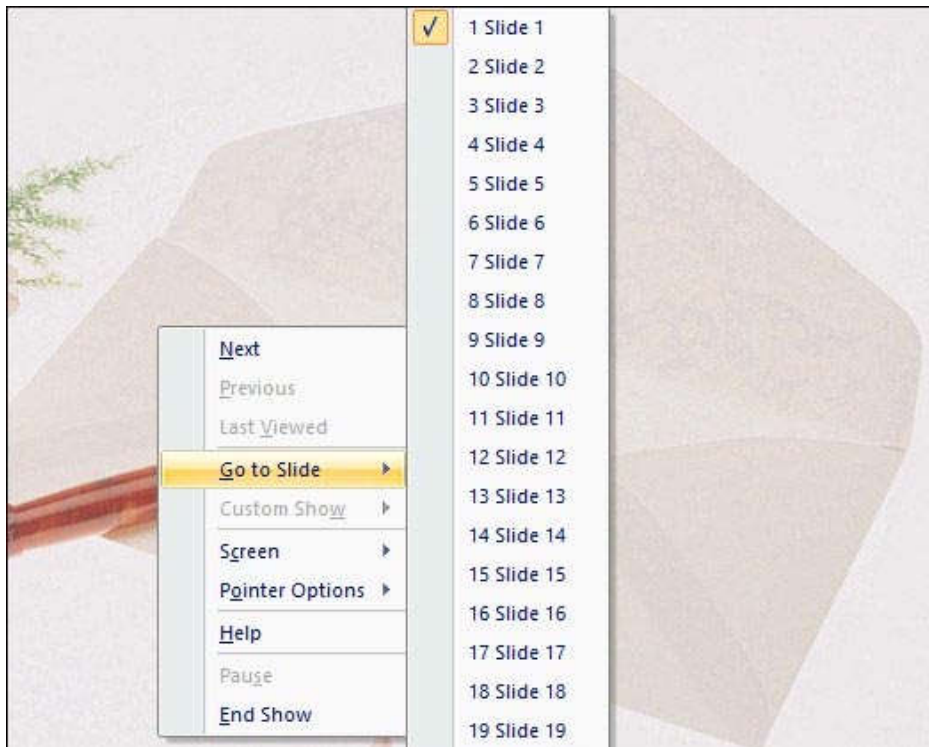
Trong màn hình trình chiếu khi **nhấn chuột phải** vào màn hình sẽ hiển thị menu với những tùy chọn khác nhau khi trình chiếu.



Để di chuyển nhanh tới slide bất kỳ, nhấn chọn vào **Go to Slide** để hiển thị danh sách các slide trong PowerPoint. Muốn chuyển sang slide nào chỉ cần click chuột vào slide đó.

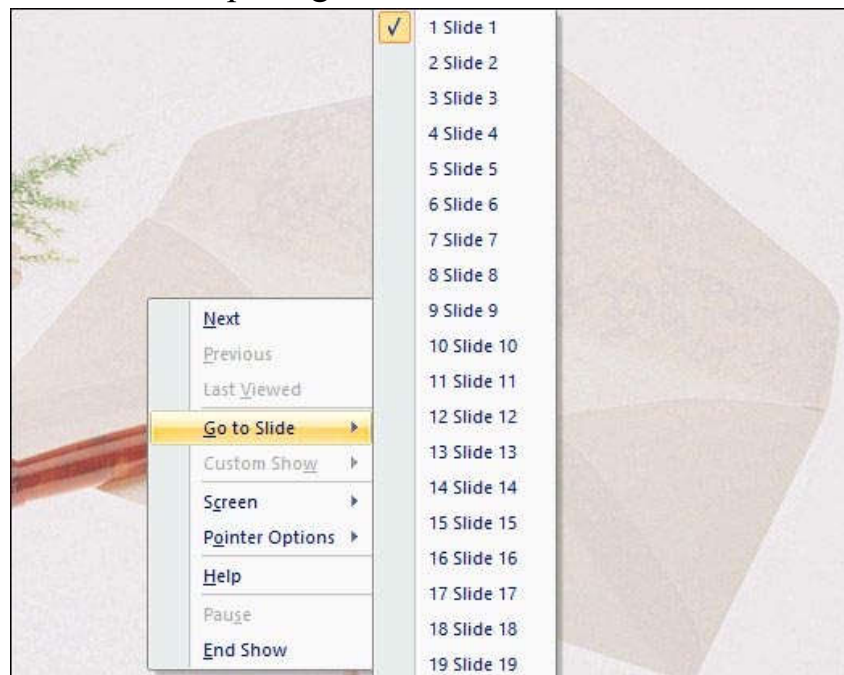
Nếu trình chiếu theo thứ tự thì chọn chuột trái, hoặc chọn phím cách hoặc chọn mũi tên điều hướng sang phải hoặc xuống dưới trên bàn phím, hoặc phím Enter hay phím Page Down.

Quay lại slide trước chọn mũi tên điều hướng sang trái hoặc mũi tên quay lên hay phím Page Up.



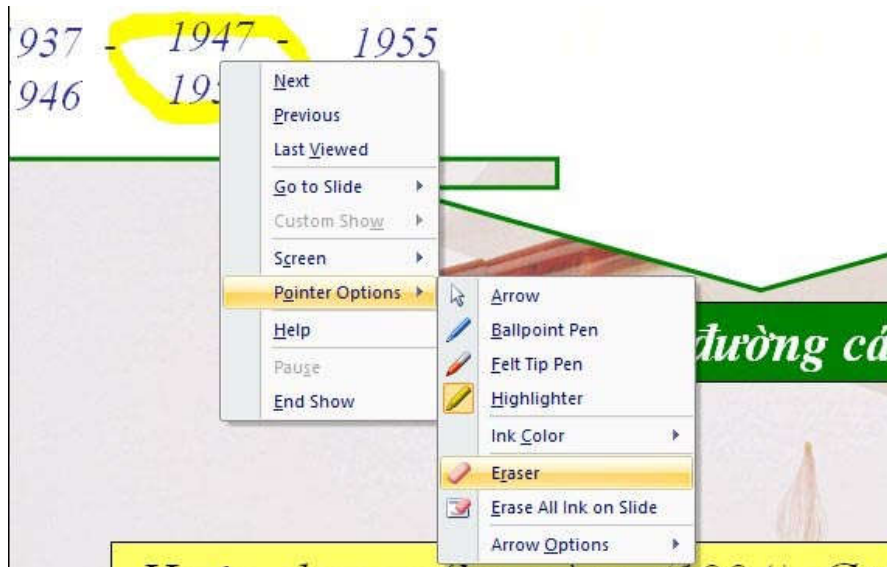
### Bước 3:

Trong quá trình thuyết trình nếu cần chú ý vào nội dung nào đó cho người xem thì nhấn vào **Pointer Options**. Sau đó chọn loại bút muốn sử dụng. Nhấn vào **Ink Color** rồi chọn màu sắc muốn áp dụng cho bút vẽ.



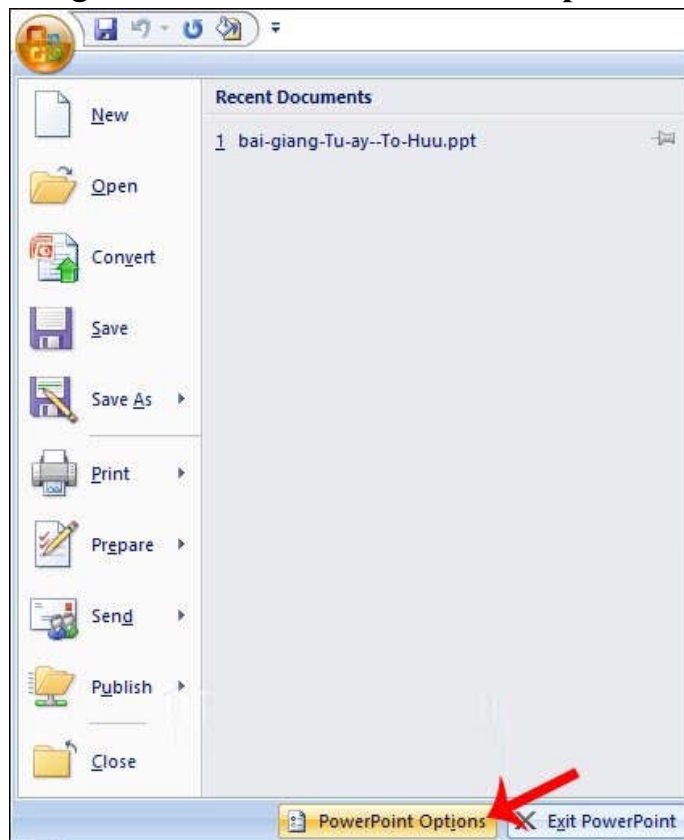
Hình vẽ trong slide có tùy chọn xóa từng hình vẽ (Eraser) hoặc xóa toàn bộ các hình vẽ có trong slide trình chiếu (Erase All Ink on Slide).





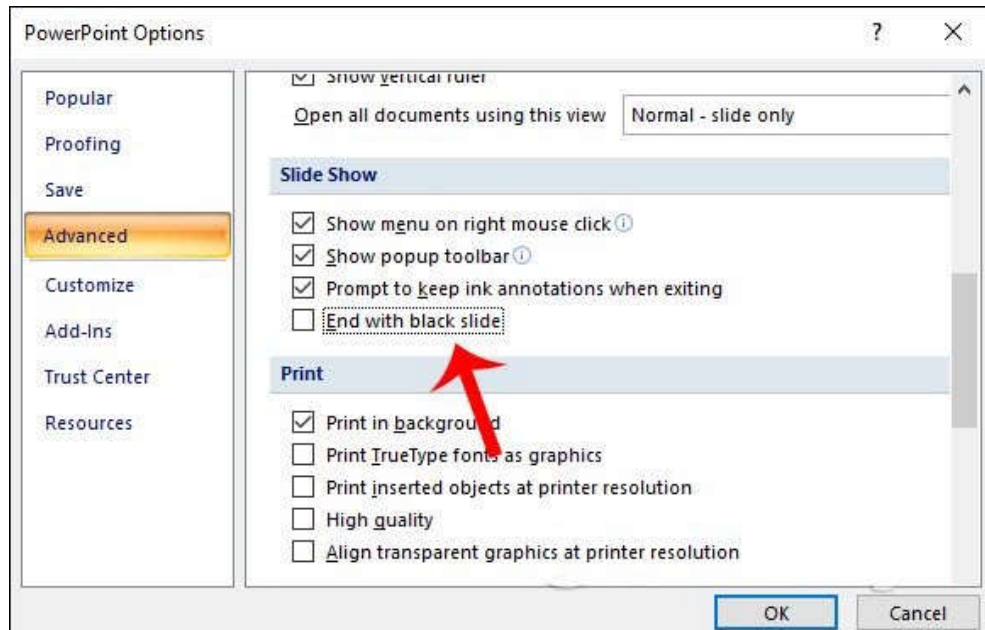
#### Bước 4:

Mặc định khi kết thúc trình chiếu sẽ hiển thị trang màu đen. Để loại bỏ màn hình đen truy cập vào biểu tượng Office rồi chọn **PowerPoint Options**.



Hiển thị giao diện thiết lập, nhấn chọn vào **mục Advanced** rồi nhìn sang bên phải bỏ tích tại **End with black slide**. Nhấn OK để lưu lại thiết lập mới.

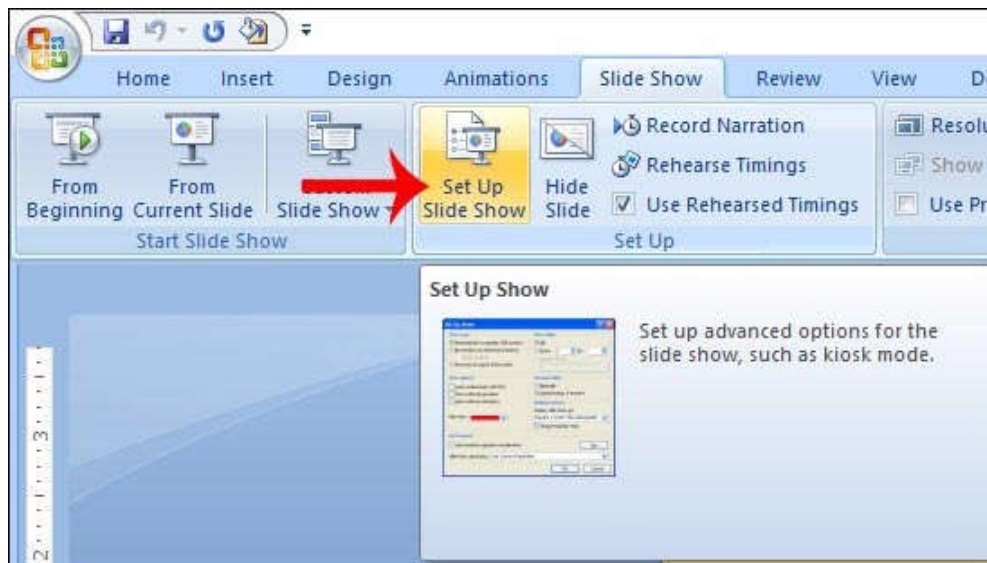
Trong quá trình trình chiếu người dùng nên sử dụng một số phím tắt để tiết kiệm thao tác thực hiện. Các phím tắt trong khi trình chiếu PowerPoint tham khảo bài viết Tổng hợp phím tắt hữu ích trong PowerPoint.



## 1.2. Một số thiết lập hiển thị PowerPoint

### Bước 1:

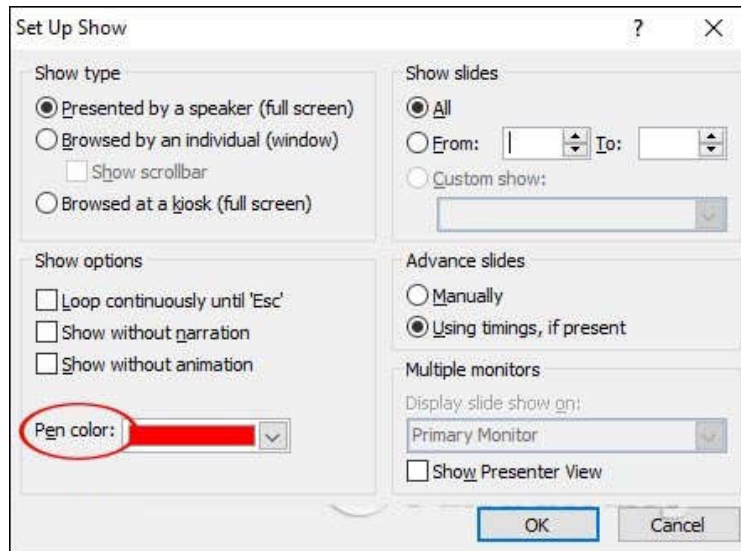
Nhấn vào mục **Slide Show** rồi nhấn tiếp vào Set Up Slide Show.



### Bước 2:

Hiển thị giao diện hộp thoại Set Up Show để người dùng thiết lập màu cho Pen (màu bút) viết nội dung trong slide trình chiếu.

Một số phiên bản PowerPoint 2010 trở lên sẽ có thêm tùy chọn thay đổi màu sắc cho con trỏ chuột tại Laser Pointer. Bạn đọc tham khảo chi tiết tại bài viết Cách đổi màu trỏ chuột laser trên PowerPoint.

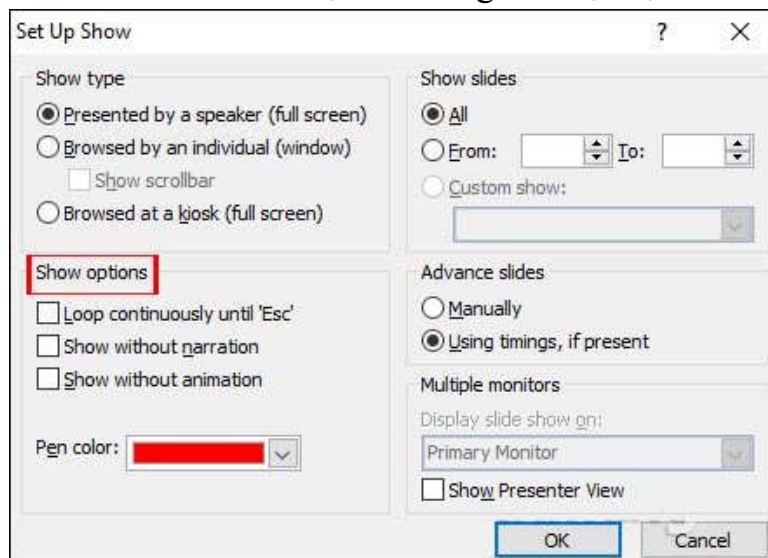


### Bước 3:

Tiếp tại phần Show Options bạn sẽ có 3 lựa chọn để thiết lập khi trình chiếu.

Loop continuously until 'Esc': Lặp lại bài trình chiếu liên tục đến khi nhấn phím ESC.

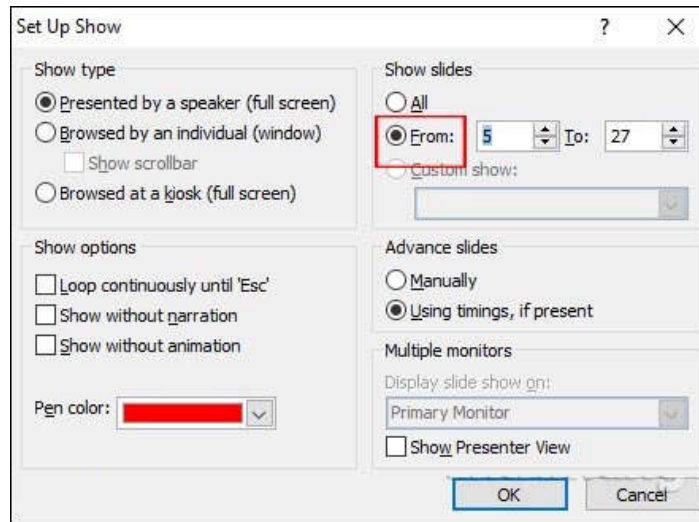
- Show without narration: Hiện thị mà không tường thuật.
- Show without animation: Hiện thị mà không có hoạt họa.



Trong phần **Show slides** các bạn có thể để mặc định là trình chiếu tất cả các trang tại All, hoặc chọn trình chiếu một số trang bằng cách chọn From To và chọn vị trí trang cần trình chiếu.

Trong giao diện diện này cũng có tùy chọn trình chiếu 2 màn hình tại mục Multiple monitor. Mục đích của thiết lập này giúp người dùng sử dụng 2 màn hình khác nhau, một màn hình hiển thị nội dung các đề mục, ghi chú của tác giả, một màn hình báo cáo nội dung cần trình chiếu cho người khác xem. Chúng ta tham khảo chi tiết bài viết Cách dùng 2 màn hình chiếu slide PowerPoint.

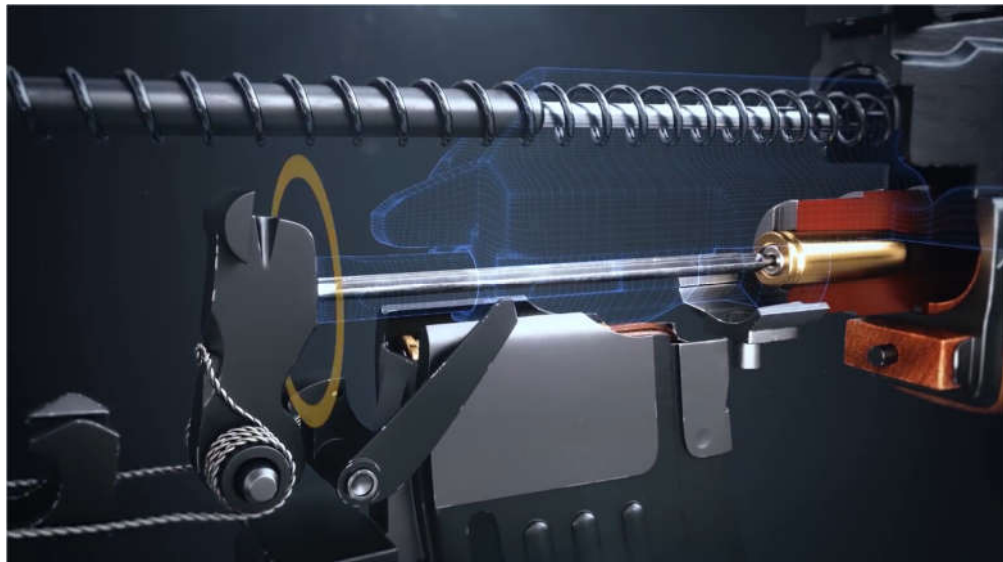




Việc trình chiếu slide PowerPoint 2007 rất đơn giản. Trong quá trình trình chiếu bạn có đầy đủ các công cụ hỗ trợ để chiếu toàn bộ slide từ đầu tới cuối hay chọn lựa vùng slide muốn thuyết trình.

## 2. Ứng dụng phần mềm mô phỏng trong trình chiếu giảng dạy

Cùng với sự phát triển công nghệ thông tin, việc đưa máy tính vào các trường học đã tạo ra bước ngoặt lớn trong việc dạy học. Sử dụng mô phỏng trên máy tính là phương pháp dạy học tích cực phát huy cao độ tính độc lập, khả năng làm việc trí tuệ của học sinh, sinh viên, tạo ra một nhịp độ phong cách trạng thái tâm lý mới làm thay đổi phương pháp và hình thức dạy học. Đặc biệt, mô phỏng diễn tả những quá trình động bên trong của các quá trình, các thiết bị mà trước đây không thể thực hiện trong phạm vi nhà trường.



Phương pháp mô phỏng trong dạy học là phương pháp tiếp cận nhận thức thế giới thực thông qua mô hình tĩnh hoặc động. Bằng phương pháp mô phỏng, học sinh, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc mà trong quá trình học họ còn có thể tìm ra cách tiếp cận vấn đề, con đường cách thức để đạt mục tiêu bài học.



Những ưu điểm của phương pháp dạy và học với mô phỏng:

- Mô phỏng cung cấp cho học sinh, sinh viên những kinh nghiệm cụ thể về đối tượng học tập theo kiểu trải nghiệm gián tiếp. Với khả năng điều khiển đồng thời tất cả các thành phần như hình ảnh, âm thanh, video, theo năng lực và sở thích của cá nhân, sinh viên có thể tự trải nghiệm về đối tượng. Trong các bài giảng, bằng sự kết hợp của mô phỏng 3 chiều, của âm thanh nổi, bằng diễn biến tùy thuộc vào kỹ năng điều khiển của sinh viên, có thể tạo nên được những trạng thái, cảm xúc hồi hộp, sung sướng, lo sợ... Điều quan trọng hơn, đó là từ những trải nghiệm này, sinh viên có được những kinh nghiệm cụ thể về tư duy, về hành vi, về ứng xử.

- Mô phỏng được sử dụng để huấn luyện, cung cấp những kinh nghiệm gián tiếp trước khi sinh viên thực hành thực tế. Điều này được thực hiện đối với những công việc có thể gây nhiều nguy hiểm cho con người. Nhờ thế, khi bước vào thực tế học sinh, sinh viên đã thuần thục các qui trình, qui tắc cần làm để giảm thiểu tối đa rủi ro có thể gây ra cho con người và thiết bị.

- Mô phỏng giúp giáo viên làm việc một cách sáng tạo, tìm được giải pháp thay thế những hoạt động học thiếu hiệu quả.

- Mô phỏng giúp giáo viên tiết kiệm thời gian, nhờ đó có thể khám phá nhiều chủ đề, tăng cường thời gian giao tiếp, thảo luận với sinh viên.

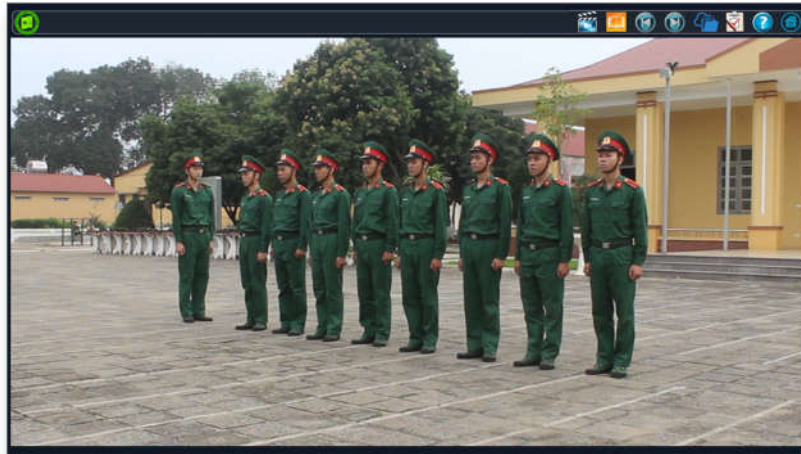
### **3. Ứng dụng phim giáo khoa trong trình chiếu giảng dạy**

Trong xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay, các nhà trường đã được trang bị những phương tiện và thiết bị kỹ thuật dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu, tivi... Đó là những yêu cầu có tính chất khách quan và cấp thiết của tất cả các môn học nói chung, trong đó có môn GDQP và AN. Sự thành công trong việc sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật để giải quyết hàng loạt tình huống dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng bài giảng, trong đó có việc sử dụng phim giáo khoa trong dạy học.

Phim giáo khoa ngày nay đã thâm nhập vào các hoạt động của nhà trường. Chúng không những thay đổi phương pháp dạy học truyền thống mà còn đổi mới cả nội dung dạy học, mở rộng khả năng lĩnh hội tri thức khoa học với chất lượng cao và tốc độ nhanh.

Phim giáo khoa dùng để dạy học khác với những video thông thường ở chỗ: nó phải chứa đựng nội dung sách giáo khoa, vì vậy phim giáo khoa phải thể hiện được nội dung cơ bản của một bài, một chương hay một vấn đề trong chương trình, do vậy phim giáo khoa phải đảm bảo được những nội dung sau:

- Phải đảm bảo tính khoa học (thể hiện được kiến thức có chọn lọc, phù hợp với nội dung từng khối lớp)
- Phải đảm bảo được yêu cầu nghệ thuật (hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, nhạc nền phải sinh động và phù hợp, lời bình phải trong sáng, rõ ràng...)
- Dung lượng phải phù hợp với thời gian từng môn học.



#### **Ưu điểm của phim giáo khoa trong giảng dạy, học tập:**

- Giúp cho giáo viên và học sinh có phương pháp Dạy - Học tốt hơn trong quá trình củng cố kiến thức, giải thích hay cung cấp tri thức mới;
- Giúp giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh, sinh viên
- Góp phần mở rộng nguồn tri thức, giúp học sinh lĩnh hội tri thức một cách dễ dàng, nhanh chóng và tạo cho học sinh hứng thú học tập;
- Tạo điều kiện cho học sinh phát triển theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức, giúp học sinh tự học một cách thuận lợi.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy, phương pháp sử dụng các phương tiện thiết bị kỹ thuật dạy học nói chung và phương pháp sử dụng phim giáo khoa trong dạy học môn GDQP và AN nói riêng là rất cần thiết đối với giáo viên và học sinh trong giai đoạn hiện nay.

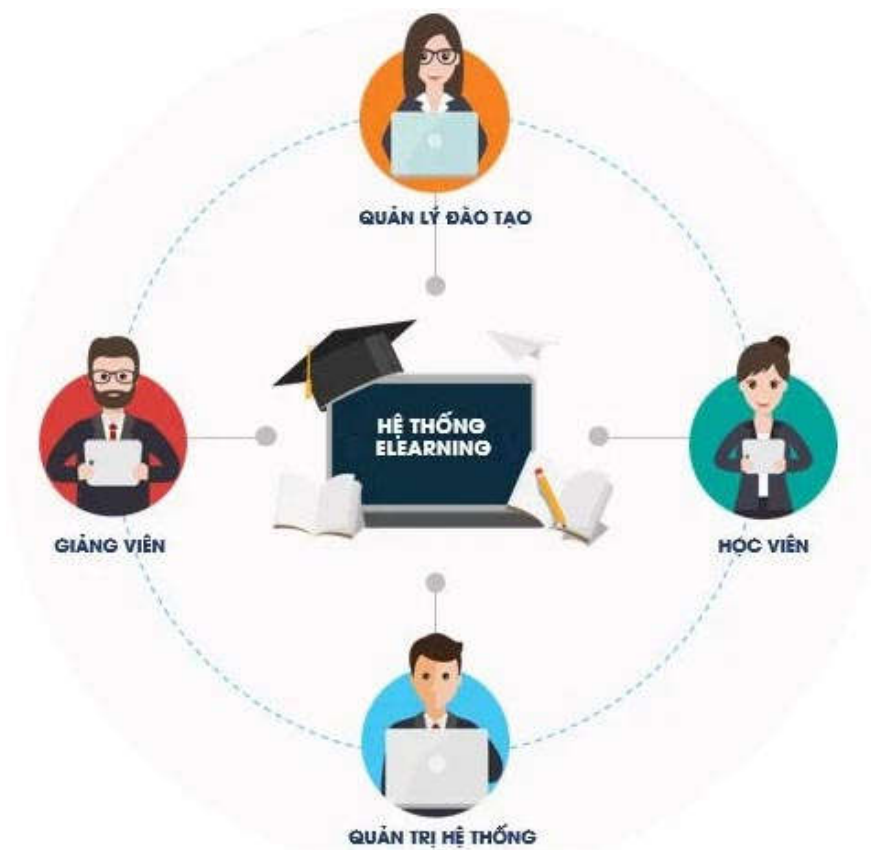
#### **4. Ứng dụng E-learning trong giảng dạy**

##### **a. E-learning là gì?**

E-Learning (viết tắt của Electronic Learning) là thuật ngữ mới.

Hiện nay, theo các quan điểm và dưới các hình thức khác nhau có rất nhiều cách hiểu về E-Learning.

Hiểu theo nghĩa rộng, E-Learning là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông, đặc biệt là công nghệ thông tin.



Theo quan điểm hiện đại, E-Learning là một hình thức học tập thông qua mạng internet dưới dạng các khóa học và được quản lý bởi các hệ thống quản lý học tập đảm bảo sự tương tác, hợp tác đáp ứng nhu cầu học mọi lúc mọi nơi của người học, do vậy một hệ thống E-Learning phải đảm bảo được các điều kiện dưới đây:

- Sử dụng mạng internet
- Tồn tại dưới dạng các khóa học
- Sử dụng các hệ thống quản lý học tập
- Đảm bảo sự tương tác, hợp tác trong học tập

E-learning là một phương pháp hiệu quả và khả thi, tận dụng tiến bộ của phương tiện điện tử, Internet để truyền tải các kiến thức và kỹ năng đến những người học là cá nhân hoặc tổ chức ở bất kỳ nơi nào trên thế giới tại bất kỳ thời điểm nào. Với các công cụ đào tạo truyền thông phong phú, cộng đồng người học online và các buổi thảo luận trực tuyến, E-learning giúp mọi người mở rộng cơ hội tiếp cận với các khóa học và đào tạo nhưng lại giúp giảm chi phí.



### b. Những ưu điểm của E-Learning trong giảng dạy, học tập

- E-Learning làm biến đổi cách học cũng như vai trò của người học, người học đóng vai trò trung tâm và chủ động của quá trình đào tạo, có thể học mọi lúc, mọi nơi nhờ có phương tiện trợ giúp việc học.

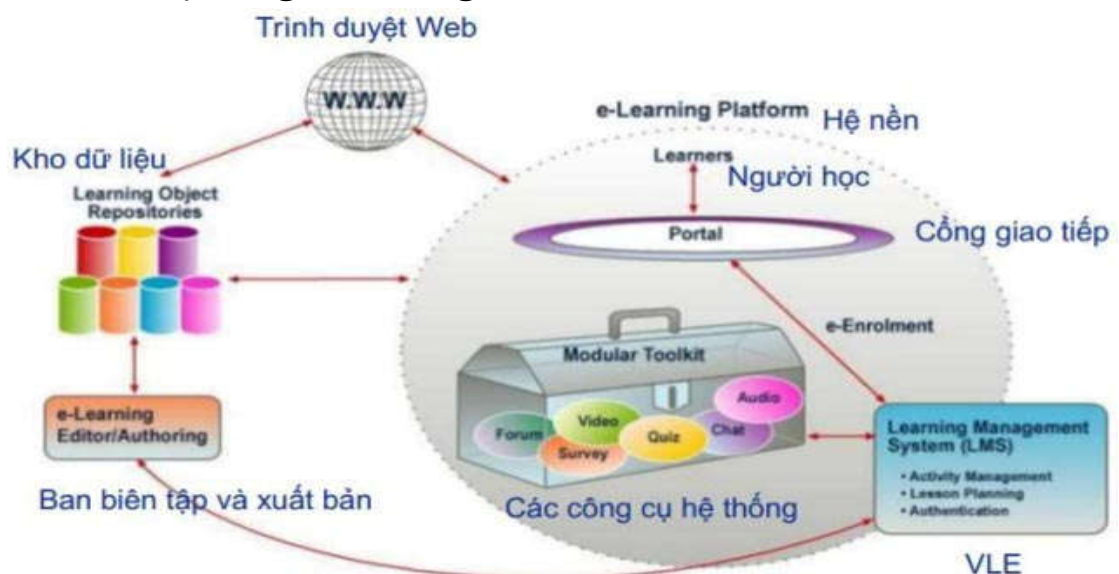
- Người học có thể học theo thời gian biểu cá nhân, với nhịp độ tùy theo khả năng và có thể chọn các nội dung học, do đó nó sẽ mở rộng đối tượng đào tạo rất nhiều. Tuy không thể hoàn toàn thay thế được phương thức đào tạo truyền thống, E-Learning cho phép giải quyết một vấn đề nan giải trong lĩnh vực giáo dục đó là nhu cầu đào tạo của người lao động và số lượng sinh viên tăng lên quá tải so với khả năng của các cơ sở đào tạo.

- E-Learning sẽ có sức lôi cuốn rất nhiều người học kể cả những người trước đây chưa bao giờ bị hấp dẫn bởi lối giáo dục kiểu cũ và rất phù hợp với hoàn cảnh của những người đang đi làm nhưng vẫn muốn nâng cao trình độ.

- Các chương trình đào tạo từ xa trên thế giới hiện nay đã đạt đến trình độ phong phú về giao diện, sử dụng rất nhiều hiệu ứng đa phương tiện như âm thanh, hình ảnh, hình ảnh động ba chiều, kỹ xảo hoạt hình,... có độ tương tác cao giữa người sử dụng và chương trình, đàm thoại trực tiếp qua mạng. Điều này đem đến cho học viên sự thú vị, say mê trong quá trình tiếp thu kiến thức cũng như hiệu quả trong học tập.

- E-Learning cho phép học viên làm chủ hoàn toàn quá trình học của bản thân, từ thời gian, lượng kiến thức cần học cũng như thứ tự học các bài, đặc biệt là cho phép tra cứu trực tuyến những kiến thức có liên quan đến bài học một cách tức thời, duyệt lại những phần đã học một cách nhanh chóng, tự do trao đổi mới những người cùng học hoặc giáo viên ngay trong quá trình học, những điều mà theo cách học truyền thống là không thể hoặc đòi hỏi chi phí quá cao

### c. Kiến trúc hệ thống E-learning



Quan sát trên hình vẽ, chúng ta thấy: Học tập sẽ dựa trên mạng Internet là chủ yếu, thông qua World Wide Web (WWW). Hệ thống e-Learning sẽ được tích hợp vào

portal của trường học hoặc doanh nghiệp. Như vậy hệ thống e-Learning sẽ phải tương tác tốt với các hệ thống khác trong trường học như hệ thống quản lý sinh viên, hệ thống quản lý giáo viên, lịch giảng dạy... cũng như các hệ thống của doanh nghiệp như là ERP, HR... Một thành phần rất quan trọng của hệ thống chính là hệ thống quản lý học tập (Learning Management System), gồm nhiều module khác nhau, giúp cho quá trình học tập trên mạng được thuận tiện và dễ dàng phát huy hết các điểm mạnh của mạng Internet ví dụ như - Diễn đàn để trao đổi ý kiến giữa các thành viên của một lớp - Module khảo sát lấy ý kiến của mọi người về một vấn đề nào đó - Module kiểm tra và đánh giá - Module chat trực tuyến - Module phát video và audio trực tuyến - Module Flash v.v... Một phần nữa rất quan trọng là các công cụ tạo nội dung. Hiện nay, chúng ta có 2 cách tạo nội dung là trực tuyến (online), có kết nối với mạng Internet và offline (ngoại tuyến), không cần kết nối với mạng Internet. Những hệ thống như hệ thống quản trị nội dung học tập (LCMS – Learning Content Management System) cho phép tạo và quản lý nội dung trực tuyến. Các công cụ soạn bài giảng (authoring tools) giáo viên có thể cài đặt ngay trên máy tính cá nhân của mình và soạn bài giảng. Với những nước và khu vực mà cơ sở hạ tầng mạng chưa tốt thì việc dùng các công cụ soạn bài giảng là một sự lựa chọn hợp lý. Một hệ thống tạo nội dung mềm dẻo thường cho phép kết hợp giữa soạn bài giảng online và offline

Với các trường và cơ sở có quy mô lớn cần phải quản lý kho bài giảng lớn và muốn chia sẻ cho các trường khác thì phải nghĩ đến giải pháp kho chứa bài giảng. Kho chứa bài giảng này cho phép lưu trữ, quản lý thông tin về các bài giảng (thường dùng các chuẩn về metadata của IEEE, IMS, và SCORM). Hơn nữa, thường có engine tìm kiếm đi kèm, tiện cho việc tìm kiếm các bài giảng (hoặc tổng quát hơn là đối tượng học tập). Đôi khi các LCMS cũng đủ mạnh để thực hiện việc quản lý này hoặc cũng có các sản phẩm chuyên biệt cho nhiệm vụ này (chẳng hạn các sản phẩm của Harvest Road, <http://www.harvestroad.com>). Các chuẩn/đặc tả là một thành phần kết nối tất cả các thành phần của hệ thống e-Learning. LMS, LCMS, công cụ soạn bài giảng, và kho chứa bài giảng sẽ hiểu nhau và tương tác được với nhau thông qua các chuẩn/đặc tả. Chuẩn và đặc tả e-Learning cũng đang phát triển rất nhanh tạo điều kiện cho các công ty và tổ chức tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm e-Learning, và người dùng có rất nhiều sự lựa chọn. Chúng tôi sẽ trình bày các phần tiếp theo dựa trên cách tiếp cận này. Chúng tôi sẽ giải thích kỹ hơn tất cả thành phần của hệ thống cũng như đưa ra các công cụ cần thiết để các bạn có thể áp dụng ngay vào việc đào tạo của mình.

### Chương III

## SẢN PHẨM HỖ TRỢ GIẢNG DẠY, HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

### I. Giới thiệu chung

#### 1. Tổng quan về sản phẩm

Giáo dục luôn là vấn đề được Chính phủ và người dân Việt Nam đặc biệt quan tâm. Trong những năm qua nền giáo dục Việt Nam đã có những chuyển biến đáng kể theo chiều hướng tích cực, trong đó phải kể đến sức mạnh của công nghệ trong việc mở rộng tầm ảnh hưởng của giáo dục và thúc đẩy phát triển tiềm năng của con người. Thế hệ trẻ ngày nay có tư tưởng tiến bộ, sẵn sàng tiếp nhận phương pháp học mới thay thế cách học truyền thống có phần cứng nhắc và tính thực tiễn không cao, chính vì vậy, xây dựng môi trường học tập hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp dạy học tích cực, giúp học sinh phát huy sự chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu là một trong những mục tiêu quan trọng đặt ra, nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

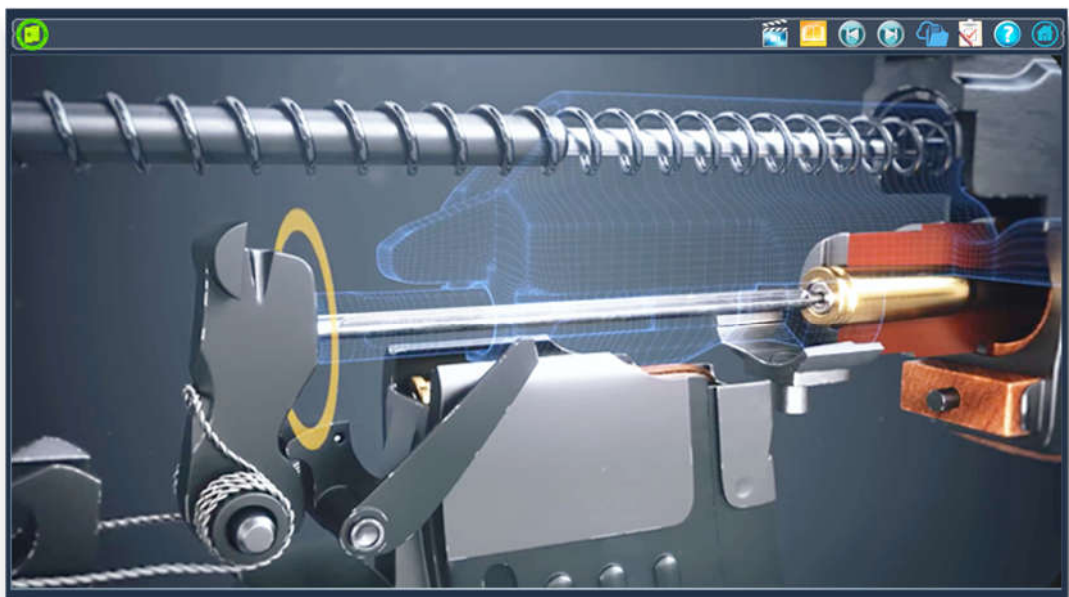
Thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập kiến thức GDQP&AN (sản phẩm SimBook) ra đời trong thời điểm cả nước đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Đây là sản phẩm có tính thiết thực trong hỗ trợ giảng dạy, học tập môn GDQP và AN, dễ sử dụng, giá thành rẻ, đúng với chủ trương đang được Bộ giáo dục và đào tạo thực hiện một cách đồng bộ có hiệu quả trong nhiều năm qua.



Ứng dụng sản phẩm SimBook vào hỗ trợ giảng dạy thực tế sẽ giúp giáo viên trong nghiên cứu giảng dạy cũng như góp phần quan trọng đưa công nghệ thông tin vào đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập tại các nhà trường. Học sinh, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn, sâu hơn những kiến thức được học và có niềm hứng khởi trong học tập môn GDQP và AN từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả trong vấn đề tiếp thu kiến thức.

## 2. Mục tiêu của sản phẩm

Mục tiêu của sản phẩm Simbook là hỗ trợ học tập, tra cứu, giảng dạy kiến thức môn GDQP và AN cho giảng viên, học sinh, sinh viên một cách trực quan, sinh động; hỗ trợ cho chương trình giảng dạy, học tập bằng các hình thức phong phú, đa dạng cuốn hút người học; tra cứu thông tin tiện lợi; sử dụng tivi, máy tính, máy chiếu tại các nhà trường làm công cụ truyền tải kiến thức.



## II. Nội dung sản phẩm

### 1. Mô tả sản phẩm và phương thức truyền tải nội dung kiến thức

#### 1.1. Thiết bị phần cứng

- Hộp Simbook;
- Chuột không dây;
- Dây HDMI;
- Dây nguồn sạc.





## 1.2. Phần mềm

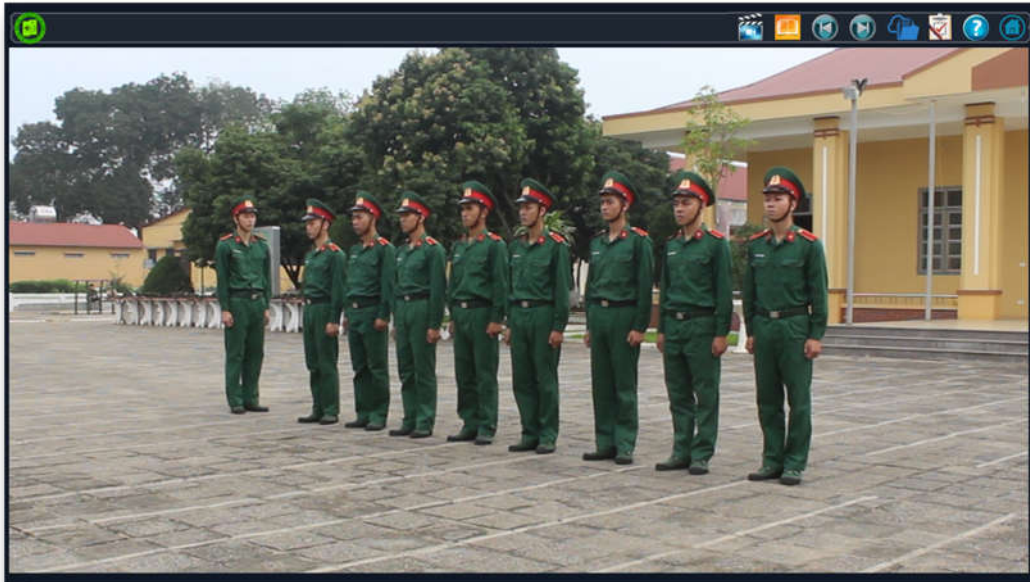
- Phần mềm hỗ trợ thiết kế xây dựng và hiển thị bài giảng;
- Kho CSDL bao gồm những nội dung sau:
  - + Nội dung lý thuyết môn học GDQP và AN;
  - + Nội dung phim giáo khoa huấn luyện thực tế;
  - + Nội dung phim giáo khoa về mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số loại vũ khí bộ binh.

### VĐHL 3: ĐỘNG TÁC BÒ

#### **Động tác bò cao**

- Bò cao 2 chân 2 tay: Vận dụng trong trường hợp chưa cần dùng đến súng, tay không bận;
- + Động tác cơ bản như động tác bò cao 2 chân, 1 tay, chỉ khác súng đeo sau lưng, tay nào dò mìn thì chân đó bước lên;
- Chú ý
  - + Khi tiến không để báng súng chạm đất, không đặt cả bàn chân.
  - + Ở nơi có cây cỏ thấp, không có mìn, có thể tay trái cầm cành lá ngụy trang.
  - + Khi luyện tập, dùng khẩu lệnh:





Ngoài ra sản phẩm cũng có thể được chia nhỏ thành các gói dịch vụ khác nhau để phục vụ theo nhu cầu sử dụng:

- Sử dụng chọn gói sản phẩm Simbook *(như trên)*
- Sử dụng phần mềm của Simbook *(không có thiết bị)*
- Sử dụng sản phẩm USB về nội dung phim giáo khoa huấn luyện và phim mô phỏng.

### 1.3. Phương thức truyền tải kiến thức

- Sản phẩm Simbook lựa chọn phương thức truyền tải kiến thức thông qua các thiết bị sau:

+ Sản phẩm trọn gói Simbook sử dụng Tivi, máy chiếu làm phương tiện truyền tải kiến thức *(Simbook trong vai trò là máy tính kết nối trực tiếp vào tivi hoặc máy chiếu)*



- + Dùng phần mềm Simbook cài đặt lên máy tính để sử dụng
- + Giảng dạy, học tập thông qua USB chứa các nội dung phim giáo khoa huấn luyện và phim mô phỏng (*trình chiếu thông qua tivi, máy tính*)



## 2. Các chức năng chính của sản phẩm

### 2.1. Chức năng quản lý người dùng

- Phân quyền sử dụng sản phẩm cho người dùng:
  - + Tài khoản quản trị: Được toàn quyền truy cập vào hệ thống để thiết kế, xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa bài giảng
  - + Tài khoản khác: Có quyền truy cập vào sản phẩm để học tập, tra cứu, giảng dạy nhưng không có quyền truy cập vào hệ thống để chỉnh sửa.

THÔNG TIN NGƯỜI DÙNG	
Tên người dùng	QuangMP
Mật khẩu	*****
Xác nhận	*****
Họ và tên	Luong Phan Quang
Cơ quan	Vien CNMP
Địa chỉ	236 Hoang Quoc Viet
SĐT	0983602209
	<input checked="" type="checkbox"/> Tài khoản Quản trị

## 2.2. Chức năng thiết kế, xây dựng quản lý bài giảng

- Thiết lập cây thư mục
- Thiết lập nội dung bài giảng lý thuyết
- Thiết lập nội dung bài giảng phim giáo khoa



## 2.3. Chức năng điều khiển, hiển thị nội dung bài giảng

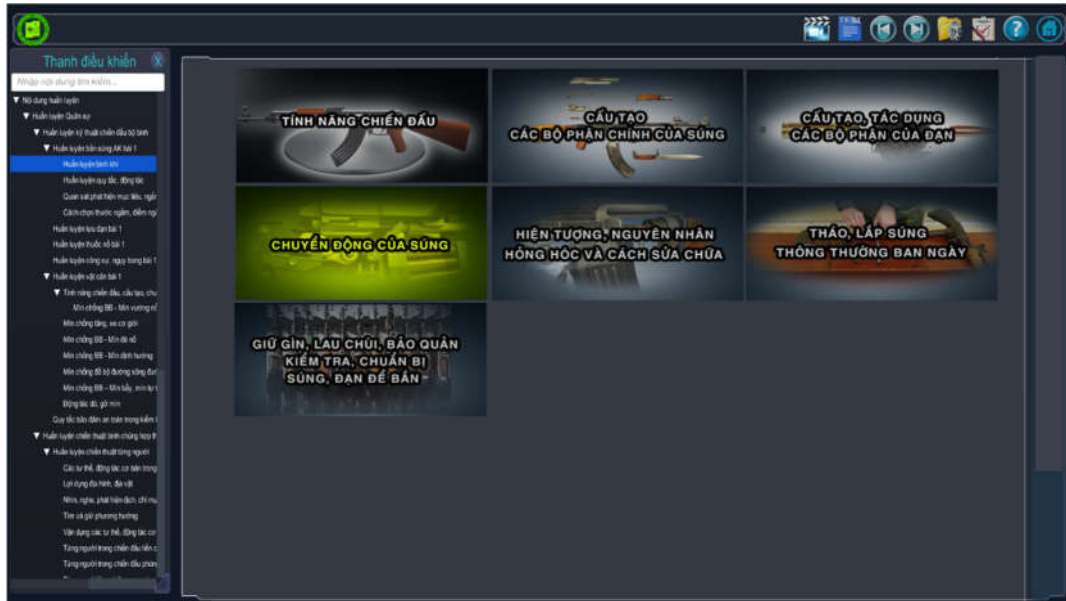
• Sản phẩm có giao diện đơn giản, dễ sử dụng, các chức năng điều khiển giao tiếp với người dùng được bố trí ngay trên thanh công cụ như sau:

- + Tìm kiếm nội dung;
- + Mở nội dung phim giáo khoa, phim mô phỏng;
- + Mở nội dung bài giảng lý thuyết tương ứng;
- + Mở bài trước;
- + Mở bài tiếp theo;
- + Quản trị sản phẩm;
- + Kiểm tra kiến thức;
- + Trợ giúp;
- + Quay lại.





## 2.4. Khung hiển thị nội dung bài giảng



## 2.5. Kho cơ sở dữ liệu kiến thức môn học GDQP và AN

### 2.5.1. Cơ sở dữ liệu về lý thuyết môn học GDQP và AN các bậc học

- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Khối 10
- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Khối 11
- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Khối 12
- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Cao đẳng, Đại học

### 2.5.2. Cơ sở dữ liệu phim giáo khoa huấn luyện thực tế

- + Phim giáo khoa huấn luyện đội ngũ từng người không có súng;
- + Phim giáo khoa huấn luyện đội ngũ tiểu đội;
- + Phim giáo khoa huấn luyện các tư thế, động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu;
- + Phim giáo khoa huấn luyện kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương;
- + Phim giáo khoa huấn luyện kỹ năng thực hành động tác ném lựu đạn;
- + Phim giáo khoa huấn luyện kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK47;

### 2.5.3. Cơ sở dữ liệu phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số loại vũ khí bộ binh

- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng tiểu liên AK47;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng AR15;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng ngắn K54;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng ngắn K59;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng trường CKC;

+ Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng RPD;

+ Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng RPK;

+ Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của lựu đạn LD-01;

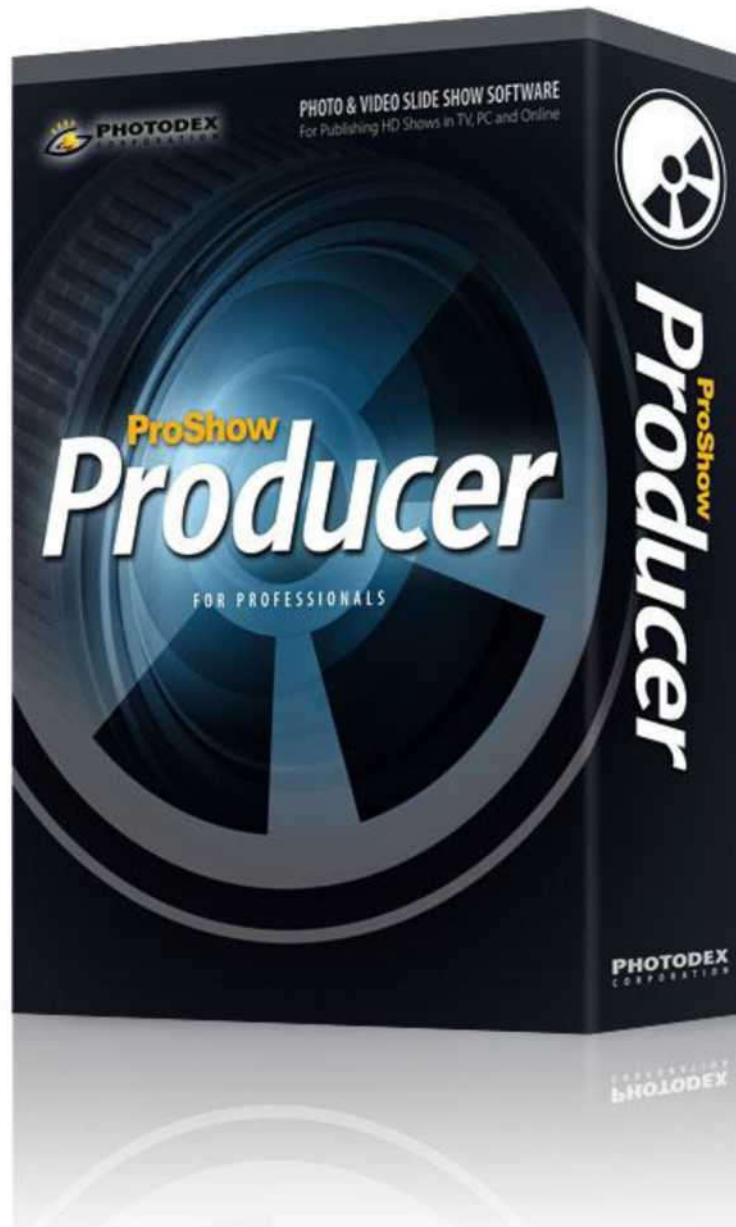
+ Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của đồ dùng gây nổ thường trong lượng nổ khối.

## Chương IV

### TÌM HIỂU CÔNG CỤ XÂY DỰNG PHIM GIÁO KHOA

#### I. Giới thiệu phần mềm Proshow Producer

##### 1. Tổng quan về Proshow Producer



Hình 1 : Sản phẩm của Photodex : Proshow Producer

**Proshow Producer** là sản phẩm của hãng Photodex, là một phần mềm thông dụng hiện nay cho phép người sử dụng tạo những đoạn phim hay những đoạn flash dưới dạng trình diễn show ảnh. Chuyên dùng để tạo các bộ Album video ảnh với các hiệu ứng chuyển cảnh cực đẹp và độc đáo, tương thích nhiều loại file ảnh, cho phép thay thế nhạc nền video,..Chúng có thể xuất ra nhiều định dạng tùy chọn khác nhau, bao gồm DVD, CD cùng tùy chọn phim HD mới hay các tùy chọn xuất ra Flash, QuickTime...

Thao tác nhanh, dễ sử dụng, hiệu quả cao gây thích thú cho người xem, đó là tính năng vượt trội của chương trình này. Chính những lý do trên mà phần mềm này được thông dụng và thường xuyên, nhiều người dùng khi làm Slide Shows.

Proshow Producer vượt trội ở chỗ có khả năng biến một bộ sưu tập ảnh số thành một slideshow dưới dạng file flash huyền ảo. Chương trình Proshow Producer cho phép bạn tạo các kiệt tác trình chiếu cao cấp và mức độ chuyên nghiệp ấn tượng, tác động mạnh mẽ đến người xem.

Giao diện của phần mềm Proshow Producer rất dễ sử dụng với thanh menu và thanh công cụ bố trí bên trên. Cửa sổ cây thư mục của Proshow Producer đặt bên trái có chức năng xem trước các file ảnh, bên phải là cửa sổ xem trước. Dưới cùng là nơi đưa vào các hình ảnh để tạo slideshow.

Bản Proshow Producer (PP) rất giống với người anh em của nó là Proshow Gold.

Nhưng bản Proshow producer là bản chuyên nghiệp hơn, nó là những gì mà bản Proshow Gold còn thiếu.

## 2. Một số tính năng cơ bản

### 2.1. Các lớp (*layers*)

Thêm không giới hạn các lớp vào bất kỳ slideshow nào.

Cho phép kéo thả dễ dàng để bổ sung thêm nội dung vào một slideshow.

Hỗ trợ hơn 100 loại file, có hỗ trợ các định dạng file dạng thô RAW của một số loại máy ảnh, máy quay phim kỹ thuật số.

Hỗ trợ tính trong suốt cho các file psd, png, tiff và gif.

Chuyển bất kỳ lớp nào thành một mặt nạ (*mask*) để che giấu hay làm lộ ra một phần của các lớp phía dưới.

Thêm màu chuyển sắc (*gradient*) hay đồng nhất (*solid*) trên một lớp trình chiếu để cho ra các kết quả rất lạ mắt.

Có nhiều hiệu ứng chuyển tiếp cho các lớp riêng biệt.

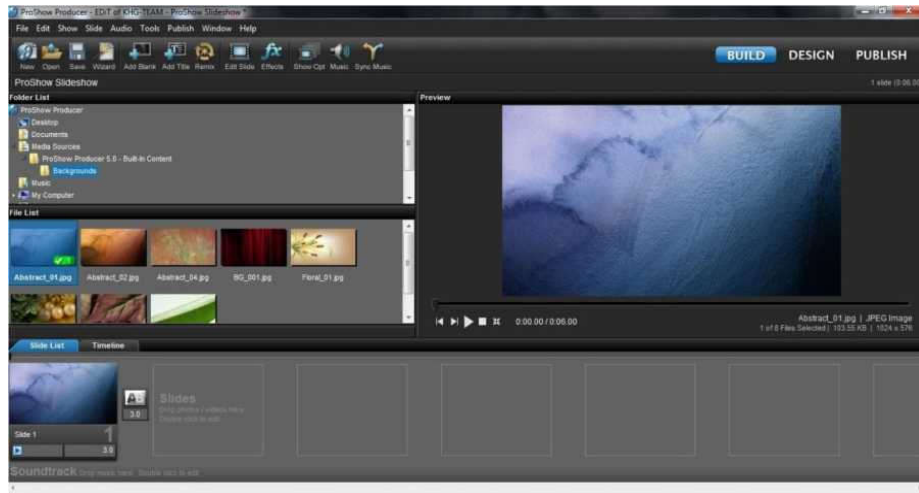
Giúp thực hiện nhanh và dễ dàng hơn bằng cách dùng các mẫu slideshow có sẵn.

Dễ dàng phục hồi các file thất lạc hay bị di chuyển khỏi một slideshow bằng tính năng mới **Find Missing Files**. Cho phép chụp ảnh các khung hình trong slide thành ảnh JPEG để in.

Thêm không giới hạn các lớp vào bất kỳ slideshow nào.

- Tại phần mềm proshow producer cho phép kéo thả dễ dàng để bổ sung thêm nội dung vào một slideshow

- Hỗ trợ hơn 100 loại file, có hỗ trợ các định dạng file dạng thô RAW của một số loại máy ảnh, máy quay phim kỹ thuật số.
- Hỗ trợ tính trong suốt cho các file psd, png, tiff và gif.
- Chuyển bất kỳ lớp nào thành một mặt nạ (mask) để che giấu hay làm lộ ra một phần của các lớp phía dưới.
- Thêm màu chuyển sắc (gradient) hay đồng nhất (solid) trên một lớp trình chiếu để cho ra các kết quả rất lạ mắt.
- Có nhiều hiệu ứng chuyển tiếp cho các lớp riêng biệt.
- Giúp thực hiện nhanh và dễ dàng hơn bằng cách dùng các mẫu slideshow có sẵn.
- Phần mềm Proshow Producer dễ dàng phục hồi các file thất lạc hay bị di chuyển khỏi một slideshow bằng tính năng mới Find Missing Files. Cho phép chụp ảnh các khung hình trong slide thành ảnh JPEG để in.



Hình 2 : Giao diện chính của Proshow Producer 5.

Có các công cụ hiệu chỉnh ảnh để làm sắc nét, hiệu chỉnh màu...

Tạo các khung ảnh, bo viền cho hình ảnh hay các đoạn video với những họa tiết mới.

Tạo các hiệu ứng mở màn theo phong cách điện ảnh (*Hollywood-Style*) bằng công cụ mới **Chroma Key Transparency**.

Cho phép hiệu chỉnh độ mờ đục (*opacity*) cho bất kỳ lớp nào trên một slideshow.

Tạo độ sâu cho ảnh của slideshow bằng cách điều chỉnh màu sắc và độ mờ đục của một bóng đổ lên bất kỳ lớp nào trên một slide.

Cắt cúp và xoay ảnh hay video một cách chính xác.

Có công cụ hỗ trợ loại bỏ hiện tượng mắt đỏ cho ảnh.

## 2.2. Chuyển động (Motions)

Thêm nhiều chuyển động như quay theo đối tượng (pan), thu phóng (zoom) và xoay (rotate) cho bất kỳ lớp nào vào trong một slideshow, tương tự như trong điện ảnh thực.

- Zoom theo 2 trục X và Y đối với một lớp riêng biệt.



- Tạo các đường chuyển động phức tạp bằng cách lập các điểm chốt trên thanh trượt thời gian khung hình.

- Có thể xem trước slide có chọn lựa, cho phép bố trí chính xác các hình và các video trên một slideshow. Thực hiện điều khiển việc định giờ trình chiếu bằng thanh tiến trình (Slide Timeline) mới trong ProShow Producer 3.0. Có thể chuyển đổi qua lại giữa giao diện xem danh sách thường (Slide List) và dạng thanh tiến trình Timeline để đồng bộ chính xác phần âm thanh với cảnh nào đó trong slideshow.

### **2.3. Các lời chú thích (Captions)**

Cho phép chọn font, cỡ và màu sắc font của các lời chú thích (caption) trên các slideshow. Làm sinh động các caption của bạn bằng nhiều hiệu ứng rất đặc sắc, vượt trội so với bản trước đây. Có nhiều kiểu caption mới, các tính năng chèn khoảng dòng caption và ký tự caption.

- Thêm các caption tương tác để khởi động nhanh các động tác như Ngưng - Pause, Chạy lại - Resume, Trình diễn kế tiếp - Next Slide, Trình diễn trước đó - Previous Slide, Viết thư điện tử - Email... và nhiều hơn nữa.

### **2.4. Âm thanh và âm nhạc (Music and Sounds)**

- Cho phép kéo thả các file âm thanh MP3 hoặc WAV vào trình diễn.
- Lưu một track âm thanh trực tiếp từ một CD và thả nó vào slideshow.
- Cắt cúp âm thanh và tạo các hiệu ứng (effect) bằng bộ công cụ tích hợp Audio Trimmer, dạng sóng của track âm thanh tích hợp trong danh sách slide.

### **2.5. Phần nền (Backgrounds)**

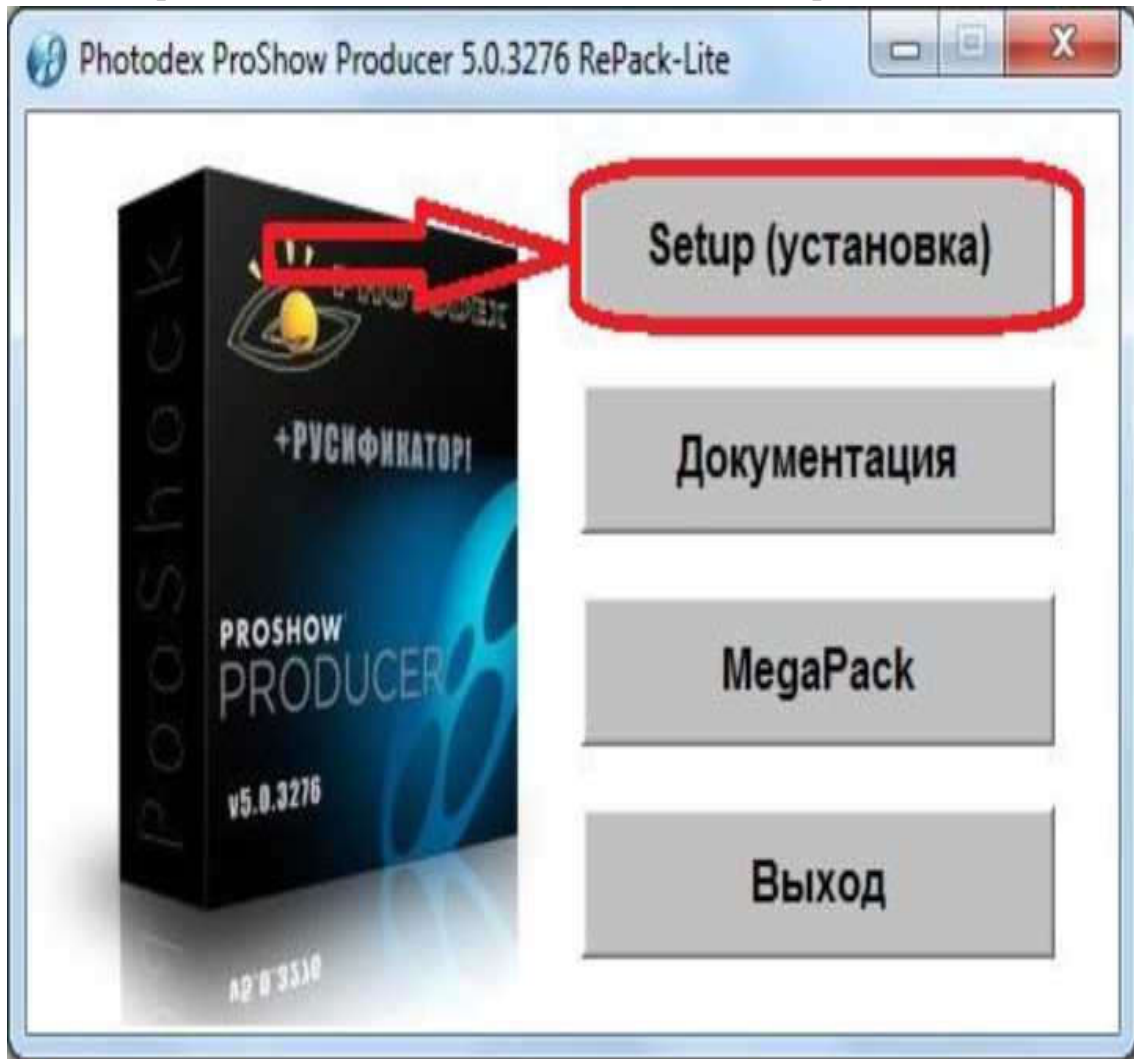
- Có thể dùng các màu đồng nhất, các màu chuyển sắc (gradients), hay các video làm nền cho slideshow. Cũng có thể dùng các phong nền tích hợp có sẵn của chương trình.
- Cho phép kiểm soát các cấp độ điều chỉnh của phần nội dung nền

### **2.6. Các định dạng đầu ra của ProShow Producer**

- Autorun CD (CD tự chạy).
- DVD, VCD.
- File chạy tổng hợp EXE.
- Chia sẻ slideshow qua email, chia sẻ trực tuyến miễn phí và phát slideshow lên web.
- Streaming flash video.
- Compressed AVI (AVI nén) hoặc Uncompressed AVI (AVI không nén).
- Quicktime video (MOV).
- Video độ nét cao (HD), Windows Media Video (WMV).
- MPEG 1 và MPEG 2.
- Các trình bảo vệ màn hình (Screensaver).

## 2.7. Cài đặt phần mềm

Sau khi download Proshow Producer 5 về, tập tin download về ở dạng file nén. Vậy nên ta phải giải nén file đó. Có thể dùng phần mềm winrar để giải nén. Sau khi giải nén, Click đúp vào AUTORUN để thực hiện việc cài đặt phần mềm.

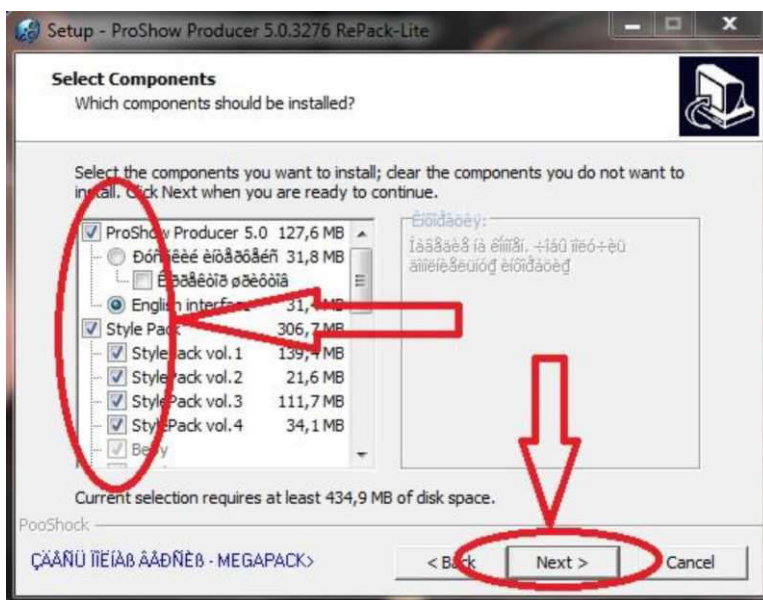


Lựa chọn Setup để cài đặt

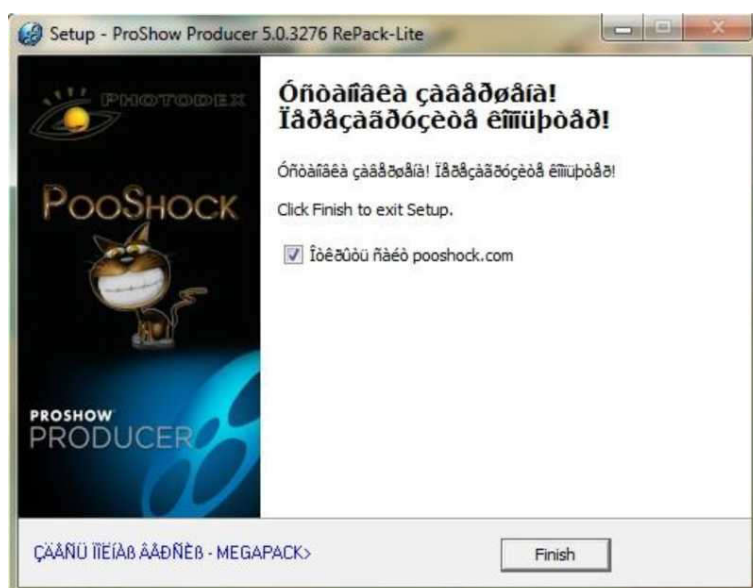
Nhấn Next để đến bước tiếp theo



Lựa chọn giao diện Tiếng Anh và thêm vào các Style Pack.




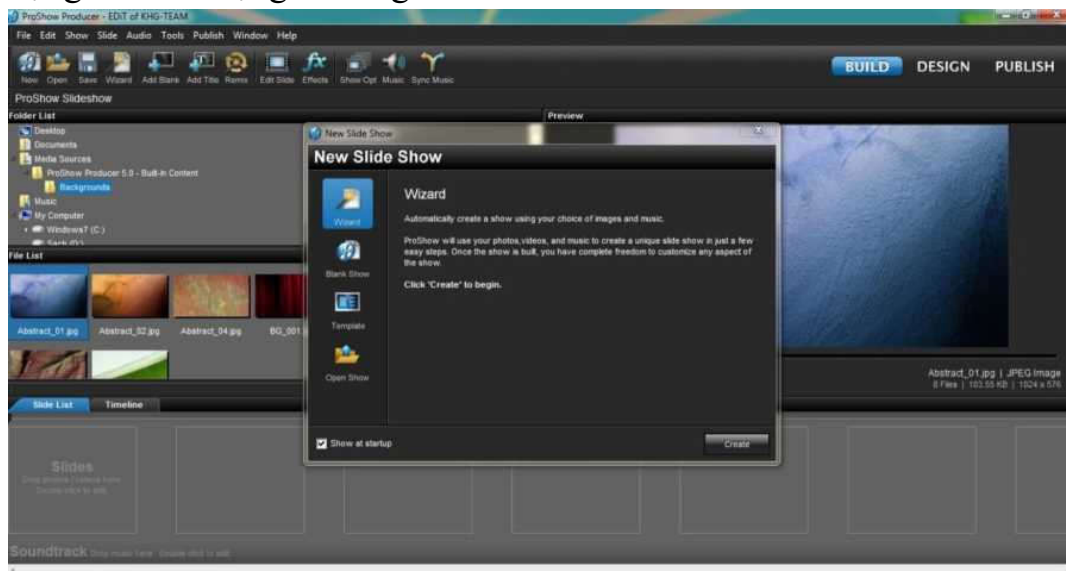
Lựa chọn finish để kết thúc.



## II. Sử dụng phần mềm Proshow Producer

### 1. Khởi động Proshow Producer 5

Sau khi hoàn tất quá trình cài đặt, trên màn hình Desktop sẽ hiện ra Icon . Đây là biểu tượng của phần mềm Proshow Producer 5. Click đúp vào biểu tượng để khởi động chương trình.



Hình 3: Màn hình hiển thị chương trình lần đầu khởi động

Khi khởi động chương trình, trên giao diện sẽ hiện ra một bảng tin Startup. Startup sẽ hiện ra mỗi lần khi bạn khởi động chương trình. Để tắt chức năng đó, tick bỏ tại ô Show at Startup. Mặc định của chương trình khi khởi động là BlankShow.

Để thấy Startup khi khởi động, chọn **File > New Slide**, tick chọn **Show at Startup**



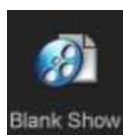
Hình 4: Startup New Slide Show khi khởi động

## Các tùy chọn của Startup gồm:

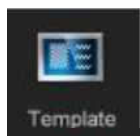


Wizard là công cụ thông minh sử dụng bức ảnh của bạn để tạo ra một trình chiếu độc đáo trong chỉ là một vài bước đơn giản và dễ dàng. Sau khi chương trình được xây dựng, bạn có hoàn toàn tự do để tùy chỉnh bất kỳ khía cạnh của chương trình. Để bắt đầu với Wizard, người sử dụng nhấn

Create và làm theo các bước.

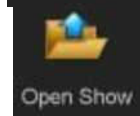


Blank Show là công cụ để người sử dụng bắt đầu mới hoàn toàn. Khi lựa chọn Blank Show, người dùng đặt tên cho Project của mình, lựa chọn kích cỡ khung nhìn (16:9,4:3). Để bắt đầu, nhấn phím Create.



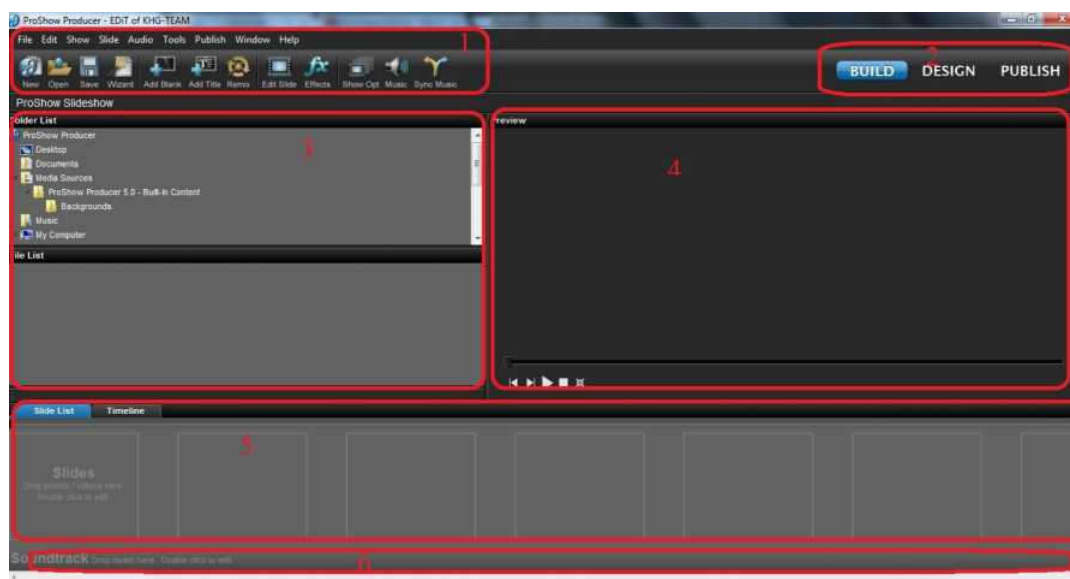
Tạo một trình diễn bằng cách sử dụng mẫu có sẵn.

Mở một trình diễn đã được lưu trước từ máy tính của bạn.



## 2. Giao diện của Proshow

Giao diện mặc định của Proshow 5 như sau:



Hình 5 Giao diện Proshow Producer 5

Giao diện chính của Proshow Producer 5 được chia thành 6 phần chính như sau:

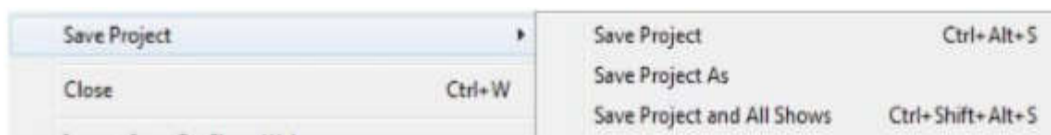
### 2.1. Khối 1 (Tool)

Tool (Thanh công cụ) đối với bất cứ phần mềm nào, thanh công cụ là một phần quan trọng không thể thiếu.

## 2.2. File



- Menu File gồm các thuộc tính:
- New Show (Ctrl + N): Tạo một trình chiếu mới.
- New Project (Alt + N): Tạo một dự án mới.
- New Empty Show (Ctrl + B): Tạo một trình chiếu rỗng.
- New Show from Wizard (Ctrl + Alt + W): Tạo trình chiếu từ chức năng Wizard.
- New Show from Template (Ctrl + Alt + N): Tạo trình chiếu từ mẫu sẵn có.
- Open (Ctrl + O): Mở file.
- Open Project (Ctrl + Shift + O) : Mở trình chiếu.
- Open Recent: Mở trình chiếu gần đây.
- Save (Ctrl + S): Lưu trình chiếu.
- Save As (Ctrl + Shift + S): Lưu trình chiếu với một tên khác.
- Save as Template (Ctrl + Shift + Alt + T): Lưu trình chiếu thành mẫu.
- Save Project: Lưu dự án.



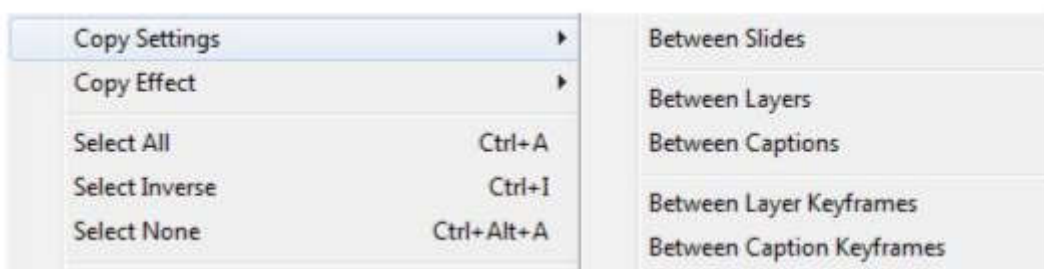
- Save Project (Ctrl + Alt + S): Lưu dự án.
- Save Project: Lưu dự án với tên khác.
- Save Project (Ctrl + Shift + Alt + S): Lưu dự án và tất cả trình chiếu.
- Close (Ctrl + W): Đóng trình chiếu.
- Import from Proshow Web.

- Exit (Exit): Thoát chương trình Proshow Producer.

### 2.3. Edit



- Undo Delete Slides (Ctrl + Z): Quay lại bước trước.
- Redo (Ctrl + Y): Đến bước tiếp theo.
- Cut (Ctrl + X): Cắt bỏ Slide.
- Copy (Ctrl + C): Sao chép Slide.
- Paste (Ctrl + V): Dán Slide
- Paste Into (Ctrl + Shift + V): Dán Slide vào giữa.
- Copy Layers and Captions: Sao chép lớp(layer) hoặc chú thích(caption).
- Combine Slide (Alt + C)
- Copy Settings: Sao chép cài đặt

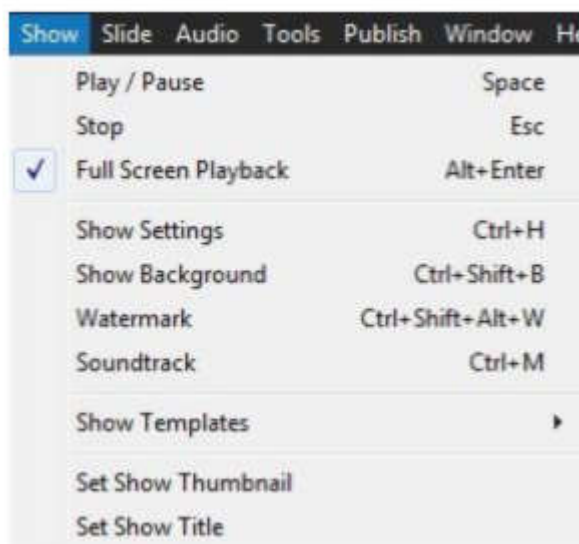


- Between Slides: Đến giữa slides
- Between Layers: Giữa các lớp
- Between Captions: Giữa các chú thích.
- Between Layer Keyframes: Giữa khác lớp khóa khung hình.
- Between Caption Keyframes: Giữa các chú thích khóa khung hình.
- Copy Effect



- Copy Slide Style to All Slides: Sao chép hiệu ứng cho tất cả Slide
- Copy Slide Style to Select Slides: Sao chép hiệu ứng cho các Slide đã chọn.
- Select All (Ctrl + A): Lựa chọn tất cả.
- Select Inverse (Ctrl + I): Đảo ngược lựa chọn.
- Select None (Ctrl + Alt + A): Bỏ chọn.
- Preferences: Ưu tiên

## 2.4. Show



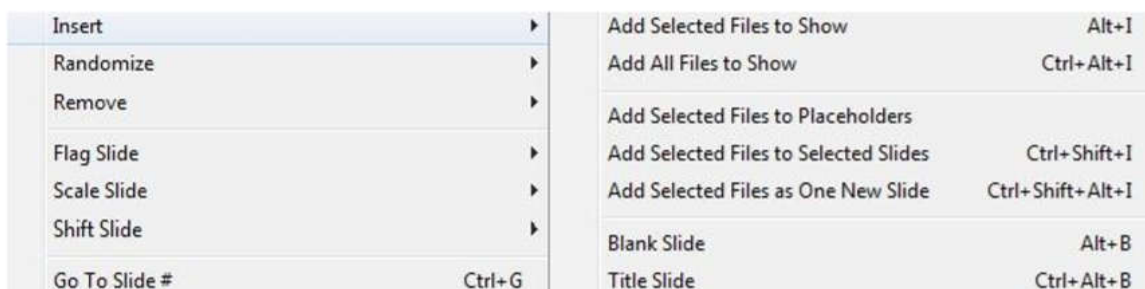
- Play / Pause (Space): Chạy / Tạm dừng.
- Stop (Esc): Dừng lại
- Full Screen Playback (Alt + Enter): Chế độ xem toàn màn hình.
- Show Setting (Ctrl + H): Cài đặt xem.
- Show Background (Ctrl + Shift + B): Xem nền.
- Watermark (Ctrl + Shift + Alt + W): Đường kẻ.
- Showtrack (Ctrl + M): Rãnh nhạc.
- ShowTemplate:
- Add a Selected File to Placeholders: Thêm một tập tin vào chỗ được chọn.
- Export Template: Bỏ mẫu.
- Import Template: Lấy mẫu
- Set Show Thumbnail: Cài đặt hiển thị thu nhỏ.
- Set Show Title: Cài đặt hiển thị tiêu đề.



## 2.5. Slide

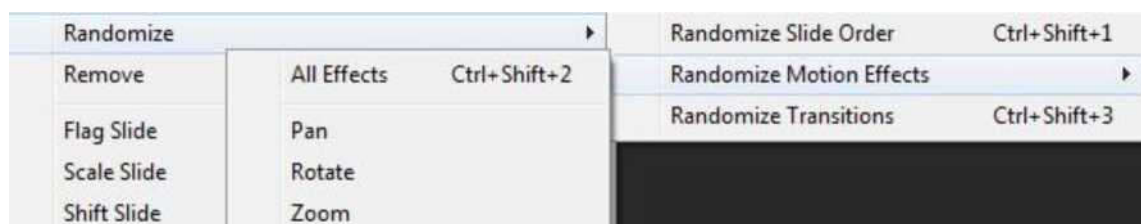


- Slide Option (Ctrl + L): Tùy chọn Slide
- Apply Effects to Selected Slides (Ctrl + Shift + E)
- Remix Selected Slides with Wizard (Ctrl + R)
- Remix Show with Wizard (Ctrl + Alt + R)
- Insert



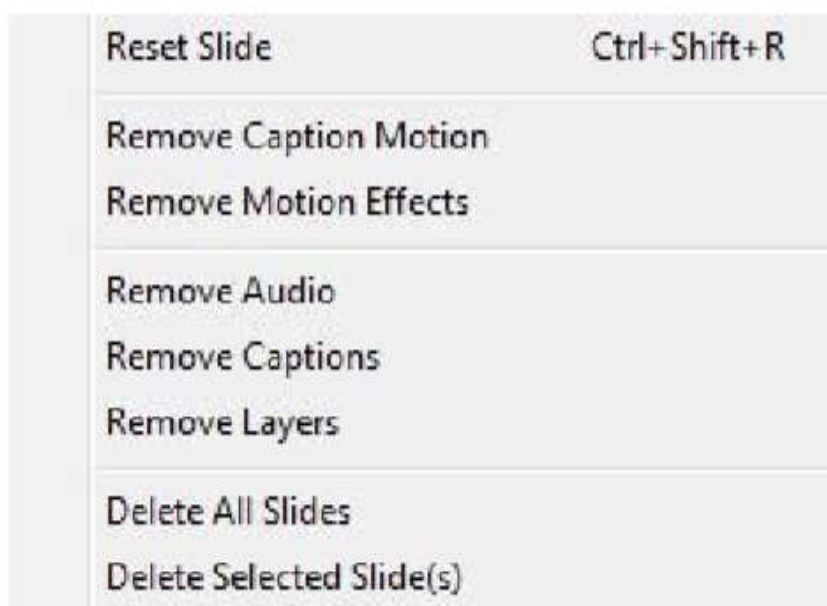
- Add Selected File to Show (Alt + I): Chèn file đã chọn vào trình chiếu.
  - Add All File to Show (Ctrl + Alt + I): Chèn tất cả file vào trình chiếu
- Add Selected File to Placeholders: Chèn file đã chọn vào vị trí định sẵn.
- Add Selected File to Selected Slides (Ctrl + Shift + I): Chèn filde vào vị trí Slide đã chọn.
  - Add Selected File as One New Slide (Ctrl + Shift + Alt + I): chèn filde đã chọn vào một Slide mới.

### Randomize



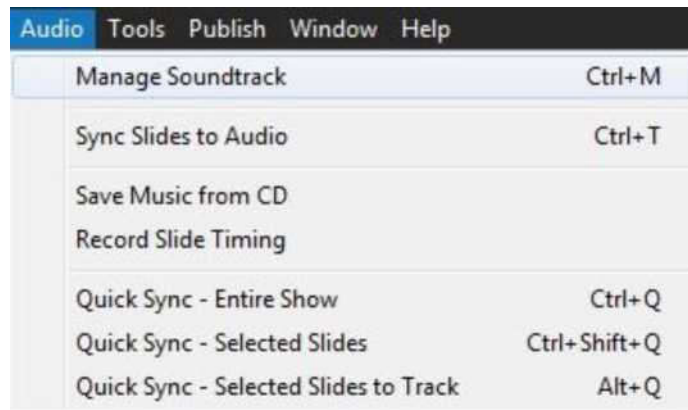
- Blank Slide (Alt + B): Thêm một Slide trống.

- Title Slide (Ctrl + Alt + B): Thêm một Slide chú thích.
- Randomize Slide Order (Ctrl + Shift + 1): Xáo trộn ngẫu nhiên vị trí của các Slide.
- Randomize Motion Effects: Ngẫu nhiên các hiệu ứng hoạt động.
- Pan: Di chuyển.
- Rotate: Xoay.
- Zoom: Phóng.
- All Effects (Ctrl + Shift + 2): Tất cả.
- Randomize Transitions (Ctrl + Shift + 3): Ngẫu nhiên hiệu ứng chuyển cảnh.
- Remove



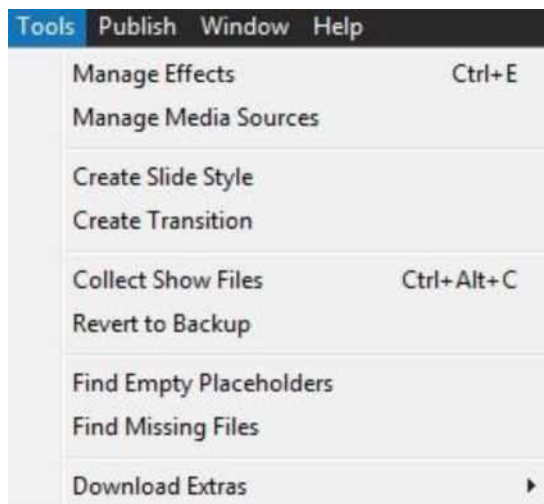
- Reset Slide (Ctrl + Shift + R):
- Remove Caption Motion: Loại bỏ hoạt động chú thích.
- Remove Motion Effects: Loại bỏ hoạt động hiệu ứng.
- Remove Audio: Loại bỏ nhạc.
- Remove Captions: Loại bỏ chú thích.
- Remove Layers: Loại bỏ các lớp.
- Delete All Slides: Xóa tất cả Slide.
- Delete Selected Slides: Xóa Slides đã chọn.
- Flag Slide
- Scale Slide
- Shift Slide
- Go To Slide# (Ctrl + G)
- Go To Next Flagged Slide (Ctrl + Alt + G)
- Go To Next for Selected File (Ctrl + U)

## 2.6. Audio



- Manage Soundtrack (Ctrl + M): Quản lý âm thanh
- Sync Slides to Audio (Ctrl + T): Đồng bộ Slides với âm thanh
- Save Music to Audio: Lưu nhạc thành âm thanh.
- Save Music from CD: Lưu nhạc từ CD.
- Quick Sync- Entire Show (Ctrl + Q) : Đồng bộ nhanh toàn bộ trình chiếu.
- Quick Sync - Selected Slides (Ctrl + Shift + Q): Đồng bộ nhanh với Slide đã chọn.
- Quick Sync - Selected Slided Slides to Track (Alt + Q): Đồng bộ nhanh Slides đã chọn theo âm thanh.

## 2.7. Tools



- Manage Effects (Ctrl + E): Quản lý hiệu ứng.
- Manage Media Sources: Quản lý nguồn phương tiện truyền thông.
- Create Slide Style: Tạo kiểu Slide.
- Create Transition: Tạo chuyển cảnh.
- Collect Show File (Ctrl + Alt + C): Tập hợp file trình diễn.
- Revert to Backup: Quay lại để sao lưu.
- Find Empty Placeholders: Tìm một vị trí trống.
- Find Missing Files: Tìm file mất.

- Download Extras: Tải xuống tính năng bổ sung.

## 2.8. Publish

Chức năng xuất bản cho phép tạo nhiều loại đầu ra:



## 2.9. Window

## 2.10. Help

## 2.11. Khối giao diện

Tùy vào mục đích công việc, sở thích cá nhân từng người mà có thể lựa chọn các giao diện khác nhau.

## 2.12. Khối đường dẫn

Bao gồm Folder List là danh sách các thư mục và File List là danh sách các file.

Khối đường dẫn đưa người sử dụng đến file hoặc thư mục cần dùng cho trình chiếu.

Lưu ý: Phần mềm Proshow không hỗ trợ đọc các file hoặc thư mục đặt tên có dấu.

## 2.13. Khối xem trước

Cho phép người sử dụng xem trước đoạn trình chiếu trong khi soạn trình chiếu và sửa đổi.

## 2.14. Khối Slide List

Gồm danh sách các Slide đưa vào trình chiếu.

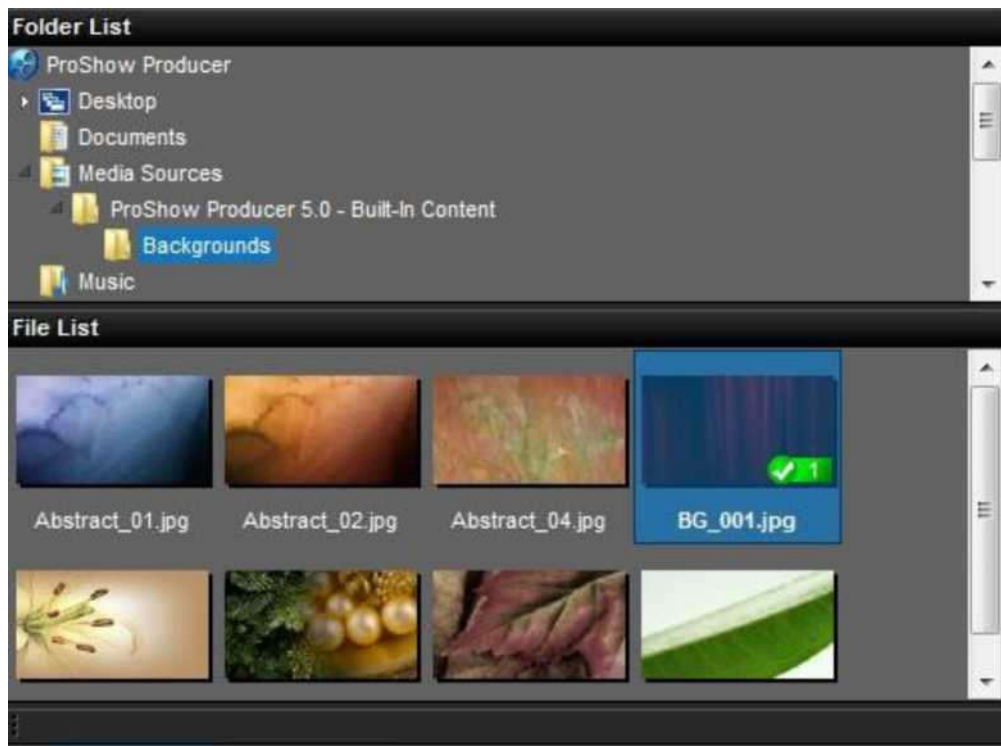
## 2.15. Khối Sound Track

Là khối quản lý các tập tin âm thanh sử dụng cho trình chiếu.

## III. Chương trình trình chiếu

### 2.1. Đưa tập tin vào Slide List

- Cách 1: Qua khối đường dẫn



Hình 6: Khởi đường dẫn

- Bước 1: Lựa chọn thư mục ở Folder List
- Bước 2: Chọn ảnh
- Bước 3: Đưa ảnh vào Slide List bằng cách kéo thả vào Slide List
- Hoặc Click chuột phải vào chọn Add to Show.

**Cách 2:** Kéo thả từ ngoài vào



Hình 7 File được đưa vào Slide List

Mỗi một Slide được chia làm 2 phần: Slide Effect (Hiệu ứng) và Slide Transition (Chuyển cảnh). Tương ứng với mỗi phần là thời gian thực hiện nó.

## 2.2. Lựa chọn Transition

Transition là phần hiệu ứng chuyển cảnh từ Slide này sang Slide kế tiếp. Để lựa chọn Transition, Click vào biểu tượng

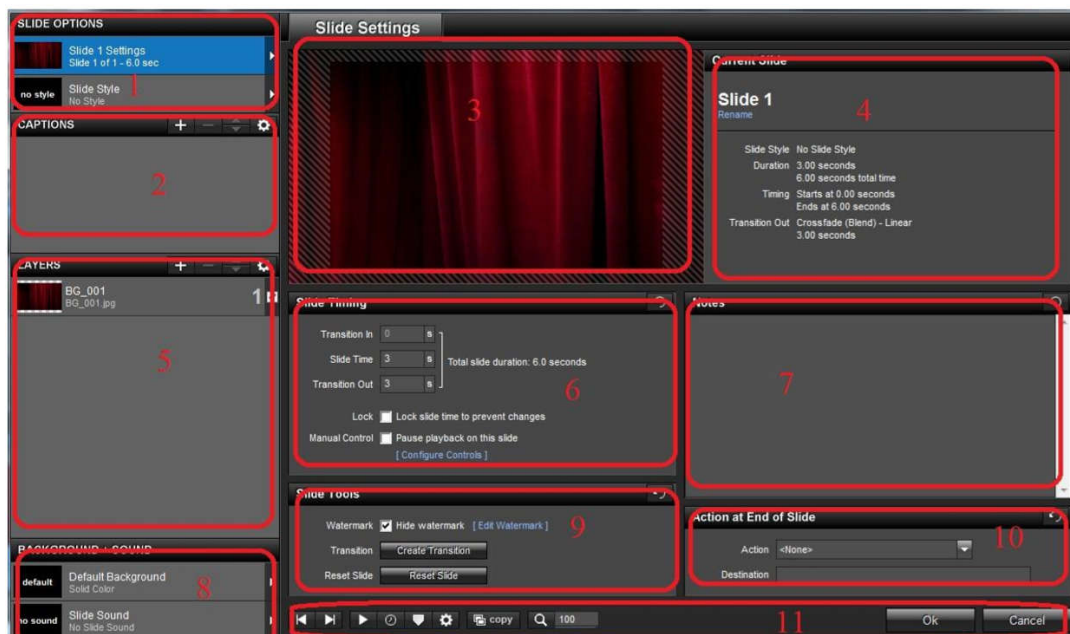


Hình 8: Bảng lựa chọn Transition

Sau khi lựa chọn được Transition, nhấn Apply để áp dụng Transition, Cancel để hủy bỏ. Để lựa chọn thời gian cho Transition, click vào số vị là giây).

### 2.3. Cài đặt Slide

Click đúp vào slide để hiện ra Tab Slide Effect.



Hình 9 Tab Effect Slide : 1.Tùy chọn Slide; 2.Chú thích; 3.Khung nhìn trước; 4.Thông tin Slide; 5.Danh sách các lớp; 6.Thời gian định cho Slide; 7.Các lưu ý; 8.Khung nền và nhạc nền; 9.Công cụ Slide; 10.Hoạt động kết thúc của Slide; 11.Công cụ điều khiển.





Transition In: Thời gian chuyển cảnh vào

Slide Time: Thời gian thực hiện Slide

Transition Out: Thời gian chuyển cảnh ra.

Lock Slide time to prevent changes (Lock): Khóa thời gian để ngăn chặn những thay đổi

Pause playback on this slide (Manual Control): Tạm dừng phát Slide này.

## 2.4. Lựa chọn Style

Click vào Slide Style ở (1. Từ chọn Slide) để hiện ra Slide Style như hình dưới:



Hình 10: Bảng chọn Style

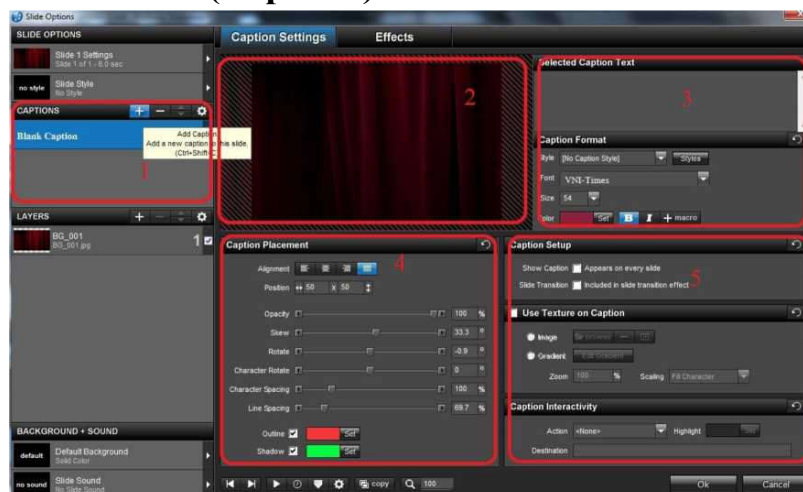
1. Lọc: Khung nhìn, số lớp.

2. Tập các danh mục Style

3. Styles

Sau khi lựa chọn Style phù hợp. Nhấp Apply Style, chọn Ok.

## 2.5. Thêm chú thích (Captions)



Hình 11 Tab Caption Setting

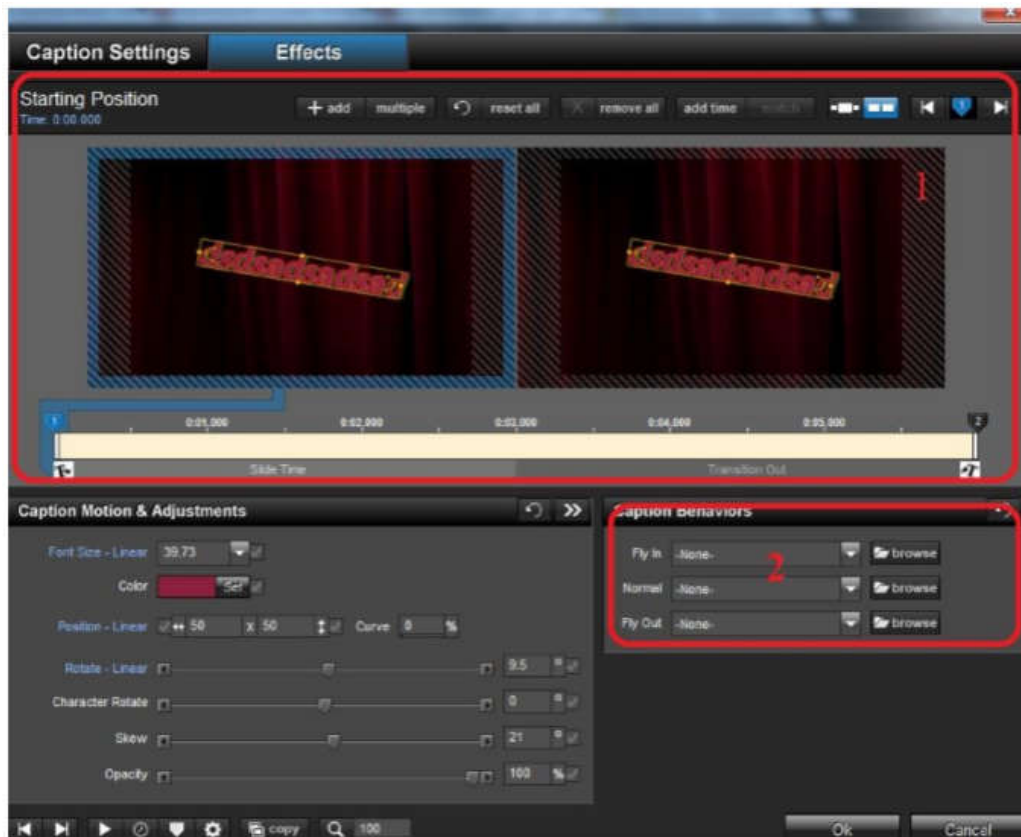
- Để thêm 1 chú thích: chọn dấu “+”, bỏ 1 chú thích nhấn phím “-” ở vùng 1.
- Viết chú thích, chọn cỡ chữ (Size), phong cách (Style), phong chữ (Font), in đậm(B), in nghiêng (I) tại vùng 3.
- Vùng 4 (Caption Placement):
  - Alignment: Căn lề.
  - Position: Vị trí.
  - Opacity: Trong suốt.
  - Skew: Nghiêng từng chữ cái.
  - Rotate: Xoay
  - Character Rotate: Xoay từng chữ cái.
  - Character Spacing: Khoảng cách từng chữ cái.
  - Line Spacing: Khoảng cách từng dòng.
  - Outline: (Màu) đường viền.
  - Shadow: (Màu) bóng.
- Vùng 5 (Caption Setup):
  - Appears on every Slide (Show Caption): Hiện chú thích trên tất cả các Slide.
  - Include in Slide transition effect (Slide Transition): Gồm hiệu ứng chuyển Slide
  - Use Texture on Caption: Kết cấu bên trong chú thích
  - Image: Ảnh.
  - Gradient: Màu biến đổi.
  - Caption Interactivity: Tương tác chú thích.
  - Action: Hoạt động
  - Highlight: Ánh sáng




○ Destination: Đích đến.

### 3.6. Hiệu ứng chú thích (Caption Effect)

Lựa chọn Tab Effect để chọn hiệu ứng cho chú thích.



Hình 12 Tab Caption Effect

Vùng 1 (Vùng trạng thái): Có các đặc trưng là các Keyframe . Mỗi một Keyframe đại diện cho một trạng thái tại thời điểm đó. Trạng thái có thể là màu chữ, cỡ chữ, độ nghiêng.... Các trạng thái sẽ được thể hiện theo thứ tự. Để thêm trạng thái, click đúp vào dòng Slide Time hoặc chọn



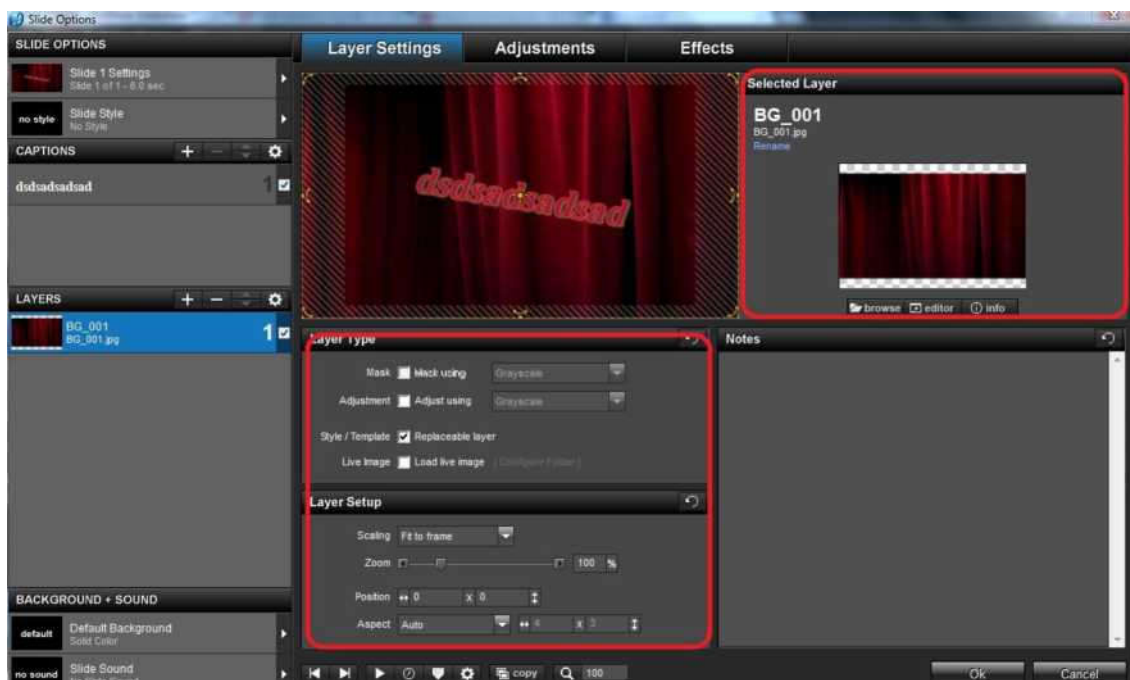
ở trên

- Vùng 2(Behaviour): gồm hành động xuất hiện (Fly In), trình diễn(Normal),Biến mất(Fly Out). Để xem trước, chọn Browse.

### 3.7. Cài đặt lớp (Layer Setting)

Click vào Layer để cài đặt cho lớp.

Tương tự như chú thích, có thể thêm lớp bằng cách click vào dấu “+” hoặc loại bỏ lớp bằng cách click vào dấu “-”.



Hình 13 Tab Layer Settings

- Vùng 1
    - o Mask Using: Sử dụng mặt nạ.
    - o Adjustment Using: Sử dụng điều chỉnh.
    - o Replaceable layer (Style / Template): Cho phép thay thế lớp.
    - o Load Live image: Nạp hình ảnh sống
    - o Scaling: Quy mô.
    - o Zoom: Phóng
    - o Position: Vị trí
    - o Aspect: Khía cạnh
  - Vùng 2:
    - o Browse: Chọn ảnh.
    - o Editor: Biên tập
    - o Info: Thông tin
- ### 3.8. Hiệu chỉnh lớp
- Blur: Làm mờ
  - Sharpen: Làm nét.
  - Opacity: Trong suốt
  - Brightness: Sáng
  - White Point: Điểm trắng.
  - Black Point: Điểm đen.
  - Contrast: Tương phản
  - Hue: Đổi màu.
  - Rotate: Xoay
  - Flip: Đảo chiều

- Vignette: In màu
- Red- Eye: Mắt đỏ
- Crop: Cắt khung
- Chroma Key: Sắc màu chính
- Colorize: Bản màu
- Shadow: Bóng
- Outline: Đường viền

### 3.9. Hiệu ứng

Tương tự như chú thích, đặc trưng là các Keyframe đại diện cho các trạng thái, với các thuộc tính ở phần hiệu chỉnh lớp.

### 3.10. Thêm nhạc




Sau khi công việc chọn hiệu ứng cho các Slide xong, một công việc không thể thiếu khiến cho Slide sinh động hơn đó là lồng nhạc vào.

Để lồng nhạc vào, ta có thể sử dụng một trong các cách sau

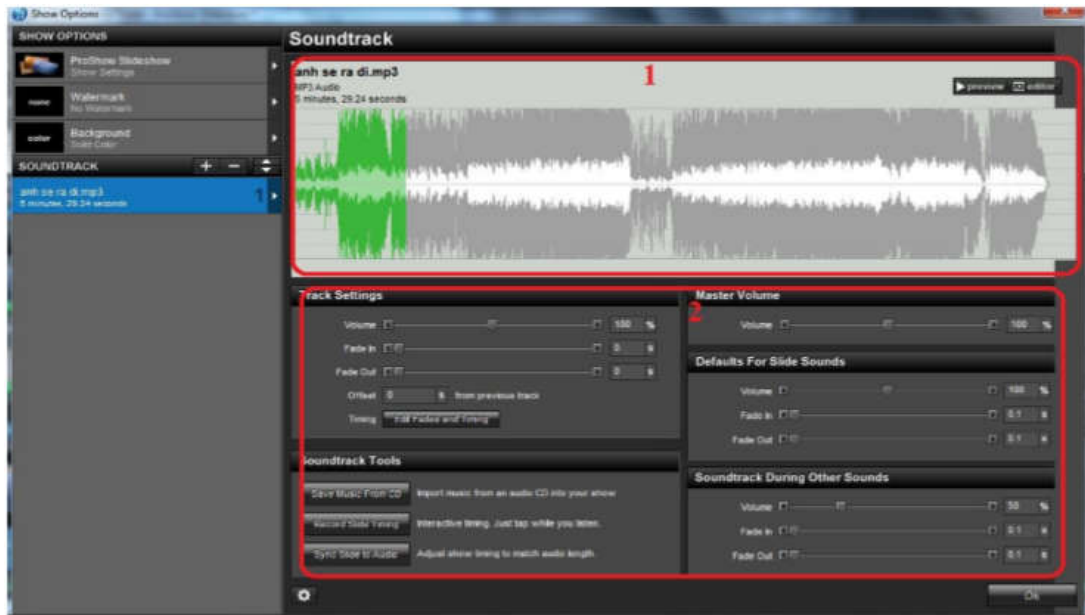
Cách 1: Kéo thả từ bên ngoài và đặt vào Sound Track hoặc Click chuột phải vào Sound



Cách 2: Chọn biểu tượng  hoặc click chuột phải vào Sound track, chọn Manage Sound Track:



Sau khi lựa chọn, Tab Manage Sound Track hiện ra:





Hình 14: Tab Sound Option

Tương tự như chú thích hay lớp, để thêm nhạc/âm thanh, ta Click vào dấu “+”, loại bỏ nhạc / âm thanh Click dấu “-”.

- Vùng 1: Sound Track Timeline
- Vùng 2:
  - o Volume: Âm lượng
  - o Fade In: Nhạc to dần khi bắt đầu.
  - o Face Out: Nhạc nhỏ dần khi kết thúc.
  - o Offset “...s” from Previous track: Bù thêm.. giây từ rãnh trước.
  - o Timing: Chỉnh thời gian
  - o Save Music From CD: Lưu nhạc từ đĩa CD.
  - o Recode Slide Timing: Thời gian tương tác. Chỉ cần gõ khi nghe.
  - o Sync Slide to Audio: Điều chỉnh thời gian cho phù hợp độ dài âm thanh.

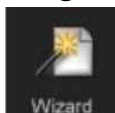
### 3.11. Xem trước



Xem trước với Preview. Click vào biểu tượng  để xem trước,  để dừng.

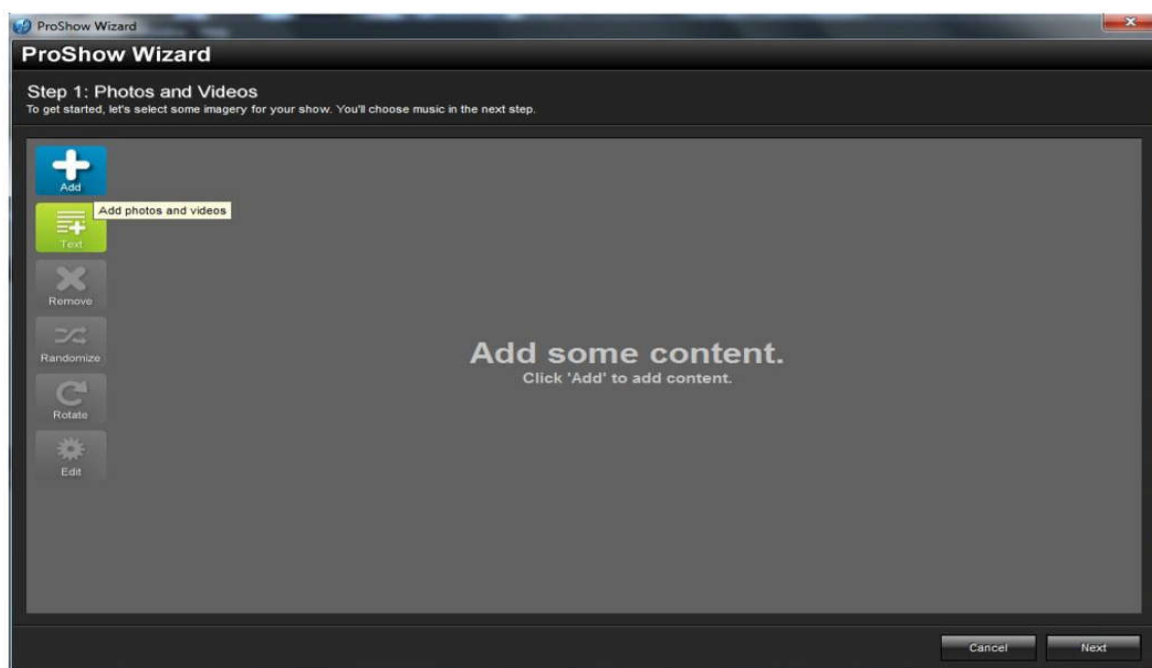
### 3.11.1. Tạo trình chiếu nhanh bằng công cụ hỗ trợ thông minh

Wizard được sử dụng như một công cụ tạo trình chiếu thông minh và nhanh chóng. Để sử dụng công cụ thông minh này, ta thực hiện các bước sau:

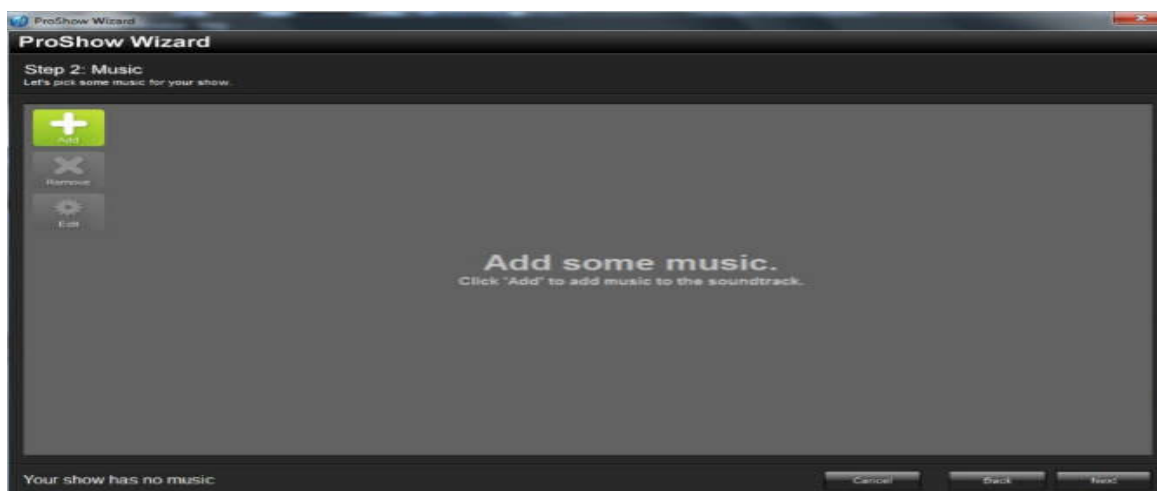


**Bước 1:** Click vào biểu tượng Wizard trên Tools

**Bước 2:** Chọn Add để chọn ảnh / video vào trình chiếu. Nhấn Next để đến bước 3.



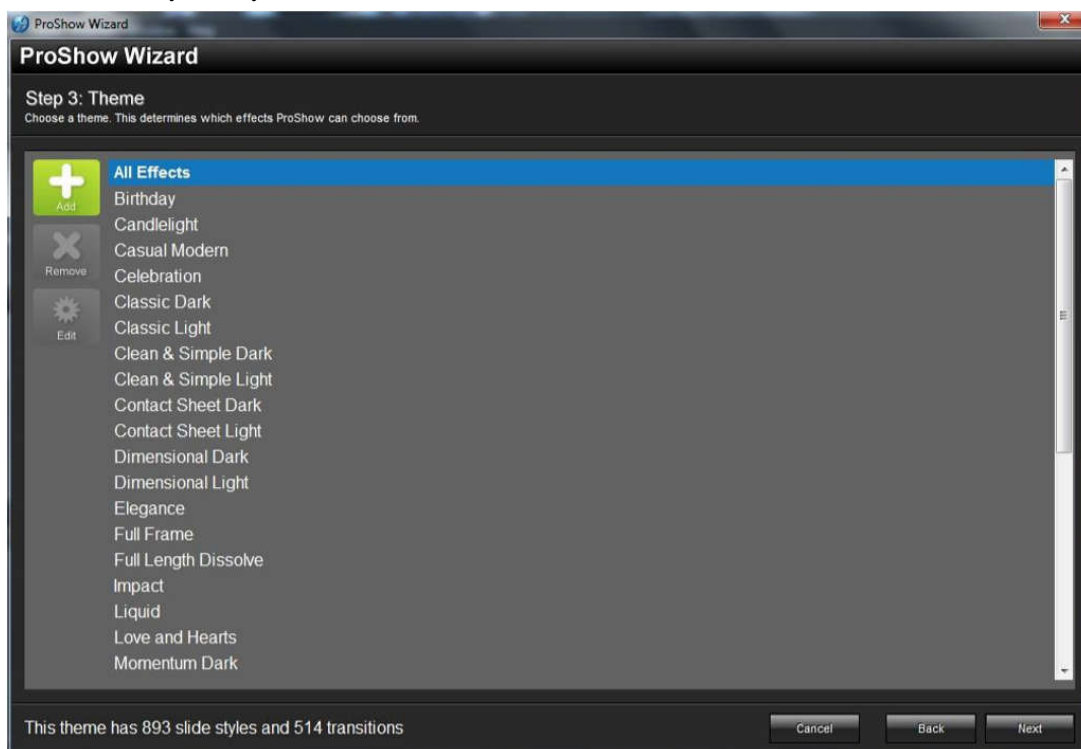
### Bước 3



Chọn Add để thêm nhạc vào trình chiếu.

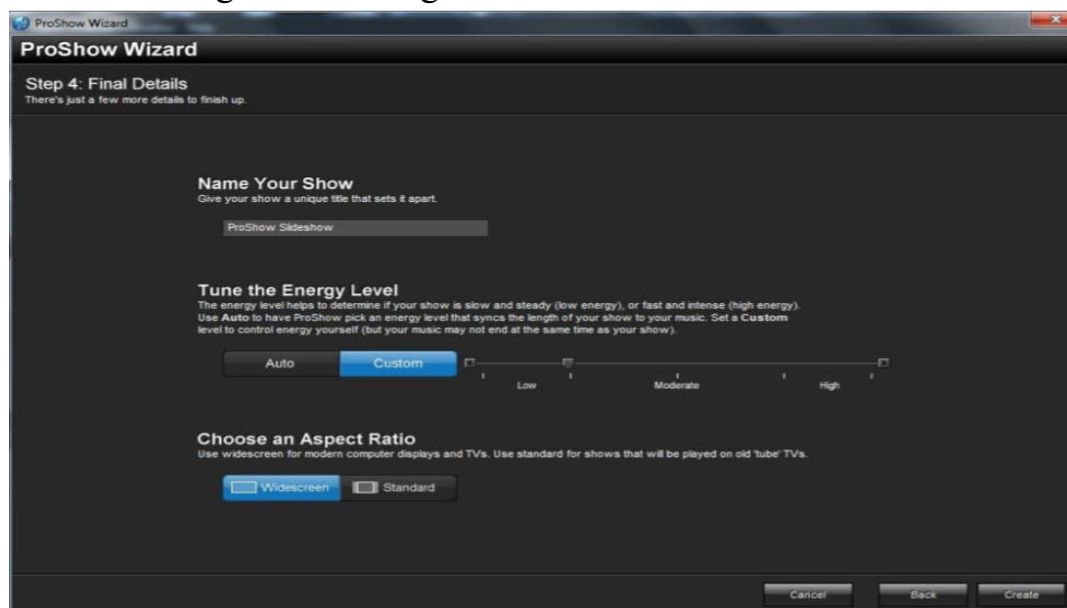
Sau khi chọn nhạc xong. Nhấn Next, đến bước 4.

#### Bước 4: Lựa chọn chủ đề.



Sau khi chọn chủ đề xong, nhấn Next, đến bước 5.

#### Bước 5: Thông tin cuối cùng:



Gồm các thuộc tính:

Name Your Show: Tên trình chiếu

Tune the Energy Level: Điều chỉnh tốc độ trình chiếu.

Choose an Aspect Ratio: Chọn khung nhìn.

Và ấn Create để hoàn thành việc tạo trình chiếu.

### 3.11.2. Công cụ điều chỉnh nhạc thông minh

Trong trường hợp Slide ít, và thời gian của nhạc quá dài, ta có thể dùng công cụ điều chỉnh thông minh Sync.



Click vào biểu tượng Sync Music trên Tools.



Hình 16: Tab Sync Music

Chọn Sync để thực hiện việc điều chỉnh.

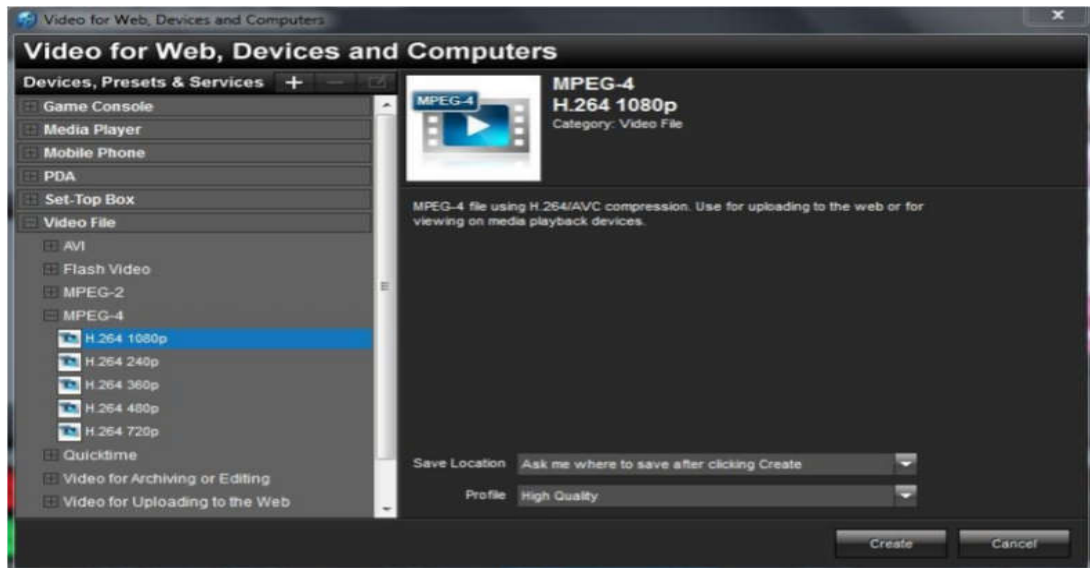
### 3.11.3. Tạo đầu ra cho trình chiếu

Chọn Publish -> Publish Show -> Lựa chọn đầu ra

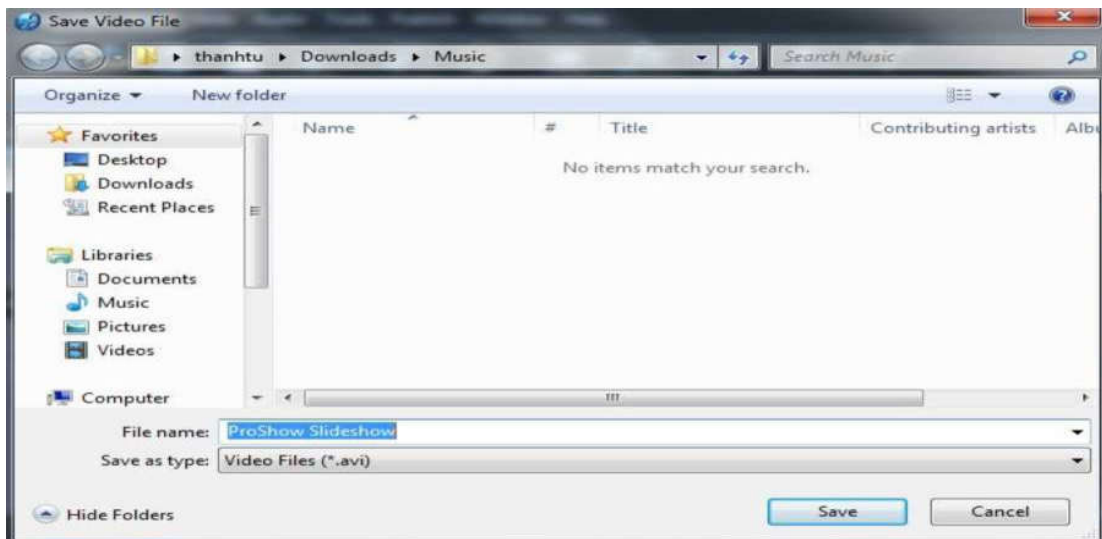




Tùy chọn đầu ra:



Sau khi tùy chọn xong, nhấn Create để tạo đầu ra.



Đặt tên File đầu ra và đặt vị trí lưu.

#### IV. Xây dựng ứng dụng Proshow Producer

##### 4.1. Làm video album ảnh

Chủ đề: Giới thiệu trường ĐH Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông

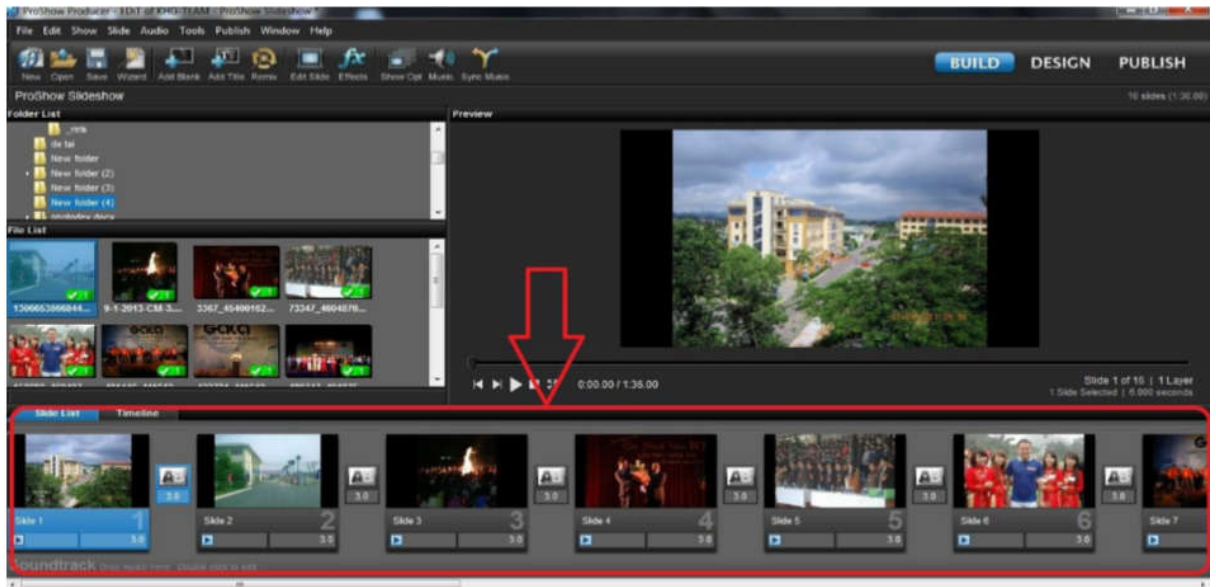
##### 4.1.1. Chuẩn bị tài nguyên

- Ảnh: Những bức ảnh về trường đại học công nghệ thông tin và truyền thông.
- Nhạc: Kỷ niệm trường xưa

##### 4.1.2. Tiến hành làm

**B1:** Đưa ảnh vào Slide List

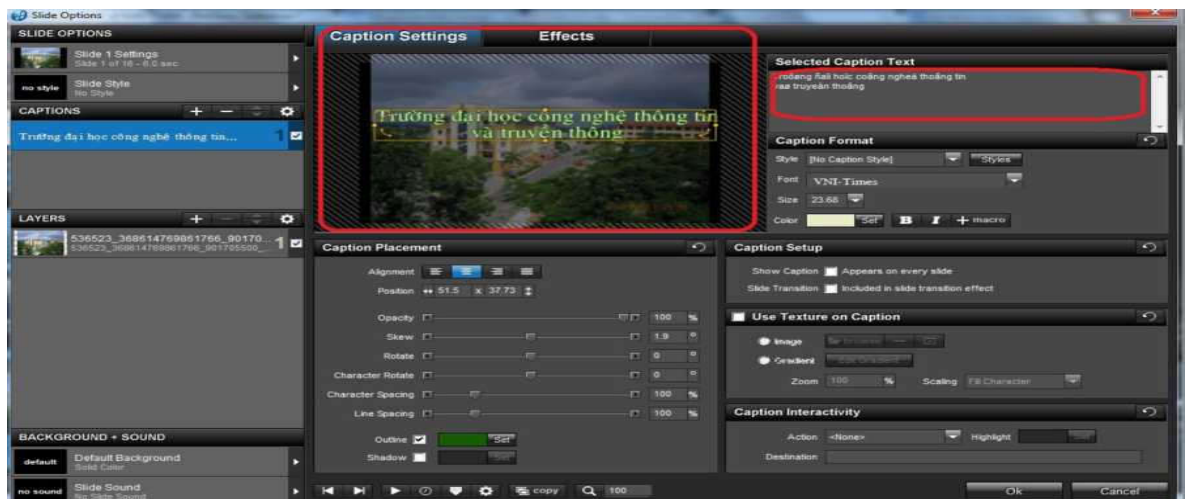




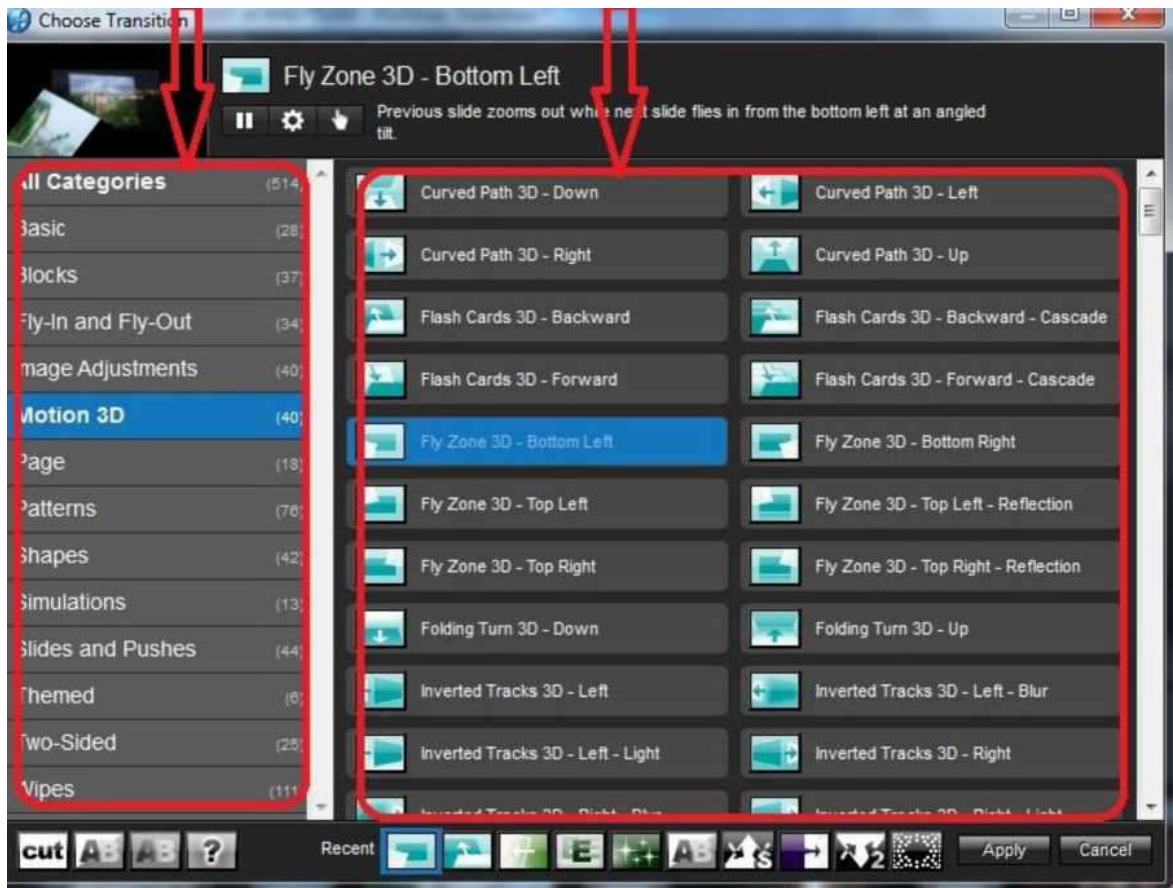
## B2: Lựa chọn Style cho mỗi Slide



## B3: Thêm chú thích



## B4: Lựa chọn Transition



Thực hiện các thao tác trên cho tất cả Slide.

## B5: Đưa nhạc vào Sound Track



**B6: Căn chỉnh thời gian**

Thay đổi thông số thời gian sao cho thời gian phát nhạc đáp ứng với thời gian thực hiện hết Slide.



Sau khi cài đặt xong cho các Slide, ta đi xuất bản đầu ra.

Chọn *Publish* → *Custom Video File*.

**4.2. Tạo Intro****4.2.1. Chuẩn bị nguyên liệu**

Video Light Background

File âm thanh

**4.2.2. Tiến hành làm**

**B1:** Đưa video background vào Slide List





**B2: Đưa file âm thanh vào Sound Track****B3: Thêm Text****B4: Căn chỉnh thời gian phù hợp với ánh sáng**

**B5:** Căn chỉnh thời gian cho phù hợp với âm thanh và video.



**B6:** Xuất bản



*Chuyên đề***XÂY DỰNG CÁC MINH CHỨNG ĐÁNH GIÁ CHUẨN GIÁO VIÊN  
MÔN HỌC GDQP&AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****PHẦN 1: NHIỆM VỤ CỦA GIÁO VIÊN GDQP&AN***(Căn cứ Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011)***I/. NHIỆM VỤ CỦA GIÁO VIÊN.****1.1. Nhiệm vụ của giáo viên trường THPT.**

Căn cứ vào điều điều 31 thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do bộ giáo dục và đào tạo ban hành, Nhiệm vụ của giáo viên trường trung học Giáo viên bộ môn có những nhiệm vụ sau đây (7 mục cơ bản)

Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của nhà trường theo chế độ làm việc của giáo viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

Tham gia công tác phổ cập giáo dục ở địa phương;

Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục; vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học của học sinh;

Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục;

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;

Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong dạy học và giáo dục học sinh;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**1.2. Quyền của giáo viên trường THPT.**

Căn cứ vào điều điều 32 thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do bộ giáo dục và đào tạo ban hành, Quyền của giáo viên trường trung học Giáo viên bộ môn có những quyền sau đây (7 mục cơ bản)

Được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh;

Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo;

Được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường;

Được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành;

Được cử tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường và cơ sở giáo dục khác nếu thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quy định tại Điều 30 của Điều lệ này và được sự đồng ý của Hiệu trưởng ;

Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể;

1.3. Hành vi giáo viên THPT không được làm.

Căn cứ Điều 35 thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do bộ giáo dục và đào tạo ban hành, Giáo viên không được có các hành vi sau đây: (6 mục cơ bản)

Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của học sinh và đồng nghiệp.

Gian lận trong kiểm tra, thi cử, tuyển sinh; gian lận trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

Xuyên tạc nội dung giáo dục; dạy sai nội dung kiến thức, không đúng với quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

Hút thuốc lá, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động giáo dục; sử dụng điện thoại di động khi đang dạy học trên lớp.

Bỏ giờ, bỏ buổi dạy, tùy tiện cắt xén chương trình giáo dục.

## **II/. NHIỆM VỤ CỦA GIÁO VIÊN GDQP&AN.**

### **2.1. Nhiệm vụ định hướng phát triển GDQP&AN.**

Thực hiện theo Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị BCHTW khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới

*Một là*, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên GDQP&AN , biên chế cơ hữu và có cơ chế chính sách sử dụng đội ngũ giáo viên, giảng viên.

Để thực hiện giải pháp này cán bộ lãnh đạo, quản lý trong ngành giáo dục đào tạo và các đơn vị phối hợp cần tăng cường nhận thức về nhiệm vụ GDQP&AN ; quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 12 - CT/TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ Chính trị về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới*. Kiện toàn đội ngũ giáo viên GDQP&AN, theo lộ trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo.

Triển khai nghiêm túc, hiệu quả Đề án “Đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP&AN cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề và các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020” theo Quyết định số 607/QĐ-TTg, ngày 24/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức tuyển sinh ở trường quân sự hay trường sư phạm phải thống nhất cơ chế chính sách bảo đảm cho người học. Kết hợp

tuyển chọn đào tạo cử nhân GDQP&AN dài hạn 4 năm với cử tuyển đào tạo văn bằng 2 là cách làm hiệu quả nhất, vừa ổn định tổ chức biên chế của các cơ sở đào tạo, đảm bảo nhiệm vụ trước mắt, vừa xây dựng nguồn chính quy lâu dài.

**Hai là**, đổi mới nội dung chương trình GDQP&AN gắn với đổi mới phương pháp giảng dạy và công tác tổ chức quản lý môn học.

Bám sát mục tiêu yêu cầu GDQP&AN cho thế hệ trẻ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc hiện nay. Các cấp học và trình độ đào tạo, mỗi chương trình có nội dung và mục tiêu riêng với khối lượng kiến thức phù hợp, đảm bảo tính liên thông không trùng lặp. Mức độ phân cấp về nội dung rõ nét, kết hợp phương pháp tuyển tính với đường tròn đồng tâm trong phát triển chương trình. Đối với chương trình GDQP&AN cho học sinh trung học phổ thông tập trung vào các nội dung trong chương trình huấn luyện chiến sĩ mới; chương trình GDQP&AN cho học sinh các trường trung cấp tập trung vào các nội dung trong chương trình huấn luyện tiểu đội trưởng chuyên ngành; chương trình GDQP&AN cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học tập trung vào các nội dung trong chương trình huấn luyện sĩ quan dự bị phù hợp với ngành nghề được đào tạo nhằm tận dụng tối đa nguồn nhân lực phục vụ quân đội sau này.

Cùng với đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và công tác quản lý môn học cũng phải kịp thời điều chỉnh, chương trình GDQP&AN cấp trung học phổ thông tổ chức học dài các nội dung lý thuyết, các nội dung thực hành học tập trung dứt điểm, không học dài. Đối với sinh viên cần được học tập tập trung tại các trung tâm. Tuy nhiên, việc đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp phải chú ý dựa trên cơ sở bảo đảm đủ nội dung, chương trình và thời gian học tập.

**Ba là**, Nhà nước đầu tư nguồn kinh phí cho môn học; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng thực hành là chính.

Môn học GDQP&AN là môn học chính như các môn học khác trong hệ thống giáo dục đào tạo. Hiện nay học sinh, sinh viên vẫn đang thực hiện việc đóng học phí cho môn học này- Môn học xây dựng lòng yêu nước và rèn luyện kỹ năng bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, cần nghiên cứu đề xuất Nhà nước bảo đảm trang bị, bao cấp học phí cho môn học này và xã hội hóa các nguồn kinh phí trong xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học GDQP&AN. Các trường cần đầu tư đúng, đủ vật chất, thiết bị theo yêu cầu chương trình, trên cơ sở đó để đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập. Trong thực hành kỹ năng đối với học sinh, sinh viên phải được bắn đạn thật các loại súng bộ binh theo chương trình. Việc tổ chức cho toàn bộ học sinh, sinh viên được bắn đạn thật là vấn đề hết sức khó khăn nhưng có lợi ích rất lớn trong quá trình học tập. Để làm được việc này cần có sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các trường và cơ quan quân sự địa phương, đơn vị quân đội, công an và có nguồn kinh phí để thực hiện nội dung này. Đối với học sinh được bảo đảm mô hình học cụ, vũ khí trang bị, phòng học chuyên dùng, trang phục thống nhất khi học môn học GDQP&AN; đối với sinh viên phải được học tập trung 1 tháng tại các trung tâm hoặc cơ sở đào tạo; toàn bộ chi phí đào tạo, ăn ở phải được bao cấp.

**Bốn là**, chuyển đổi mạnh mẽ phương pháp dạy học đại học, nâng cao năng lực của người học



Đổi mới mạnh mẽ giáo dục đại học là yêu cầu tất yếu để tồn tại của các trường ĐH, CĐ trong sự phát triển của nền kinh tế tri thức hội nhập. Đào tạo phải gắn liền với thực tế, không xa rời thực tế. Giáo dục quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện thời bình, phải chuẩn bị nguồn nhân lực cho chiến tranh ngay trong việc xây dựng chương trình. Vì vậy, phải thiết kế chương trình phù hợp với sự phát triển của khoa học và Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong tình hình mới.

Thống nhất phương pháp giảng dạy, chú trọng tính đặc thù dạy kỹ năng quân sự cho học sinh, sinh viên. Giảm bớt thời gian dạy lý thuyết (thực tế hiện nay bố trí các bài lý luận nhiều thời gian); tăng thời gian nghiên cứu, tự học, tham quan, thực tế đơn vị quân, binh chủng cho học sinh, sinh viên. Học sinh, sinh viên sau khi học môn GDQP&AN có niềm tin và kỹ năng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Có phương pháp giảng dạy GDQP&AN tốt sẽ phát huy những tài năng quân sự từ học sinh, sinh viên, có cơ sở tuyển chọn, đào tạo nguồn nhân lực xây dựng tiềm lực cho Quân đội nhân dân Việt Nam.

Nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh cho các tầng lớp nhân dân trong những năm qua đã được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt coi trọng, thể hiện trong chủ trương, đường lối lãnh đạo, định hướng công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới và đã được quy định bằng hệ thống các văn bản pháp luật. Đặc biệt đối với thế hệ trẻ học sinh, sinh viên; ngoài việc nâng cao dân trí về quốc phòng, GDQP&AN góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng sâu sắc, hình thành ý thức quốc phòng đúng đắn, nâng cao trách nhiệm công dân cho học sinh, sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống tập thể, cùng với các hoạt động khác góp phần đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh là thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước vào cuộc sống, thắp sáng ngọn lửa truyền thống “Dựng nước đi đôi với giữ nước” của dân tộc.

## 2.2. Quy định giáo viên, giảng viên GDQP&AN.

Căn cứ Luật số: 30/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 luật GDQP&AN, Điều 23 quy định, giáo viên, giảng viên GDQP&AN (3 mục):

Giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm giáo viên, giảng viên chuyên trách, thỉnh giảng và cán bộ quân đội, công an biệt phái.

Giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh phải có bằng cử nhân giáo dục quốc phòng và an ninh trở lên; trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

Chính phủ quy định cụ thể trình độ chuẩn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh phù hợp với từng đối tượng giáo dục quốc phòng và an ninh; thời gian, lộ trình hoàn thành.

## 2.3. Trách nhiệm và quyền lợi của giáo viên, giảng viên GDQP&AN.

Căn cứ Luật số: 30/2013/QH13; Điều 25. Trách nhiệm và quyền lợi của giáo viên, giảng viên quy định (2 mục):

Giảng dạy đúng nội dung, chương trình GDQP&AN quy định cho từng đối tượng, bảo đảm chất lượng, hiệu quả

Giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này được bảo đảm chế độ trang phục, trừ cán bộ quân đội, công an biệt phái; được hưởng chế độ khác theo quy định của pháp luật.

#### 2..4. Quy định trình độ chuẩn giáo viên môn học GDQP&AN.

Nghị định 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của chính phủ quy định; theo Điều 06: Trình độ chuẩn giáo viên môn học GDQP&AN thời gian và lộ trình hoàn thành:

##### 1. Giáo viên phải có một trong các trình độ chuẩn sau đây:

Có bằng cử nhân giáo dục quốc phòng và an ninh;

Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh;

Có văn bằng 2 về chuyên ngành đào tạo giáo viên GDQP&AN.

##### 2. Giảng viên phải có một trong các trình độ chuẩn sau đây:

Có bằng cử nhân giáo dục quốc phòng và an ninh trở lên;

Cán bộ quân đội, công an có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

##### 3. Thời gian, lộ trình hoàn thành

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng, điều chỉnh đề án đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh bảo đảm:

Đến hết năm 2016 có trên 70%, hết năm 2020 có trên 90% giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh được đào tạo đạt trình độ chuẩn;

Đến hết năm 2016 có trên 50%, hết năm 2020 có trên 70% giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được đào tạo đạt trình độ chuẩn.

## **Phần 2: XÂY DỰNG MINH CHỨNG ĐÁNH GIÁ GIÁO VIÊN GDQP&AN TRƯỜNG THPT THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP**

### **I/ XÁC ĐỊNH MINH CHỨNG.**

Là các bằng chứng (tài liệu, tư liệu, sự vật, hiện tượng, nhân chứng) được dẫn ra để xác nhận một cách khách quan mức độ đạt được của tiêu chí (Thông tư 20); Theo Thông tư 20, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm 5 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí;

Minh chứng được hiểu là những văn bản, hồ sơ, sổ sách, băng đĩa hình, hiện vật đã và đang được giáo viên sử dụng là công cụ thực hiện dạy học và giáo dục phù hợp với nội hàm của tiêu chí. Minh chứng được sử dụng để chứng minh cho các nhận định, kết luận về mức độ đạt được của từng tiêu chí.

Minh chứng thu được không chỉ sử dụng cho mục đích đánh giá các mức đạt của từng tiêu chí, mà còn nhằm mô tả việc thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục của giáo viên để tăng tính thuyết phục của việc tự đánh giá, cấp trên đánh giá.

## II/. CÁCH XÂY DỰNG MINH CHỨNG.

Các minh chứng được xây dựng theo thông tư 20 gồm 5 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí; tùy theo tình hình thực tế của đơn vị công tác đánh giá chuẩn giáo viên theo 4 mức độ:

Đạt chuẩn: LOẠI TỐT

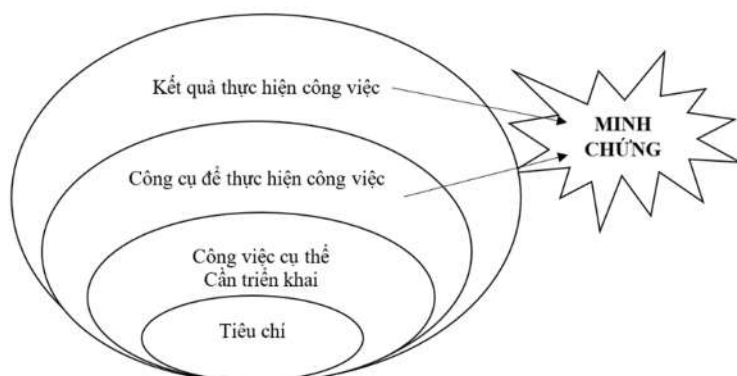
Đạt chuẩn: LOẠI KHÁ

Đạt chuẩn: ĐẠT YÊU CẦU

Chưa đạt: KHÔNG ĐẠT CHUẨN

Cách xây dựng căn cứ vào 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí để hình thành khung đánh giá chuẩn giáo viên GDQP&AN;

Các minh chứng được thể hiện thông qua công cụ thực hiện công việc (cách thức để thực hiện công việc) và kết quả cuối cùng công việc đạt được hiệu quả như thế nào (hình)



Ví dụ về cách xây dựng minh chứng của 1 tiêu chí

### Tiêu chuẩn 1. PHẨM CHẤT NHÀ GIÁO.

Tuân thủ các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và tạo dựng phong cách nhà giáo.

#### Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo.

MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ	VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG
Mức CHƯA ĐẠT Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Có nhiều phản ánh của cha mẹ học sinh, nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên có phẩm chất đạo đức chưa mẫu mực.....
Mức ĐẠT: Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo	Biên bản đánh giá và phân loại giáo viên (phiếu đánh giá và phân loại viên chức)/ Kết luận của các đợt thanh tra, kiểm tra (nếu có)/ Biên bản họp nhóm, tổ chuyên môn/ Hội đồng trường ghi nhận về việc giáo viên thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; hoàn thành nhiệm vụ năm học. Bản kiểm điểm đảng viên có xác nhận của chi bộ/ Bản nhận xét đảng viên hai chiều có xác nhận của Đảng ủy nơi cư trú....(nếu là đảng viên)

Mức KHÁ: Có tinh thần tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí mức đạt Có tinh thần tự học, tự rèn luyện, phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo Phản ánh của cha mẹ học sinh, nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên có phẩm chất đạo đức mẫu mực.....
Mức TỐT: Là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong giảng dạy, trau dồi đạo đức nhà giáo	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí mức khá: Bản đánh giá... giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu CSTĐ....

### Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo.

MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ	VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG
Mức CHƯA ĐẠT Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Mặc trang phục không phù hợp với hoạt động huấn luyện; Có lời nói phản cảm; làm các việc vi phạm đạo đức nhà giáo. Có nhiều phản ánh của cha mẹ học sinh, nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông	Luôn mặc trang phục dạy học đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không có lời nói, việc làm vi phạm đạo đức nhà giáo Bản đánh giá và phân loại giáo viên (phiếu đánh giá và phân loại viên chức/Biên bản họp nhóm, tổ chuyên môn/ Hội đồng trường ghi nhận về việc giáo viên thực hiện nghiêm túc nề nếp, chế độ giảng dạy..... Bản kiểm điểm đảng viên có xác nhận của chi bộ/ Bản nhận xét đảng viên hai chiều...
Mức KHÁ: Có ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực; ảnh hưởng tốt đến học sinh;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Các tài liệu ghi nhận giáo viên có tác phong, phong cách làm việc phù hợp với hoạt động huấn luyện quân sự của môn GDQPAN...
Mức TỐT: Mức tốt: Là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo; ảnh hưởng tốt và hỗ trợ đồng nghiệp hình thành phong cách nhà giáo.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Giấy khen/ Các văn bản phản ánh của phụ huynh/ học sinh/đồng nghiệp.... giáo viên có tác phong mẫu mực trong thực hiện nhiệm vụ dạy học. Bản đánh giá... giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu CSTĐ....

### Tiêu chuẩn 2. PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ.

Nắm vững chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

### Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân.

MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ	VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG
------------------------------	---------------------

Mức CHƯA ĐẠT Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Đạt chuẩn trình độ đào tạo và hoàn thành đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định; có kế hoạch thường xuyên học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn bản thân;	Bằng tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo theo đúng quy định..... Các văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy xác nhận hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng kiến thức QPAN, các đợt tập huấn do các cấp tổ chức. Có kiến thức chuyên môn vững vàng, phương pháp giảng dạy tốt, sử dụng thành thạo các loại trang thiết bị dạy học, bảo đảm an toàn tuyệt đối trong giảng dạy.
Mức KHÁ: Chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Kế hoạch cá nhân hàng năm về bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tổ chức huấn luyện, tham gia hội thao GDQPAN các cấp. Biên bản dự giờ chuyên đề/ý kiến trao đổi, đề xuất/biện pháp, giải pháp, sáng kiến triển khai thực hiện nhiệm vụ GDQPAN và phát triển chuyên môn trong nhà trường.....
Mức TỐT: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm về phát triển chuyên môn của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Các tài liệu ghi nhận giáo viên vận dụng sáng tạo các kiến thức mới vào trong quá trình giảng dạy.....

#### **Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Xây dựng được kế hoạch dạy học và giáo dục;	Bản kế hoạch cá nhân được thông qua Phiếu đánh giá giáo viên/viên chức hoàn thành nhiệm vụ Các hồ sơ đánh giá theo quy định
Mức KHÁ: Chủ động điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Bảng kế hoạch dạy học phù hợp cụ thể Phiếu đánh giá giáo viên/viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả rèn luyện của học sinh đạt mức khá trở lên Biên bản kiểm tra hồ sơ đánh giá khá trở lên
Mức TỐT: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Phiếu đánh giá giáo viên/viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/chiến sỹ thi đua cơ sở.

**Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh;	Bản kế hoạch dạy học thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, yêu cầu phương pháp huấn luyện học sinh được BGH/tổ, nhóm thông qua. Phiếu dự giờ xếp loại đạt yêu cầu trở lên.
Mức KHÁ: Chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt Phiếu dự giờ đạt loại khá trở lên Ý kiến ghi nhận từ BGH/tổ, nhóm,.... Giáo viên vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp huấn luyện/giáo dục học sinh phù hợp với yêu cầu cơ sở vật chất của nhà trường. Kết quả giảng dạy/huấn luyện học sinh đạt từ loại khá trở lên.
Mức TỐT: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm vận dụng những phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Phiếu dự giờ đạt loại tốt/giỏi. Ý kiến ghi nhận từ BGH/tổ, nhóm,.... Giáo viên vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp huấn luyện/giáo dục học sinh có sáng tạo đột phá so với yêu cầu cơ sở vật chất của nhà trường. Kết quả giảng dạy/huấn luyện học sinh đạt từ loại tốt trở lên/có học sinh đạt giải trong các đợt thi hội thao GDQP&AN

**Tiêu chí 6. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh;	Bản kế hoạch dạy học và giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, yêu cầu, phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đánh giá phù hợp với năng lực học sinh được BHG/tổ, nhóm thông qua. Phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh đúng quy định. Phiếu dự giờ giáo viên xếp loại đạt yêu cầu trở lên.
Mức KHÁ: Chủ động cập nhật, vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;	Vận dụng các công cụ kiểm tra đánh giá linh hoạt sáng tạo được đồng nghiệp/tổ nhóm đánh giá cao. Kết quả học tập của học sinh đạt từ mức TB trở lên.

<p>Mức TỐT: Mức tốt: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh.</p>	<p>Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt Phiếu dự giờ của giáo viên đạt mức tốt/giỏi trở lên. Kết quả học tập của học sinh có sự tiến bộ rõ rệt đạt từ mức khá trở lên/vượt các chỉ tiêu đề ra. Giáo viên có sự chia sẻ báo cáo/đề xuất/ giới thiệu các công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị với tổ/nhóm/BGH nhà trường.</p>
---	---

### Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh.

MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ	VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG
<p>Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.</p>	<p>Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....</p>
<p>Mức ĐẠT: Hiểu các đối tượng học sinh và nắm vững quy định về công tác tư vấn và hỗ trợ học sinh; thực hiện lồng ghép hoạt động tư vấn, hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;</p>	<p>Bản kế hoạch giáo dục được lồng ghép nội dung phương pháp hình thức tư vấn hỗ trợ phù hợp với khả năng thể trạng của từng nhóm học sinh trong các hoạt động tập luyện được tổ, nhóm, bộ môn thông qua. Phiếu dự giờ/hoạt động ngoài giờ lên lớp tiết chuyên đề/tiết sinh hoạt lớp được đánh giá đạt trở lên.</p>
<p>Mức KHÁ: Thực hiện hiệu quả các biện pháp tư vấn và hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;</p>	<p>Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt Phiếu dự giờ/hoạt động ngoài giờ lên lớp tiết chuyên đề/tiết sinh hoạt lớp được đánh giá khá trở lên. Đánh giá nhận xét của BGH/Tổ, nhóm... ghi nhận giáo viên thực hiện được các biện pháp tư vấn hỗ trợ học sinh phù hợp với sở trường, thể trạng của từng đối tượng học sinh. Qua kết quả huấn luyện/tư vấn, học sinh có sự tiến bộ rõ rệt</p>
<p>Mức TỐT: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp kinh nghiệm triển khai hiệu quả hoạt động tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục.</p>	<p>Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá Phiếu dự giờ/hoạt động ngoài giờ lên lớp tiết chuyên đề/tiết sinh hoạt lớp được đánh giá tốt/giỏi trở lên. Qua kết quả huấn luyện/tư vấn, học sinh có sự tiến bộ rõ rệt vượt các chỉ tiêu đề ra. Có ý kiến/chuyên đề/báo cáo tham gia đề xuất, tư vấn hướng nghiệp, tư vấn rèn luyện sức khỏe để bảo vệ tổ quốc. Được sự ghi nhận đánh giá từ BGH/tổ, nhóm, ban chuyên môn. Chia sẻ các kiến thức, kinh nghiệm được tổ/nhóm ban chuyên môn đánh giá cao</p>

### Tiêu chuẩn 3. Xây dựng môi trường giáo dục

Thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường

**Tiêu chí 8. Xây dựng văn hóa nhà trường**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Thực hiện đầy đủ nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường theo quy định;	Bản đánh giá phân loại giáo viên/phiếu đánh giá phân loại viên chức, ghi nhận giáo viên thực hiện đúng quy tắc xử sự. Các ý kiến ghi nhận của tổ, nhóm, bộ môn,
Mức KHÁ: Đề xuất biện pháp thực hiện hiệu quả nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường theo quy định; có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả các vi phạm nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử trong lớp học và nhà trường trong phạm vi phụ trách (nếu có);	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Các ý kiến ghi nhận của tổ, nhóm, bộ môn và có đề xuất thực hiện các biện pháp/giải pháp Chia sẻ các kiến thức/kinh nghiệm của bản thân trong các quy tắc văn hóa ứng xử trong nhà trường
Mức TỐT: Là tấm gương mẫu mực, chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Các ý kiến ghi nhận của tổ, nhóm, bộ môn và có đề xuất thực hiện các biện pháp/giải pháp, có tính thân hợp tác tốt với đồng nghiệp Các giấy khen/bằng khen của viên chức xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Các ý kiến phản hồi tích cực của phụ huynh/học sinh/đồng nghiệp nhà trường.

**Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường.**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Thực hiện đầy đủ các quy định về quyền dân chủ trong nhà trường, tổ chức học sinh thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường;	Bản đánh giá/ghi nhận giáo viên/viên chức, thực hiện đúng các nguyên tắc và quy chế dân chủ trong nhà trường. Các kế hoạch dạy học/ biên bản họp với phụ huynh học sinh/ thực hiện đúng quy định, quy chế dân chủ cơ sở. Đáp ứng sự công bằng, dân chủ trong các hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục.
Mức KHÁ: Đề xuất biện pháp phát huy quyền dân chủ của học sinh, của bản thân, cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và đồng nghiệp trong nhà trường; phát hiện, phản ánh, ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy chế dân chủ của học sinh (nếu có);	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt Phát hiện xử lý kịp thời các sai phạm về quy chế dân chủ trong học sinh; Đề xuất các biện pháp phát huy quyền dân chủ trong các hoạt động giáo dục. Ngăn chặn xử lý kịp thời các sai phạm về quy tắc dân chủ trong giáo dục học sinh (nếu có).



Mức TỐT: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thực hiện và phát huy quyền dân chủ của học sinh, của bản thân, cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ và đồng nghiệp.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Thực hiện và nêu cao tinh thần phát huy dân chủ trong đơn vị được tổ chuyên môn/BGH/phụ huynh/học sinh ghi nhận. Báo cáo các chuyên đề/chia sẻ các kinh nghiệm trên các diễn đàn thông tin/cuộc họp..... về việc phát huy quyền dân chủ trong đơn vị.
---	--

### **Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường;	Bản kế hoạch dạy học và giáo dục thể hiện được nội dung an toàn, phòng chống bạo lực học đường/ý kiến ghi nhận từ đồng nghiệp/tổ/bộ môn.... Về việc thực hiện đầy đủ các hoạt động phòng chống bạo lực học đường. Kết quả học tập rèn luyện của học sinh lớp chủ nhiệm đạt yêu cầu các mục tiêu đề ra không xảy ra bạo lực học đường.
Mức KHÁ: Đề xuất biện pháp xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; phát hiện, phản ánh, ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định về trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường (nếu có);	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Thực hiện đúng các quy định trong giáo dục, xử lý kịp thời các trình trạng bạo lực học đường Ghi nhận từ BGH/Tổ chuyên môn/lớp chủ nhiệm kết quả rèn luyện và học tập của học sinh có sự tiến bộ, không xảy ra các vụ việc bạo lực học đường. Các biên bản họp phụ huynh/ghi nhận giáo viên phát hiện, xử lý kịp thời các sự việc có khả năng liên quan đến bạo lực học đường (nếu có)
Mức TỐT: Là điển hình tiên tiến về thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường; chia sẻ kinh nghiệm xây dựng và thực hiện trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Các báo cáo/bài viết/ý kiến trao đổi về bạo lực học đường. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường. Ghi nhận của BGH/Tổ chuyên môn/kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có sự tiến bộ rõ rệt vượt các chỉ tiêu đề ra.

### **Tiêu chuẩn 4. PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI.**

Tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

### **Tiêu chí 11. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan**

MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ	VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành đối với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan;	Sổ liên lạc giữa gia đình và nhà trường/sổ liên lạc điện tử, sổ ghi đầu bài/giấy mowisfghi nhận được sự trao đổi thường xuyên về tình hình học tập của học sinh. Biên bản họp GVCN (nếu có), ghi nhận giáo viên tôn trọng quyền của cha mẹ học sinh trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ dạy học. Các ý kiến ghi nhận của BGH/Tổ/Nhóm... giáo viên thực hiện đúng các quy định.
Mức KHÁ: Tạo dựng mối quan hệ lành mạnh, tin tưởng với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Giáo viên tạo dựng các mối quan hệ lành mạnh tin tưởng đối với phụ huynh học sinh. Các biên bản họp ghi nhận sự tin tưởng của phụ huynh đối với giáo viên.
Mức TỐT: Đề xuất với nhà trường các biện pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Các biên bản họp ghi nhận sự tin tưởng của phụ huynh đối với giáo viên/sự ghi nhận của học sinh/đồng nghiệp trong nhà trường. Ý kiến trao đổi/đề xuất/báo cáo /chuyên đề/sáng kiến tăng cường sự phối hợp cha mẹ học sinh với các bên liên quan.

### **Tiêu chí 12. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh**

MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ	VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh ở trên lớp; thông tin về chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên có liên quan; tiếp nhận thông tin từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên có liên quan về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh;	Sổ liên lạc /sổ liên lạc điện tử/sổ đầu bài... Các ghi nhận đánh giá từ BGH/Tổ chuyên môn/đồng nghiệp về sự phối hợp, trao đổi thông tin đầy về tình hình học tập của học sinh. Thông tin đầy đủ chương trình, kế hoạch dạy học các hoạt động dạy học, các hoạt động giáo dục đến học sinh, cha mẹ học sinh và các bên có liên quan. Kết quả học tập của học sinh đạt csac mục tiêu đề ra.
Mức KHÁ: Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt.

trong việc thực hiện các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ và động viên học sinh học tập, thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục;	Chủ động kịp thời trao đổi các thông tin về hoạt động giáo dục đến phụ huynh, học sinh và các bên liên quan. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có sự tiến bộ.
Mức TỐT: Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về quá trình học tập, rèn luyện và thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục của học sinh.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có sự tiến bộ rõ rệt, vượt các mục tiêu đề ra, không xảy ra các trường hợp bạo lực học đường.

### **Tiêu chí 13. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt....
Mức ĐẠT: Tham gia tổ chức, cung cấp thông tin về nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử của nhà trường cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan; tiếp nhận thông tin từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về đạo đức, lối sống của học sinh;	Các ghi nhận của BGH/Tổ/Nhóm.... Các biên bản họp ... ghi nhận sự trao đổi thông tin với phụ huynh hoặc sinh về các quy tắc ứng xử, xử sự về tình hình rèn luyện, giáo dục đạo đức của học sinh. Kết quả học tập rèn luyện của học sinh đạt mục tiêu đề ra; không có học sinh vi phạm các quy định trong học tập rèn luyện.
Mức KHÁ: Chủ động phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan trong thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Phối hợp tham gia cùng đồng nghiệp, cha mẹ học sinh qua các hoạt động trải nghiệm/hoạt động ngoài giờ lên lớp/hoạt động hướng nghiệp. Kết quả rèn luyện của học sinh có sự tiến bộ/kết quả thi đua có sự tiến bộ; không có học sinh vi phạm trong học tập và rèn luyện.
Mức TỐT: Giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Kết quả rèn luyện của học sinh có sự tiến bộ/kết quả thi đua có sự tiến bộ; không có học sinh vi phạm trong học tập và rèn luyện; thực hiện vượt mức các chỉ tiêu đề ra.

### **Tiêu chuẩn 5. SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ HOẶC TIẾNG DÂN TỘC, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TRONG DẠY HỌC, GIÁO DỤC**

Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

#### **Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Có thể sử dụng được các từ ngữ giao tiếp đơn giản bằng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;	Ghi nhận của BGH/Tổ chuyên môn/đồng nghiệp đáp ứng chuẩn tín chỉ theo quy định của BGD, chứng chỉ ngoại ngữ đạt loại 2/6 của khung năng lực ngoại ngữ dành cho người Việt Nam hoặc chứng chỉ tương đương
Mức KHÁ: Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày hoặc chủ đề đơn giản, quen thuộc liên quan đến hoạt động dạy học, giáo dục (ưu tiên tiếng Anh) hoặc biết ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Vị trí việc làm có sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc các tiếng dân tộc khác). Có các minh chứng về tài liệu giảng dạy/các hoạt động dạy học có sử dụng ngoại ngữ
Mức TỐT: Có thể viết và trình bày đoạn văn đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong hoạt động dạy học, giáo dục (ưu tiên tiếng Anh) hoặc ngoại ngữ thứ hai (đối với giáo viên dạy ngoại ngữ) hoặc tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc.	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Ghi nhận từ BGH/Tổ chuyên môn/Đồng nghiệp khai thác và sử dụng các tài liệu tiếng nước ngoài đáp ứng chuẩn kiến thức) vào các hoạt động giáo dục. Có các nguồn tài liệu tham khảo đáp ứng đến các hoạt động giáo dục và các hoạt động dạy học (ưu tiên tiếng Anh)

**Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.**

<b>MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA TIÊU CHÍ</b>	<b>VÍ DỤ VỀ MINH CHỨNG</b>
Mức CHƯA ĐẠT: Không đáp ứng được các nội quy quy định của đơn vị.	Nhận xét của đồng nghiệp, tổ, nhóm, hội đồng sư phạm nhà trường ghi nhận giáo viên chưa đạt.....
Mức ĐẠT: Sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục và quản lý học sinh theo quy định; hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng, khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục theo quy định;	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo thông tư 3/2014/TT-BTTTT của bộ thông tin và truyền thông, ngày 11/03/2014 (quy định về chuẩn gv phải đạt chứng chỉ công nghệ thông tin từ cơ bản trở lên). BGH/Tổ/đồng nghiệp ghi nhận, kết quả thực hiện công tác dạy học/quản lý học sinh hàng năm và các hoạt động giáo dục có sử dụng CNTT
Mức KHÁ: Ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số trong hoạt động dạy học, giáo dục; cập	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức đạt. Phiếu dự giờ/các tiết chuyên đề/danh sách/các hồ sơ giáo dục... được số hóa và có sử dụng CNTT;

nhật và sử dụng hiệu quả các phần mềm; khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục;	Danh sách các phần mềm được giáo viên sử dụng và ứng dụng trong năm học (Phần mềm soạn giảng Elearning; PowerPoint; Word....)
Mức TỐT: Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục tộc;	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của mức khá. Kỹ năng xây dựng các bài giảng CNTT/Elearning... thành thạo sử dụng một số phần mềm chuyên dụng trong giáo dục; Hướng dẫn/chia sẻ các kinh nghiệm sử dụng các thiết bị CNTT trong các hoạt động quản lý và hoạt động giáo dục

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật giáo dục quốc phòng và an ninh

Điều lệ trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do bộ giáo dục và đào tạo ban hành

Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị BCHTW khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới